

Xã hội

Nhà trường

Học sinh

Bản thân

PHẦN



Nhà trường

TRONG PHẦN I, bạn đã tìm hiểu về *bản thân (self)*, về trải nghiệm với công tác giảng dạy và học tập, cũng như những suy nghĩ của chính bạn về việc dạy giỏi và học hiệu quả. Những ý tưởng cùng niềm tin sẽ giúp hình thành triết lý giáo dục đầu tiên của bạn. Bạn đã thấy rằng có nhiều cách khác nhau để nhìn nhận về giáo dục, tùy thuộc vào kết quả mong đợi. Phần II của cuốn sách đã giúp bạn thấy rằng tất cả học sinh đều có những nhu cầu cá nhân, nhu cầu nhận thức và nhu cầu xã hội chung. Bên cạnh đó, giáo viên phải xem xét đến những tính cách, quan điểm và khả năng riêng biệt của mỗi học sinh trong lớp học, từ đó xác định các chiến lược giảng dạy hiệu quả giúp tạo sự công bằng và đạt thành tích.

Trong Phần III, bạn sẽ mở rộng lĩnh vực khám phá sang vấn đề nhà trường. Bạn sẽ tìm hiểu mục đích của trường học, cách thức tổ chức trường học để làm tròn mục đích của mỗi trường, cách thức học sinh học tập trong những tổ chức đó để đáp ứng nhu cầu của bản thân, và cách thức giáo viên làm việc trong những hệ thống này nhằm đáp ứng nhu cầu của học sinh.



Nguồn: Pixabay

Nguồn: Pixabay

CHƯƠNG

6

Mục đích của trường học

CHƯƠNG 6 GIÚP bạn khám phá các kiểu trường học khác nhau và mục đích của những trường này. Trường học có thể phục vụ rất nhiều mục đích, tùy thuộc vào một vài yếu tố nhất định. Bạn sẽ nhận định được một số yếu tố tác động tới mục đích của trường học, đồng thời xem xét những yếu tố này ảnh hưởng như thế nào lên mục đích của nơi chúng ta gọi là “trường học”.

Mục đích của trường học bao gồm từ việc phát triển học sinh sao cho các em có thể phù hợp hơn với xã hội hiện tại cho đến việc cung cấp cho các em những kỹ năng cần thiết để thay đổi xã hội, từ việc đào tạo các em thành thạo những kỹ năng và khái niệm cơ bản cho đến việc cập nhật chúng liên tục, từ việc chuẩn bị cho học sinh tham gia vào đội ngũ lao động cho đến việc chuẩn bị cho các em tác động đến văn hóa và xã hội. Có vẻ như có một số mục đích chung cho tất cả các trường, mặc dù mỗi trường lại có những cách rất khác nhau để đạt được những mục đích đó.

Nhìn bề ngoài, dường như trường học đều có những mục đích cơ bản như nhau - hay họ đều có những mục tiêu căn bản giống nhau. Nhưng liệu có đúng như vậy không? Cũng giống như học sinh đều có nhu cầu học tập chung, thì trường học cũng có những mục đích chung. Tuy nhiên, cũng như mỗi học sinh lại đem đến lớp học một tính cách hay quan điểm độc nhất, thì mỗi trường học cũng sẽ có những đặc điểm và quan điểm riêng biệt. Trong chương này, bạn sẽ khám phá những yếu tố và cách thức để xác định mục đích cơ bản của trường học.

Mục tiêu chương

Sau khi kết thúc chương này, bạn có thể:

1. Xác định các yếu tố chung đối với hầu hết trường học có thể ảnh hưởng đến mục đích của trường, bao gồm chính phủ liên bang, phạm vi cấp lớp (grade-level span) và địa điểm.
InTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập
2. Chỉ rõ cách thức tuyên bố sứ mệnh của trường phản ánh triết lý cơ bản và kéo theo mục đích của trường.
InTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập
3. Mô tả một vài yếu tố tác động tới mục đích mà trường tự đưa ra, ví dụ như phạm vi cấp lớp và địa điểm.
InTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập
4. Khám phá những mục đích khác biệt của một số kiểu trường phi truyền thống, như trường ảo (virtual school), từ đó chỉ ra ưu, nhược điểm của mỗi kiểu trường học.
InTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập



Các mục đích chung của trường học

Để bắt đầu, hãy xem xét những suy nghĩ của bạn về mục đích của trường học.

Câu hỏi về mục đích của trường học

Hãy xét đến độ tuổi của những học sinh mà bạn muốn dạy.

- Mục đích cơ bản của việc đưa trẻ đến trường là gì? Hãy nhớ rằng có khá nhiều cách để nghĩ về vấn đề này. Hãy cố không phụ thuộc quá nhiều vào trải nghiệm và suy nghĩ của bản thân bởi có rất nhiều kiểu trường học đang tồn tại bên cạnh những kiểu bạn đã từng tham gia, và cũng có rất nhiều trải nghiệm cá nhân khác những gì bạn đã từng có.
- Từ danh sách những mục đích cơ bản của bạn, hãy viết ra một câu trình bày về điều mà bạn tin là các mục đích lớn của trường học.
- So sánh câu trả lời của bạn với những người khác trong lớp. Điểm nào chung? Điểm nào khác biệt?

HỘP KIẾN TẠO

6.1

Trường học phục vụ cộng đồng, và mục đích¹ của một ngôi trường phản ánh chính cộng đồng mà nó đang phục vụ. Hầu hết cộng đồng là tập hợp của doanh nghiệp, các ngành công nghiệp, dịch vụ, chính quyền, dân cư, gia đình và bạn bè, cùng với chính đội ngũ giáo viên, quản lý cũng như học sinh của trường. Để đưa ra quyết định về mục đích của trường, một nhóm bao gồm đại diện từ tất cả lĩnh vực trong cộng đồng, trong đó có cả nhà giáo, đã tranh luận một số câu hỏi quan trọng, và cuối cùng chuyển tất cả những vấn đề vào một mục đích duy nhất. Kết quả là một tuyên bố mục đích của trường, tương tự như những tuyên bố được phát triển bởi các nhóm tương tự trên toàn quốc, và chỉ khác trên khía cạnh mục đích sẽ phản ánh từng cộng đồng riêng biệt. Nhiều cơ quan chính phủ, hội đồng dải lụa xanh (blue-ribbon panel), và các nhà giáo đã mô tả điều mà họ tin là những mục đích cơ bản của trường học.

¹ Mục đích (từ trong bản gốc là purpose): Ở đây, tác giả dùng hai từ purpose và goal, bản dịch chuyển ngữ là mục đích và mục tiêu. Hàm ý của purpose (mục đích) là lý do tồn tại, hàm ý của goal (mục tiêu) là các mục tiêu cần đạt nhằm đáp ứng purpose (mục đích) đó.

Mục đích của trường học theo quan điểm của các cơ quan chính phủ

Chính phủ liên bang chính thức tham gia vào lĩnh vực giáo dục từ năm 1953, khi Tổng thống Dwight D. Eisenhower thành lập Bộ Y tế, Giáo dục và Phúc lợi, đồng thời giao chức bộ trưởng đầu tiên cho Oveta Culp Hobby. Năm 1979, Tổng thống Jimmy Carter thành lập Bộ Giáo dục cấp chính phủ các đầu tiên và bổ nhiệm Shirley Mount Hufstедler làm bộ trưởng.

Quốc gia lâm nguy

Một trong những nỗ lực đầu tiên của chính phủ liên bang để xác định mục đích của trường học bắt đầu từ một báo cáo mang tên *Quốc gia lâm nguy* (*A Nation At Risk*), xuất bản năm 1983. Báo cáo này là kết quả hai năm làm việc của Ủy ban quốc gia về Hiệu quả Giáo dục (National Commission on Excellence in Education), được thành lập bởi Bộ trưởng giáo dục trong thời kỳ cầm quyền của Ronald Reagan. Bản báo cáo này bắt đầu với một câu ngắn gọn: “Quốc gia của chúng ta đang lâm nguy”, với ý nghĩa rằng nước Mỹ đang rơi vào tình trạng rủi ro khi mất vị thế là quốc gia đi đầu về thành tích giáo dục trên thế giới. (Báo cáo này sẽ được thảo luận kỹ hơn trong Chương 10).

Mục tiêu 2000

Năm 1989, tiếp nối việc xuất bản báo cáo “Quốc gia lâm nguy”, lần đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ, Tổng thống George H. W. Bush và các thống đốc đã gặp gỡ để thảo luận về chính sách giáo dục quốc gia. Cuộc thảo luận của họ đã được tóm tắt thành Mục tiêu 2000 (Goals 2000) nổi tiếng, bao gồm sáu mục đích quốc gia cho giáo dục công. Hai mục đích bổ sung - một liên quan đến giáo dục và nâng cao tay nghề cho giáo viên, mục đích còn lại liên quan đến sự tham gia của phụ huynh - đã được đưa thêm vào sáu mục đích ban đầu, tạo thành Mục tiêu 2000 mở rộng: Đạo luật Giáo dục Mỹ, được thông qua thành luật vào năm 1994 dưới thời cầm quyền của Clinton.

Dưới đây là danh sách các mục đích trong Đạo luật:

1. *Sẵn sàng tới trường* (*School readiness*). Tới năm 2000, mọi trẻ em tại Mỹ sẽ sẵn sàng học khi bắt đầu tới trường.
2. *Hoàn thành việc học* (*School Completion*). Tới năm 2000, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông sẽ tăng lên mức tối thiểu là 90%.
3. *Thành tích học tập và bốn phận công dân của học sinh* (*Student achievement and citizenship*). Tới năm 2000, tất cả học sinh học hết lớp 4, lớp 8 và lớp 12 sẽ thể hiện được năng lực trước những môn học đầy thách thức như tiếng Anh, toán, khoa học, ngoại ngữ, công dân và chính quyền, kinh tế, nghệ thuật, lịch sử và địa lý, đồng thời tất cả trường học trên nước Mỹ đảm bảo rằng mọi học sinh học được cách sử dụng trí óc của mình thật tốt, để có thể chuẩn bị cho những bốn phận trách nhiệm của công dân, cho việc học lên cao, và trở thành những người lao động có năng suất trong nền kinh tế hiện đại của quốc gia.
4. *Giáo dục và nâng cao tay nghề cho giáo viên* (*teacher education and professional development*). Tới năm 2000, đội ngũ giáo viên cả nước sẽ được tiếp cận với các chương trình tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cũng như có cơ hội để học thêm những kiến thức, kỹ năng cần thiết để giảng dạy và chuẩn bị cho tất cả học sinh Mỹ bước vào thế kỷ tới.
5. *Toán học và khoa học* (*Mathematics and science*). Tới năm 2000, học sinh Mỹ sẽ đứng đầu trên thế giới về thành tích toán và khoa học.
6. *Tỷ lệ biết chữ ở người lớn và học tập suốt đời* (*Adult literacy and lifelong learning*). Tới năm 2000, tất cả người trưởng thành ở Mỹ đều biết đọc, biết viết và có được kiến

thức cũng như kỹ năng cần thiết để cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu, đồng thời thực hiện những quyền lợi và nghĩa vụ của công dân.

7. *Trường học an toàn, kỷ luật, không có đồ uống có cồn và chất gây nghiện (Safe, disciplined, and alcohol- and drug-free schools)*. Tới năm 2000, tất cả trường học ở Mỹ sẽ không có chất gây nghiện, bạo lực và sự hiện diện không được phép của súng hay đồ uống có cồn, đồng thời mang lại một môi trường kỷ luật hỗ trợ học tập.
8. *Sự tham gia của phụ huynh (Parental participation)*. Tới năm 2000, tất cả trường học sẽ thúc đẩy sự hợp tác giúp gia tăng sự quan tâm, tham gia của phụ huynh nhằm hỗ trợ sự phát triển về mặt xã hội, cảm xúc và học tập ở trẻ em.

Bạn có thể truy cập toàn bộ văn bản của báo cáo *Quốc gia lâm nguy* và Mục tiêu 2000, các báo cáo tiến trình, cũng như những tài liệu bổ sung thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate.

Mục tiêu 2000 đưa ra mục đích và định hướng cho giáo dục Mỹ. Mặc dù, chúng ta đã đi qua thời điểm năm 2000, nhưng Mục tiêu 2000 vẫn tiếp tục giữ được mức độ ảnh hưởng nhất định.

Từ những tuyên bố trên, bạn cho rằng ý kiến của chính phủ liên bang về mục đích của trường học là gì? Mục đích nào được ghi trong Mục tiêu 2000 giống với mục đích trường học mà bạn xác định trong Hộp kiến tạo 6.1?

Đạo luật No Child Left Behind

Đạo luật No Child Left Behind - NCLB 2001 đã được thông qua vào năm 2001, dưới thời của Tổng thống George W. Bush. Đạo luật này bao gồm quyết định tái phê chuẩn Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học (Elementary and Secondary Education Act - ESEA), vốn được thông qua thành luật trong thời cầm quyền của Lyndon Johnson năm 1965. (Các bạn đã được giới thiệu về đạo luật này trong Chương 1). Mặc dù, đạo luật NCLB đã đến hạn phải thay thế, nhưng những điều khoản của nó vẫn còn hiệu lực, đồng thời đạo luật vẫn tiếp tục ảnh hưởng mạnh lên giáo dục.

Một nguyên tắc của Đạo luật NCLB là tăng trách nhiệm giải trình về thành tích của học sinh cho bang, học khu và trường học. Điều khoản này yêu cầu những tiêu chuẩn nhiều thách thức hơn ở cấp bang, đồng thời kiểm tra thường niên về kỹ năng đọc và toán đối với tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 (Bộ Giáo dục Mỹ, 2002a), cùng với đó là kiểm tra môn khoa học ở tất cả học sinh ít nhất một lần trong những năm tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Áp lực của học sinh đối với việc đạt kết quả cao trong những bài kiểm tra thành tích đã được chuẩn hóa này (vốn được triển khai theo điều khoản trách nhiệm giải trình của Đạo luật NCLB) là vô cùng lớn. Rõ ràng, hậu quả của việc học sinh không thể làm được những bài kiểm tra này trở nên nghiêm trọng đến mức nhiều giáo viên và trường học không muốn dạy lan man quá xa so với nội dung trọng tâm về những kỹ năng căn bản mà bài kiểm tra đánh giá. Kết quả là, hầu hết các trường tiểu học đều có một mục tiêu chung nhấn mạnh vào ba kỹ năng cơ bản thường được gọi tắt là 3R: Đọc (reading), viết (writing) và số học (arithmetic).



Nguồn: Wikipedia



Mục đích của trường học, theo chính phủ liên bang, bao gồm việc giảng dạy học sinh kỹ năng cơ bản 3R - đọc, viết và số học, như đã được trình bày trong luật với ví dụ của Đạo luật No Child Left Behind và Mục tiêu 2000.

Những mối quan ngại còn tồn tại trong hướng đi trọng tâm này bao gồm:

1. Những môn học khác, như khoa học, xã hội, nghệ thuật, âm nhạc, giáo dục thể chất phải nằm ở vị trí thứ hai hoặc bị bỏ hoàn toàn do thời gian đã được dành cho 3R.
2. Ít quan tâm đến việc điều chỉnh công tác giảng dạy cho phù hợp với nhu cầu của cá nhân học sinh; áp lực để thành công trong bài kiểm tra thành tích đã được chuẩn hóa trở nên lớn hơn sự cần thiết của việc đáp ứng các nhu cầu cá nhân của trẻ.
3. Ít quan tâm đến việc phát triển các kỹ năng xã hội.

Nhiều người nhìn nhận đạo luật No Child Left Behind như đang thách thức sự độc lập của trường học, dập tắt sự sáng tạo và khả năng sư phạm của giáo viên, đồng thời đặt áp lực khủng khiếp lên trường học và giáo viên trong việc chứng minh điểm số của bài kiểm tra thành tích tiêu chuẩn hóa đang tăng dần. Do vậy, thuật ngữ *high-stakes testing* (bài kiểm tra gắn với lợi ích lớn) đã trở thành một chủ đề nổi bật trong những thảo luận về giáo dục.

Kế hoạch cải cách và Miễn áp dụng đạo luật NCLB

Đạo luật NCLB đã được lên kế hoạch tái phê chuẩn bởi Quốc hội vào năm 2007, nhưng tại thời điểm viết cuốn sách này, điều đó vẫn chưa xảy ra. Tuy nhiên, Tổng thống Barack Obama và Bộ trưởng Bộ giáo dục Arne Duncan đã có những ý tưởng mới, khác biệt về cách chính phủ liên bang nên hỗ trợ giáo dục.

Những ý tưởng mới và khác biệt này bắt đầu với Chương trình Race to the Top (Tiến đến đỉnh cao), được tài trợ bởi Đạo luật Phục hồi và Tái đầu tư Hoa kỳ 2009 (American Recovery and Reinvestment Act), và giao cho các bang dựa trên tiêu chí cạnh tranh.

Chương trình này nhấn mạnh bốn vấn đề:

- Quyết định về việc dạy cho học sinh cần dựa trên dữ liệu.
- Tài năng.
- Cải biến trường có thành tích thấp.
- Gắn giảng dạy với nhu cầu của cộng đồng.

Kế hoạch cho việc tái phê chuẩn thực sự của ESEA được thể hiện trong *Kế hoạch cải cách* (*The Blueprint for Reform*) (Bộ Giáo dục Mỹ, 2010a), đưa ra bởi Tổng thống Obama vào tháng 3 năm 2010. Bản *Kế hoạch* “củng cố các cải cách quan trọng đã thực hiện để đáp ứng Đạo luật Phục hồi và Tái đầu tư Hoa kỳ 2009 [Tiến đến đỉnh cao]” (cùng nguồn trên, trang 3), và giới thiệu những thay đổi chính, quan trọng “với mục tiêu trở thành quốc gia có nền giáo dục tốt nhất thế giới” (Richardson, 2009, trang 24).

Bản *Kế hoạch cải cách* nhấn mạnh bốn vấn đề:

1. Nâng cao hiệu quả của giáo viên và hiệu trưởng nhằm đảm bảo mỗi học sinh đều có người thầy tốt và mỗi trường học đều có người lãnh đạo giỏi.
2. Cung cấp thông tin cho gia đình để phụ huynh học sinh có thể đánh giá và cải thiện chất lượng trường học, đồng thời thông tin cho thầy, cô giáo để giúp họ nâng cao kết quả học tập của học sinh.
3. Áp dụng các tiêu chuẩn xác định mức độ chuẩn bị cho bậc đại học và nghề nghiệp tương lai, đồng thời xây dựng các biện pháp đánh giá phù hợp với những tiêu chuẩn này.
4. Cải thiện việc học tập và thành tích của học sinh ở các trường có thành tích thấp tại Mỹ bằng cách hỗ trợ sâu rộng và can thiệp hiệu quả.

Điều đáng chú ý là mong muốn của chính phủ trong việc chuyển trọng tâm từ các bài kiểm tra tiêu chuẩn hóa sang việc đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh bất kể xuất phát điểm của học sinh như thế nào.

Có nhiều quan ngại cho đề xuất mới này. Hiệp hội Giáo dục Quốc gia và Liên đoàn Giáo viên Mỹ (National Education Association and American Federation of Teachers) cảm thấy rằng *Kế hoạch cải cách* báo hiệu sự gia tăng kiểm soát của chính quyền liên bang, và mặc dù Kế hoạch này yêu cầu giáo viên có trách nhiệm cao hơn, nhưng nó không mang lại quyền hạn cao hơn cho giáo viên. Ngoài ra, các tổ chức nghề nghiệp cho rằng Kế hoạch này khiến chúng ta ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào các bài thi tiêu chuẩn hóa, mà như chúng ta đã thấy, đây là biện pháp đánh giá không đáng tin cậy về thành tích học tập.

Do đạo luật No Child Left Behind vẫn chưa được tái phê chuẩn, và bởi vì các trường học cần biết những “quy định” cho năm học hiện tại là gì, nên Bộ trưởng Bộ Giáo dục đã thiết lập một chính sách cho phép miễn áp dụng một số điều khoản nhất định trong NCLB. Để được cho phép miễn áp dụng đạo luật NCLB, các bang phải làm một bản đăng ký chính thức và được xem xét bởi một ủy ban những người đồng cấp; Bộ trưởng Duncan sẽ ra quyết định cuối cùng.

Chủ đề về ảnh hưởng của chính quyền liên bang lên giáo dục luôn là một đề tài tranh luận gay gắt, và trong một mức độ cho phép, bạn nên nắm được những gì đang diễn ra với pháp luật liên bang.

Bạn có thể truy cập trang chủ của Đạo luật No Child Left Behind và một trang web với đầy đủ nội dung của đạo luật, các báo cáo tiến trình, cũng như những tài liệu bổ sung thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate.



Mục đích của trường học thông qua bản tuyên bố sứ mệnh

Bạn có thể thấy được một phần nào đó mục đích của trường học thông qua tuyên bố sứ mệnh (mission statement) của trường. Việc giáo viên, ban giám hiệu, phụ huynh, chính quyền và công chúng quan tâm cùng tham gia vào viết những tuyên bố này cũng là điều dễ hiểu. Đồng thời, một công việc thú vị bạn có thể thực hiện là ghi chú lại những điểm khác biệt trong tuyên bố của các trường giúp chỉ ra mục đích của họ khác nhau như thế nào.

tuyên bố sứ mệnh (mission statement) Tuyên bố công khai bằng văn bản bởi các bên liên quan của một tổ chức (ví dụ trường học) cho phép xác định mục đích được nhìn nhận bởi tổ chức đó.

Tuyên bố sứ mệnh của trường học

Tìm tuyên bố sứ mệnh của hai hoặc ba trường tiểu học, trung học cơ sở hoặc trung học công lập và tư thục tại khu vực của bạn. Sử dụng mạng Internet để tìm tên trường, sau đó tìm tuyên bố sứ mệnh của trường đó. Đôi khi, văn bản này được gọi là *sứ mệnh (mission)* hoặc *tuyên bố sứ mệnh (mission statement)*; đôi khi lại được gọi là *tuyên bố tầm nhìn (vision)*, *triết lý (philosophy)*, *giá trị (value)*, hay một thuật ngữ tương tự. Có thể bạn sẽ muốn đánh giá tuyên bố sứ mệnh của trường bạn đã học để có thể so sánh tuyên bố sứ mệnh đó với những trải nghiệm thực sự của bạn tại trường đã học. (Tất nhiên, sự khác biệt về thời gian có thể là một yếu tố nếu tuyên bố sứ mệnh được viết từ khi bạn đi học tại trường - nhưng sứ mệnh cốt lõi của trường có lẽ không thay đổi quá nhiều).

Trong tuyên bố sứ mệnh, hãy tìm kiếm những yếu tố sau:

1. Triết lý hoặc cách tiếp cận giáo dục nổi trội của trường.

HỘP KIẾN TẠO

6.2

2. Những điều mà trường kỳ vọng về học sinh sau khi học.
3. Những cách thức mà trường đáp ứng các nhu cầu cơ bản, nhu cầu học tập và nhu cầu phát triển của học sinh.
4. Bất cứ nhóm học sinh đặc biệt nào được đề cập.
5. Bất cứ chương trình học cụ thể nào được đề cập.
6. Bất cứ phương pháp giảng dạy cụ thể nào được đề cập.
7. Sự lưu tâm đối với nhu cầu của cộng đồng nơi trường đang phục vụ.

Từ khám phá của bạn, hãy xác định mục đích cơ bản của trường. Hãy so sánh tuyên bố sứ mệnh của trường bạn đã học với những trải nghiệm thực sự của bạn tại trường đó.

Tuyên bố sứ mệnh có thể cho chúng ta biết về mục đích mà mỗi trường tự nhìn nhận về bản thân họ. Tuyên bố sứ mệnh của trường học là một văn bản ngắn mô tả mục đích của trường, tập trung vào việc trường muốn trở thành cái gì, muốn làm điều gì, có những giá trị và nguyên tắc nào. Nó phản ánh tầm nhìn cùng những giá trị chung trong cộng đồng giáo dục, bao gồm cả đội ngũ giáo viên và ban giám hiệu. Nó trở thành một tiêu chí để tất cả mọi thứ diễn ra trong trường học đều có thể được đo lường. Tuyên bố sứ mệnh là một văn bản sống mà cộng đồng giáo dục sẽ tiếp tục xem xét lại, chỉnh sửa và cập nhật để phản ánh những suy nghĩ hiện tại về trường học đó. (Hãy nhớ lại trong Chương 2, bạn đã đọc tuyên bố sứ mệnh của một số trường để từ đó suy ra triết lý định hướng cho hoạt động của trường).

Bất cứ ai khi đọc tuyên bố sứ mệnh của một trường học cũng có thể nắm được những mục tiêu cơ bản của trường đó, cách thức thực hiện những mục tiêu này, cũng như điều mà trường kỳ vọng học sinh đang học hay đã tốt nghiệp sẽ biết và có thể làm được. Mặc dù có thể tồn tại một số điểm không nhất quán giữa tuyên bố sứ mệnh của trường học và phương pháp triển khai thực tế, nhưng tuyên bố sứ mệnh vẫn chỉ rõ lý do tồn tại và thiết lập phạm vi hoạt động của trường (Dottin, 2001). Nó cung cấp một mô tả về thời điểm hiện tại và định hướng cho tương lai.

Những khám phá tới thời điểm này có thể giúp bạn xác định được một số mục đích hay mục tiêu chung của trường học và việc dạy học. Hãy so sánh ý kiến của bạn với các bạn trong lớp hay với những gì được đưa ra trong những tài liệu và trong các tài liệu trích dẫn trước đó. Điều gì tác động đến ý kiến của bạn? Những trải nghiệm cá nhân và triết lý giáo dục của bản thân tác động mạnh như thế nào đến ý kiến của bạn về mục đích trường học? Những quan điểm riêng của bạn cũng sẽ ảnh hưởng tới các kiến này.

HỘP KIẾN TẠO

6.3

Mục đích của trường

Bạn đã thấy có rất nhiều suy nghĩ đa dạng về mục đích của trường học xét từ một vài quan điểm khác nhau. Hãy nhìn lại những mục đích bạn đã đưa ra trong Hộp kiến tạo 6.1 và điều chỉnh bất cứ chỗ nào bạn thấy hợp lý. Hãy viết tuyên bố về mục đích trường học sau khi điều chỉnh.

Phát triển sứ mệnh Bev Abrams

Tôi là người thứ sáu được tuyển để dạy cho học sinh từ lớp một đến lớp ba trong một trường công mới, có cấu trúc mở và theo phương pháp giáo dục kiến tạo, mang tên trường Đặc cách Santa Barbara. Các giáo viên rời trường nhanh như khi được tuyển, cùng với đó, trên 50 phần trăm các gia đình gốc ở đây cũng đã rời bỏ trường. Tất cả mọi người đã đầu tư rất nhiều công sức vào việc khai giảng khi mới bắt đầu mở trường, nhưng trường lại không hề có một tầm nhìn giáo dục mạch lạc cũng như sự xác định rõ ràng về vai trò của giáo viên và phụ huynh.

Chỉ trong vài ngày sau khi tôi được tuyển, một nhóm nhỏ giáo viên trong trường đã ngồi xuống để phác thảo một văn bản tuyên bố vai trò của giáo viên; và chỉ trong vòng vài tháng, chúng tôi cũng đã hoàn thành xong tuyên bố sứ mệnh. Cộng đồng trường để dành tiếp nhận cả hai bản tuyên bố này, bởi mọi người đã cảm thấy những khó khăn nhất định trong bầu không khí đang có. Người giáo viên sáng lập trường đã gợi cảm hứng đầu tiên về đam mê của cô trong chuyên môn giảng dạy thông qua các môn nghệ thuật. Những giáo viên khác thể hiện sự cam kết sâu sắc với triết lý giáo dục tiến bộ và tình yêu với quá trình đổi mới. Ngay khi sứ mệnh của trường được đưa ra, những mâu thuẫn đều biến mất. Đến năm thứ ba, các gia đình đã lựa chọn trường chúng tôi với đôi phần hiểu rõ hơn trường sẽ mang lại những gì. Chúng tôi cũng đã thấy dễ dàng hơn để tập trung nguồn lực có hạn của mình vào những việc quan trọng thực sự.

Tuyên bố sứ mệnh này đã chỉ rõ những giá trị cốt lõi của trường. Trường bắt đầu với mô hình cộng tác với phụ huynh, cũng như tuyên bố rằng trường sẽ tạo dựng sự quan tâm và kỹ năng của cả học sinh cùng gia đình các em. Là những nhà giáo dục tiến bộ, chúng tôi tin rằng giáo dục tốt là một quá trình liên tục, thay vì một thời điểm nào đó mà học sinh thể hiện sự thông thạo một tập hợp kiến thức, bởi vậy chúng tôi đã nói rằng sẽ “đào tạo nên những người học tập suốt đời”. Cuối cùng, chúng tôi đã chú ý chọn danh sách “nghệ thuật, học thuật và các mối quan hệ” theo trình tự đó, bởi chúng tôi muốn “nghệ thuật” và “các mối quan hệ” được nổi bật. Trong bối cảnh tiêu chuẩn hóa giáo dục ở Mỹ, cam kết của chúng tôi với nghệ thuật, học thuật và các mối quan hệ đã giúp chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi sự bó hẹp toàn diện của chương trình học ở các trường công.

Tuyên bố sứ mệnh của chúng tôi đưa ra thể hiện sự gắn kết, cả trong từng lớp học và toàn trường. Quyết định về việc sử dụng thời gian trong lớp học, tuyển dụng chuyên gia, và mua sắm trang thiết bị cũng được đề cập trong sứ mệnh. Mặc dù một số cơ hội học tập về nghệ thuật thay đổi tùy từng năm, nhưng tất cả học sinh khối tiểu học đều tham dự vào một chương trình về nghệ thuật kết sợi (fiber arts) và tất cả học sinh đều tham dự vào một vở kịch của lớp hàng năm. Nghệ thuật thị giác (visual art) và âm nhạc cũng là một phần của chương trình học hàng tuần, còn khiêu vũ và thu âm được dạy trong một vài cấp lớp. Nhà trường giảng dạy nghệ thuật để phục vụ lợi ích của học sinh, cũng như để phát triển những hiểu biết học thuật khác của các em. Đôi khi, cả lớp cùng tham gia một hoạt động nghệ thuật; khi khác lại chỉ có một vài em tham gia. Giáo viên, học sinh và phụ huynh khởi xướng những trải nghiệm nghệ thuật trong lớp học.

Thời gian được dành để bồi đắp những mối quan hệ và xây dựng cộng đồng. Các kỹ năng giao tiếp và giải quyết xung đột sẽ được hỗ trợ dựa trên chính sách và chương trình học của trường. Các buổi họp lớp được tổ chức cho chương trình cấp tiểu học, còn

học sinh trong chương trình trung học cơ sở sẽ họp mặt theo các hội đồng. Điều đầu tiên mà khách tham quan nhận thấy ở trường chúng tôi

là “cả trẻ em và người lớn đều rất tốt bụng”. Nhiều gia đình thấy rằng những mối quan hệ trong gia đình đã có chuyển biến tích cực khi họ sử dụng chiến lược giao tiếp mà những đứa trẻ và phụ huynh học ở Trường Đặc cách Santa Barbara. Gần đây, trường đã nhận được một khoản tài trợ nhờ những gì chúng tôi đã làm trong lĩnh vực này.

Chúng tôi đã có một vài cơ hội để xem xét lại sứ mệnh của mình. Lần đầu tiên là khi chúng tôi dự định mở rộng ra hệ trung học cơ sở. Tất cả các bên liên quan đều tham dự, và một thành viên hội đồng, đồng thời cũng là một nhà văn chuyên nghiệp đã soạn thảo bản tuyên bố cuối cùng. Không may là bản sứ mệnh này lại dần bị lãng quên bởi nó quá dài để nhớ hoặc để dùng khi đưa ra các quyết định hàng ngày, hay khi quảng bá về trường. Thêm vào đó, chúng tôi nhận thấy rằng có thêm một tuyên bố sứ mệnh tách biệt sẽ làm mọi người bị phân tâm khi tạo ra một chương trình gắn kết từ bậc mẫu giáo đến lớp tám. Một vài năm sau, chúng tôi xem xét sự liên kết giữa sứ mệnh và việc thực hiện trong quá trình đánh giá xác thực. Lúc đó, chúng tôi đã xem xét từng lĩnh vực của sứ mệnh và đánh giá xem trường đã thực hiện tốt sứ mệnh như thế nào thông qua khảo sát với phụ huynh, quan sát được thực hiện bởi một nhà hay tổ chức đánh giá bên ngoài, qua giáo án của giáo viên và phản hồi của học sinh. Rất mừng là chúng tôi đã thấy mức độ tương đồng khá cao giữa sứ mệnh và chất lượng giáo dục mà học sinh nhận được. Gần đây nhất, một cuộc khủng hoảng tài chính đã buộc chúng tôi phải xem xét lại chương trình của mình, trên cả khía cạnh tài chính lẫn sứ mệnh trong quá trình lập kế hoạch chiến lược dài hạn. Cuối cùng, các đề xuất của hội đồng lập kế hoạch chiến lược dài hạn đã phản ánh sự cam kết với những giá trị nêu trong sứ mệnh, và các giá trị này cũng được xem xét đến khi lập kế hoạch dự toán.

Tuyên bố sứ mệnh của chúng tôi đã đóng vai trò như nguyên tắc tổ chức tại Trường Đặc cách Santa Barbara. Những văn bản khác, ví dụ như kế hoạch đào tạo, càng thể hiện rõ tầm nhìn này của chúng tôi. Mặc dù sứ mệnh của chúng tôi không hẳn truyền đạt được hết mức độ cần làm để đặt học sinh ở vị trí trung tâm trong tất cả quyết định, nhưng nó cũng đã giúp chúng tôi lên kế hoạch chương trình học và đảm bảo trường đáp ứng tốt nhất nhu cầu của học sinh và làm phong phú thêm cuộc sống của các em.

Tuyên bố sứ mệnh của Trường Đặc cách Santa Barbara:

Trường Đặc cách Santa Barbara đào tạo nên những người học tập suốt đời bằng cách nuôi dưỡng niềm yêu thích và xây dựng các kỹ năng cho cả học sinh cùng phụ huynh trong nghệ thuật, học thuật cũng như trong các mối quan hệ.

Bev Abrams
Trường Đặc cách Santa Barbara
Santa Barbara, California

© Cengage Learning 2014



Được sự cho phép của Bev Abrams

Những yếu tố tác động đến mục đích của trường học

Bây giờ, chúng ta hãy tìm hiểu tác động của những ảnh hưởng cụ thể và quan điểm riêng biệt lên mục đích của trường học.

HỘP KIẾN TẠO

6.4

Những quan điểm riêng biệt và mục đích của trường học

Những điều gì tác động đến mục đích của trường học? Hãy dành thời gian để suy ngẫm, liệt kê tất cả những yếu tố mà bạn nghĩ rằng chúng có khả năng tác động tới mục đích đã công bố của trường học. Hãy viết những yếu tố đó ra và so sánh với các yếu tố được xem xét trong chương này.

Tác động của cấp học đến mục đích của trường học

Một yếu tố tác động đến mục đích của trường học là phạm vi cấp học. Khi suy nghĩ về các cấp học, chúng ta thường nghĩ tới cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học đệ nhất cấp và trung học phổ thông. Trường tiểu học thông thường bao gồm những cấp lớp thấp, từ lớp trước khi vào tiểu học cho đến lớp năm hoặc lớp sáu. Trường trung học đệ nhất cấp thường bao gồm lớp 6 (nếu không được gộp trong trường tiểu học), lớp 7 và lớp 8. Trường trung học cơ sở thông thường cũng bao gồm lớp 6, 7 và 8. Cuối cùng, trường trung học phổ thông thường bao gồm lớp 9 cho đến lớp 12. Hình 6.1 miêu tả cấu trúc tổng quan của nền giáo dục Hoa Kỳ.

Những mục đích của trường học phản ánh các cấp học ở trường như thế nào?

Trường tiểu học

HỘP KIẾN TẠO

6.5

Mục đích và mục tiêu của trường tiểu học

Hãy nhớ lại một số hoạt động mà bạn đã tham gia khi ở trường tiểu học. Mục đích của những hoạt động đó là gì? (Có thể bạn sẽ muốn tham khảo Hộp kiến tạo 6.1).

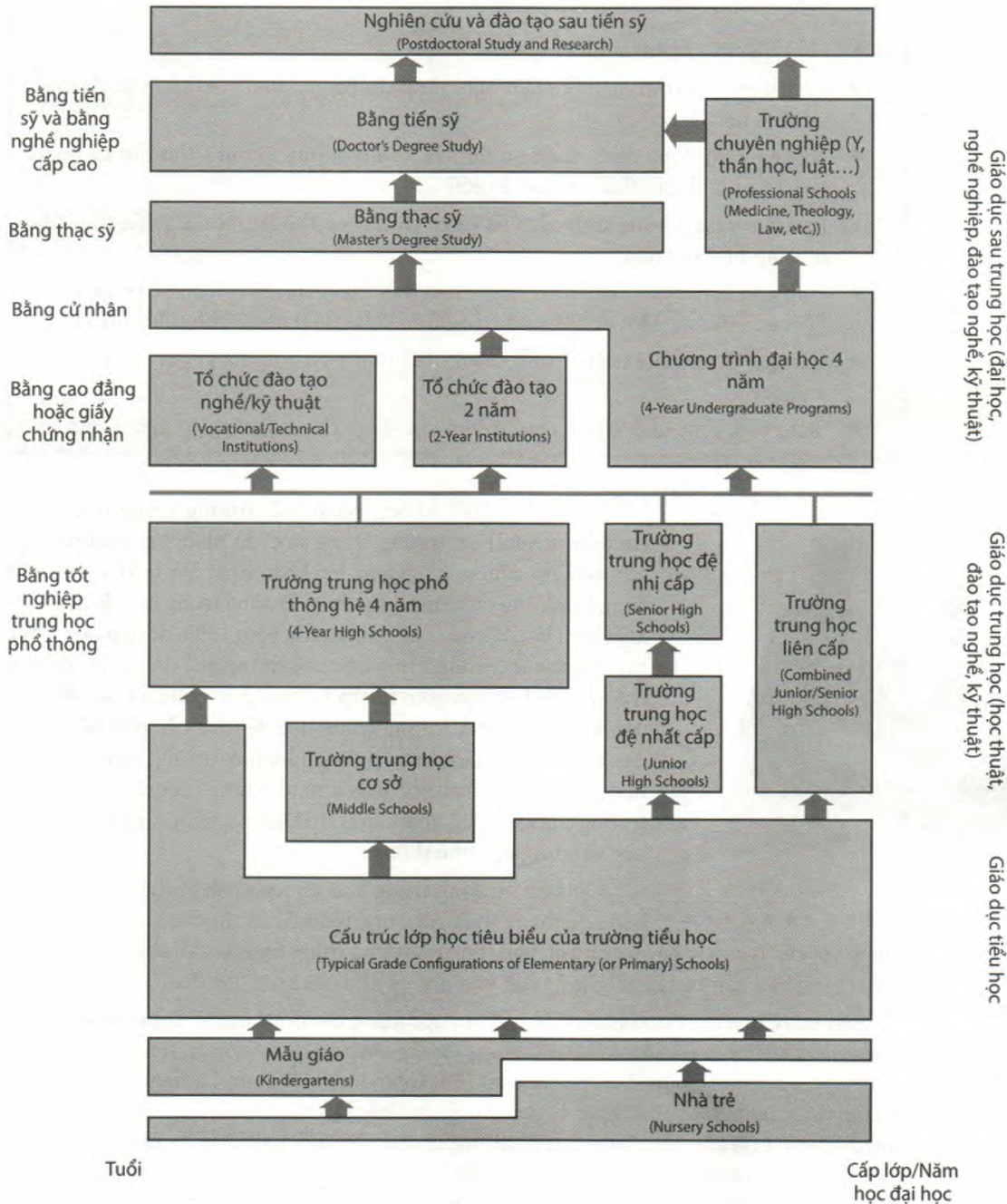
- Theo bạn, mục đích cơ bản của trường tiểu học bạn tham gia là gì?
- Theo bạn, mục đích cơ bản của một trường tiểu học thông thường là gì?
- Làm sao để trường tiểu học đáp ứng được yêu cầu của những học sinh đang theo học tại trường?
- Một trường tiểu học thông thường mong đợi gì từ những học sinh sau khi theo học tại trường?

Trong lịch sử, trường tiểu học được thành lập để dạy trẻ em ba kỹ năng cơ bản (3R): Đọc, viết và số học. Trẻ em cần biết đọc để có thể đọc Kinh thánh. Các em cần biết viết và làm toán cơ bản để có thể xây dựng cuộc sống tương lai trong công việc nông trại hoặc quản lý kinh doanh nhỏ.

Khi các khu dân cư của Hoa Kỳ mở rộng, những thị trấn, thành phố, doanh nghiệp và hệ thống giao thông đều phát triển. Nhu cầu để có những công dân được giáo dục cũng tăng theo, đất nước cần thêm những con người được giáo dục tốt hơn để thúc đẩy tiến bộ xã hội. Vì vậy, trường trung học và đại học đã được thành lập nhằm cung cấp giáo dục ở cấp độ cao hơn. Đồng thời, điều đó đã trở thành mục đích chính của hầu hết các trường

tiểu học, đó là chuẩn bị cho trẻ em để học tốt ở những cấp học cao hơn, dạy cho các em cách tư duy và chuẩn bị sẵn sàng để trở thành những người công dân có ích và làm việc năng suất trong xã hội mà các em sẽ sống. (Xem thêm Chương 10).

Những mục đích này của trường tiểu học dường như vẫn vậy: Chuẩn bị cho học sinh để học tốt ở những cấp lớp cao hơn, dạy học sinh cách tư duy, trang bị để trở thành một công dân có ích và làm việc năng suất trong xã hội mà các em sẽ sống. Trong số những kỹ năng cần thành thạo ở cấp tiểu học có đọc, viết và toán học. Ngày nay, những kỹ năng này được coi là tối quan trọng và sự thành công của trẻ trong những lĩnh vực này trở thành ưu tiên số một tại các trường tiểu học. Như bạn đã thấy, đạo luật No Child Left Behind năm 2001 đòi hỏi tất cả học sinh của trường công đạt được mức độ thành thạo nhất định tương ứng với cấp học ở các môn đọc và toán học.



◀ Hình 6.1
 Cấu trúc giáo dục Mỹ.
 Cấu trúc tổng quan của nền giáo dục Mỹ.
 (Nguồn: Bộ Giáo Dục Mỹ, Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2010a)

Trường trung học cơ sở

Bạn đã học ở trường trung học đệ nhất cấp hay trường trung học cơ sở? Hãy suy nghĩ về tên của từng trường: Trường *trung học đệ nhất cấp* và trường *trung học cơ sở*. Nếu bạn đã biết về trường trung học phổ thông, thì theo bạn, trường *trung học đệ nhất cấp* sẽ như thế nào? Và nếu học sinh vào trường *trung học cơ sở* sau khi học ở trường tiểu học và trước khi học ở trường trung học phổ thông, thì theo bạn, trường trung học cơ sở sẽ như thế nào?

HỘP KIẾN TẠO

6.6

Nhu cầu của học sinh tuổi vị thành niên và mục đích, mục tiêu của trường trung học cơ sở

Hãy nghĩ về những học sinh lớp 6,7 và 8:

- Độ tuổi của các em là bao nhiêu?
- Kể tên một số tính cách mà bạn nghĩ rằng chúng gắn liền với thanh thiếu niên trẻ tuổi ngày nay.
- Những hoạt động nào - mong muốn và không mong muốn - thu hút sự quan tâm của các thanh thiếu niên trẻ tuổi?
- Bạn cho rằng những tính cách và sở thích này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu học tập như thế nào?
- Hãy nhớ lại các giai đoạn phát triển nhận thức của Piaget và phát triển tâm lý - xã hội của Erikson. Một số tính cách và nhu cầu khác biệt của thanh thiếu niên là gì?
- Các giai đoạn phát triển ở tuổi thanh thiếu niên có ý nghĩa gì đối với việc dạy và học?
- Theo bạn, mục đích chính của trường học dành cho thanh thiếu niên là gì?



©Tom Stewart/CORBIS

Có nhiều người không phân biệt trường trung học cơ sở (middle school) và trường trung học đệ nhất cấp (junior high school). Tuy nhiên, về cơ bản, hai khái niệm này là khác nhau và cũng có những mục đích khác biệt. Trường trung học đệ nhất cấp xuất hiện lần đầu tiên vào đầu những năm 1990, để đáp ứng trước tình trạng các trường trung học phổ thông quá đông. Lúc đó, các trường tiểu học bao gồm từ lớp 1 đến lớp 6, và trung học từ lớp 7 đến lớp 12. Những trường trung học đệ nhất cấp đầu tiên giảng dạy lớp 7, 8 và về cơ bản hoạt động như một trường trung học phổ thông, nhưng với các học sinh nhỏ tuổi hơn. Mục đích chính của trường trung học đệ nhất cấp là lấp khoảng trống giữa trường tiểu học và trung học phổ thông.

Mặt khác, trường trung học cơ sở lại nhận thấy rằng những học sinh thanh thiếu niên nhỏ tuổi có các nhu cầu khác biệt, không giống với cấp tiểu học hay trung học phổ thông. Trường trung học cơ sở được phát triển để điều chỉnh môi trường giáo dục giúp đáp ứng những nhu cầu khác biệt đó.

Bản báo cáo năm 1989 của hội đồng Carnegie mang tên *Bước ngoặt: Trang bị cho thanh thiếu niên Mỹ bước vào thế kỷ 21* (*Turning Points: Preparing American Youth for the 21st Century*) (Carnegie Council on Adolescent Development - Hội đồng Carnegie về Phát triển Thanh thiếu niên, 1989) đã chỉ ra những đặc điểm khác biệt của thanh thiếu niên trẻ tuổi và mô tả nhóm tuổi này như đang đấu tranh với muôn vàn cơ hội phát triển xã hội, trí tuệ và tâm lý, đồng thời với cả sự tổn thương và bất ổn. Báo cáo này kết luận rằng những trường trung học đệ nhất cấp đang tồn tại không đáp ứng được nhu cầu của thanh thiếu niên trẻ

Những trường trung học cơ sở hiệu quả mang lại cho học sinh ở độ tuổi thanh thiếu niên môi trường học tập phong phú, tùy chỉnh theo nhu cầu nhận thức, xã hội, tình cảm và thể chất khác biệt của các em.

tuổi, và cho rằng sự cải cách căn bản, toàn diện là cần thiết, từ đó đề xuất một mục đích và định hướng với công cuộc cải cách này:

Trường trung học cơ sở được đề xuất ở đây hết sức khác biệt với nhiều trường học ngày nay. Mô hình này chú trọng trực tiếp đến đặc điểm và nhu cầu của thanh thiếu niên trẻ tuổi. Nó tạo dựng một cộng đồng người trưởng thành và vị thành niên được gắn kết trong những mạng lưới hỗ trợ, trách nhiệm giúp nâng cao cam kết trong học tập của học sinh. (Hội đồng Carnegie về Phát triển Thanh thiếu niên, 1989, trang 36)

Trường trung học cơ sở trở thành khái niệm trường học được ưa chuộng trong việc giáo dục thanh thiếu niên trẻ tuổi, gần như hoàn toàn thay thế trường trung học đệ nhất cấp. Hiệp hội Giáo dục Trung học cơ sở (Association for Middle Level Education - AMLE, vốn được gọi là Hiệp hội Trường Trung học cơ sở Quốc gia - National Middle School Association; 2010) đã mở rộng khái niệm ban đầu về chú trọng vào nhu cầu của học sinh, bằng cách đề xuất một tập hợp mục tiêu giáo dục cụ thể để hướng dẫn phát triển các mục đích và sứ mệnh của trường trung học cơ sở. AMLE đề xuất rằng trường trung học cơ sở nên cung cấp những trải nghiệm học tập cho thanh thiếu niên để đạt được những mục tiêu sau:

- Tập trung vào sự phát triển đa dạng về trí tuệ, thể chất, xã hội, tình cảm và đạo đức ở thanh thiếu niên.
- Giúp các em hiểu về bản thân và thế giới xung quanh.
- Hòa nhập và gắn kết tốt với cuộc sống.
- Cân nhắc tới những câu hỏi, nhu cầu, vấn đề phát triển và ý tưởng của thanh thiếu niên.
- Gắn kết các em với những kiến thức phong phú và quan trọng về thế giới.
- Mở cánh cửa với những ý tưởng mới nhằm khơi gợi trí tò mò, khao khát khám phá, có những lúc nhằm khơi gợi sự kinh ngạc và suy ngẫm.
- Thách thức học sinh và khuyến khích các em tận dụng tối đa ưu điểm của các cơ hội giáo dục.
- Phát triển những công dân biết quan tâm, có trách nhiệm và đạo đức, những người sẽ thực hiện các nguyên tắc dân chủ sau này.

Bạn có thể truy cập trang chủ của Hiệp hội Giáo dục Trung học cơ sở thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate.



Như bạn thấy, hầu hết những gì được đưa vào mục đích của trường trung học cơ sở đều công nhận những nhu cầu và đặc điểm khác biệt gắn liền với thanh thiếu niên.

Trường trung học

Bạn có thể có những kỷ niệm tuyệt đẹp ở trường trung học phổ thông - nhưng cũng có thể không phải vậy. Rõ ràng, trường trung học phổ thông đã đem lại rất nhiều trải nghiệm cho những học sinh từng học. Nhưng theo bạn, mục đích của trường trung học phổ thông là gì?

Mục đích và mục tiêu của trường trung học

Hãy nhớ lại một vài hoạt động mà bạn đã tham gia khi còn học ở trường trung học phổ thông:

- Mục đích của những hoạt động này là gì?
- Hãy so sánh những hoạt động ở trường trung học phổ thông đó với trường trung học đệ nhất cấp hay trường trung học cơ sở.
- Bạn nghĩ rằng mục đích cơ bản của một trường trung học thông thường là gì?
- Làm thế nào để trường trung học đáp ứng nhu cầu của học sinh đang học tại đây?
- Một trường trung học thông thường kỳ vọng gì ở những học sinh sau khi học ở đây?

HỘP KIẾN TẠO

6.7

Trường trung học phổ thông như chúng ta đã biết - miễn phí, công lập và mở cho tất cả mọi người - được hình thành từ những năm 1800. Hãy nhớ lại những gì bạn biết về xã hội Mỹ thời bấy giờ. Điều gì đã diễn ra với ngành công nghiệp và nền kinh tế trong thế kỷ 19? Mọi người cần biết những gì và làm gì để sống và tồn tại trong thời kỳ đó? Điều này ảnh hưởng như thế nào đến mục đích của giáo dục sau tiểu học?

Sau Nội chiến, nhu cầu đối với công nhân có kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm việc trong một xã hội phát triển công nghiệp tăng cao. Ngoài ra, cũng có một dòng người nhập cư cần đến giáo dục theo lý tưởng Mỹ, đất nước mới của họ, bên cạnh những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho thị trường. Các trường trung học phổ thông đáp ứng những nhu cầu này bằng chương trình mang tính thực hành, với mục đích giáo dục cho quần chúng nói chung (Webb, Metha và Jordan, 2000).

Trường trung học phổ thông ngày nay phục vụ mục đích toàn diện hơn, để cập tới nhiều mục tiêu giáo dục và đại diện cho tất cả các khía cạnh của xã hội. Là một quốc gia, chúng ta thường xuyên khảo sát mục đích của các trường trung học và tham gia vào tranh luận liệu những trường này nên chuẩn bị cho học sinh để bước vào đại học hay nghề nghiệp. Trường trung học là cấp học cuối cùng cho học sinh nếu không muốn tiếp tục vào đại học hoặc những ai không hoàn thành các khóa giáo dục sau trung học cơ sở khác, ví dụ trường trung cấp chuyên nghiệp (trade school). Như vậy, hầu hết các trường trung học phổ thông đều có hai mục đích: Một là chuẩn bị cho học sinh sẽ vào đại học, còn lại là chuẩn bị cho những học sinh sẽ không vào đại học. Hầu hết các trường trung học đều có các chương trình giảng dạy bao gồm chương trình dự bị đại học, một chương trình giáo dục cơ bản cho những học sinh lựa chọn không tiếp tục học sau trung học phổ thông, các chương trình dạy nghề hoặc đào tạo công nghiệp, và các chương trình hỗ trợ nhân sự cho kinh doanh (Webb, Metha và Jordan, 2000).

Tuy nhiên, trong vài năm qua, đã xuất hiện sự đồng thuận rằng tất cả học sinh nên tốt nghiệp trung học phổ thông và sau đó tiếp tục học lên một hình thức giáo dục bậc cao - cao đẳng hoặc đại học, cao đẳng cộng đồng, cao đẳng hai năm, trường trung cấp chuyên nghiệp hay tương tự (Balfanz, 2009). Có thể chúng ta sẽ nhìn thấy những thay đổi trong mục đích được đề ra cho trường trung học phổ thông khi những ý kiến đồng thuận này gia tăng. Ví dụ, bang New York đang cải cách điều kiện tốt nghiệp trung học phổ thông dựa vào mục đích chung mới sửa đổi của trường trung học phổ thông về việc "sẵn sàng cho đại học và nghề nghiệp" (George, 2011, trang 1).

Ảnh hưởng của vị trí trường học lên mục đích của trường

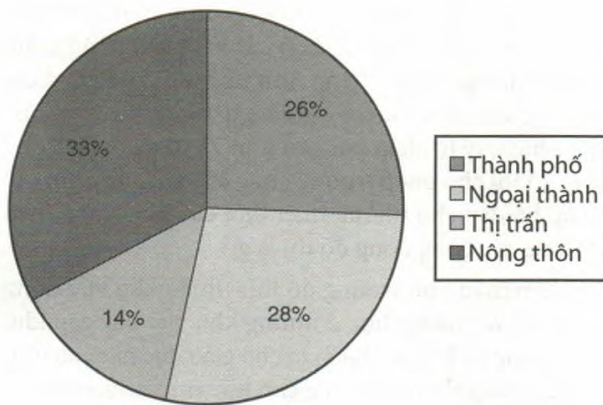
Một yếu tố khác ảnh hưởng lên mục đích trường học là vị trí của trường. Vị trí của trường có tác động khá lớn lên mục đích, như đã thấy ở cộng đồng, đội ngũ giáo viên và ban giám hiệu nhà trường. Ví dụ, hãy xem xét hệ thống trường học ở Oak Ridge, Tennessee. Oak Ridge là trụ sở của Phòng thí nghiệm Quốc gia Oak Ridge (Oak Ridge National Laboratories), thành lập năm 1943 như một cơ sở của Dự án Manhattan và chịu trách nhiệm sản xuất nhiên liệu cho quả bom nguyên tử đầu tiên. Như bạn có thể tưởng tượng, rất nhiều học sinh trong các trường của địa phương có ít nhất bố hoặc mẹ với bằng cấp cao về khoa học. Theo bạn, bối cảnh này sẽ ảnh hưởng đến mục đích của trường Oak Ridge tự đề ra cho mình như thế nào?

Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia (The National Center for Education Statistics) (2011a, trang B-3) đã chỉ ra 12 vị trí thường thấy của trường công lập:

- *Thành phố, quy mô lớn:* Khu vực phía trong vùng đô thị² với dân số trên 250.000 người.

² Vùng đô thị (urbanized area): Chỉ khu đô thị có từ 50.000 dân trở lên (Nguồn: Wikipedia).

- *Thành phố, quy mô trung bình:* Khu vực phía trong vùng đô thị với dân số dưới 250.000 người.
- *Thành phố, quy mô nhỏ:* Khu vực phía trong vùng đô thị với dân số dưới 100.000 người.
- *Ngoại thành, quy mô lớn:* Khu vực phía ngoài thành phố chính và bên trong vùng đô thị với dân số trên 250.000 người.
- *Ngoại thành, quy mô trung bình:* Khu vực phía ngoài thành phố chính và bên trong vùng đô thị với dân số từ 100.000 đến 250.000 người.
- *Ngoại thành, quy mô nhỏ:* Khu vực phía ngoài thành phố chính và bên trong vùng đô thị với dân số dưới 100.000 người.
- *Thị trấn, quy mô lớn:* Khu vực bên trong cụm đô thị³ và cách vùng đô thị dưới 10 dặm (tương đương 16 km).
- *Thị trấn, quy mô trung bình:* Khu vực bên trong cụm đô thị và cách vùng đô thị từ 10 đến 35 dặm (tương đương 16 đến 56 km).
- *Thị trấn, quy mô nhỏ:* Khu vực bên trong cụm đô thị và cách vùng đô thị trên 35 dặm (tương đương 56 km).



◀ **Hình 6.2**

Phần trăm các trường ở Mỹ tính theo khu vực, 2009 - 2010
(Nguồn: Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2011a).

© Cengage Learning 2014

- *Nông thôn, vùng ven:* Khu vực được Tổng cục Thống kê Mỹ xác định là “nông thôn” cách cụm đô thị dưới 5 dặm (tương đương 8 km).
- *Nông thôn, vùng xa:* Khu vực được Tổng cục Thống kê Mỹ xác định là “nông thôn” cách cụm đô thị từ 5 đến 25 dặm (tương đương 8 đến 40 km).
- *Nông thôn, vùng hẻo lánh:* Khu vực được Tổng cục Thống kê Mỹ xác định là “nông thôn” cách cụm đô thị trên 25 dặm (tương đương 40 km).

Các số liệu thống kê được tổng hợp lại thành bốn mục chính bao gồm thành phố, ngoại thành, thị trấn và nông thôn.

Trong năm học 2009-2010, có 88.214 trường công lập ở Mỹ (Chen, 2011). Những trường này được phân chia theo khu vực như sau:

- Thành phố: 26%
- Ngoại thành: 28%
- Thị trấn: 14%
- Nông thôn: 33%

Sự phân bố này được mô tả bằng biểu đồ trong Hình 6.2.

³ Cụm đô thị (urban cluster) là khu vực địa lý bao gồm một lõi trung tâm và các khu vực đông dân cư xung quanh, với tổng dân số từ 2.500 đến 49.999 người và mật độ dân số ít nhất 1.000 người trên một dặm vuông (Bộ Vận tải Mỹ, 2003).



Nguồn: Pixabay



Nguồn: Pixabay

Vị trí trường học có thể ảnh hưởng đến mục đích của trường. Ở vùng nông thôn nhỏ, trường thường phục vụ ít học sinh hơn. Vậy mục đích của những trường này là gì? Trong các trường lớn hơn ở khu vực đô thị, nhiều học sinh theo học hơn và cộng đồng có thể quyết định mục đích của trường. Liệu trường ở đô thị có mang lại nhiều cơ hội học tập hơn trường ở nông thôn không? Tại sao?

Như bạn thấy, sứ mệnh hay mục đích của trường phản ánh mong muốn và nhu cầu của cộng đồng mà trường phục vụ. Hãy xét thử một trường trong thành phố nhỏ hoặc vùng ngoại thành lớn. Số học sinh mà trường sẽ phục vụ là bao nhiêu? Nhu cầu của nhóm học sinh này là gì? Các trường đô thị thường có số lượng nhập học cao hơn và mức độ tập trung của các học sinh từ gia đình có mức thu nhập thấp cao hơn các trường ở nông thôn. Nhiều học sinh trong số này gặp khó khăn trong việc nói tiếng Anh và được cho rằng đang ở trong môi trường gia đình ít hỗ trợ, đồng thời có ít các trải nghiệm tích cực ở trường học hơn học sinh những trường khác. Tuy nhiên, tỷ lệ nhập học lớn hơn và sự đa dạng trong học sinh cao hơn ở các trường khu vực đô thị cho phép trường cung cấp số lượng lớn các chương trình và môn học đặc biệt, giúp bù đắp cho những thiệt thòi của học sinh. Theo bạn, mục đích chính của trường học trong các cộng đồng đô thị là gì?

Tỷ lệ nhập học ở các trường nông thôn thấp hơn trường đô thị. Nhiều khu vực nông thôn đang đối mặt với vấn đề giảm dân số, và trường học ở những khu vực này gặp khó khăn trong việc cung cấp cho học sinh những cơ hội để chuẩn bị cho giáo dục bậc cao như ở các trường đô thị. Theo bạn, các trường nông thôn mang lại cho học sinh những giá trị gì để chuẩn bị cho giáo dục bậc cao? DeYoung (1995) cho rằng mặc dù số liệu thống kê cho thấy khu vực nông thôn dường như đang bất lợi hơn, dân cư nông thôn lại thường để cao việc giữ các thành viên gia đình gần nhau hơn là rời xa để tìm các công việc hoặc nghề nghiệp trả mức lương cao. Thật vậy, Seal và Harmon (1995) chỉ ra rằng ở khu vực nông thôn, trường học thường trở thành vị trí trung tâm của thị trấn, đồng nghĩa với việc cộng đồng coi trọng các hoạt động ngoại khóa hơn thành tích học tập. Từ đây, chúng ta có thể đưa ra kết luận gì khi so sánh mục đích cơ bản của trường đô thị và nông thôn?

Trường học phi truyền thống

Yếu tố thứ ba tác động đến mục đích của trường học nằm ở chức năng căn bản của trường. Ngoài hệ thống cấu trúc trường truyền thống như tiểu học, trung học cơ sở và trung học, nhiều trường chuyên biệt cũng dần chiếm ưu thế. Các trường này đặc biệt hấp dẫn những người có mục tiêu hoặc nhu cầu cụ thể. Một số ví dụ như:

- Trường đặc cách (charter school)
- Trường chuyên (magnet school)
- Trường vì lợi nhuận (for-profit school)
- Trường tại gia (home school)

- Trường thay thế (alternative school)
- Trường dạy nghề (vocational school)
- Trường tư (private school)
- Trường trực tuyến và trường học ảo (online and virtual school)

Trường đặc cách

Trường đặc cách (Charter school) là trường công lập, hoạt động mà không cần tuân theo một hoặc nhiều quy định áp dụng đối với trường công truyền thống. Trường đặc cách được hưởng một mức độ tự chủ nhất định mà những trường khác không có; đổi lại, các trường này phải chịu trách nhiệm về việc đạt được kết quả học tập tích cực. Trường đặc cách được cấp phép bởi cơ quan giáo dục của bang, thường có hiệu lực từ ba đến năm năm và có thể tiếp tục gia hạn. Những mục tiêu chính của trường đặc cách như sau:

- Thực hiện một tầm nhìn giáo dục cụ thể, như tập trung vào một môn cụ thể hoặc chương trình học liên ngành mà không bị giới hạn theo môn.
- Đạt được sự tự chủ để khoa và ban quản lý có thể cung cấp dịch vụ giáo dục mà họ tin rằng đáp ứng tốt nhất nhu cầu cụ thể của học sinh trong trường.
- Phục vụ chương trình giảng dạy, cách tiếp cận về phương pháp luận, hoặc cả hai, cho một nhóm học sinh đặc biệt.

Trong năm học 2009-2010, đã có 4.952 trường đặc cách ở Mỹ, tương ứng với 5% tổng số trường công (Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2011a). Một mô hình lai kết hợp việc giảng dạy trực tiếp với giảng dạy trực tuyến của trường đặc cách đang dần hình thành và có khả năng thay thế mô hình trường đặc cách cố định ngày nay (Quillen, 2012). Những bang có điều khoản quy định về trường đặc cách được liệt kê trong Hình 6.3.



trường đặc cách (charter school) Trường học được cơ quan giáo dục của bang cấp quyền để hoạt động mà không cần tuân theo một hoặc nhiều quy định áp dụng đối với trường công truyền thống.

▶ TeachSource Video

Xem Teachsource video trên ABC News như sau: "Tư duy lại về cách trẻ em học: Trường KIPP (Knowledge is Power Program - Chương trình trí thức là sức mạnh) sử dụng các mối liên hệ hiệu quả trong trường học" (Rethinking How Kids Learn: KIPP Schools Use Effective Schools Correlates). Trường KIPP đang dạy học sinh những cách thức để đảm bảo thành công. Mạng lưới nhỏ những trường đặc cách này đang gửi học sinh vào các trường đại học với một tỷ lệ đáng kinh ngạc. Sau khi xem xong video, bạn hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Quy định của trường KIPP đối với bài tập về nhà là gì?
2. Những đặc điểm nào mà giáo viên thành công tại trường KIPP cần có?
3. Điều gì trường KIPP tin là nhân tố tạo động lực chính cho học sinh của họ?

◀ **Hình 6.3**
 Những bang có quy định pháp luật về trường đặc cách.
 (Danh bạ quốc gia về trường đặc cách từ Trung tâm Cải cách giáo dục, 2009)
 © Cengage Learning 2014

Trường đặc cách trong bang của bạn

Có những điều khoản pháp luật nào cho trường đặc cách trong bang của bạn? (Hãy truy cập trang web của Sở giáo dục bang hoặc hệ thống trường tại địa phương của bạn).

Những luật, điều lệ và quy định nào đang chi phối trường đặc cách trong bang của bạn?

Nếu bang của bạn chưa công nhận khái niệm trường đặc cách, thì các bước nào (nếu cần thiết) đang được thực hiện để công nhận những trường này?

trường chuyên (magnet school)
Trường học tập trung vào các lĩnh vực chương trình giảng dạy cụ thể - như nghệ thuật, toán hoặc khoa học - để thu hút học sinh có khả năng và mối quan tâm đặc biệt trong những lĩnh vực này.

Trường chuyên

Trường chuyên (magnet school) tập trung vào những lĩnh vực chương trình giảng dạy cụ thể để thu hút học sinh có khả năng và mối quan tâm đặc biệt mà trường có thể bồi dưỡng cho các em (vì vậy mới có cụm từ trường *chuyên*). Trường chuyên giúp cung cấp cho phụ huynh hoặc bản thân học sinh cơ hội để chọn những chương trình phù hợp nhất với sở thích và khả năng của các em. Bởi vì chương trình của trường chuyên nằm trong những trường cụ thể (không phải ở tất cả các trường) tại một khu vực, nên họ thường chấp nhận học sinh nằm ngoài phạm vi của trường truyền thống; việc di chuyển đến trường có thể do nhà trường cung cấp, hoặc thuộc về trách nhiệm của phụ huynh. Hơn nữa, hầu hết trường chuyên đòi hỏi phải đăng ký để nhập học. Mục đích chính của trường chuyên là cung cấp cơ hội cho học sinh để thu được những kiến thức và kỹ năng nhằm giúp người học nhận ra được toàn bộ tiềm năng của bản thân. Ở những trường chuyên, học sinh khám phá tài năng và mối quan tâm đặc biệt trong quá trình tập trung vào các môn học thuật mạnh. Trong năm học 2009-2010, đã có 2.213 trường chuyên ở Mỹ, tương đương với 2,2% tổng số trường công, phục vụ 3% tổng số lượng học sinh trường công (Trung tâm Thống Kê Giáo Dục Quốc gia, 2011).

Trường chuyên tồn tại ở cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học. Mặc dù những trường này cung cấp một chương trình học hoàn chỉnh, nhưng mỗi trường lại có một chủ đề, trọng tâm hoặc sự chú trọng cụ thể, được lồng ghép xuyên suốt chương trình học. Những chủ đề có thể bao gồm khoa học, toán học, công nghệ, âm nhạc, nghệ thuật thị giác, nghệ thuật trình diễn, máy tính hoặc bất cứ lĩnh vực tập trung nào khác. Ví dụ, năm 2011, hệ thống trường chuyên ở bang Minnesota đã đưa ra những chương trình chuyên ở trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông như sau:

- Nghiên cứu môi trường.
- Khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (Science, technology, engineering and mathematics - STEM).
- Giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp.
- Mỹ thuật (fine arts).
- Văn hóa thế giới.
- Phương pháp giáo dục Montessori.
- Bằng tú tài quốc tế⁴ (International baccalaureate).
- Thẩm thấu ngôn ngữ.

⁴Bằng tú tài quốc tế là một chương trình tại Geneva, Thụy Sĩ. Chương trình hỗ trợ các trường học khắp nơi trên thế giới trong việc xây dựng và triển khai những chương trình giảng dạy quốc tế nhiều thử thách nhằm tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp xin được nhập học vào các trường đại học. Học sinh hoàn thành chương trình này sẽ được trao bằng tú tài quốc tế. Rất nhiều khóa học có cả tín chỉ đại học.

TeachSource Video

Xem Teachsource video trên ABC News như sau: "Một môi trường tích cực tại trường học giúp giảm khoảng cách trong thành tích học tập" (A Positive School Climate Reduces the Achievement Gap). Trường chuyên ở Boston mang lại môi trường tích cực cho 220 học sinh thiếu số và có thu nhập thấp. Sau khi xem xong video, bạn hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Làm thế nào để mọi người biết được cách tiếp cận được sử dụng tại trường Match là hiệu quả?
2. Trường Match đã làm gì để đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của học sinh?

Bạn có thể truy cập trang web của Tổ chức Tú tài Quốc tế (International Baccalaureate Organization) thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate.



Tổ chức quản lý giáo dục

Tổ chức quản lý giáo dục (Education management organizations - EMOs) là những tổ chức đảm nhận trách nhiệm về một số hoặc tất cả khía cạnh quản lý trường học, bao gồm chương trình học, giảng dạy, bảo trì trường học, vận hành, điều hành, và các khía cạnh khác trong việc duy trì hoạt động của trường. EMOs có thể là tổ chức vì lợi nhuận hoặc phi lợi nhuận.

Như tên gọi của mình, tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận vận hành trường học để thu lợi nhuận; thực tế, một số tổ chức có cổ phiếu được giao dịch công khai. Mục đích chính của những tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận là nâng cao thành tích học tập của học sinh và kiểm tiền. Họ vận hành dựa trên nguyên tắc của doanh nghiệp tự do, nghĩa là chú trọng yếu tố cạnh tranh như một cách để cải thiện hiệu quả làm việc và chấp nhận thử thách nhằm nâng cao thành tích học tập của học sinh. Trường được điều hành bởi một tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận thì có thể được xem như một doanh nghiệp, nơi mà phụ huynh và học sinh là khách hàng. Mô hình vận hành như một doanh nghiệp lớn, theo đó, nhà trường chú trọng lập kế hoạch tập trung vào tối đa hóa lợi nhuận dựa trên sự thành công của học sinh trong trường.

Trong năm học 2009 - 2010, 98 tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận (tăng từ 51 năm 2004) đã điều hành 728 trường công lập (tăng từ 534 năm 2004), phục vụ hơn 363.000 học sinh (tăng từ 242.400 năm 2004) (Molnar, Miron và Urschel, 2010). Trong số những tổ chức hàng đầu có EdisonLearning, Inc. là một tổ chức vì lợi nhuận kinh doanh từ năm 1992. Tập đoàn này đã đạt được thành công trong việc thay đổi hệ thống trường tại Philadelphia và cung cấp hệ thống trường trung học phổ thông trực tuyến (EdisonLearning, 2011a).

Imagine Schools, được thành lập năm 2004, là tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận lớn nhất tính trên số trường mà tổ chức này quản lý - 75 trường khác nhau ở 12 bang và thủ đô Washington trong năm học 2009-2010. Tuyên bố sứ mệnh của *Imagine Schools* như sau:

Là một gia đình gồm những trường công đặc cách trên toàn quốc, *Imagine Schools* đồng hành cùng phụ huynh và những người bảo trợ trong việc giáo dục con em bằng cách cung cấp trường học chất lượng cao, nhằm chuẩn bị cho học sinh trở thành các nhà lãnh đạo, những người thành đạt và các nhân vật tiêu biểu trong tương lai.

Dựa vào tuyên bố sứ mệnh trên, bạn mô tả triết lý chủ đạo của *Imagine Schools* như thế nào?

Tổ chức quản lý giáo dục phi lợi nhuận vận hành như các tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận trừ việc học phí không bao gồm khoản lợi nhuận. Một điểm khác biệt nữa, là tổ chức quản lý giáo dục phi lợi nhuận tập trung gần như hoàn toàn vào việc quản lý các trường đặc cách, trong khi đó các tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận thì quản lý cả các trường trong học khu hoặc toàn bộ học khu như là khách hàng của họ. Điều khác biệt thứ ba đó là trong khi số tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận đã trở nên bão hòa trong một vài năm gần đây, thì số trường được vận hành bởi các tổ chức quản lý giáo dục phi lợi nhuận lại tăng lên đáng kể. Trong năm học 2009-2010, 137 tổ chức EMOs phi lợi nhuận đã điều hành 813 trường công với 237.000 học sinh trong các trường ở Mỹ (Miron và Urschel, 2011).

Những trường được điều hành bởi tổ chức quản lý giáo dục theo xu hướng có số ngày học và năm học dài hơn; họ cũng có xu hướng trang bị công nghệ cao. Ví dụ, ở những trường vận hành bởi EdisonLearning, tất cả học sinh được phép truy cập vào máy tính và kết nối với mạng nội bộ Edison, vì vậy học sinh có thể liên lạc với nhau để trao đổi về vấn đề học tập (EdisonLearning, 2011b). Tuy nhiên, bởi vì mục đích cuối cùng của trường là lợi nhuận, nên họ có thể thấy cần thiết phải giảm số lượng giáo viên và nhân lực hỗ trợ để tối thiểu chi phí.

tổ chức quản lý giáo dục (Education management organizations) Tổ chức đảm nhận trách nhiệm về một số hoặc tất cả khía cạnh quản lý trường học, bao gồm chương trình học, giảng dạy, bảo trì trường học, vận hành và điều hành.



Sử dụng internet để tra cứu thông tin về một trường được điều hành bởi tổ chức quản lý giáo dục trong khu vực của bạn, nếu có thể. (Truy cập vào trang web của Sở giáo dục bang). Tìm hiểu xem bạn có thể trả lời các câu hỏi dưới đây để hiểu rõ hơn về những gì mà EMO làm:

- Chương trình học của trường là gì?
- Chi phí để học tại trường là bao nhiêu?
- Trường được cấp vốn như thế nào?
- Thời gian của một ngày đi học là bao nhiêu? Thời khóa biểu của trường như thế nào?
- Trường có tiêu chí nhập học không? Những tiêu chí đó là gì? Quá trình xin nhập học đòi hỏi những gì?

Các tổ chức quản lý giáo dục

Như bạn thấy, số trường được vận hành bởi các tổ chức quản lý giáo dục đang dần gia tăng. Nếu tính cả tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận và phi lợi nhuận, chúng ta sẽ thấy trong năm học 2009-2010, có tổng cộng 235 tổ chức quản lý giáo dục riêng biệt điều hành 1.541 trường ở Mỹ, phục vụ 600.000 học sinh ở cấp K-12.

Tổ chức quản lý giáo dục ký hợp đồng với các trường công trực thuộc sở để dùng tiền thuế và trong trường hợp của tổ chức quản lý giáo dục vì lợi nhuận, thì quỹ đầu tư mạo hiểm cũng được sử dụng để vận hành trường học. Hầu hết trường đặc cách được điều hành dưới một mức độ tự chủ nhất định, nhưng một số EMO vì lợi nhuận ký kết hợp đồng với các học khu để vận hành toàn bộ những trường dưới sự quản lý của học khu đó, điều này mang đến cho các trường sự nghiêm khắc, chương trình, ý tưởng giảng dạy mới và công nghệ để giúp tăng thành tích học tập của học sinh.

Ký hợp đồng với EMO nhìn chung là tốn kém hơn nhiều so với ngân sách thông thường của trường. Câu hỏi ở đây là: Liệu những tổ chức quản lý giáo dục có đáng với số tiền đã chi ra không? Những người ủng hộ ý tưởng về EMO lập luận rằng với chi phí cao hơn, EMO có thể tham gia vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển để hình thành nên những hệ thống giáo dục tốt và hiệu quả hơn. Những người ủng hộ cũng lưu ý rằng bởi vì EMO đang phải cạnh tranh lẫn nhau, nên mỗi tổ chức sẽ cố gắng tạo ra một điểm nhấn nhằm giúp khác biệt hóa so với đối thủ, bao gồm cả những khía cạnh như chương trình, phương pháp giảng dạy đổi mới, chú trọng sự đa dạng và những điều tương tự. Đồng thời, do EMO là những doanh nghiệp thực sự, nên họ có các động cơ thúc đẩy kinh doanh thực chất nhằm tăng thành tích học tập của học sinh.

Đối với những người hoài nghi về việc sử dụng quỹ của học khu cho EMO thường đưa ra sự thiếu hụt về nghiên cứu hệ thống dài hạn, và lưu ý rằng những nghiên cứu đã tiến hành chỉ ra các kết quả khác nhau về thành tích của học sinh. Fleischman và Heppen (2009) đều cho rằng thiếu những bằng chứng rõ ràng về tính hiệu quả của EMO. Trên thực tế, Shah (2011) đã viết rằng, có một nghiên cứu mới trên toàn quốc về tính hiệu quả của EMO cho thấy thành tích của những trường điều hành bởi EMO không tốt hơn một cách rõ rệt so với trường công bình thường. Tuy nhiên, Garcia, Barber và Molnar (2009) đã chỉ ra rằng thành tích của học sinh trong việc đọc từ vựng tốt hơn một chút ở những trường đặc cách do EMO vận hành, nhưng thành tích trong việc đọc hiểu lại thấp hơn. Những người phản đối cũng nói rằng EMO đã đi giật lùi: Mục tiêu của sự nghiệp giáo dục chính là giáo dục, trong khi mục tiêu của EMO là kiếm tiền (và trong trường hợp của tổ chức EMO vì lợi nhuận đó là tạo ra lợi nhuận). Những người phản đối còn chỉ ra rằng các "phần phụ" như câu lạc bộ ngoại khóa, ban nhạc và hợp xướng, đội thể thao cũng như những hoạt động tương tự thường bị loại bỏ nhằm giảm chi phí.

Các nhà giáo dục cùng công chúng đã và đang tranh luận về vấn đề EMO trong nhiều năm nay.

BẠN NGHĨ GÌ?

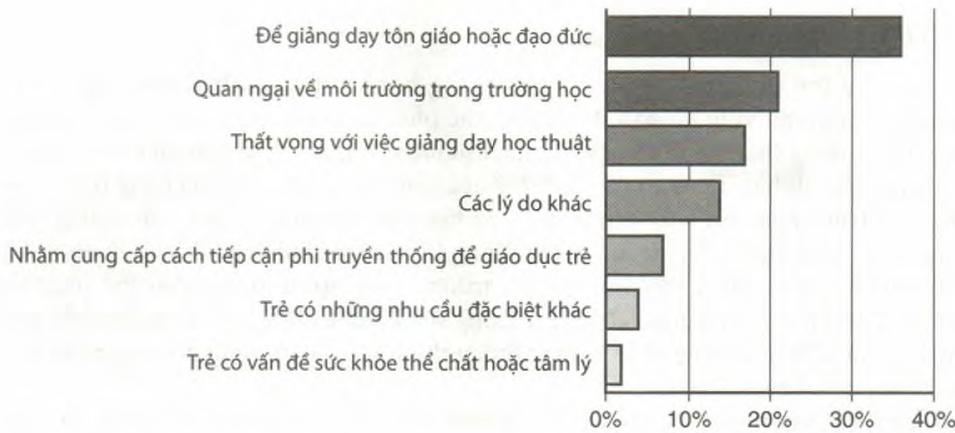
1. Theo bạn, ưu điểm của EMO là gì?
2. Theo bạn, nhược điểm của EMO là gì?
3. Nếu bạn là người quản lý các trường thuộc sở giáo dục, vừa được phép thành lập một số trường đặc cách dựa trên nguyên tắc của trường chuyên. Bạn có xem xét việc ký hợp đồng với những tổ chức quản lý giáo dục để điều hành các trường này không? Tại sao?

Trường học tại gia

giáo dục tại gia (home schooling)
Hình thức giáo dục mà theo đó trẻ em học dưới sự giám sát của phụ huynh tại nhà, thay vì học ở trường thông thường.

Giáo dục tại gia (home schooling) là hình thức giáo dục trẻ em học dưới sự giám sát của phụ huynh tại nhà, thay vì học ở trường thông thường. Trong năm 2007, ước tính có khoảng 1,5 triệu (2,4%) học sinh ở Mỹ được giáo dục tại gia cấp K-12 (Trung tâm Thống kê Giáo Dục Quốc gia, 2011a). Giáo dục tại gia được coi là hợp pháp ở tất cả các bang, hầu hết bang đều yêu cầu báo cáo định kỳ về chương trình giảng dạy, số ngày học, kết quả đánh giá, kết quả bài kiểm tra tiêu chuẩn hóa và các số liệu khác theo yêu cầu của trường.

Mọi người chọn hình thức giáo dục tại gia cho con cái vì nhiều lý do khác nhau. Trong số đó có lý do về niềm tin tôn giáo, thiếu an toàn ở các trường thông thường, trường thông thường không phù hợp với con cái của họ, muốn có thêm thời gian với gia đình, muốn giám sát nội dung học tập của con cái, muốn đem lại giáo dục phù hợp hơn với các nhu cầu hoặc phong cách học tập đặc biệt của con cái, và nhiều lý do khác. Hình 6.4 chỉ ra các lý do chính tại sao mọi người lại chọn giáo dục tại gia cho con cái họ.



◀ **Hình 6.4**
 Các lý do chính cho hình thức giáo dục tại gia.
 (Nguồn: Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2011a)
 © Cengage Learning 2014

Mặc dù học sinh tham gia giáo dục tại gia học theo một chương trình nghiêm ngặt, nhưng vẫn có những quan ngại về hình thức này, bao gồm sự tiếp cận hạn chế với các dụng cụ và học liệu, cha mẹ tham gia dạy con thiếu nền tảng giáo dục chuyên nghiệp cần thiết, sự tiếp cận hạn chế với các hoạt động ngoại khóa, và nhiều nghi ngại về vấn đề phát triển các kỹ năng xã hội một cách lành mạnh. Để giải quyết các quan ngại này, những bậc phụ huynh tham gia giáo dục tại gia thường làm việc với nhiều phụ huynh khác theo một nhóm lớn, các nhóm này được thành lập để mang lại lợi ích tối đa cho con cái của họ. Hơn nữa, rất nhiều các ấn phẩm, chương trình giảng dạy, ý tưởng và công cụ hỗ trợ dạy học có sẵn dưới dạng bản in hoặc trên mạng Internet giúp cha mẹ giáo dục tốt nhất cho con cái của họ. Về vấn đề hoạt động ngoại khóa, nhiều bang đã có luật về tiếp cận-công bằng (equal-access) cho phép trẻ em giáo dục tại gia được tham gia vào các hoạt động liên trường và ngoại khóa, bao gồm đội thể thao, chương trình âm nhạc và kịch, các câu lạc bộ xã hội cũng như học tập. Mỗi bang có thể đưa ra những điều kiện khác nhau về tiêu chuẩn được phép tham gia, ví dụ nhập học bán thời gian hoặc tham gia cả học ở trường và ở nhà, được học khu tại địa phương cho phép, hoặc thông qua sự phê chuẩn của chương trình giáo dục tại gia (Hiệp hội Bảo vệ Hợp pháp Giáo dục tại gia, 2011).

Bạn có thể truy cập trang web của Hiệp hội Giáo dục tại gia Mỹ (American Homeschool Association) thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate. Hiệp hội này lưu giữ một lượng lớn thông tin về hình thức giáo dục tại gia.



Giáo dục tại gia

Sử dụng mạng Internet để tìm kiếm thông tin về giáo dục tại gia ở bang của bạn. (Truy cập trang web của Sở Giáo dục thuộc bang của bạn).

- Những yêu cầu đối với cha mẹ khi muốn giáo dục tại gia là gì?
- Bang của bạn yêu cầu những báo cáo gì?
- Làm thế nào để một học sinh được giáo dục tại gia trong thời gian trung học phổ thông có thể đáp ứng những điều kiện nhập học của trường đại học?
- Những ưu điểm của giáo dục tại gia là gì? Và nhược điểm của hình thức này là gì?
- Bạn có xem xét đến việc giáo dục tại gia cho con của mình không?
- Liệu bạn có gửi con mình sang hàng xóm hoặc một người bạn để tham gia giáo dục tại gia không? Những yếu tố nào sẽ ảnh hưởng đến quyết định của bạn?

HỘP KIẾN TẠO

6.9

trường thay thế (alternative school) là trường học với mục đích chính là giáo dục những học sinh mà vì lý do nào đó, không thể phát triển tốt trong các trường truyền thống.

Trường thay thế

Trường thay thế (Alternative school) là trường học với mục đích chính là giáo dục những học sinh mà vì lý do nào đó, không thể phát triển tốt trong các trường truyền thống. Các trường thay thế thường nhìn nhận sứ mệnh của mình là ngăn ngừa tình trạng bỏ học của học sinh có nguy cơ cao - những học sinh được coi là có khả năng rủi ro cao trong việc trượt hoặc bỏ học ở trường trung học phổ thông trước khi tốt nghiệp bởi những lý do như điểm thấp, trốn học, bị đình chỉ học, có thai, hay một số lý do khác. Trong năm học 2007-2008, 64% học khu các trường công lập có trường thay thế, phục vụ 645.500 (1,3%) học sinh trường công lập. Trong số đó, 63% được học trong một tòa nhà riêng biệt, và 37% học trong ngay trường thông thường, 17% sử dụng phương pháp học từ xa (Carver và Lewis, 2010).

Hầu hết các trường thay thế cung cấp số lượng lớn dịch vụ cho học sinh, trong đó có tư vấn học tập; khóa coursework (dạng đồ án có đánh giá) để lấy bằng trung học phổ thông chính quy; chuẩn bị cho bài kiểm tra Phát triển Giáo dục Phổ cập (General Educational Development - GED), một bài thi tương đương với cấp độ trung học phổ thông; và kỹ năng nghề.

Dưới đây là một số lợi ích của trường thay thế:

- Môi trường đáp ứng nhanh và linh hoạt hơn.
- Nhiều lựa chọn hơn về chương trình học.
- Quy mô lớp học nhỏ hơn.
- Mối quan hệ giáo viên - học sinh thân thiết hơn.
- Tiêu chuẩn cao về việc đi học đầy đủ, hành vi và kết quả học tập.
- Lịch học linh hoạt.

Trường thay thế hoạt động bên trong học khu của học sinh mà trường phục vụ và được hỗ trợ tài chính bởi học khu giống như các trường khác trong cùng phạm vi kiểm soát (Carver và Lewis, 2010).

Trường dạy nghề

Trường dạy nghề (Vocational school) (còn được gọi là trường kỹ thuật và đào tạo nghề - career and technical school) là trường trung học phổ thông công lập cung cấp các chương trình đào tạo nghề khác nhau, bên cạnh chương trình học tập. Trong năm học 2008-2009, 5% trường công là trường dạy nghề (Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2011a).

trường dạy nghề (vocational school) là trường trung học phổ thông công lập cung cấp các chương trình đào tạo nghề khác nhau, bên cạnh chương trình học tập; còn được gọi là trường kỹ thuật và đào tạo nghề (career and technical school).



Nguồn: Flickr

Số lượng học sinh trong các chương trình dạy nghề đang giảm dần, một phần là vì chính phủ Mỹ đang muốn thúc đẩy mọi học sinh hoàn thành trung học phổ thông và được đào tạo kỹ thuật hoặc nghề trong các cơ sở đào tạo sau trung học, đồng thời cũng do chi phí của chương trình dạy nghề ngày một tăng, giáo dục dạy nghề giảm dần mức độ ưa chuộng trong nhận thức của công chúng và ngày càng ít các trường ở nông thôn cung cấp chương trình dạy nghề.

Giáo dục học sinh theo triết lý tôn giáo, theo giới tính, hay theo chương trình dự bị đại học là mục đích của một số trường tư.

Trường tư

Trường tư (private school), hay còn gọi là trường tư thục, là trường giới hạn học sinh theo các tiêu chuẩn nhất định đặc thù do trường đề ra. Những trường này phải đáp ứng yêu cầu của hai bên liên quan:

1. Chính phủ, chú trọng vấn đề thi cử, ba môn cơ bản (3R) và thành tích học tập của học sinh.
2. Tổ chức thành lập trường quy định các lý do trường tồn tại và cung cấp nguồn tài chính cần thiết cho trường.

Có rất nhiều kiểu trường tư khác nhau tồn tại; mỗi trường lại có mục đích, mục tiêu và các nhiệm vụ cần đạt riêng.

trường tư (private school) là trường giới hạn học sinh theo các tiêu chuẩn nhất định đặc thù do trường đề ra.

Các kiểu trường tư

Hãy dành chút thời gian để liệt kê tất cả các kiểu trường tư mà bạn có thể nghĩ ra. Có lẽ bạn hoặc ai đó bạn biết đã từng học trường tư. Lý do học ở trường tư có thể là gì?

- Mục đích chính của mỗi trường bạn liệt kê ra là gì?
- Có những mục đích chung nào cho tất cả trường tư?
- Hãy so sánh những mục đích chung này với những mục đích chung của các trường học mà bạn liệt kê ở đầu chương này.
- Những mục đích nào là khác biệt đối với một số kiểu trường tư cụ thể?

HỘP KIẾN TẠO

6.10

Những học sinh trong lớp giống như lớp của bạn đã liệt kê các kiểu trường tư sau:

- Trường nội trú (boarding school).
- Trường nam sinh (all-male school).
- Trường nữ sinh (all-female school).
- Trường dự bị đại học (college preparatory school).
- Trường liên kết tôn giáo (schools with religious affiliation).
- Trường theo phương pháp giáo dục Montessori.
- Trường quân sự (military school).

Trong năm học 2009-2010, trên 4,7 triệu học sinh (10% tổng số học sinh ở Mỹ) theo học trường tư tại Mỹ. Trong số đó, trên 1,7 triệu (36%) theo học trường công giáo (Catholic school) (Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2012).

Lợi thế của trường tư là:

- Thúc đẩy chất lượng học tập và thành tích cao.
- Giáo dục toàn bộ trẻ em trong môi trường dựa trên giá trị.
- Đem lại một môi trường an toàn và an ninh (Hội đồng Giáo dục Tư thục Mỹ, không rõ ngày tháng).

Học tập trực tuyến và trường học ảo

Trường học ảo (virtual school) là trường cung cấp hầu hết hoặc toàn bộ chương trình học dưới hình thức trực tuyến thông qua Internet. Học tập trực tuyến (online learning) là việc học tập trong lớp được thực hiện trên mạng Internet thay vì trong một lớp học

trường học ảo (virtual school) Trường cung cấp hầu hết hoặc toàn bộ chương trình dưới hình thức trực tuyến thông qua Internet.

học tập trực tuyến (online learning) Việc học tập trực tuyến sử dụng Internet.

thông thường. Các trường học ảo được giảng dạy bởi những giáo viên đã qua đào tạo đặc biệt, có thể tham gia 100% vào việc giảng dạy trực tuyến hay có thể kết hợp một phần giảng dạy trực tuyến và giảng dạy trực tiếp trong lớp học thông thường. Tùy vào phần cứng có sẵn, việc giảng dạy có thể thực hiện thông qua webcam hoặc văn bản trên các trang web được thiết kế riêng và/hoặc bảng tin (bulletin board). Học tập trực tuyến được đưa ra trong trường đại học (bạn có thể đã học một hoặc nhiều khóa học trực tuyến - có thể cả khóa học này). Điều ngạc nhiên hơn là học tập trực tuyến và trường học ảo bao gồm cả mọi cấp học, từ mẫu giáo đến trung học phổ thông.

Trải nghiệm ở trường học ảo khá phù hợp với những học sinh được giáo dục tại gia; học sinh đang học ở các trường thành tích thấp; học sinh đang học ở trường nông thôn, trường đô thị hoặc trường thay thế, hay những trường có số khóa học hạn chế; học sinh muốn lấy bằng trung học phổ thông sớm hơn thông thường; và những học sinh phải ở trong nhà do bệnh tật hoặc các lý do khác. Trường học ảo đặc biệt hữu ích cho những học sinh ở vùng nông thôn, nơi mà các lớp học trực tuyến giúp lấp khoảng trống trong các khóa học ở những cấp học cao hơn và giúp cung cấp giáo dục chất lượng cho trẻ em tiểu học, những em không thể đến trường thường xuyên, cũng như cho những học sinh sống ở vùng hẻo lánh không có trường học (ví dụ, Đảo Kodiak ở Alaska có 7 trên tổng số 14 trường ở học khu chỉ có thể tiếp cận được bằng đường hàng không hoặc bằng thuyền [Gordon, 2011]). Hầu hết các trường ảo đều được kiểm định đầy đủ bởi chính tổ chức kiểm định các trường trung học phổ thông thông thường, và hầu hết trường trung học phổ thông ảo cũng cấp bằng tốt nghiệp trung học.

Học tập trực tuyến đang phát triển rất nhanh. Trong năm học 2008-2009, số lượng học sinh K-12 sử dụng học tập trực tuyến đã lên trên con số 2 triệu, và dự kiến sẽ tăng lên 10,5 triệu học sinh đến năm 2014 (Nagel, 2009). Năm 2009, 5% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đã tham gia các khóa lấy tín chỉ trực tuyến (Buckley, 2011). Học tập trực tuyến đã nhận được sự xác nhận tích cực từ nghiên cứu. Ví dụ, Bộ Giáo dục Mỹ đã thực hiện một phân tích tổng hợp về các nghiên cứu điều tra học tập trực tuyến từ năm 1996 đến 2008, và thấy rằng, trung bình, học sinh trong điều kiện học tập trực tuyến đạt kết quả cao hơn những học sinh được giảng dạy trực tiếp (Bộ Giáo dục Mỹ, 2010b).

Nhiều bang đã triển khai ít nhất một trường học ảo tập trung, miễn phí cho bất cứ học sinh nào nhập học trong hệ thống của bang. Và những trường này đều được kiểm định đầy đủ. Ví dụ, bang Florida có một trường học ảo cung cấp trên 90 khóa học trực tuyến cho học sinh từ lớp 6 đến lớp 12; những khóa học này được giảng dạy bởi trên 1.100 giáo viên trường ảo đã được chứng nhận đặc biệt, đồng thời có các chứng chỉ hành nghề sư phạm của bang Florida cho những môn họ dạy (Sở Giáo dục Florida, không rõ ngày tháng). Bang Minnesota đang vận hành Học viện Ảo (Virtual Academy), hay còn được biết đến với cái tên K-12, cung cấp các chương trình trực tuyến cho học sinh từ mẫu giáo đến trung học phổ thông. Trên thực tế, 46 trên tổng số 50 bang, cùng với Washington, DC đều có trường học ảo của bang hoặc những hình thức trực tuyến khác như trường học ảo độc lập, hay cả hai. Các bang đang bắt đầu yêu cầu học sinh cần có những trải nghiệm học tập trực tuyến. Trong thời gian viết cuốn sách này, bang Michigan, Alabama và Florida đã yêu cầu có tín chỉ học tập ảo để tốt nghiệp trung học phổ thông (Devaney, 2011), và bang Idaho đã yêu cầu học sinh trung học phổ thông phải hoàn thành tối thiểu hai khóa học mỗi kỳ trực tuyến như một điều kiện tốt nghiệp (Cavanagh, 2011b).

Việc sử dụng mạng Internet trong học tập trực tuyến và trường học ảo là một xu hướng đang phát triển nhanh chóng, do đó, bạn cần lưu tâm vấn đề này để có thể bắt kịp xu hướng.

học tập bằng cách tra cứu thông tin trên mạng (WebQuest) Hoạt động học tập mà trong đó một số hoặc toàn bộ thông tin mà học sinh sử dụng đến từ Internet, tương tự như việc tìm kiếm thông tin (scavenger hunt).

wiki Trang web cộng tác mà trong đó nội dung có thể được chỉnh sửa bởi bất cứ ai truy cập nó.

blog Là sự kết hợp giữa từ Web và log. Mỗi cá nhân có thể phát triển các blog trực tuyến bao gồm chữ viết, nhạc, ảnh và video về một chủ đề cụ thể.

podcast (pod = play on demand; phát theo nhu cầu) Chương trình truyền thanh trên Internet có thể được ghi lại để phát sau đó.

vodcast (vod = video on demand; video theo nhu cầu) Chương trình truyền hình trên Internet có thể được ghi lại để phát sau đó.

Công nghệ mang lại cho người học (và giáo viên) nhiều cơ hội học tập và bồi đắp kiến thức. Một số yếu tố nhất định - như khoảng cách, địa điểm và tài chính - có thể cản trở trường cung cấp cho học viên những trải nghiệm học tập cụ thể, nhưng công nghệ có thể giúp bù đắp khoảng trống này. Hãy xem xét một ngôi trường không có giáo viên được chứng nhận nào dạy môn hóa học, hay một nhóm học sinh quan tâm tới khóa học nâng cao (advanced placement - AP) nhưng lại học ở một trường không cung cấp khóa học này, hoặc một nơi hẻo lánh mà học sinh sống ở quá xa trường để có thể đến học. Những chuyến thực địa ảo, giáo dục từ xa và trường ảo là ba cách mà công nghệ có thể giúp học sinh trong những hoàn cảnh trên (xem phần trước với tiêu đề "Học tập trực tuyến và trường học ảo").

Các chuyến thực địa ảo được tổ chức để có những trải nghiệm trực tuyến giúp học sinh nâng cao kiến thức về một môn hoặc khái niệm nào đó. Ví dụ, giáo viên giảng bài về hẻm núi Grand Canyon có thể tổ chức một chuyến đi thực địa ảo. Để giúp học sinh tránh việc tìm kiếm những trang web không đúng mục đích về Grand Canyon, giáo viên cấu trúc một phần bài học bằng cách cung cấp cho học sinh giải thích về nhiệm vụ (hoặc "chuyến đi"); một danh sách những trang web hoặc địa điểm để thăm; một "lộ trình"; những điều mà mỗi học viên phải làm ở điểm đến ảo; và một danh sách những đồ tạo tác hoặc "quà lưu niệm" cho từng học sinh thu thập tại mỗi trang web. Học sinh trong những chuyến đi thực địa ảo sẽ tự do khám phá để nâng cao việc học và có thể thực hiện hành trình mà không cần quan tâm đến khoảng cách hay chi phí.

Học từ xa có thể liên quan đến việc truyền âm thanh qua đường điện thoại và truyền trực tiếp hoặc ghi lại video qua cáp vô tuyến. Tuy nhiên, phổ biến hơn nữa đó là Internet được sử dụng cho việc học từ xa như webcam, email, trang web, phòng chat của trường, video và âm thanh truyền trực tiếp để hỗ trợ cho việc học trực tuyến. Đào tạo từ xa có thể dưới nhiều hình thức khác nhau. Một nhóm học sinh có thể gặp nhau thường xuyên tại một địa điểm ở xa, trong khi giáo viên có thể ngồi tại một lớp học ở nơi khác để giải thích về một chủ đề. Trong trường hợp đó, việc học từ xa diễn ra *đồng thời*, nghĩa là học sinh "tham gia" vào việc học cùng lúc với hoạt động giảng dạy. Trong một hình thức học từ xa khác, học sinh có thể sử dụng những trạm làm việc cá nhân (máy tính ở nhà) để truy cập vào các cuộc thảo luận của giáo viên và theo dõi thông tin vào thời gian rảnh. Đây là một ví dụ của việc học tập từ xa không diễn ra *đồng thời*. Dĩ nhiên, nhiều khóa học trực tuyến là sự kết hợp của cả giảng dạy diễn ra đồng thời và không đồng thời. Ví dụ, học sinh có thể truy cập thông tin giáo viên đã đưa lên Internet và sau đó học sinh phải truy cập vào phòng chat của trường tại một thời điểm

cụ thể. Phòng chat học tập mang lại những tương tác thực tế giữa các học sinh và giữa học sinh với giáo viên. Trường hoàn toàn trực tuyến được gọi là *trường học ảo* và cung cấp các khóa học cho tất cả cấp lớp. Thông thường, học sinh giáo dục tại gia học ở trường ảo. Đồng thời, bài tập về nhà trực tuyến thường được cung cấp trong hè để giúp học sinh làm bù những bài mà học sinh bỏ lỡ và mở rộng việc học cho những học sinh khá hơn (Rapp, 2011).

Để áp dụng đào tạo từ xa một cách hiệu quả, giáo viên phải có khả năng tổ chức thông tin và thiết kế giảng dạy để phù hợp với việc truyền tải và việc học tập lấy học sinh làm trung tâm. Giáo viên phải làm quen với công nghệ, không chỉ để tạo ra những khóa học mà còn có thể xử lý và giải quyết vấn đề. Học sinh phải đóng góp vào việc học và môi trường học tập. Dưới đây là một số công nghệ hiện tại giúp hỗ trợ học tập trực tuyến:

- *Học tập bằng cách tra cứu thông tin trên mạng (WebQuest)*. WebQuest là một hoạt động học tập được thiết kế bởi giáo viên, trong đó một số hoặc toàn bộ thông tin mà học sinh tương tác sẽ được lấy từ Internet. Đó là một bản phác thảo những hoạt động dưới dạng một nửa trực tiếp (semidirected) mà người học sử dụng trong những khám phá độc lập. Định dạng của một WebQuest như sau (Dodge, 1995):
 1. Phần giới thiệu giúp thiết lập những giai đoạn của việc khám phá.
 2. Một nhiệm vụ cơ bản.
 3. Tập hợp những nguồn thông tin bao gồm đường dẫn đến các trang trên Internet, hội thảo qua email, cơ sở dữ liệu có thể tìm kiếm, chương trình máy tính, sách, tạp chí và những nguồn có sẵn khác.
 4. Phần miêu tả về quá trình được chia thành từng bước mà học sinh cần trải qua để hoàn thành nhiệm vụ.
 5. Hướng dẫn cách thức tổ chức tài liệu.
 6. Kết luận có bao gồm cả những ý tưởng cho nghiên cứu sâu hơn.
 7. Đánh giá thông qua bảng rubric là một phần của WebQuest.
- *Trang web*. Cả giáo viên và học sinh đều có thể phát triển những trang web riêng chứa thông tin thích hợp với những lớp cụ thể, ví dụ như việc đăng ký học, bài tập về nhà, hỗ trợ, thông báo về hoạt động của lớp, kết quả khám phá và những điều tương tự.
- *Wiki*. Wiki là một trang web cộng tác, trong đó nội dung có thể được chỉnh sửa bởi bất cứ ai truy cập nó. Một ví dụ quen thuộc là *Wikipedia*. Wiki rất có ích bởi vì giáo viên và học sinh đều có thể viết những quan sát và

suy nghĩ lên wiki, hỏi về phản hồi và nhận xét từ những người khác, phản hồi những bài viết của người khác và sửa những gì mà bất cứ ai đã viết (bao gồm cả chính học sinh và giáo viên). Wiki như một bảng phần trực tuyến nơi mà mọi người có thể viết suy nghĩ của riêng mình.

- **Blog.** Từ blog là sự kết hợp của từ *Web* và *log*. Nó là một trang web bao gồm nội dung viết, âm thanh, ảnh và video đăng tải về một chủ đề cụ thể. Cả học sinh và giáo viên có thể xây dựng blog của bản thân để chia sẻ với ai đó hoặc với các thành viên khác của lớp học trực tuyến. Blog thường được sử dụng để thể hiện quan điểm, suy nghĩ và phản ánh. Học sinh của trường học ảo có thể sử dụng blog để chứng tỏ sự hiểu biết của mình về một khái niệm và/hoặc để đặt câu hỏi cũng như để làm rõ vấn đề.
- **Podcast và vodcast.** Podcast (POD = "play on demand": phát theo nhu cầu) là việc phát thanh qua Internet. Đây là hình thức một chiều và người nghe không thể giao tiếp với người phát thanh. Nhiều podcast đã được ghi âm để sử dụng cho việc truy cập sau này. Chúng được dùng chủ yếu để giải thích hoặc mô tả một số

khái niệm hoặc luận điểm và thường thấy trên các blog. Vodcast (VOD = "video on demand": video theo yêu cầu) là video được phát qua Internet. Cũng như podcast, vodcast chỉ được phát đi một chiều và nhiều vodcast cũng được ghi lại để dùng sau đó. Chúng thường được sử dụng để giải thích hoặc mô tả một số khái niệm hoặc luận điểm và thường thấy trên các blog. Cả giáo viên và học sinh đều có thể tạo ra podcast và vodcast phục vụ lợi ích của lớp học.

- **Phần mềm gọi điện qua Internet và qua video** (ví dụ Skype) thường có sẵn miễn phí nhằm giúp bất cứ ai trên thế giới có thể gọi điện và nói chuyện qua video tới bất cứ người nào trên thế giới cài đặt phần mềm giống như vậy. Loại phần mềm này có thể được sử dụng cho hội nghị truyền hình và gặp mặt thảo luận trực tiếp ảo giữa giáo viên giảng dạy trực tuyến và một hoặc nhiều học sinh. Những công nghệ này đang gia tăng với tốc độ chóng mặt. Ở thời điểm mà cuốn sách này xuất bản, một số ứng dụng mới đang được phát triển. Đây là lĩnh vực mà bạn chắc chắn sẽ phải cập nhật thường xuyên.

Trường học giả định của bạn

Bây giờ là lúc tổng hợp lại tất cả các ý tưởng bạn đã suy nghĩ trong chương này. Theo bạn, mục đích quan trọng nhất của trường học là gì?

HỢP KIẾN TẠO

6.11

Sứ mệnh của một trường học giả định

Hãy tưởng tượng bạn phải viết một tuyên bố sứ mệnh giả định cho một trường học do bạn tự chọn. Hãy xem xét những suy nghĩ hiện thời của bạn về bản thân với tư cách là giáo viên, về học sinh với những nhu cầu chung và đa dạng, cũng như mục đích của trường học.

Hãy viết một tuyên bố sứ mệnh ngắn gọn cho trường mà bạn nghĩ đến đó. Hãy nhớ chú thích về những mục đích chính của trường, bạn hình dung sẽ triển khai những mục đích này như thế nào, và bạn kỳ vọng gì về những học sinh hiện tại và học sinh tốt nghiệp từ trường (có nghĩa là, bạn kỳ vọng học sinh có thể làm được những gì khi đang học tại trường và sau khi tốt nghiệp). Giữ lại bản tuyên bố này để sử dụng ở những chương sau.

Hãy xem lại tuyên bố về triết lý giáo dục mà bạn đã viết trong Chương 2 và chỉnh sửa ở Chương 5. So sánh tuyên bố về triết lý giáo dục này với tuyên bố sứ mệnh của bạn. Bạn thấy hai tuyên bố này giống nhau ở điểm nào? Và khác nhau như thế nào? Nếu bạn muốn, có thể chỉnh sửa tuyên bố về triết lý giáo dục một lần nữa để thể hiện sự tiến triển trong suy nghĩ của bạn cho đến thời điểm này.

TỔNG KẾT CHƯƠNG

- Trường học có nhiều mục đích khác nhau, một vài trong số đó là mục đích chung của tất cả các trường.
- Chính phủ liên bang đã thông qua và thực thi một số đạo luật và đưa ra các chương trình hỗ trợ tài chính nhằm thúc đẩy niềm tin của chính quyền về mục đích của trường học.
- Mục đích của trường học được thể hiện trong tuyên bố sứ mệnh của trường, thông qua đó phản ánh triết lý cơ bản của trường.
- Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mục đích của trường học, theo đó ảnh hưởng đến hoạt động của trường, bao gồm số cấp lớp giảng dạy, vị trí của trường, các mối quan tâm đặc biệt, dịch vụ riêng biệt mà trường mang lại, và nhiều yếu tố khác.
- Các trường học phi truyền thống đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm đặc biệt của cộng đồng, bao gồm trường đặc cách, trường chuyên, trường được điều hành bởi một tổ chức quản lý giáo dục thương mại, trường học tại gia, trường thay thế, trường dạy nghề, trường tư, và mô hình trường học ảo đang phát triển nhanh chóng.

Trong chương này, bạn đã tìm hiểu về bản chất của trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông. Bạn cũng tìm hiểu một số kiểu trường phi truyền thống, đồng thời khám phá các ưu và nhược điểm của chúng. Từ đây, bạn có thể đưa ra kết luận của riêng mình, và áp dụng được một phép thử quan trọng: *Bạn có muốn dạy ở ngôi trường này không?*

Mặc dù trường học phải có một tuyên bố sứ mệnh với vai trò như nền tảng để từ đó tiếp tục phát triển, thì trường học cũng cần phải có tài nguyên, cơ sở vật chất, nhân lực và tổ chức để thực hiện sứ mệnh đó. Trong Chương 7, bạn sẽ tìm hiểu xem trường học và giáo viên cần gì để thực hiện sứ mệnh một cách hiệu quả. Bạn sẽ đánh giá một vài mô hình trường học, và các tài nguyên từ nhân lực đến vật chất, trang thiết bị, cho đến lịch học, đồng thời bạn sẽ đưa ra kết luận về tổ chức của trường học liên quan đến tính hiệu quả của nó như thế nào.

Thuật ngữ và khái niệm trọng yếu

Blog	Blog
Giáo dục tại gia	Home schooling
Học tập bằng cách tra cứu thông tin trên mạng	WebQuest
Học tập trực tuyến	Online learning
Podcast	Postcast
Tổ chức quản lý giáo dục	Education management organization
Trường chuyên	Magnet school
Trường đặc cách	Charter school
Trường dạy nghề	Vocational school
Trường học ảo	Virtual school
Trường thay thế	Alternative school
Trường tư	Private school
Tuyên bố sứ mệnh	Mission statement
Vodcast	Vodcast
Wiki	Wiki

■ Xây dựng và Áp dụng

1. Mục đích cơ bản của bất kỳ trường học nào là đem lại cơ hội học tập cho học sinh của mình. Những yếu tố nào khác có thể ảnh hưởng đến mục đích đã công bố của một trường cụ thể?
2. Hãy xem xét nơi bạn đang sống. Theo bạn, mục đích của những trường trong khu vực bạn đang sống là gì? Điều gì ảnh hưởng đến những mục đích đó? Theo bạn, mục đích của những trường này đã thay đổi như thế nào trong vòng 50 năm qua? Điều gì đã tạo ra những thay đổi đó?
3. Một số học sinh ở những thị trấn nhỏ, vùng nông thôn có thể khao khát đạt được sự nghiệp mà họ tin rằng vượt trên khả năng một trường ở địa phương có thể trang bị cho họ (ví dụ, ngành khoa học robot, lập trình máy tính, đào tạo kỹ thuật viên chụp siêu âm và x-quang tự động). Trường học có trách nhiệm gì với những học sinh này? Làm thế nào trường có thể đáp ứng được các em? Với tư cách là giáo viên, bạn có thể hỗ trợ những học sinh này như thế nào?
4. Lập một biểu đồ, liệt kê các loại hình trường học bạn đã tìm hiểu. Phía dưới mỗi loại hình trường học, liệt kê mục đích cơ bản của trường đó. Nhìn vào biểu đồ để tìm ra mục đích chung của tất cả các trường.
5. Yếu tố nào có thể tác động đến bạn trong việc lựa chọn trường phi truyền thống cho con cái bạn? Trường phi truyền thống có những ưu điểm nào so với trường truyền thống?

■ Tái thiết lập tiêu chuẩn

1. Hãy nhớ lại tất cả các Tiêu chuẩn InTASC liên quan đến mục tiêu chương.

InTASC Tiêu chuẩn số 3: “Giáo viên làm việc cùng những người khác để tạo ra môi trường hỗ trợ học tập cá nhân và cộng tác, khuyến khích tương tác xã hội tích cực, sự tham gia chủ động trong học tập, và tự tạo động lực”.

 - a. Chương này đề cập đến phần nào của tiêu chuẩn trên?
 - b. Với tư cách là giáo viên, những khái niệm trong chương giúp bạn ứng dụng tiêu chuẩn này như thế nào?
2. Sử dụng công cụ tìm kiếm ưa thích của bạn để tìm tiêu chuẩn chứng chỉ của bang nơi bạn cư trú. Khi bạn tìm thấy, hãy đánh dấu địa chỉ trang web; bạn sẽ thường xuyên cần đến trong khóa học này.
 - a. Những kết luận của bạn về mục đích của trường học được thể hiện như thế nào trong tiêu chuẩn của bang nơi bạn cư trú?
 - b. Những tiêu chuẩn InTASC giống và khác như thế nào so với tiêu chuẩn chứng chỉ của bang?

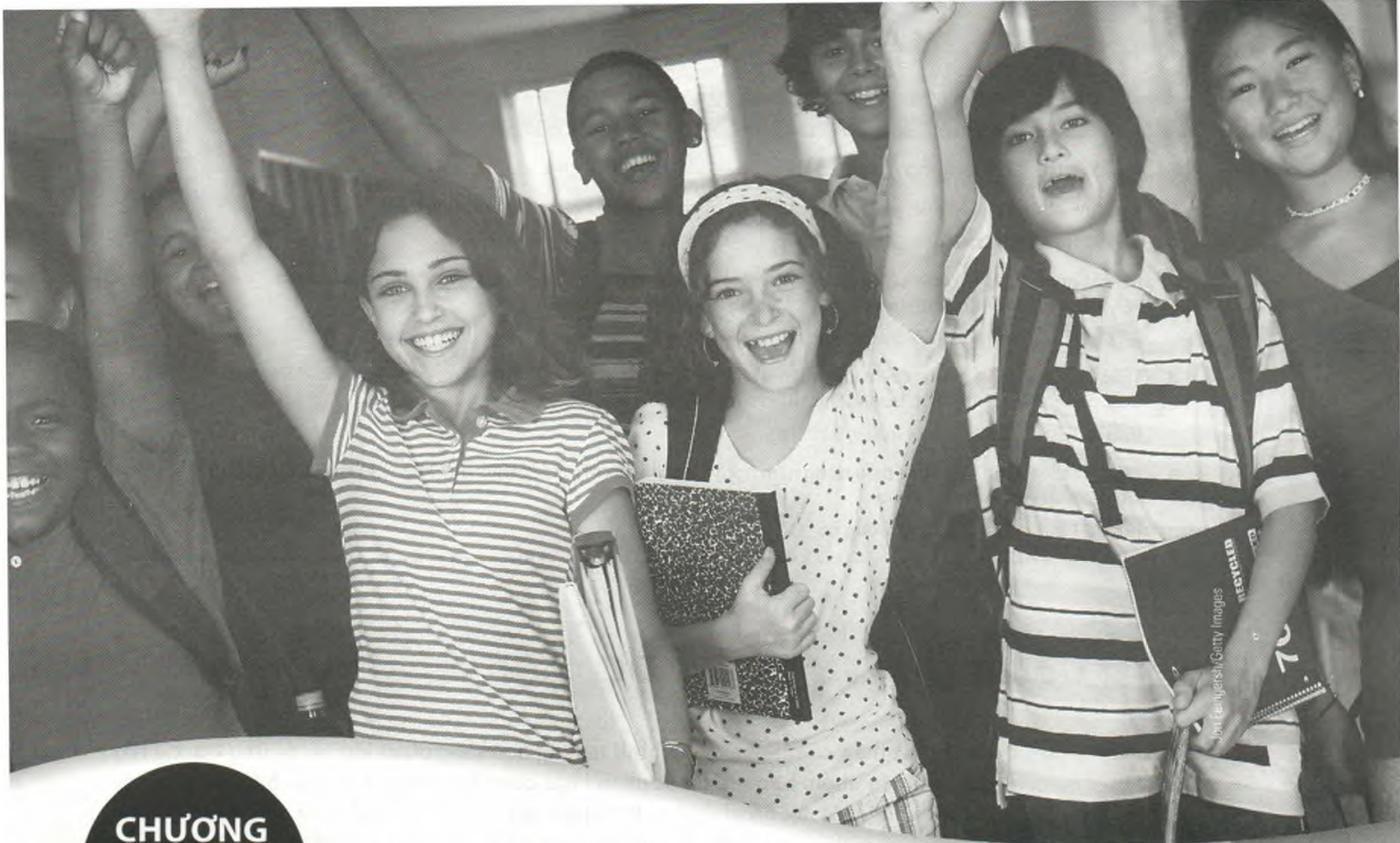


■ Hồ sơ của bạn

Bổ sung tuyên bố sứ mệnh của trường bạn thực tập vào hồ sơ của mình. So sánh tuyên bố sứ mệnh của trường với tuyên bố về triết lý giáo dục của chính bản thân bạn. Hãy mô tả, nếu bạn là giáo viên của trường đó, bạn sẽ đóng góp như thế nào để hoàn thành sứ mệnh trên.

📄 Tài liệu tham khảo trên Education Coursemate

Hãy truy cập trang web của Education CourseMate (tại www.cengagebrain.com) hoặc trang books.fpt.edu.vn để biết thêm thông tin về mục đích của trường học, trường học phi truyền thống, trường học ảo, học tập từ xa, công cụ học tập tương tác và các nguồn thông tin hữu ích khác. Bạn sẽ tìm thấy các TeachSource video, thông tin hướng dẫn thực hành trải nghiệm thực tế, thẻ từ vựng, các hoạt động, câu đố, đường dẫn trực tiếp tới trang web được nhắc đến trong chương này, và nhiều thông tin khác nữa.



CHƯƠNG

7

Cơ cấu trường học

TRONG CHƯƠNG 6, bạn đã tìm hiểu về mục đích của trường học. Như bạn đã biết, mục đích của trường học thể hiện lý do cơ bản cho sự tồn tại của trường. Bạn thấy rằng có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mục đích trường học, như phạm vi cấp lớp và cộng đồng phục vụ, vị trí, dân số, các dịch vụ riêng biệt mà trường đem lại hay những điều tương tự. Bạn cũng thấy rằng có một vài mục đích chung cho tất cả trường học, ví dụ giúp học sinh học đọc và viết, phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ, phát triển kỹ năng toán, chuẩn bị cho cuộc sống trong xã hội ngày nay (và tương lai), phát triển kỹ năng công nghệ, chuẩn bị cho công việc sau này hay tiếp tục vào đại học.

Để đạt được mục đích của mình, trường học cần có các cơ sở vật chất, dụng cụ, thiết bị và nhân sự nhất định. Ví dụ, một trường chuyên tập trung vào các môn khoa học sẽ cần tới không gian và thiết bị phòng thí nghiệm. Trường học cũng cần phát triển các hoạt động định kỳ và thời khóa biểu nhằm đáp ứng nhu cầu của học sinh cũng như cộng đồng đang phục vụ. Trong chương này, bạn sẽ xem xét các yếu tố đóng góp vào hoạt động nội bộ của trường. Những yếu tố này bao gồm cơ sở vật chất (dụng cụ, thiết bị, tài nguyên công nghệ cùng những tài nguyên khác), nhân sự và thời khóa biểu. Bạn sẽ tìm hiểu những công việc nội bộ này từ góc nhìn của một trường học mong muốn hoàn thành mục đích của mình.

Mục tiêu chương

Sau khi kết thúc chương này, bạn có thể:

1. Xác định những yếu tố thiết yếu mà tất cả trường học phải có để hoàn thành mục đích của mình.

INTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập

2. Mô tả những cơ sở vật chất cần thiết đối với mỗi kiểu trường học cụ thể và giải thích lý do những cơ sở vật chất này lại cần thiết để trường học thực hiện sứ mệnh của mình.

INTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập

3. Thảo luận vai trò và trách nhiệm của nhân sự chuyên môn và phi chuyên môn trong trường học, đồng thời mô tả cách thức những người này giúp trường thực hiện sứ mệnh của mình.

INTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập

4. Mô tả các loại hình thời khóa biểu trong năm học và ngày học; chỉ rõ cách thức thời khóa biểu này giúp trường thực hiện sứ mệnh của mình như thế nào.

INTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập



Nhu cầu của trường học

Như bạn đã thấy, có rất nhiều loại hình trường học khác nhau tồn tại; những trường này phục vụ nhiều nhóm học sinh khác nhau hoặc có những mục đích khác biệt. Trường học có nhiều công việc nội bộ phức tạp, liên quan đến cả cơ sở vật chất và con người. Giống như một học sinh đã từng hoặc đang trải nghiệm “trường học”, bạn có thể sẽ cho tất cả những công việc khó khăn đó là hiển nhiên có được, mà không bao giờ suy nghĩ về việc chúng vận hành như thế nào.

Bạn có nghĩ về những bộ phận trong chiếc ô tô của bạn cũng như cách thức tất cả các bộ phận đó phối hợp với nhau trước khi bạn bước vào xe, nổ máy và phóng đi không? Có lẽ là không. Bạn chỉ muốn chiếc xe khởi động và giúp bạn đi đến bất cứ nơi nào cần tới. Nhưng nếu dừng lại và suy nghĩ (thậm chí với những kiến thức hạn hẹp về động cơ ô tô), bạn sẽ thấy chiếc xe hơi là một bộ máy khá kỳ diệu. Chúng ta hãy nhìn nhận trường học theo cách tương tự như vậy.

Chúng ta đã hiểu được rằng mục đích của trường học cũng đa dạng như nhóm học sinh mà trường phục vụ. Cơ cấu và tổ chức của trường phải được sắp xếp sao cho trường học có thể đạt được mục đích của mình. Nếu những trường học khác nhau có các mục đích không giống nhau, thì cơ cấu và tổ chức của những trường đó cũng sẽ khác biệt. Ví dụ, trường học được thiết kế để phục vụ học sinh nhỏ tuổi sẽ không giống như trường được thiết kế cho học sinh trung học phổ thông, và trường ở vùng nông thôn cũng sẽ khác trường ở thành thị.

Chúng ta hãy nghĩ về cơ cấu tổng thể của một trường học. Những bộ phận nào là thiết yếu để trường hoạt động? Nếu được hỏi về ô tô, có thể bạn sẽ kể tên được một vài bộ phận của động cơ xe hơi. Nhưng nếu nghĩ thêm một chút nữa, bạn có thể đưa ra thêm nhiều chi tiết hơn về những bộ phận xe vừa kể tên, chỉ ra một số phần nhỏ hơn, khó nhìn thấy hơn, nhưng rất quan trọng và thiết yếu để động cơ xe hoạt động. Hộp kiến tạo 7.1 đưa ra câu hỏi để bạn suy nghĩ về một trường học thông thường theo cách tương tự.

Các yếu tố của một trường học

HỘP KIẾN TẠO

7.1

Hãy nghĩ về một kiểu trường học nào đó:

1. Động não và liệt kê một số yếu tố thiết yếu mà trường cần đến để hoàn thành mục đích của mình. Hãy liệt kê cả những yếu tố lớn và nhỏ - tất cả những gì bạn có thể nghĩ được.
2. So sánh danh sách của bạn với danh sách của một bạn cùng lớp:
 - a. Hai danh sách đó giống và khác nhau thế nào?
 - b. Điều gì khiến chúng khác nhau?
3. Danh sách của bạn phụ thuộc vào kiểu trường học mà bạn đang nghĩ đến tới mức nào?

Danh sách của bạn có lẽ đã gồm những mục như tòa nhà, phòng học, dụng cụ, thiết bị, giáo viên, ban giám hiệu, trợ giảng, các chuyên gia và tương tự. Bạn cũng có thể đã nhắc đến yêu cầu về công nghệ do vai trò của nó trong giáo dục ngày một tăng lên. Chúng ta hãy xem xét ba khía cạnh cơ bản của cơ cấu trường học là: Cơ sở vật chất, nhân lực và thời khóa biểu.

Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất (physical facility) chính là bản thân tòa nhà trường học. Danh sách của bạn trong Hộp kiến tạo 7.1 đã có lớp học chưa? Bạn sẽ nói: “Chắc chắn rồi!”. Nhưng câu hỏi này trông không đơn giản như bạn tưởng. Trong những năm 1960, một số trường học đã được xây dựng mà không có vách ngăn lớp học để đáp ứng nhu cầu linh hoạt trong việc thành lập các nhóm học sinh để điều chỉnh về số lượng (Anderson, 1966). Các trường kiểu *lớp học mở* (open classroom) này rất phổ biến trong một thời gian, nhưng hiện đã không còn được xây dựng nữa.

Kiến trúc sư nổi tiếng Louis Sullivan đã viết: “Hình thức nên phù hợp với chức năng” (Form should follow function) (trong Boudreaux, 1993, trang 1). Nói cách khác, mục đích của cơ cấu trường nên quyết định thiết kế của nó. Nguyên tắc này phù hợp với thiết kế trường học cũng như bất cứ công trình kiến trúc nào. Khi bạn khám giá những yếu tố của cơ cấu trường học (tòa nhà, dụng cụ, thiết bị, nhân lực và thời khóa biểu), hãy ghi nhớ câu nói này: Mục đích và các mục tiêu của trường học sẽ quyết định thiết kế của nó.

Chúng ta sẽ tìm hiểu về nguyên tắc này trong những trường mà chúng ta đã xem xét mục đích trong Chương 6.

Xác định cơ cấu trường học từ mục đích của trường

HỘP KIẾN TẠO

7.2

Trong Chương 6, bạn đã tìm hiểu những mục đích của một số kiểu trường học khác nhau, trong đó có cả các trường truyền thống (ví dụ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học đệ nhất cấp và trường trung học phổ thông), cũng như trường phi truyền thống (như trường đặc cách, trường chuyên, trường được vận hành bởi các tổ chức quản lý giáo dục, giáo dục tại gia, trường thay thế, trường dạy nghề, trường tư và trường học ảo).

Chọn một loại hình trường học và trả lời các câu hỏi sau:

- Hãy chỉ rõ hai hoặc ba đặc điểm để phân biệt trường này với những loại hình trường học khác.
- Bạn sẽ thiết kế tòa nhà trường học như thế nào để trường có thể đạt được mục đích của mình?



© Michael Newman/PhotoEdit, Inc.

Mục đích của trường học sẽ quyết định thiết kế của trường. Dựa vào thiết kế trên, theo bạn đây có thể là loại hình trường nào?

Ví dụ về trường trung học cơ sở

Một ví dụ hay về việc áp dụng nguyên tắc “hình thức nên phù hợp chức năng” có thể thấy trong trường trung học cơ sở. Như bạn đã biết, mục đích của trường trung học cơ sở là điều chỉnh sao cho môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu khác biệt của những học sinh thanh thiếu niên trẻ tuổi. Trong trường tiểu học, học sinh dành phần lớn thời gian trong ngày với cùng một giáo viên và các bạn của mình. Các lớp học cùng cấp lớp sẽ thường ở chung một khu vực tòa nhà. Trong trường trung học phổ thông, giáo viên và học sinh lại thay đổi theo từng lớp, và các lớp được chia theo môn học. Vậy cơ cấu của một trường “ở giữa” hai khối lớp trên sẽ trông như thế nào?

Khi khái niệm trường trung học cơ sở phát triển, có nhiều trường trung học đệ nhất cấp đã được chuyển đổi thành trường trung học cơ sở. Chuyển đổi một trường trung học đệ nhất cấp không chỉ đòi hỏi sự thay đổi về chương trình và triết lý, mà còn thay đổi trong cơ cấu vật chất. Khi những tòa nhà trường học được xây lên, các nhà thiết kế sẽ chú ý vào việc phát triển cơ cấu và tổ chức giúp hỗ trợ tốt nhất cho mục đích của trường trung học cơ sở. Kết quả chính là các tòa nhà trường trung học cơ sở đã trở nên quen thuộc ngày nay, theo đó lớp học được xếp theo hình “quả đậu”, những lớp học của từng bộ môn chính dạy cho một cấp lớp cụ thể nào đó sẽ được tập hợp trong cùng một khu vực chung.

Giáo viên trường trung học cơ sở làm việc theo nhóm bốn hoặc năm người với nhiều bộ môn khác nhau. Một nhóm thường có giáo viên môn xã hội, toán, ngữ văn, khoa học, và đôi khi cả giáo viên dạy đọc. Một cách lý tưởng, những giáo viên này sẽ làm việc trong các lớp học liền kề, và học sinh của nhóm giáo viên sẽ di chuyển từ lớp này sang lớp kia trong cùng một khu vực chung. Do đó, tất cả học sinh trong cùng một nhóm sẽ có chung thầy cô giáo.

Có lẽ bạn thấy quen thuộc với trường trung học đệ nhất cấp hơn trường trung học cơ sở. Cơ cấu của trường trung học cơ sở giống với trường tiểu học hơn là trường trung học phổ thông, trong khi trường trung học đệ nhất cấp lại có cơ cấu giống với trường trung học phổ thông. Bạn nghĩ cơ cấu của trường trung học đệ nhất cấp sẽ khác với trường trung học cơ sở như thế nào dựa trên những gì bạn vừa đọc?

Yêu cầu về cơ sở vật chất của trường học

Trường học có nhiều nhu cầu lớn về cơ sở vật chất. Trường học cần đến những dãy phòng học rộng rãi: Không gian dạy học cho từng môn riêng biệt; phòng cho các chương trình ngoài giờ học; sân chơi và/hoặc sân tập thể thao; thiết bị và dụng cụ công nghệ; các dụng cụ, thiết bị, đồ dùng hỗ trợ dạy và học; không gian cho ban giám hiệu, giáo viên của từng môn riêng biệt cùng nhân sự hỗ trợ.

Danh sách các yếu tố thiết yếu của bạn trong Hộp kiến tạo 7.1 có xe di động (trailer) hay không gian lớp học di động không? Hay bạn có giả định rằng các tòa nhà trường học đủ lớn để chứa tất cả học sinh không? Cho dù những nhà thiết kế cơ sở vật chất trường học có cố gắng tư duy cấp tiến đến thế nào, thì dân số thường tăng nhanh hơn dự tính, dẫn đến tình trạng quá đông. Một giải pháp cho vấn đề này là sử dụng lớp học di động. Hơn một phần ba trường học ở Mỹ sử dụng lớp học di động (U.S. Environmental Protection Agency - Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ, 2009). Modular Building Institute (Viện Xây dựng Module-hóa

Chính quyền liên bang đã thực hiện việc hỗ trợ triển khai các công nghệ ứng dụng trong giáo dục trong trường học. Một lĩnh vực hỗ trợ lớn là phát triển các kế hoạch công nghệ ứng dụng trong giáo dục cho quốc gia. Kế hoạch Công nghệ Ứng dụng trong Giáo dục Quốc gia (National Educational Technology Plan) đầu tiên được ban hành vào năm 1996, và theo đó là hai lần chỉnh sửa để phản ánh tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của công nghệ cũng như sự thay đổi trong tư duy về công nghệ ứng dụng trong giáo dục từ một trào lưu đất tiền với kết quả đầy nghi vấn cho tới một yếu tố thiết yếu trong giảng dạy. Kế hoạch Công nghệ Ứng dụng trong Giáo dục Quốc gia lần thứ tư ban hành năm 2010 mang tên *Chuyển biến Giáo dục Hoa Kỳ: Học tập Hỗ trợ bởi Công nghệ (Transforming American Education: Learning Powered by Technology)*. Kế hoạch này thôi thúc các trường học sử dụng công nghệ để (1) xúc tiến gia tăng học tập của học sinh; (2) đánh giá thành tích của học sinh; (3) nâng cao giảng dạy; (4) đem kiến thức đến cho tất cả mọi người; (5) cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên (Office of Educational Technology - Văn phòng Công nghệ Giáo dục, 2010). Phần dưới đây sẽ chỉ ra những nguyên tắc cơ bản của kế hoạch này:

Một Mô hình Học tập Hỗ trợ bởi Công nghệ


Các nguyên tắc cơ bản của Kế hoạch Công nghệ Ứng dụng trong Giáo dục Quốc gia 2010

- 1. Học tập: Gắn kết và trao quyền** Tất cả học sinh được cung cấp những trải nghiệm học tập mang tính thu hút và chủ động ở cả trong và ngoài trường học, giúp các em trở nên chủ động, sáng tạo, hiểu biết và trở thành những thành viên có đạo đức trong xã hội kết nối toàn cầu ngày nay.
- 2. Đánh giá: Đo lường những gì quan trọng** Hệ thống giáo dục ở tất cả các khối cấp sẽ tận dụng sức mạnh của công nghệ để đo lường những gì quan trọng và sử dụng những dữ liệu đánh giá để tiếp tục cải thiện.
- 3. Giảng dạy: Chuẩn bị và kết nối** Những nhà giáo chuyên nghiệp sẽ được hỗ trợ trên cả tư cách cá nhân và trong nhóm nhờ công nghệ kết nối họ với dữ liệu, nội dung, tài nguyên, chuyên gia và trải nghiệm học tập nhằm cho phép cũng như

truyền cảm hứng cho việc giảng dạy hiệu quả hơn với tất cả học sinh.

- 4. Cơ sở hạ tầng: Tiếp cận và sử dụng** Tất cả học sinh và nhà giáo sẽ được tiếp cận với cơ sở hạ tầng toàn diện để học tập bất cứ khi nào và tại bất cứ nơi đâu họ cần.
- 5. Năng suất: Tái thiết kế và chuyển biến** Hệ thống giáo dục ở tất cả khối cấp sẽ tái thiết kế quy trình và cơ cấu để tận dụng sức mạnh của công nghệ giúp nâng cao kết quả học tập, đồng thời sử dụng thời gian, tiền bạc và nhân lực hiệu quả hơn.

Không phải tất cả mọi người đều tin rằng công nghệ có thể được sử dụng để giúp giáo dục trẻ em. Oppenheimer (2003), một nhà báo từng đoạt giải thưởng, đồng thời là nhà phê bình về công nghệ ứng dụng trong giáo dục, đã chỉ ra nhiều ví dụ mà công nghệ thất bại trong việc cải thiện việc học tập của học sinh hay không đạt được hiệu quả. Vì thế, ông đề xuất rằng giáo dục cần được phục vụ tốt hơn bằng việc tăng sự chú ý đến những trải nghiệm thực tế của học sinh thay vì trải nghiệm ảo. Tuy nhiên, Burns (2005/2006) lại bày tỏ quan điểm rằng trước khi chúng ta loại bỏ máy tính như một trào lưu đất tiền, các nhà giáo nên đảm bảo rằng họ đang sử dụng máy tính với khả năng giảng dạy cao nhất trong việc thúc đẩy việc học tập của học sinh. Và Friedman (2005) đã giữ quan điểm rằng động lực quan trọng nhất cho sự thay đổi vào cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 là sự bùng nổ của công nghệ. Gần đây, một báo cáo về việc sử dụng công nghệ ở trường học (Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2010) chỉ ra rằng trong số 97% giáo viên Mỹ có máy tính trong lớp học, thì 69% nói rằng họ sử dụng máy tính trong giảng dạy; và trong số những người đã tham dự chương trình phát triển nghề nghiệp, 88% nói rằng việc sử dụng công nghệ hỗ trợ cho mục đích và tiêu chuẩn của bang, học khu cũng như trường của họ.

 Bạn có thể truy cập Tổ chức Quốc gia về Cơ sở vật chất Giáo dục (National Clearinghouse for Educational Facilities) thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate. Trang web này có nhiều tài liệu tham khảo về công nghệ trong trường học ở Mỹ.

dự tính rằng hệ thống trường công lập đã sử dụng trên 300.000 phòng học di động trong năm 2006 (Tổ chức Quốc gia về Cơ sở vật chất Giáo dục, 2011). Lý do cơ bản của việc sử dụng không gian giảng dạy tạm thời này chính là tình trạng quá đông do một lượng lớn học sinh đăng ký học, và các học khu cố gắng tuân thủ luật của bang về số lượng học sinh giới hạn trong một lớp.

Danh sách của bạn đã bao gồm phòng học hay khu vực cho những hoạt động đặc biệt như nghệ thuật, ban nhạc, dàn nhạc, dàn hợp xướng, giáo dục thể chất, dạy nghề, giáo dục công nghệ, sân khấu và các môn chuyên biệt khác không? Danh sách của bạn có cơ sở vật chất cho các chương trình ngoài giờ học (after-school programs - APA), hoạt động ngoại khóa hay chương trình cộng đồng không? Trong nhiều năm, việc tổ chức các chương trình ngoài giờ học, chương trình cuối tuần và hoạt động ngoại khóa cho học sinh, gia đình cùng cộng đồng nói chung là ưu tiên của những nhà giáo và chính phủ liên bang. Những hoạt động này được thiết kế để giúp học sinh, gia đình các em và thành viên trong cộng đồng học các kỹ năng mới, cũng như khám phá và phát triển những khả năng mới. Các dịch vụ cung cấp thường bao gồm dịch vụ trợ giảng, các hoạt động tăng cường học tập, hoạt động phát triển thanh niên, chương trình tư vấn và giáo dục nhân cách, cùng các chương trình cho người lớn.

Chính phủ liên bang hỗ trợ dưới hình thức trợ cấp; chương trình Trung tâm Học tập Cộng đồng Thế kỷ 21 (21st Century Community Learning Center) là một ví dụ. Chương trình này hỗ trợ việc phát triển các trung tâm học tập cộng đồng giúp mang lại cơ hội tăng cường học tập ngoài giờ trên lớp; chú trọng đặc biệt vào những trung tâm được thiết kế để thu hút học sinh tại các trường thuộc khu vực nghèo hay có thành tích thấp. Các phần trợ cấp có phạm vi rộng từ mức vài triệu đô la Mỹ cho đến hàng chục triệu đô la Mỹ (Bộ Giáo dục Mỹ, 2011b).

Danh sách của bạn trong Hộp kiến tạo 7.1 có những khoản mục về công nghệ không? Từ trải nghiệm đã từng là học sinh của mình, có lẽ bạn cũng nhận thức được rằng hầu hết các trường có nhiều thể loại công nghệ cho học sinh và giáo viên, bao gồm phòng máy tính và/hoặc tủ kéo máy tính cá nhân (laptop cart) với lượng máy tính đủ cho một lớp (một máy tính cho một học sinh trong một lớp). Giáo viên có thể đặt trước phòng máy tính hoặc tủ kéo máy tính cho lớp học của mình. Bên cạnh đó, giáo viên thường có máy tính để bàn kết nối với máy chiếu và/hoặc bảng tương tác, đồng thời lớp học có thể trang bị ít nhất một hoặc một vài máy tính cho học sinh sử dụng. Tất nhiên, trường học thường có kết nối mạng Internet không dây.

Trong bản kế hoạch của bạn đã có những thiết bị công nghệ thích nghi và trợ giúp người khuyết tật chưa? (Bạn đã tìm hiểu về công nghệ này trong Chương 5). Bạn đã thấy trong Chương 5 rằng Đạo luật Giáo dục cho Người khuyết tật (Individuals with Disabilities Education Act - IDEA) yêu cầu rằng tất cả trẻ em cần được giáo dục môi trường ít hạn chế nhất, bất kể nhu cầu đặc biệt là gì. Đạo luật này mở rộng sang cả vấn đề công nghệ, theo đó các trường phải cung cấp công nghệ đảm bảo rằng *tất cả* học sinh đều có thể sử dụng được.

Danh sách của bạn có bao gồm các cơ sở vật chất cho học sinh với nhu cầu đặc biệt không? Những khuyết tật nào bạn đã xét tới? Bạn đã liệt kê cơ sở vật chất nào cho những khuyết tật này? Các cơ sở vật chất này có thể là đoạn đường dốc cho xe lăn, không gian và chỗ để thiết bị trong các phòng học thông thường, cho đến các phòng đặc biệt với những cơ sở vật chất đặc biệt dành cho học sinh khuyết tật nghiêm trọng.

Có lẽ bạn đã dành thời gian để xem xét những yêu cầu nhỏ hơn - nhưng không kém phần quan trọng - của trường học, ví dụ đồ dùng cho giáo viên, học sinh, ban giám hiệu và các nhân viên giám hộ. Bạn có nhớ rằng tất cả mọi người trong trường thường ăn trưa

hàng ngày ngay tại trường không? Trường cần có những nguồn lực nào để hoàn thành nhiệm vụ to lớn như phục vụ ăn uống? (Chương 12 sẽ cung cấp các nội dung cụ thể về bữa trưa tại trường). Và bạn có nhớ rằng hầu hết các trường đều cần đến phòng tập thể dục và hội trường không?

Nhân sự

Tiếp theo, chúng ta sẽ thảo luận về nguồn nhân lực.

Hãy nhớ lại phần so sánh của chúng tôi về động cơ xe hơi. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu một bộ phận không hoạt động tốt? Có lẽ bộ phận đó không vừa, hoặc kích cỡ hay kiểu dáng sai lệch, hoặc đã quá cũ và bị mòn. Điều này có nghĩa gì với động cơ? Có lẽ bộ phận đó vẫn đủ tốt để động cơ khởi động nhưng rồi chạy chệch choạng hoặc không đều. Và cuối cùng động cơ có thể sẽ chết máy, không khởi động lại được, sau đó khiến tất cả chiếc xe hoàn toàn dừng lại.

Để chiếc xe của bạn chạy trơn tru, các bộ phận phải đang ở tình trạng tốt và phối hợp với nhau nhịp nhàng trong một chiếc xe đã được bôi trơn. Vậy điều gì là cần thiết để một ngôi trường vận hành một cách suôn sẻ? Chắc chắn, sẽ có những trục trặc trong một năm học nào đó hay thậm chí mọi ngày học. Nhưng về cơ bản, trường học phải cực kỳ thành công trong việc thực hiện các chức năng của mình và đạt được mục đích của trường. Để làm được điều đó đòi hỏi tất cả các bộ phận của trường mà bạn đã xét đến - những gì tạo nên cơ cấu và nguồn lực của trường học, bao gồm cả nhân sự - đều được tổ chức hiệu quả.

Hãy xem lại danh sách mà bạn đã lập trong Hộp kiến tạo 7.1. Bạn cho rằng những nhân sự nào là cần thiết để một trường học hoàn thành mục đích của mình?

Trường học cần đến rất nhiều dạng nhân sự khác nhau. Tất nhiên, trường học với mỗi kiểu và mục đích khác nhau sẽ cần đến loại hình nhân sự không giống nhau. Tuy nhiên, bất kể bản chất và mục đích của trường là gì, thì tất cả trường học đều cần đến nhân sự với trình độ chuyên môn nhất định.

Giáo viên

Trong danh sách những yếu tố thiết yếu cho trường học của bạn, có lẽ nổi bật nhất chính là giáo viên. Mỗi trường nên có bao nhiêu giáo viên? Từ những trải nghiệm của bản thân về trường học, có thể bạn đã từng ở trong những lớp rất nhỏ, hoặc đã từng ngồi ở những lớp rất lớn, ví dụ những buổi trên giảng đường đại học. Một điểm quan trọng cần xem xét trong việc tổ chức trường học là tỷ lệ học sinh-giáo viên (student-teacher ratio), số học sinh trung bình được giao cho một giáo viên trong một lớp. Ví dụ, tỷ lệ học sinh-giáo viên 21:1 có nghĩa là trung bình, có 21 học sinh trong mỗi lớp của một giáo viên.

tỷ lệ học sinh-giáo viên (student-teacher ratio) Số học sinh trung bình được giao cho một giáo viên.

Quy mô lớp học tối ưu

Dựa vào kinh nghiệm bản thân, theo bạn, tỷ lệ học sinh-giáo viên tối ưu cho những lớp sau nên là bao nhiêu? Vì sao?

- Lớp mẫu giáo
- Lớp lượng giác ở trung học phổ thông
- Lớp hợp xướng

HỘP KIẾN TẠO

7.3

- Lớp giáo dục thể chất ở trường trung học cơ sở
- Lớp ba
- Phòng học lớn ở trường trung học phổ thông
- Phòng thí nghiệm khoa học ở trường trung học phổ thông
- Lớp giáo dục đặc biệt cho học sinh khuyết tật ở mức vừa phải
- Lớp đại cương văn học ở đại học

Theo bạn, nhìn chung quy mô lớp học tối ưu là bao nhiêu? Những yếu tố quan trọng nào cần xem xét khi đưa ra quyết định về tỷ lệ học sinh-giáo viên?

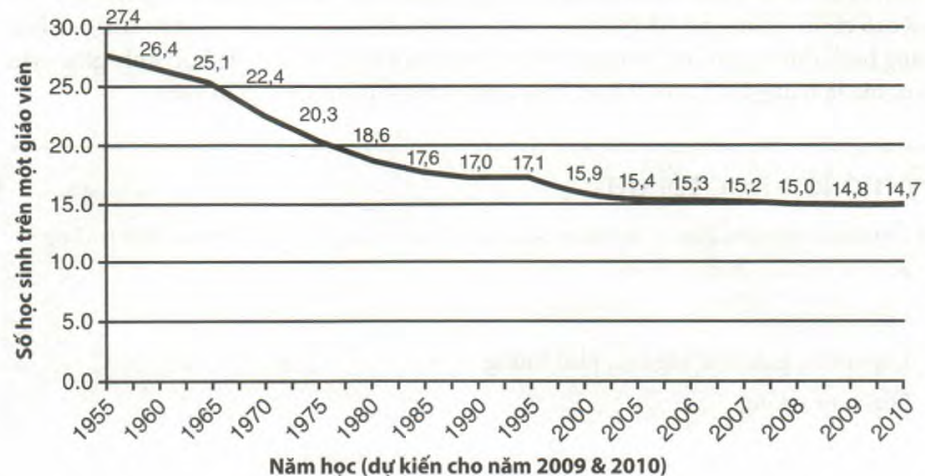
Quy mô lớp học tối đa trong hệ thống trường học hay bang của bạn là bao nhiêu? (Hãy kiểm tra trên trang web của Sở Giáo dục bang).

Những hệ thống trường học địa phương có cung cấp thông tin về tỷ lệ học sinh-giáo viên nói chung ở các trường của họ không? Tỷ lệ này thường nằm trong khoảng nào? Liệu biết về tỷ lệ này có quan trọng với bạn khi quyết định nhận vị trí giảng dạy nào đó hay không? Vì sao?

Số lượng học sinh nhập học ở trường công lập tăng ổn định trong thế kỷ 20, ngoại trừ lần giảm nhẹ trong thời kỳ từ những năm 1970 đến những năm 1980. Số lượng giáo viên cũng tăng một cách đều đặn. Tuy nhiên, tốc độ gia tăng giáo viên lại lớn hơn tốc độ gia tăng tổng số học sinh. Điều này dẫn đến việc tỷ lệ học sinh-giáo viên trung bình toàn quốc đã giảm đều từ 31:1 năm 1920 xuống 15,2:1 năm 2008 và 2009 (World Almanac Books, 2011). Lưu ý rằng tất cả cán bộ giảng dạy đều được tính vào tỷ lệ này, kể cả những người có rất ít học sinh do chuyên ngành đặc biệt. Tỷ lệ của từng bang biến đổi từ mức cao như 22,9:1 ở Utah tới mức thấp 10,6:1 ở Vermont (Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2011h). Bộ Giáo dục Mỹ ước tính rằng quy mô lớp học trung bình trong năm học 2008-2009 là gần 25 học sinh (Sparks, 2010). Tuy nhiên, con số này bao gồm cả giáo dục đặc biệt và giáo viên chuyên ngành khác, những người thường dạy các lớp học nhỏ hơn nhiều so với giáo viên dạy lớp thông thường. Hình 7.1 mô tả tỷ lệ học sinh-giáo viên trung bình toàn quốc từ năm 1955.

Tỷ lệ học sinh-giáo viên trong các trường tư thường thấp hơn tỷ lệ trung bình toàn quốc. Ví dụ, tỷ lệ học sinh-giáo viên của các trường tư trong năm học 2008-2009 là 13,1:1, so với mức trung bình toàn quốc của trường công là 15,9:1 (Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2010a).

Hãy so sánh tỷ lệ học sinh-giáo viên trung bình toàn quốc với những lớp bạn từng học ở trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông? Đây là nguyên nhân của sự khác biệt này?



Hình 7.1 ▶

Tỷ lệ học sinh-giáo viên: Tỷ lệ trung bình toàn quốc từ 1955 đến 2010.

(Nguồn: Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2010a).

© Cengage Learning 2014

Quy mô lớp học có quan trọng không?

Bạn đã tìm hiểu về các công việc nội bộ của một trường học, trong đó có cả vấn đề quy mô lớp học. Đối với phụ huynh và công chúng nói chung, quy mô lớp học có vẻ như là "bài kiểm tra thử nghiệm" về chất lượng trường học. Trường học với các lớp có quy mô nhỏ thường được nhìn nhận là tốt hơn những trường với quy mô lớp lớn. Randi Weingarten, chủ tịch Liên đoàn Giáo viên Mỹ, nói rằng khảo sát cho thấy ngoại trừ mức độ an toàn ở trường học, phụ huynh quan tâm tới quy mô lớp học hơn bất cứ điều gì khác (Dillon, 2011a). Rốt cuộc, nếu một giáo viên chỉ có khoảng 15 học sinh trong lớp, có vẻ như việc giáo viên có thể quan tâm tới từng học sinh là khả thi hơn rất nhiều. Không em nào bị tụt lại phía sau, và không em nào phải tự cố gắng một mình. Mặt khác, giáo viên với quy mô lớp khoảng 30 học sinh đơn giản không thể dạy cho từng học sinh một. Những giáo viên này có số lượng lớn các bài cần chấm, điểm phải tính, bài tập thêm cho những học sinh vắng mặt, số lượng phụ huynh cần liên lạc và số email cần trả lời. Hơn nữa, vấn đề kỷ luật trở nên khó khăn hơn: Ví dụ, học sinh có thể ngủ gật trong lớp mà giáo viên không biết, và rõ ràng giáo viên không thể chấn chỉnh từng học sinh đang có dấu hiệu mơ màng trong lớp.

Tuy nhiên, theo các chuyên gia, trong số những yếu tố quyết định liệu một trường học có tốt hay không, thì quy mô lớp học chỉ đứng thứ tư, sau đào tạo vững vàng cho giáo viên, chương trình rõ ràng, tổ chức tốt, cùng đội ngũ nhân viên được hỗ trợ tốt và đánh giá thường xuyên (Tyre, 2011).

Vậy quy mô lớp học nhỏ hơn có đúng là tốt hơn không? Chúng ta hãy xem xét một số bằng chứng. Bạn đã có một vài con số, và bạn cũng đã xem Dự án STAR về "tiêu chuẩn vàng" trong nghiên cứu về quy mô lớp. Quy mô lớp nhỏ hơn cho phép giáo viên dành thời gian và năng lượng cần thiết để giúp từng em học sinh đạt kết quả tốt, nâng cao độ an toàn và kỷ luật trong lớp học. Dự án này cùng nhiều dự án nghiên cứu khác cho chúng ta thấy rằng quy mô lớp học nhỏ hơn sẽ mang lại kết quả tốt hơn, tuy nhiên chỉ khi giáo viên cũng tốt (Rotherham, 2011). *Education Week* (tạm dịch, *Tuần báo Giáo dục*) (2012) cho rằng nghiên cứu nói chung chỉ cho chúng ta thấy rằng quy mô lớp học nhỏ hơn sẽ tốt hơn, nhưng chỉ khi (1) học sinh theo học lớp có quy mô nhỏ trong 3 năm liên tiếp hoặc hơn; (2) học sinh sống trong điều kiện thiếu thốn;

(3) học sinh theo học là các học sinh thiểu số; và (4) quy mô lớp được giảm xuống khoảng 16 học sinh. Thêm vào đó, có vẻ như việc giảm quy mô các lớp rất lớn (ít đi từ 7 đến 10 học sinh một lớp) là cần thiết để tạo ảnh hưởng dài hạn lên thành tích học tập, và ảnh hưởng này sẽ lớn nhất khi các lớp học nhỏ hơn được triển khai ở những khối lớp nhỏ tuổi cũng như cho những học sinh đến từ các gia đình thiệt thòi hơn.

Nhiều bang đã đưa ra quy định về giới hạn quy mô lớp học với niềm tin rằng các lớp học nhỏ hơn sẽ thúc đẩy thành tích học tập tốt hơn. Ví dụ, bang Texas đã đưa ra tỷ lệ học sinh-giáo viên là 22:1 (Marchiechay, 2010) và bang Florida đã điều chỉnh hiến pháp của bang để giới hạn quy mô lớp ở mức 18 đối với mẫu giáo đến lớp ba, 22 cho lớp ba đến lớp tám, và 25 cho các lớp trung học phổ thông (Albright, 2005). Tuy nhiên, trong thời kỳ căng thẳng kinh tế, những người làm luật phải cân nhắc các rào cản về ngân sách, và lớp nhỏ hơn đồng nghĩa với số giáo viên nhiều hơn. Do đó, tỷ lệ học sinh-giáo viên đã bắt đầu tăng từ năm 2011.

Vậy, câu hỏi trở thành: "Liệu những lợi ích từ việc giảm quy mô lớp học có đáng khoản chi phí gia tăng không?". Để bạn có ý niệm về mức chi phí phát sinh, Học viện Brookings đã ước tính rằng việc giảm tỷ lệ học sinh-giáo viên ở Mỹ xuống một học sinh sẽ tốn tối thiểu 12 tỷ USD chỉ xét về lương giáo viên (Whitehurst & Chingos, 2012). Nhiều bang đã nói lòng mức giới hạn theo pháp luật về quy mô lớp học. Ví dụ, tờ *New York Times* (tạm dịch, *Thời báo New York*) đưa tin rằng tại các lớp 9 ở những trường thuộc bang Los Angeles, quy mô trung bình lớp tiếng Anh và toán đã tăng từ 20 lên 34 học sinh; các lớp tiếng Anh và toán lớp 11, 12 hiện có quy mô trung bình là 43 học sinh (Dillon, 2011b).

Do vậy, kết luận của tranh luận về quy mô lớp học và tỷ lệ học sinh-giáo viên là vấn đề giữa kết quả từ nhiều nghiên cứu khác nhau với chi phí. Quy mô lớp học có vẻ quan trọng, nhưng tính hiệu quả của giáo viên còn quan trọng hơn.

BẠN NGHĨ GÌ?

1. *Phẩm chất nào của giáo viên ưu tú là quan trọng nhất khi dạy lớp với quy mô lớn?*
2. *Nếu quy mô lớp thay đổi từ lớn xuống nhỏ, thì cần xem xét những thay đổi nào về cơ sở vật chất của trường?*

Có nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng quy mô lớp học giúp cải thiện thành tích của học sinh. Quy mô lớp học nhỏ cho phép giáo viên dành thời gian và năng lượng giúp từng em học sinh đạt được kết quả tốt, đồng thời nâng cao an toàn và kỷ luật trong lớp học. Phần lớn nghiên cứu về mức độ ảnh hưởng của quy mô lớp học lên thành tích đến từ Dự án STAR (Student-Teacher Achievement Ratio - Tỷ lệ thành tích học sinh-giáo viên), một thí nghiệm thực hiện ở Tennessee cuối những năm 1970 (Học viện Cải cách Giáo dục Đại học Bang California, 1996). Trong dự án này, các học sinh mẫu giáo sẽ được ngẫu nhiên đưa vào học các lớp nhỏ có từ 13 đến 17 học sinh hoặc các lớp lớn từ 22 đến 26 học sinh;



Mỗi học sinh được quan tâm nhiều hơn, không gian lớp rộng hơn và thành tích học tập gia tăng là những lợi ích của lớp học với quy mô nhỏ hơn. Lớp học nào trong số này bạn muốn giảng dạy hơn?

học sinh học tại những lớp này trong 4 năm cho đến lớp ba. Nghiên cứu kế tiếp với vài nghìn học sinh chỉ ra rằng những học sinh trong các lớp nhỏ đạt được thành tích học tập tốt hơn, đặc biệt trong môn đọc, khả năng tốt nghiệp trung học phổ thông cao hơn, đồng thời có khả năng học lên đại học cao hơn những em trong các lớp lớn. Tuy nhiên, ảnh hưởng này chỉ thấy ở những học sinh đã học tại các lớp nhỏ trong cả 4 năm; còn 1 hay 2 năm thì không đủ tạo ra sự khác biệt. Những nhà nghiên cứu cho rằng tỷ lệ thành công cao hơn của học sinh trong các lớp nhỏ là do mức độ quan tâm tới từng cá nhân nhiều hơn và do học sinh không thể tránh sự chú ý của giáo viên (Sparks, 2005).

Hãy so sánh tỷ lệ học sinh-giáo viên tối ưu bạn đã xác lập trong Hộp kiến tạo 7.3 với quy mô lớp học tối ưu vừa thảo luận?

Chúng ta đã từng trải nghiệm với những giáo viên lớp học “bình thường” hay “thông thường”, nhưng bạn có lẽ cũng đã nhận thấy có những nhân sự chuyên môn khác trong trường ở Hộp kiến tạo 7.1. Một số người có thể là giáo viên đặc biệt, số khác có thể đảm đương trách nhiệm trong toàn trường thay vì một lớp học cụ thể nào đó, và số khác nữa có thể giữ trách nhiệm quản lý. Bên cạnh đó, bạn có thể thấy một số nhân sự không làm chuyên môn.

▶ TeachSource Video

Xem tình huống trong Techsource video với tiêu đề: “Hợp tác với các chuyên gia trường học: Bài học đọc viết tiểu học” (Collaborating with School Specialists: An Elementary Literacy Lesson”). Đã qua giai đoạn mà giáo viên trong lớp cần phải trở thành tất cả mọi thứ với mọi học sinh. Ngày nay, trường học thường có nhiều chuyên gia khác nhau để giúp các giáo viên đứng lớp và học sinh. Trong video này, bạn sẽ thấy điều phối viên kỹ năng đọc viết tại trường, Caitlin McArdle, giúp giáo viên Brian LoBue như thế nào. Sau khi xem xong video, bạn hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Hãy mô tả vai trò của điều phối viên kỹ năng đọc viết.
2. Giữa điều phối viên kỹ năng đọc viết và giáo viên có mối quan hệ chuyên môn nào?
3. Điều phối viên kỹ năng đọc viết giúp giáo viên đứng lớp cải thiện công việc giảng dạy của mình như thế nào?

Giáo viên chuyên môn hóa

Có rất nhiều chuyên ngành giảng dạy khác nhau. Trường ở cấp càng cao, thì giáo viên sẽ càng chuyên môn hóa về môn học. Giáo viên tại các trường tiểu học thường được trang bị để dạy tất cả môn học, trong khi đó giáo viên trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông lại chuyên về một hoặc hai môn học. Tuy nhiên, các giáo viên đặc biệt xuất hiện ở hầu hết trường. Trường tiểu học thường có các giáo viên chuyên môn về nghệ thuật, âm nhạc và giáo dục thể chất. Những giáo viên này chịu trách nhiệm dạy môn của họ cho số lượng lớn học sinh trong trường – thông thường là tất cả học sinh. Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông thường tuyển giáo viên với chuyên ngành riêng để triển khai các chương trình chuyên ngành, ví dụ ban nhạc, hợp xướng, dàn nhạc, nghệ thuật, vi tính, kinh doanh, nông nghiệp, nghệ thuật ẩm thực và các môn học khác. Ở những cấp lớp cao hơn, sự hiện diện của các giáo viên chuyên ngành phản ánh trực tiếp mục đích và tuyên bố sứ mệnh của trường.

Một ví dụ về giáo viên với chuyên ngành riêng là giáo viên giáo dục đặc biệt. Giáo viên giáo dục đặc biệt thường thấy ở hầu hết các trường học: tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Một số dạy học sinh trong các lớp độc lập của riêng họ; số khác làm việc kết hợp với các giáo viên dạy lớp học thông thường trong các lớp học theo chiến lược hòa nhập hoàn toàn để đáp ứng nhu cầu của học sinh đặc biệt có thể tham gia lớp học thông thường (xem Chương 5). Hiện ở Mỹ đang trải qua thời kỳ có nhu cầu cấp thiết về giáo viên giáo dục đặc biệt do

Giáo viên giáo dục đặc biệt Katherine Spung



Được sự cho phép của Katherine Spung

Khi theo học bằng cử nhân về giáo dục tiểu học, tôi đã lựa chọn thêm một chuyên ngành phụ về giáo dục đặc biệt. Lờ đi những giáo viên đang chuẩn bị vào nghề cho rằng chuyên ngành phụ này sẽ giúp đảm bảo một vị trí công việc, nhưng một khi đã nhận vị trí giáo dục đặc biệt, thì giáo viên khó có thể chuyển sang lĩnh vực khác. Nhu cầu về giáo viên giáo dục đặc biệt rất lớn, tuy nhiên cường độ làm việc cũng rất cao. Tôi đã từng làm việc với những học sinh bị khuyết tật học tập nghiêm trọng và thực sự thích công việc này, tuy nhiên tôi đã cố tình không hoàn thành chín giờ học cuối cùng cần có để hoàn thành chứng chỉ bổ sung này. Một năm sau, tôi được mời làm ở một trường tiểu học nhỏ vùng nông thôn trong một lớp học giáo dục đặc biệt độc lập và mới được thành lập. Tôi đã chấp nhận vị trí đó và được tuyển với điều khoản từ chối cùng điều kiện rằng tôi sẽ hoàn thành số giờ cần thiết để được nhận chứng chỉ năm đó.

Vài năm sau, tôi hoàn toàn không hối hận điều gì. Mặc dù tôi đã phải đối mặt với muôn vàn thách thức, tôi biết rằng mình đã cải thiện mạnh mẽ cuộc sống của học sinh. Mặc cho thực tế rằng đây là một chương trình vừa mới bắt đầu, ngân sách cho các đồ dùng học tập không hề được xem xét. Tôi bắt đầu từ con số không và chỉ đến hàng trăm đô la tiền lương năm đầu của mình vào đồ dùng học tập. Tôi đối mặt với sự kháng cự của một vài đồng nghiệp về việc liệu chương trình cho các học sinh của tôi có nên tồn tại hay không. Điều quan trọng nhất tôi đã học được trong năm đó là tôi đóng vai trò như tiếng nói và người biện hộ cho học sinh của mình, đồng thời tôi có nghĩa vụ phải đấu tranh vì nhu cầu của các em. Năm tiếp theo tôi đã đảm bảo rằng mình có đủ ngân sách và lên tiếng cho quyền lợi được hưởng giáo dục công bằng cho những học sinh của mình, chống lại những người lên tiếng phản đối.

Tôi cũng đã học được rằng việc sử dụng sách giáo khoa truyền thống và phương pháp giảng dạy lấy giáo viên làm trung tâm (teacher-centered instruction) không phải là điều mà học sinh của tôi cần. Việc học tập dựa trên trải nghiệm thực tế giúp học sinh hiểu bài hơn rất nhiều qua thời gian. Điều này cũng có nghĩa rằng tôi cần phải xây dựng chương trình học giúp học sinh phát triển kiến thức. Tôi thường xuyên dạy học sinh trong nhiều năm liên tiếp, đôi khi hầu hết hoặc toàn bộ các năm trong quá trình xây dựng chương trình học, bởi vậy chương trình cũng phải thay đổi theo từng năm. Chương trình học phải thú vị, gắn kết, mang tính cá nhân, đáp ứng tiêu chuẩn của bang, và hướng dẫn học sinh tự xây dựng những điều ý nghĩa. Đây là một việc khó khăn. Tôi biết rằng mình cần phải học nhiều hơn để phục vụ nhu cầu của học sinh, và tôi đã đăng ký nhập học vào các lớp cao học hầu hết mỗi học kỳ sau đó.

Mỗi học sinh của tôi là một cá nhân riêng biệt với nhu cầu và nền tảng khác biệt. Tôi tin rằng điều này đúng với tất cả lớp học. Các học sinh của tôi có thể bị gán mác khuyết tật nhưng cái mác đó chỉ là những từ ngữ mà thôi. Hai học sinh với khuyết tật chẩn đoán như nhau không hề giống nhau và là những học sinh khác nhau. Tôi có kỳ vọng rất cao với những học sinh của mình, và các em vẫn tiếp tục khiến tôi ngạc nhiên. Trong năm đầu tiên giảng dạy ở vị trí hiện tại, tôi được thông báo rằng một trong số những học sinh của tôi "sẽ không bao giờ đọc được". Tôi cảm thấy phẫn nộ với tuyên bố của giáo viên này. Tất nhiên, học sinh của tôi có thể đọc. Em chỉ thiếu mất những kỹ năng nền tảng để từ đó tiếp tục xây dựng lên, và đến cuối năm, em đã có thể tự hào đọc được "sách dễ đọc" cho hiệu trưởng.

Tôi từng được hỏi làm thế nào mà tôi không ngừng nghỉ các cách hướng dẫn học sinh của mình học tập. Tôi học từ những giáo viên khác; tôi liên tục đọc; tôi mượn ý tưởng của một ai đó và thay đổi sao cho phù hợp với nhu cầu của học sinh; và quan trọng nhất, tôi không bao giờ bỏ cuộc. Tôi giúp học sinh xây dựng nhiều điều ý nghĩa mỗi khi có cơ hội. Khi đọc to một cuốn sách cho cả lớp về Tượng nữ thần tự do trong một bài học phát triển về biểu tượng quốc gia, một học sinh của tôi đã hỏi rằng vì sao tượng nữ thần lại được sơn màu như vậy. Câu hỏi đó dẫn đến một thí nghiệm khoa học với các đồng xu, muối, nước, dấm và không khí. Các học sinh ghi lại quan sát của mình và kết luận tại sao tượng nữ thần lại có màu đó. Các học sinh trong lớp của tôi lập nhóm để hợp tác với nhau khi làm bài tập và chúng tôi chơi trò chơi để hỗ trợ quá trình học. Tôi đã phát triển những khu riêng cho từng châu lục để chứa sách, bản đồ, đồng xu, tem và cờ. Học sinh học theo nhóm nhỏ để khám phá kiến thức và phản hồi về những gì các em đã học được. Đây chỉ là một chút về những gì diễn ra ở lớp học của tôi. Những thời điểm có thể giảng dạy có ở khắp nơi. Bí quyết là tìm được những thời điểm đó, dẫn dắt học sinh đến với các ý tưởng để học tập, khuyến khích các em truyền cảm hứng cho bạn, đặt kỳ vọng cao, và đừng bao giờ từ bỏ hy vọng về khả năng của các em rằng các em có thể chứng minh cho bạn thấy các em biết nhiều thế nào.

Katherine Spung

Giáo viên Danh dự Kappa Delta Pi, 2011

Giáo viên giáo dục đặc biệt/chuyên gia về hành vi học tập

Trường Tiểu học Chrisman

Chrisman, Illinois

© Cengage Learning 2014

số lượng nhập học của học sinh đặc biệt và giáo viên nghỉ hưu gia tăng, đồng thời, luật pháp đang mở rộng phạm vi của giáo dục đặc biệt và bao gồm cả những trẻ em rất nhỏ. Bên cạnh đấy, khi càng có nhiều học sinh với nhu cầu đặc biệt được tham gia vào lớp học thông thường, trường học sẽ cần thêm nhiều giáo viên giáo dục đặc biệt để dạy những học sinh này. Giáo viên chuyên về giáo dục đặc biệt thường phải hoàn thành một chương trình tập trung, trong đó, họ được học về cách điều phối hoạt động dạy và học cho học sinh với nhu cầu đặc biệt.



Sử dụng Internet để tìm các chương trình chứng nhận về giáo dục được bang của bạn công nhận. Trường đại học của bạn cung cấp những chương trình nào? Những điều kiện để được chứng nhận là gì? Các học viên gần trường của bạn cung cấp những chương trình chứng nhận nào?

Một ví dụ khác về giáo viên chuyên ngành là các nhà giáo song ngữ. Giáo viên song ngữ không chỉ làm việc với học sinh để giúp các em học tiếng Anh, mà còn hỗ trợ học sinh bằng cách dịch sách và những học liệu khác, đồng thời giúp các em hiểu thông tin được trình bày bởi các giáo viên thông thường. Họ cũng giúp các giáo viên thiết kế chương trình giảng dạy sao cho tất cả học sinh đều có thể tiếp cận thông tin. Các chương trình giáo dục song ngữ được biết đến với nhiều tên gọi, ví dụ Dạy tiếng Anh như là ngôn ngữ thứ hai (teaching English as a second language - TESL), Dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ (teaching English as a foreign language - TEFL), Dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (teaching English to speakers of other languages - TESOL), Tiếng Anh như là ngôn ngữ thứ hai (English as a second language - ESL), Tiếng Anh như một ngoại ngữ (English as a foreign language - EFL), và Tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (English for speakers of other languages - ESOL). Để có chứng nhận chuyên ngành giáo dục song ngữ, giáo viên thường phải theo học các chương trình chuyên ngành.

Nhiều giáo viên đứng lớp có mối quan tâm tới những lĩnh vực khác và có thể giành thêm các chứng nhận chuyên ngành hoặc bổ sung vào chứng chỉ hành nghề sư phạm. Ví dụ như chuyên gia giáo dục đặc biệt cấp mầm non, chuyên gia công nghệ, chuyên gia về đọc, chuyên gia toán học, chuyên gia khoa học, và chuyên gia giáo dục học sinh năng khiếu. Gần đây nhất, các bang bắt đầu cấp chứng nhận về giảng dạy trực tuyến (Quillen, 2012a). Ngoài ra, còn có nhiều chuyên ngành khác, tùy vào từng bang.

Ban giám hiệu

Danh sách của bạn có bao gồm ban giám hiệu nhà trường không? Khi bạn nghĩ về hiệu trưởng một trường học, điều gì xuất hiện trong đầu bạn? Nhiều người nghĩ về kỷ luật, bởi khi chúng ta vào phòng hiệu trưởng, thường là lúc chúng ta gặp rắc rối.

Tùy vào quy mô, một trường học có thể có một hiệu trưởng và một hoặc vài hiệu phó, mỗi người trong số đó lại có những vai trò cùng với trách nhiệm cụ thể. Hiệu trưởng là người đứng đầu ban giám hiệu nhà trường - người mà các giáo viên và cán bộ trong trường báo cáo lên, đồng thời là người chịu trách nhiệm cuối cùng cho hoạt động của trường. Rõ ràng, hiệu trưởng và ban giám hiệu có nhiều trách nhiệm nhằm duy trì chức năng của trường học và đạt được mục đích đề ra. Theo bạn, trách nhiệm của hiệu trưởng là gì?

HỘP KIẾN TẠO

7.4

Công việc của Hiệu trưởng

Hãy tưởng tượng vào buổi sáng sớm thứ hai, bạn bạn là hiệu trưởng vừa tới nơi làm việc. Hãy liệt kê những việc bạn phải làm trong ngày. Hãy nhớ ghi cả thời gian cho các cuộc họp hay hẹn gặp đã được lên lịch sẵn. Giả sử bạn thấy rằng có một tiếng không có việc gì trong ngày, bạn sẽ làm gì vào khoảng thời gian đó?

Tiếp theo, hãy liệt kê những việc bạn phải làm trong tuần.

Nhìn vào danh sách của bạn và lập các mục cho trách nhiệm của hiệu trưởng.

Có nhiều nguồn liệt kê vai trò và trách nhiệm của hiệu trưởng. Bộ Lao động Mỹ sử dụng khái niệm “nhà quản lý giáo dục” (educational administrator) để mô tả người giữ vai trò lãnh đạo việc giảng dạy và quản lý các hoạt động hàng ngày ở trường học. Bộ Lao động liệt kê các bốn phận và trách nhiệm sau đây cho nhà quản lý giáo dục:

- Đặt ra tiêu chuẩn và các mục tiêu giáo dục.
- Thiết lập các chính sách và quy trình để đạt được tiêu chuẩn và mục tiêu đề ra.
- Giám sát nhân sự.
- Phát triển các chương trình học thuật.

- Giám sát quá trình học tập của học sinh.
- Đào tạo và tạo động lực cho giáo viên cùng cán bộ khác.
- Quản lý tư vấn nghề nghiệp và các dịch vụ khác cho học sinh.
- Quản lý việc lưu giữ sổ sách.
- Lập ngân sách.
- Quản lý mối quan hệ với phụ huynh và cộng đồng (Bộ Lao động Mỹ, 2011).

Hãy so sánh danh sách về trách nhiệm của hiệu trưởng mà bạn đã liệt kê trong Hộp kiến tạo 7.4 với danh sách trách nhiệm trên.



© Ellen B. Senisi/The Image Works

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm hỗ trợ việc học tập của học sinh và lãnh đạo giáo viên cùng các nhân sự khác trong trường. Bạn, với tư cách là giáo viên mới hay giáo viên tập sự, sẽ được hiệu trưởng cùng với một giáo viên có kinh nghiệm cung cấp các chỉ dẫn về lời khuyên nghề nghiệp dựa trên những trải nghiệm lâu năm làm nhà giáo của họ.

Từ trước đến nay, hiệu trưởng thường được nhìn nhận như lãnh đạo của trường, người quản lý đội ngũ giáo viên và nhân viên, tương tác với học sinh, đưa ra quyết định về kỷ luật, và giám sát tất cả mọi thứ từ thành tích của học sinh, hiệu quả làm việc của giáo viên, sự phát triển của nhân viên cho tới việc bảo trì tòa nhà trường học cũng như mua sắm học liệu, đồ dùng học tập.

Tuy nhiên, vai trò của hiệu trưởng đang dần thay đổi. Trước đây, hiệu trưởng thường được xem như người quản lý trường học, thì ngày nay họ còn thực hiện chức năng của nhà lãnh đạo giáo dục, như bạn có thể thấy trong mô tả công việc.

Cho dù hiện bạn đang nhìn nhận vai trò của hiệu trưởng như thế nào, thì với tư cách một giáo viên, bạn sẽ muốn tận dụng khả năng chuyên môn của hiệu trưởng. Xét cho cùng, đây cũng là người làm trong ngành giáo dục với một thời gian dài và cũng đã giải quyết nhiều vấn đề. Hiệu trưởng muốn giúp mọi người; đặc biệt là các giáo viên mới. Hiệu trưởng đánh giá hiệu quả làm việc của bạn, nhưng cũng chính hiệu trưởng là người mang lại lời khuyên và sự hỗ trợ cần thiết nhất cho bạn.

Giáo viên và Ban giám hiệu

Sự khác nhau giữa giáo viên và thành viên trong ban giám hiệu là gì? Bạn cảm thấy *nên* có khác nhau giữa giáo viên và thành viên trong ban giám hiệu như thế nào?

Thông thường, hiệu trưởng được coi là “sếp” trong trường. Theo quan điểm của bạn, đó có phải một cách mô tả hợp lý hay không? Hiệu trưởng nên thực thi quyền hạn của mình trong chừng mực nào? Giáo viên và thành viên trong ban giám hiệu nên cùng phối hợp công việc ở chừng mực nào? Có tình huống nào mà hiệu trưởng cần phải đưa ra quyết định độc lập hay không? Đó là những tình huống nào?

HỘP KIẾN TẠO

7.5

chuyên gia thông tin thư viện (library media specialist - LMS) Nhà giáo chuyên nghiệp có chuyên môn về khoa học thư viện và quản lý đa phương tiện.

trưởng nhóm giáo viên (lead teacher) Giáo viên có trách nhiệm hỗ trợ các giáo viên khác trong việc xây dựng và triển khai chiến lược nhằm tiếp cận với tất cả người học, đồng thời là người tập trung vào việc trợ giúp giáo viên.

chuyên gia hỗ trợ học tập (learning support specialist - LSS) Giáo viên có trách nhiệm hỗ trợ các giáo viên khác trong việc xây dựng và triển khai chiến lược nhằm tiếp cận với tất cả người học, đồng thời là những người tập trung vào việc trợ giúp từng cá nhân học sinh.

Nhân sự hỗ trợ chuyên môn

Trường học tuyển dụng rất nhiều người ngoài giáo viên và ban giám hiệu. Những người này có kinh nghiệm và bằng cấp hoặc chứng nhận đặc biệt cho phép họ hoàn thành vai trò của mình trong trường học. Ví dụ, chuyên gia thông tin thư viện (library media specialist - LMS) có hiểu biết về khoa học thư viện và nhiều phương tiện truyền thông khác, trong đó có công nghệ vi tính. Trong thời đại công nghệ thông tin, công việc của chuyên gia thông tin thư viện đã thay đổi đáng kể so với người thủ thư. Trưởng nhóm giáo viên (lead teacher) và chuyên gia trợ giúp học tập (learning support specialist - LSS) trợ giúp về chương trình cùng công tác giảng dạy cho giáo viên và những hướng dẫn đặc biệt đối với các nhóm học sinh được tập hợp theo cùng nhóm nhu cầu. Các chuyên gia công nghệ thì rất hữu ích trong việc bảo trì các thiết bị công nghệ và hướng dẫn giáo viên cũng như học sinh sử dụng công nghệ. Chuyên gia về chương trình học giúp chuyển chương trình bắt buộc của hệ thống thành chương trình riêng phù hợp với học sinh từng trường.

Tham vấn viên định hướng (guidance counselor) và chuyên gia tâm lý học đường (school psychologist) đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau, tùy vào nhu cầu của trường và học sinh. Họ có thể xuất hiện ở bất cứ cấp học nào, từ tiểu học đến trung học. Như hàm ý của chức danh, họ thường có mặt để tham vấn và đưa ra lời khuyên cho học sinh về các vấn đề như rắc rối của bản thân hay trong học tập, cũng như kế hoạch học lên sau trung học phổ thông hay học nghề. Những chuyên gia này cũng thực hiện và đánh giá các bài kiểm tra để tìm ra học sinh có nhu cầu đặc biệt và hỗ trợ phát triển các chương trình giáo dục cá nhân hóa.

Có thể bạn đã nghĩ tới những nhân sự hỗ trợ khác với lĩnh vực chuyên môn đáp ứng nhu cầu của một số học sinh đặc biệt. Những người này có thể là chuyên gia điều trị khuyết tật ngôn ngữ (speech therapist), y tá, chuyên viên hoạt động xã hội, giám thị (truant officer) và cảnh sát. Như bạn biết, trách nhiệm của trường học là đáp ứng nhu cầu của *tất cả* học sinh. Đôi khi, việc đáp ứng những nhu cầu đó đòi hỏi sự hợp tác của cả đội ngũ nhân viên có chuyên môn đa dạng như những học sinh mà họ đang phục vụ.

Nhân sự phi chuyên môn

trợ giảng (paraprofessional) Người được đào tạo để hỗ trợ giáo viên.

Những người hỗ trợ giáo viên còn được gọi là trợ giảng (paraprofessional), thường thực hiện vai trò trợ giúp trong lớp học. Trợ giảng chủ yếu hỗ trợ giáo viên các nhiệm vụ



Nguồn: Flickr

trong và ngoài giảng dạy. Dưới sự chỉ đạo của giáo viên, trợ giảng có thể hướng dẫn nhóm lớn, nhóm nhỏ hay từng cá nhân, trong đó có việc hỗ trợ học sinh với nhu cầu đặc biệt hoặc học sinh có năng lực Anh ngữ hạn chế. Họ có thể giám sát hoạt động trong phòng thí nghiệm, lớp vi tính cùng các hoạt động khác như ăn trưa và nghỉ giải lao. Ngoài ra, trợ giảng còn có thể hỗ trợ việc lưu giữ sổ sách. Dựa vào những gì đã trải nghiệm trong thời kỳ thực tập, bạn có thể từng thấy trợ giảng mang lại giá trị như thế nào trong cuộc sống bận rộn của một giáo viên.

Phụ huynh cùng các tình nguyện viên trong cộng đồng hỗ trợ giảng dạy cho giáo viên và giúp giám sát học sinh trong lớp. Tình nguyện viên này đang làm gì để giúp lớp học?

Phụ huynh hay những thành viên trong cộng đồng khác đôi khi tình nguyện làm việc tại trường học. Những tình nguyện viên trong lớp học giúp cho giáo viên có thêm đôi tay, đôi tai, đôi mắt để chú ý được nhiều hơn tới từng học sinh. Khi có thêm một người khác trong lớp học, giáo viên có thể đưa vào những hoạt động đòi hỏi sự giám sát chặt chẽ của người lớn, ví dụ môn giải phẫu, bài học ngoài trời, hay những hoạt động cần sử dụng nhiều học liệu khác nhau.

Nhân sự hỗ trợ khác có thể là nhân viên lễ tân, nhân viên giám hộ và nhân viên làm việc trong căng-tin. Bạn cũng có thể thấy các tình nguyện viên ở khu vực lễ tân trả lời điện thoại hay giám sát việc học sinh đến và rời trường. Một số giáo viên đồng tình rằng chính những cán bộ trường học đã giữ cho trường hoạt động suôn sẻ hàng ngày.

Như bạn đã thấy, trường học có thể bao gồm nhiều người khác nhau đảm nhận những trách nhiệm khác nhau. Có lẽ cũng khá ngạc nhiên khi biết rằng có bao nhiêu người có thể làm việc trong một trường học. Hãy nhớ rằng những cá nhân như mô tả ở trên đã từng góp phần tạo nên trải nghiệm học tập của chính bạn. Và bạn sẽ sớm trở thành một trong số họ, làm việc trong một môi trường hợp tác và cộng tác để giúp học sinh cũng như nhà trường đạt được những gì mong muốn.

Thời khóa biểu

Bạn đã bao giờ nghe thấy ai đó nói rằng chức năng cân chỉnh thời điểm của động cơ xe hơi bị hỏng chưa? Trong ngành xe hơi, “cân chỉnh thời điểm kém” (bad timing) có thể nghĩa là chiếc ô tô chết máy ở biển báo dừng hoặc lao lên khi đang ở chế độ chạy không tải (idle). Đôi khi, chiếc ô tô có chức năng cân chỉnh thời điểm kém sẽ chạy lắc lư hoặc chậm hơn bình thường. Chức năng cân chỉnh thời điểm của động cơ ô tô phải được điều chỉnh để chiếc xe chạy ổn định. Bạn có thể ứng dụng sự tương đồng này trong việc sắp xếp thời khóa biểu để quản lý học sinh, nhân sự và các nguồn lực trong trường hay không? Khi nói về thời khóa biểu trong trường học, mọi người thường đề cập về khoảng thời gian một kỳ trong năm hoặc một tiết học trong ngày.

Thời khóa biểu thường niên (Annual Schedule)

Đầu tiên, chúng ta hãy xem xét các cách lập thời khóa biểu của một năm học. Thông thường, trường học hoạt động theo một thời khóa biểu đòi hỏi học sinh đến trường 180 ngày trong suốt kỳ thu, đông và xuân, nhưng không phải trong mùa hè. Hệ thống này được phát triển trong thế kỷ 19 để những trẻ em độ tuổi đến trường có thể ở nhà và giúp việc đồng áng trong thời điểm bận nhất của năm.

Với học sinh, lợi ích cơ bản của năm học chín tháng bao gồm việc nghỉ hè để nghỉ ngơi và hồi sức, tham dự trại hè, cũng như khả năng có được những kinh nghiệm đi làm quan trọng. Lợi ích chủ yếu cho giáo viên bao gồm việc nghỉ hè để nghỉ ngơi và hồi sức, cũng như tham gia các khóa học hè giúp nâng cao tay nghề, gia hạn chứng chỉ hoặc theo đuổi những bằng cấp nâng cao. Bất lợi chính là việc gián đoạn học tập do kỳ nghỉ hè khá dài (học sinh có ba tháng để quên những gì đã học trong năm trước) và xuất hiện nhu cầu của một số giáo viên cần tìm công việc vào mùa hè.

Nhiều bang và học khu đang hướng đến kế hoạch lập thời khóa biểu mới và sáng tạo, trong đó có giáo dục quanh năm. Có nhiều cách để triển khai giáo dục quanh năm. Một ví dụ là hệ thống ba học kỳ, trong đó học sinh đi học ba tháng, nghỉ một tháng, và lặp lại chu kỳ này ba lần một năm. Phương pháp khác là lập ra một số lựa chọn, trong đó trình tự của thời gian đi học cùng thời gian nghỉ của những học sinh và giáo viên khác nhau sẽ khác

nhau trong cùng một trường học. Ưu điểm chính của hệ thống quanh năm này bao gồm việc tận dụng hết khả năng của trường, giải tỏa khỏi việc trường quá đông, gia tăng tiến độ giảng dạy và có các lựa chọn kỳ nghỉ linh hoạt. Nhược điểm chính là nhu cầu về giáo viên, nhân viên, học liệu và cơ sở lưu trữ tăng lên; nhiều ngày “khai giảng” và “bế giảng” hơn trong một năm học; và một lịch trình phi truyền thống.

Trong số những người phản đối hệ thống học quanh năm có chủ các khu nghỉ dưỡng và địa điểm nghỉ hè. Những người này sợ rằng trường học quanh năm sẽ khiến họ không kinh doanh được và tổn thất doanh thu. Các chủ doanh nghiệp này chỉ ra rằng họ cũng trả thuế để hỗ trợ giáo dục.

Có rất nhiều hình thức khác nhau của thời khóa biểu thường niên. Một số học khu thường bắt đầu năm học mới vào cuối tháng 7 hoặc đầu tháng 8 và kết thúc vào tháng 5, với một số kỳ nghỉ rải rác trong năm. Số khác lại bắt đầu vào đầu tháng 8 và kết thúc vào cuối tháng 5, với một vài kỳ nghỉ kéo dài một tuần rải rác trong năm. Trường trung học phổ thông Park City, Utah lại cho phép thời khóa biểu linh hoạt tập trung xung quanh mùa thể thao mùa đông để học sinh có thể rèn luyện kỹ năng và tham gia thi đấu.

HỘP KIẾN TẠO

7.6

Thời khóa biểu thường niên của trường học

Theo bạn, thời khóa biểu thường niên của trường học như thế nào là tốt nhất? Hãy thử đóng vai trò của một giáo viên để mô tả loại hình thời khóa biểu thường niên mà bạn cảm thấy có lợi nhất cho giáo viên và giải thích tại sao.

Lặp lại câu hỏi trên từ góc nhìn của phụ huynh, học sinh tiểu học, và học sinh trung học phổ thông.

Thời khóa biểu hàng ngày (Daily Schedule)

Tiếp theo, chúng ta hãy xem xét cách lập thời khóa biểu trong một ngày. Quan điểm của bạn về chủ đề này sẽ phụ thuộc vào cấp học mà bạn dự định giảng dạy. Mỗi cấp học lại có tình huống riêng biệt và cách giải quyết vấn đề lập thời khóa biểu khác nhau.

Trường học thường dạy năm ngày một tuần, với thời khóa biểu hàng ngày giống hệt nhau trong suốt cả năm học. Ở trường trung học phổ thông, một học sinh thông thường tham gia bảy tiết khác nhau với mỗi tiết riêng rẽ từ 50 đến 55 phút, ngày nào cũng học bảy tiết đó trong cả một năm học, mặc dù một số khóa chỉ học một học kỳ, và thời gian nửa ngày còn lại dành cho công việc nào đó hoặc chương trình thực tập. Các giáo viên trung học phổ thông thường dạy năm tiết và làm việc với ít nhất 125 học sinh mỗi ngày.

Trong nỗ lực giúp sử dụng thời gian của học sinh ở trường linh hoạt hơn, nhiều trường trung học phổ thông đã triển khai những sáng kiến mới như lập thời khóa biểu theo block (block scheduling). Có khá nhiều biến thể khác nhau của hình thức lập thời khóa biểu theo block. Trong một mô hình phổ biến hơn cả, thời khóa biểu hàng ngày của trường học được tổ chức theo một khoảng thời gian dài - sao cho học sinh sắp xếp bốn tiết học này, mỗi tiết kéo dài 90 phút một ngày trong học kỳ đầu tiên và bốn tiết học khác, mỗi tiết kéo dài 90 phút một ngày trong học kỳ hai. Điều này cho phép học sinh tham gia tám tiết một năm thay vì bảy tiết truyền thống, và tạo sự linh hoạt cho giáo viên trong việc theo đuổi những chủ đề ở mức độ sâu hơn so với những tiết học có thời gian ngắn hơn. Ngoài ra, có một mối quan ngại từ trước đến nay về việc học sinh có thể sẽ tỉnh táo hơn trong lớp nếu trường học bắt đầu muộn hơn. Kirby, Maggi và D'Anguilli (2011) đã chỉ ra rằng có sự không đủ tương đồng giữa thời gian bắt đầu học ở trường và nhịp sinh học của thanh thiếu niên - nên có thể cần điều chỉnh và triển khai việc bắt đầu thời gian học trong ngày muộn hơn với ít khó khăn nhất.

lập thời khóa biểu theo block (block scheduling) Hệ thống lập thời khóa biểu theo đó thời khóa biểu hàng ngày của một trường được tổ chức theo khoảng thời gian dài.

Trường trung học cơ sở cũng đã chuyển sang cách lập thời khóa biểu theo block, với lý do tương tự như ở trường trung học phổ thông.

Trường tiểu học thường có thời khóa biểu cả ngày, trong đó học sinh ở nguyên trong lớp học được phân của mình cả ngày trong suốt năm học, ngoại trừ thời gian học sinh tới những phòng khác để học các môn âm nhạc, nghệ thuật, giáo dục thể chất và môn đặc biệt khác. Thời khóa biểu hàng ngày trong một lớp học cụ thể nào đó có thể được giáo viên lập ra. Giáo viên tiểu học có sự linh hoạt nhất định dưới hình thức giảng dạy phối hợp (cooperative teaching), phương thức phân công chuyên nhiệm (looping), và giáo dục với nhiều độ tuổi khác nhau (multiage education). Giảng dạy phối hợp cho phép mỗi giáo viên giảng dạy bộ môn mà họ yêu thích và có chuyên môn, trong khi các giáo viên khác chịu trách nhiệm cho các môn trong lĩnh vực chuyên môn của họ. Cách phân công này tối ưu hóa thế mạnh của giáo viên và đem lại sự linh hoạt trong việc sắp xếp nhóm. Hiện nay, có một số mô hình giảng dạy phối hợp tồn tại. Trong một mô hình, các giáo viên của một cấp lớp hoặc một nhóm cấp lớp lập thành một nhóm; các giáo viên khác nhau trong nhóm sẽ dạy những môn học mà họ đặc biệt quan tâm hoặc có chuyên môn. Trong một mô hình khác, các chuyên gia môn học sẽ chịu trách nhiệm dạy môn học của họ cho tất cả học sinh trong một cấp lớp hoặc nhóm các cấp lớp; mô hình này gắn với mô hình chuyên gia môn học được áp dụng ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trong mô hình thứ ba, giáo viên lập kế hoạch cùng nhau theo phương pháp hợp tác và liên ngành, mỗi người sẽ chịu trách nhiệm một phần của bài giảng (xem Chương 5).

Với phương thức phân công chuyên nhiệm, một giáo viên sẽ được phân công dạy một nhóm học sinh trong hai hoặc ba năm. Hình thức này ngày càng được sử dụng nhiều ở trường tiểu học và một số trường trung học cơ sở. Nó có lợi thế là giáo viên sẽ biết về học sinh mình rõ hơn, cho phép giáo viên tạo ra các thử thách với học sinh theo cách mà những giáo viên không quen thuộc với khả năng của học sinh không thể làm được, đồng thời cho phép giáo viên thực hiện các công việc liên quan đến những học sinh yếu kém hoặc khuyết tật mà không phải chờ đợi kết quả đánh giá.

Trong phương pháp giáo dục với nhiều độ tuổi khác nhau, học sinh có độ tuổi khác nhau được tập hợp lại trong một lớp. Các nhóm được hình thành dựa trên khả năng và sở thích, mối quan tâm của học sinh, giúp giáo viên giảng dạy các lớp một cách phù hợp bởi tất cả học sinh đều có năng lực tương đương nhau.

giảng dạy phối hợp (cooperative teaching) Phương pháp phân công trách nhiệm giảng dạy trong trường cấp một mà giáo viên tự nhận trách nhiệm theo những lĩnh vực chuyên môn của mình.

phương thức phân công chuyên nhiệm (looping) Phương thức học sinh trong trường tiểu học được phân công cho cùng một giáo viên giảng dạy trong hai hoặc ba năm học liên tiếp.

giáo dục với nhiều độ tuổi khác nhau (multiage education) Hệ thống học sinh theo nhóm ở các độ tuổi khác nhau cùng học chung một lớp trong trường tiểu học.

Thời khóa biểu trường học

Nếu bạn phải chịu trách nhiệm lập thời khóa biểu, thì bạn sẽ thay đổi gì trong thời khóa biểu ở trường học? Cái gì cần thay đổi? Vì sao bạn lại làm vậy?

Theo bạn, thời khóa biểu hàng ngày như thế nào là tốt nhất cho trường tiểu học? Thời khóa biểu hàng ngày như thế nào là tốt nhất cho trung học phổ thông? Mô tả thời khóa biểu đó và giải thích tại sao bạn tin rằng đó là thời khóa biểu tốt nhất.

HỘP KIẾN TẠO

7.7

Kết hợp toàn bộ kiến thức

Trong chương này, bạn đã tìm hiểu một vài trong số những nhân tố phức tạp giúp trường học đạt được mục đích của mình (chủ đề của chương trước). Bây giờ là lúc kết hợp toàn bộ kiến thức.

3

Cơ cấu của trường học giả định

Trong Hộp kiến tạo 6.11, bạn đã phát triển một tuyên bố sứ mệnh cho trường học giả định. Trường học giả định của bạn cần những gì để thực hiện chức năng của mình? Hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Trường học giả định của bạn là loại hình trường học nào (thành thị hay nông thôn; tiểu học, trung học cơ sở hay trung học phổ thông)?
2. Những mục đích cơ bản của trường là gì?
3. Trường cần đến những cơ sở vật chất nào? Hãy nghĩ về những dụng cụ, thiết bị và kết cấu của cơ sở vật chất mà trường bạn cần đến.
4. Tòa nhà của trường sẽ được bố trí như thế nào?
5. Trường của bạn sẽ cần đến những nhân sự nào? Nhiệm vụ của họ là gì? Bạn sẽ cần bao nhiêu nhân viên chuyên môn và phi chuyên môn cho trường?
6. Có những yêu cầu cụ thể nào cho trường học này? Những điều này sẽ giúp trường hoàn thành mục đích cơ bản của mình như thế nào? Những yêu cầu cho trường này khác với yêu cầu cho những trường khác như thế nào?

TỔNG KẾT CHƯƠNG

- Các nhu cầu của trường học phần lớn dựa trên các mục tiêu giáo dục của trường. Trường học là một thực thể phức tạp đòi hỏi cả cơ sở vật chất và nhân sự có chuyên môn.
- Cơ sở vật chất của trường học bao gồm tòa nhà, không gian lớp học, không gian cho các môn học đặc biệt, dụng cụ và thiết bị cần thiết cho giảng dạy, cùng thiết bị công nghệ.
- Trường học cần đến một số kiểu nhân sự nhất định. Số lượng giáo viên phụ thuộc vào số môn học giảng dạy và tỷ lệ học sinh-giáo viên theo quy mô lớp. Nhiều giáo viên có thể phải lấy thêm các chứng nhận chuyên ngành. Ban giám hiệu được nhìn nhận như những lãnh đạo giáo dục trong nhà trường. Những nhân sự hỗ trợ như chuyên gia thông tin thư viện, tư vấn viên và trưởng nhóm giáo viên hỗ trợ các chương trình giáo dục trong trường học, cũng giống như những nhân sự phi chuyên môn như trợ giảng và người phụ trách khu vực ăn trưa. Thư ký và nhân viên giám hộ cũng là những vị trí thiết yếu để trường học có thể “hoạt động” suôn sẻ.
- Thời khóa biểu thường niên bắt nguồn sâu xa từ truyền thống làm nông nghiệp, khi mà học sinh đi học vào mùa thu, đông, xuân và nghỉ mùa hè. Trường học đã chuyển sang nhiều hình thức lập thời khóa biểu thường niên khác nhau để tiết kiệm chi phí và sử dụng thời gian cho phép hiệu quả hơn. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới việc lập thời khóa biểu hàng ngày. Ở khối tiểu học, hầu hết trường đều có các lớp học tập trung toàn thời gian cho từng cấp lớp, mặc dù cũng có sự linh hoạt nhất định trong một nhóm gồm các cấp lớp. Thời khóa biểu của học sinh trung học cơ sở thường đòi hỏi học sinh phải chuyển từ phòng này sang phòng khác để học các môn khác nhau. Trường trung học phổ thông thường thực hiện thời khóa biểu theo khoảng thời gian hoặc theo kiểu theo block.

Chương này yêu cầu bạn suy nghĩ về trường học. Trong những chương trước, bạn đã tìm hiểu về giáo viên, việc giảng dạy và học sinh. Trong các chương tiếp theo, bạn sẽ xem xét mối quan hệ giữa cả ba yếu tố: giáo viên, học sinh và nhà trường. Bạn sẽ xem xét cách thức trường học phục vụ những nhu cầu chung và riêng biệt của học sinh, tìm hiểu về kỳ vọng của trường đối với giáo viên, và khám phá những kỳ vọng của bạn đối với trường mà mình dự định giảng dạy.

Thuật ngữ và khái niệm trọng yếu

Chuyên gia thông tin thư viện	Library media specialist (LMS)
Chuyên gia trợ giúp học tập	Learning support specialist (LSS)
Giảng dạy phối hợp	Cooperative teaching
Giáo dục với nhiều độ tuổi khác nhau	Multiage education
Lập thời khóa biểu theo block	Block scheduling
Phương thức phân công chuyên nhiệm	Looping
Tỷ lệ học sinh-giáo viên	Student-teacher ratio
Trợ giảng	Paraprofessional
Trưởng nhóm giáo viên	Lead teacher

Xây dựng và áp dụng

- Bạn cảm thấy thế nào nếu lớp học mình dạy ở trong một chiếc xe di động? Lợi thế và bất lợi của việc giảng dạy trong một chiếc xe di động là gì? Bạn có tin rằng lớp học trong chiếc xe di động có thể ảnh hưởng đến việc học không? Ảnh hưởng như thế nào? Tại sao?
- Có nhiều người với những trách nhiệm khác nhau tương tác trong một trường học, và số người phụ trách cùng một vai trò cũng thay đổi tùy vào kiểu trường. Bạn kỳ vọng sẽ thấy bao nhiêu người trong cùng một vị trí tại những trường khác nhau?
 - Nhìn vào bảng dưới đây về trường học và nhân sự. Chỉ ra trên bảng khả năng những nhân sự này sẽ có mặt ở trường với mức độ như thế nào. Đánh dấu ✓✓ nếu nhiều người có mặt, đánh dấu ✓ nếu một vài người có mặt, và dấu — nếu không có ai.
 - Nhìn vào mỗi cột. Điều gì khiến cho số lượng người khác nhau ở từng loại hình trường học khác nhau?

	Trường tiểu học	Trường trung học cơ sở	Trường trung học phổ thông	Trường tư	Trường thay thế	Trường dạy nghề	Trường học ảo
Giáo viên							
Hiệu trưởng							
Hiệu phó							
Trưởng nhóm giáo viên							
Chuyên gia trợ giúp học tập							
chuyên gia thông tin thư viện							
Tham vấn viên							

	Trường tiểu học	Trường trung học cơ sở	Trường trung học phổ thông	Trường tư	Trường thay thế	Trường dạy nghề	Trường học ảo
Trợ giảng							
Giáo viên giáo dục đặc biệt							
Chuyên gia công nghệ							
Tình nguyện viên							
Y tá							
Nhân viên giám hộ							
Nhân viên căng tin							
Những người khác (nếu rõ)							

3. Bạn có tin rằng các nhà lập kế hoạch nên tiếp tục cố gắng để giảm tỷ lệ học sinh-giáo viên hiện tại không? Tại sao? Theo bạn, tỷ lệ học sinh-giáo viên tối ưu nên là bao nhiêu?

Tái thiết lập tiêu chuẩn

- InTASC** Tiêu chuẩn số 3: “Giáo viên làm việc cùng những người khác để tạo ra môi trường hỗ trợ việc học tập cá nhân và hợp tác, đồng thời khuyến khích những tương tác xã hội tích cực, sự tham gia chủ động trong học tập, và tự tạo động lực”.
 - Chương này đề cập đến phần nào của tiêu chuẩn trên?
 - Với tư cách là giáo viên, những khái niệm trong chương giúp bạn ứng dụng tiêu chuẩn này như thế nào?
- Hãy sử dụng công cụ tìm kiếm ưa thích của bạn để tìm các tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang nơi bạn cư trú. Khi bạn tìm thấy, hãy đánh dấu địa chỉ trang web. Bạn sẽ tham khảo những tiêu chuẩn đó khi đọc các phần tiếp theo của cuốn sách.
 - Các kết luận của bạn về cơ cấu trường học được phản ánh ra sao trong các tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang?
 - Hãy so sánh các tiêu chuẩn InTASC với tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang.

Hồ sơ của bạn

- Bổ sung bản sao sơ đồ mặt bằng của trường mà bạn đang thực tập vào hồ sơ. Hãy cho biết suy nghĩ của bạn về việc cấu trúc vật chất của trường cho phép thực hiện các chức năng của trường như thế nào?

2. Trường bạn đang thực tập có những công nghệ gì cho học sinh và giáo viên sử dụng? Làm thế nào mà trường đó giúp người dùng tiếp cận được công nghệ này? Hãy phản ánh về sự sẵn có và khả năng tiếp cận công nghệ giảng dạy, đồng thời cho biết bạn sẽ quản lý việc sử dụng những công nghệ có sẵn với học sinh như thế nào.

Tài liệu tham khảo trên Education Coursemate

Hãy truy cập trang web của Education CourseMate (tại www.cengagebrain.com) hoặc trang books.fpt.edu.vn để biết thêm thông tin về cơ cấu trường học, vai trò cùng trách nhiệm của nhân sự, công cụ học tập tương tác và các tài liệu tham khảo hữu ích khác. Bạn sẽ tìm thấy các TeachSource video, thông tin hướng dẫn thực hành trải nghiệm thực tế, thẻ từ vựng, các hoạt động, câu hỏi, đường dẫn trực tiếp tới những trang web được nhắc đến trong chương này và nhiều thông tin khác nữa.



CHƯƠNG

8

Nhà trường và học sinh: Kỳ vọng và trách nhiệm

TỪ ĐẦU ĐẾN GIỜ, bạn đã tìm hiểu về bản thân, học sinh, mục đích và cơ cấu của trường học. Tại nơi mà chúng ta gọi là *trường học* này, mối quan hệ giữa bạn (giáo viên) với học sinh phải được thiết lập và nuôi dưỡng. Trong môi trường đó, tất cả mọi người tham gia trải nghiệm giáo dục đều có những kỳ vọng nhất định đối với người khác. Là một học sinh, bạn có kỳ vọng về giáo viên và trường học của mình. Với tư cách giáo viên, bạn cũng có những kỳ vọng về học sinh và trường nơi bạn sẽ dạy. Chúng ta hãy cùng tận dụng cơ hội này để tìm hiểu về những kỳ vọng đó và cách thức trường học đáp ứng chúng.

Học sinh dành khoảng một phần ba ngày của mình ở trường học. Trên thực tế, “ngoài thời gian ngủ, hầu hết trẻ em dành nhiều thời gian với giáo viên hơn bố mẹ của mình” (Eisner, 2002, trang 648). Không chỉ mang thân thể đến trường; các em còn mang theo cả suy nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm, nền tảng và niềm tin của bản thân.

Bạn đã tìm hiểu về việc quan điểm và khả năng riêng biệt của từng học sinh ảnh hưởng như thế nào đến kết quả học tập của các em trên lớp. Hãy xem xét cả việc học sinh phải học tập một cách hiệu quả và phù hợp trong môi trường ở trường học. Hãy nhớ lại tháp nhu cầu của Maslow: Có rất nhiều thách thức đối với cảm nhận của học sinh về sự an toàn, cảm giác yêu thương và trực thuộc, cùng lòng tự trọng, cả ở trong và ngoài lớp học cũng như trường học. Đồng thời, hãy nhớ lại các giai đoạn phát triển tâm lý của Erikson: Học sinh có thể trải nghiệm những vấn đề về niềm tin, sự tự chủ và chủ động khi các em cố gắng tương tác trong văn hóa trường học.

Rất hiếm khi học sinh được kỳ vọng sẽ dành sự chú ý cho việc học tập tại trường nếu những nhu cầu và vấn đề này chưa được thỏa mãn, giải quyết.

Trong chương này, bạn sẽ tìm hiểu về trách nhiệm cùng các mối quan hệ tồn tại giữa nhà trường và học sinh. Bạn sẽ nghiên cứu xem học sinh, giáo viên và những người khác trong trường làm việc với nhau như thế nào để tạo dựng một môi trường thu hút, an toàn, đồng thời có lợi tối đa đối với việc học tập của học sinh. Như trong các chương trước, bạn sẽ kết hợp những trải nghiệm cá nhân với lý thuyết và suy nghĩ của người khác nhằm giúp bạn đưa ra các kết luận quan trọng, đồng thời kiến tạo hiểu biết của bản thân về cách thức nhà trường giúp học sinh học tập.



Mục tiêu chương

Sau khi kết thúc chương này, bạn có thể:

1. Mô tả cuộc sống ở trường học theo trải nghiệm của học sinh trên khía cạnh an toàn thân thể, trí tuệ và cảm xúc, đồng thời mô tả những hiểm họa tiềm tàng đối với sự an toàn của học sinh.
InTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập
2. Đưa ra các ví dụ về phản hồi của trường học trong việc đảm bảo an toàn thân thể, trí tuệ và cảm xúc cho từng học sinh.
InTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập
3. Mô tả vai trò của giáo viên trong việc đáp ứng nhu cầu của học sinh thông qua công tác quản lý lớp học hiệu quả.
InTASC Tiêu chuẩn số 3: Môi trường học tập

Sự an toàn của học sinh ở trường học

Cuộc sống ở trường học đối với học sinh như thế nào? Tất cả chúng ta đều có những ý tưởng rõ ràng về câu hỏi này dựa trên trải nghiệm của bản thân. Làm thế nào để chúng ta giúp học sinh cảm thấy thoải mái và an toàn ở trường học? Chúng ta có thể làm gì để các em có thể tập trung năng lượng vào việc học tập?

Chúng ta đã nói rằng mục đích cơ bản của trường học là giúp học sinh học tập. Trước khi tạo động lực học tập cho học sinh, thì nhu cầu của các em phải được đáp ứng. Một trong những nhu cầu đó là nhu cầu về sự an toàn và an tâm. Nhu cầu này không chỉ bao gồm an toàn về mặt thân thể mà còn an toàn về trí tuệ và cảm xúc. Trường học chịu trách nhiệm về *tất cả* khía cạnh của vấn đề an toàn và an tâm cho học sinh trong trường.¹

An toàn thân thể

Rõ ràng, học sinh nên được đảm bảo an toàn thân thể (physical safety) tại trường học. Các quy định về tòa nhà, việc thanh tra cùng nhiều biện pháp khác đều nhằm đảm bảo trường học an toàn. Việc tập luyện chuẩn bị cho hỏa hoạn, bão và động đất trở thành một phần cuộc sống của học sinh để các em có thể ứng phó một cách trật tự trong trường hợp có đe dọa về thiên tai hoặc các mối nguy khác. Những mối đe dọa khác có thể đến từ cá nhân, những người này vì một lý do nào đó đã phá hoại trường học bằng các hành vi trộm cướp, bạo lực, khủng bố, tấn công hoặc những hành vi phạm tội khác.

¹ Toàn bộ số Tháng 9 năm 2011 của tạp chí *Educational Leadership* (tạm dịch: "Lãnh đạo giáo dục") (Tập 69, Số 1) dành cho chủ đề về sự an toàn ở trường học.

Đáng tiếc rằng những thảm họa xả súng đã diễn ra trên khắp nước Mỹ. Bạn có thể nhớ lại các sự việc đã xảy ra ở trường trung học phổ thông Columbine tại Littleton, Colorado (1999); trường trung học phổ thông Red Lake ở Red Lake, Minnesota (2005); và trường West Nickel Mines Amish ở Nickel Mines, Pennsylvania (2006). Những kẻ bắn súng tại các trường này đã gây ra hàng loạt tội ác giết người cũng như chấn thương nghiêm trọng cho cả học sinh và giáo viên. Trong trường hợp ở trường trung học phổ thông Columbine và Red Lake, kẻ bắn súng chính là học sinh trong trường, còn kẻ bắn súng tại trường Amish ở Pennsylvania là một người bên ngoài. Theo Báo cáo của Trung tâm An toàn Học đường Quốc gia về Tử vong do Bạo lực tại Trường học (National School Safety Center's Report on School Associated Violent Deaths, 2010), giữa các năm học 1992-93 đến 2009-10, có 348 học sinh và giáo viên đã bị sát hại trong các cuộc xả súng tại trường học.

Những hành vi phạm tội dường như trở nên bình thường ở trường học. Hầu hết đều không gây tử vong. Mặc dù số lượng tội phạm không gây tử vong ở các trường học đã giảm trong thập kỷ qua, nhưng vào năm 2008, vẫn có trên 1,2 triệu tội phạm không gây tử vong, bao gồm cưỡng hiếp, tấn công tình dục, trộm cắp, những vụ tấn công gây hậu quả nghiêm trọng, tấn công nhỏ, ăn cướp đã xảy ra đối với các học sinh trong độ tuổi từ 12 đến 18, các vụ việc này đều diễn ra khi nạn nhân đang ở trường học (Robers, Zhang và Truman, 2010; xem Hình 8.1). Những mối đe dọa khác hay các mối đe dọa tiềm ẩn với an toàn thân thể của học sinh đã được trình bày trong một báo cáo của Bộ Giáo dục Mỹ và Bộ Tư pháp Mỹ. Vào năm 2009, trong số học sinh từ lớp 9 đến lớp 12, có tới:

- 8% số học sinh cho biết đã bị đe dọa hoặc bị thương do vũ khí (dao, súng hoặc gậy).
- 8% nam sinh và 3% nữ sinh báo cáo đã mang súng tới khu vực trường học.
- 23% cho hay đã từng được mời chào các loại thuốc kích thích.
- 4% báo cáo sử dụng đồ uống có cồn và 5% đã sử dụng ma túy.
- 31% cho biết đã tham gia một trận đánh nhau liên quan đến thân thể (Robers, Zhang và Truman, 2010).

Tuy vậy, thực tế là “các trường công ở Mỹ *vô cùng an toàn*, kể cả trong những khu vực có tỷ lệ phạm tội cao” (Fowler, 2011, trang 16). Thế nhưng, bất kỳ hành động bạo lực nào trong trường học cũng là một nguyên nhân gây lo lắng. Làm thế nào để trường học có thể trở nên an toàn hơn?

HỢP KIẾN TẠO

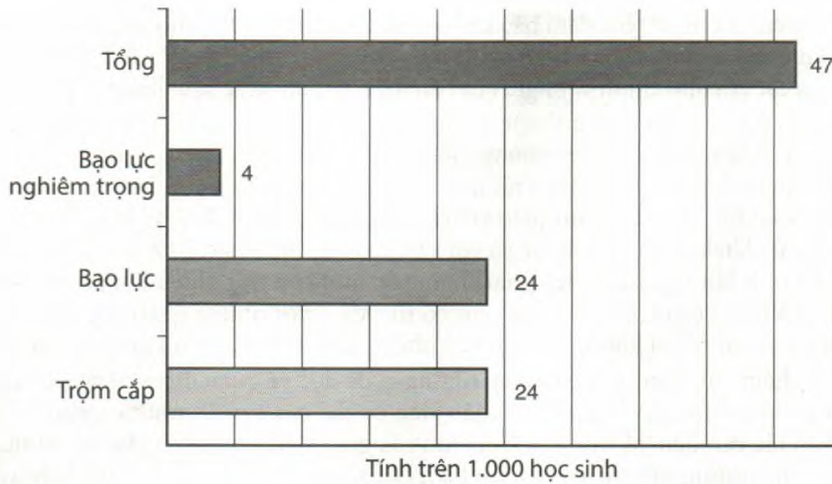
8.1

Trường học an toàn

Không ai trong chúng ta xa lạ với những báo cáo truyền thông về bạo lực học đường. Có lẽ bạn cũng đã nghĩ về những mối đe dọa tiềm ẩn với sự an toàn của bản thân khi cân nhắc sự nghiệp giảng dạy. Các viên chức trong trường học chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn thân thể cho học sinh và nhân viên của mình. Trách nhiệm này hiển nhiên bao gồm việc thực hiện các biện pháp không chỉ để ngăn ngừa những vụ tấn công tàn ác như chúng ta nghe được trên tin tức, mà còn để bảo vệ chống lại các thảm họa thiên nhiên như hỏa hoạn, thời tiết cực đoan, đảm bảo an toàn cho đồ dùng cá nhân của học sinh, nhân viên và các xe buýt đưa đón học sinh của trường học.

- Các nhân viên trong trường học có thể thực hiện những cách thức nào để đảm bảo an toàn thân thể cho học sinh và nhân viên?
- Hãy so sánh những nỗ lực này với những nỗ lực của trường mà bạn đã từng theo học.

Hãy lưu lại những ý kiến của bạn; bạn sẽ xem xét cách thức trường học làm việc để đảm bảo an toàn thân thể cho học sinh trong phần sau của chương này.



◀ Hình 8.1

Số vụ phạm tội không gây tử vong đối với học sinh tại trường học (độ tuổi 12-18) theo báo cáo của học sinh, tính trên 1.000 học sinh năm 2008. Ghi chú: "Các vụ phạm tội bạo lực" bao gồm tấn công nhỏ, trong khi "phạm tội bạo lực nghiêm trọng" bao gồm cưỡng hiếp, tấn công tình dục, trộm cắp, và tấn công gây hậu quả nghiêm trọng. Những vụ phạm tội bạo lực nghiêm trọng cũng nằm trong phạm tội bạo lực.

Nguồn: Robers, Zhang và Truman, 2010

© Cengage Learning 2014



Trung tâm An toàn Học đường Quốc gia (National School Safety Center) là một nguồn tài liệu tham khảo tuyệt vời về vấn đề an toàn học đường. Bạn có thể truy cập trang web của trung tâm thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web của Education CourseMate.

An toàn trí tuệ

Loại an toàn thứ hai mà trường học cần đem lại là an toàn trí tuệ (intellectual safety). Bạn đã bao giờ phát biểu trên lớp một cái gì đó mà bạn tin rằng đó là một câu trả lời tốt, rồi bị phủ nhận là sai chưa? Mặc dù câu trả lời đó đối với bạn là hoàn hảo, nhưng nó lại bị hạ thấp giá trị bởi đó không phải là câu trả lời mà giáo viên mong muốn. Sau một vài sự việc như vậy, bạn có lẽ bắt đầu tin rằng suy nghĩ của mình không đúng. Bạn thấy rằng phải trả lời theo cách làm hài lòng giáo viên, thay vì bộc lộ suy nghĩ của bản thân. Sự an toàn trí tuệ của bạn đã bị tổn hại. Bạn không còn cảm thấy an toàn khi thể hiện suy nghĩ của mình. Hãy nhớ lại các giai đoạn phát triển tâm lý - xã hội của Erikson, khả năng bạn sẽ chủ động *khởi xướng* một cuộc thảo luận hay hoạt động trên lớp là như thế nào?

An toàn trí tuệ

1. Nhìn vào Hình 8.2 và mô tả những gì bạn thấy.
2. Lựa chọn một trong những từ sau và ghi lại khái niệm *đầu tiên* bạn nghĩ đến khi thấy từ đó.

FAN FLAG PLANT

3. Hai trong số các chương trình truyền hình yêu thích của bạn là gì?

So sánh câu trả lời của bạn với những người khác trong lớp. Có gì khác nhau không? Vì sao?



◀ Hình 8.2

Bạn nhìn thấy hình ảnh gì trong bức vẽ này?

Tâm dịch các từ ở câu 2 như sau: QUẬT CỎ MÂY MỌC

HỘP KIẾN TẠO

8.2

Là giáo viên, chúng ta phải đảm bảo không chỉ an toàn thân thể cho học sinh, mà còn cả an toàn trí tuệ cho các em. Điều này có nghĩa rằng chúng ta phải tìm kiếm, tôn trọng và đề cao suy nghĩ của các em như chính suy nghĩ của bản thân. Chúng ta sẽ làm điều này như thế nào?

Suy nghĩ của con người phụ thuộc vào những trải nghiệm trước đó, và những người khác nhau lại có các trải nghiệm không giống nhau, vì thế khả năng học sinh giải thích cùng một tình huống học thuật theo những cách khác nhau là rất cao. Một học sinh có thể giải bài tập hình học theo cách mà giáo viên không hề nghĩ đến. Một số học sinh lại lý giải các vở kịch của Shakespeare rất khác so với những học sinh khác. Một số trẻ em nhỏ tuổi có thể nép mình khi nghĩ đến việc phải chăm sóc một con thú nhiều lông trong lớp như chuột nhắt. Những câu trả lời của các em có thể khác với những gì chúng ta mong đợi. Nhưng liệu các em có sai không? Hay tất cả những câu trả lời đó đơn giản là *của các em*?

Tại thời điểm này, bạn có thể nhớ lại những gì đã đọc về quan điểm riêng biệt của học sinh. Bạn đã học được gì về cách thức giáo viên có thể công nhận những quan điểm đó? Một nguyên tắc căn bản về việc dạy giỏi chính là giáo viên cần *lắng nghe* học sinh. Bằng cách lắng nghe những câu trả lời và thảo luận của học sinh, giáo viên có thể hiểu về cách học sinh đang học tập và cách các em tự xây dựng khái niệm cho bản thân. Giáo viên phải tạo ra một lớp học trong đó học sinh cảm thấy thoải mái để chấp nhận rủi ro nói ra những gì mình đang nghĩ. Trước khi cho rằng một câu trả lời của học sinh là sai, hãy yêu cầu học sinh đó giải thích suy nghĩ của mình. Bạn và cả lớp có thể biết thêm được hiểu biết sâu sắc từ quan điểm của học sinh đó và bạn thậm chí có thể học được một điều gì đó mới mẻ! Giáo viên khi làm việc này sẽ đảm bảo sự an toàn trí tuệ cho học sinh.

An toàn cảm xúc

Loại an toàn thứ ba là an toàn cảm xúc (emotional safety). An toàn cảm xúc là những gì chúng ta cảm thấy khi biết rằng mọi người hiểu và chấp nhận cảm xúc của chúng ta. Khi những người khác, ví dụ học sinh, giáo viên hay phụ huynh thất bại trong việc công nhận cảm xúc của học sinh, thì các em từ đó sẽ mất niềm tin về chính cảm xúc của bản thân. Chọc gheo, phớt lờ, phán xét hay coi nhẹ cảm xúc của một ai đó đều có thể gây ra sự không công nhận này. Việc mất niềm tin khi xảy ra có thể dẫn đến tình trạng lo lắng, chán nản và kiểm chế đặc tính cá nhân, sự tự tin cũng như tính sáng tạo.

Cảm xúc mang tính cá nhân. Khi cảm nhận của một ai đó được người khác công nhận và thấu hiểu, cá nhân đó sẽ cảm thấy an toàn về cảm xúc. Nhờ vậy, các em sẽ cảm thấy an toàn khi nói cho một ai khác về những cảm giác say mê, phấn khích, sợ hãi, phẫn chí, lo lắng, giận dữ, tan nát hay hổ thẹn. Nhưng khi một người lo sợ về những lời chỉ trích hay chế nhạo cảm xúc của mình, người đó sẽ không cảm thấy an toàn về cảm xúc. Họ sẽ vẫn có cảm xúc nhưng lại che giấu đi. Điều quan trọng là cảm xúc của mọi người được công nhận và không bị người khác chỉ trích, điều chỉnh hay quy kết. Lưu ý là chúng ta không nói rằng giáo viên phải đồng tình với cảm xúc mà học sinh thể hiện, mà giáo viên cần hiểu và chấp nhận những cảm xúc đó. Ví dụ, bạn không cần phải mê mẩn những thần tượng tuổi teen hiện nay mà học sinh trong lớp bạn đang phát điên lên, nhưng bạn sẽ chắc chắn có thể hiểu sự vui thích mà các em đang có. Bạn không cần phải nói với học sinh rằng điều đó thật ngờ nghệch.

Những cách cảm xúc có thể bị phủ nhận

Danh sách dưới đây chỉ ra một số tình huống khác nhau, trong đó sự an toàn cảm xúc bị tổn hại (Hein, 2003):

- Chúng tôi bị nói rằng chúng tôi không nên cảm nhận theo cách mà bản thân cảm thấy.
- Chúng tôi bị nói rằng mình quá nhạy cảm, quá "kịch tính".
- Chúng tôi bị khiến cho tin rằng có gì đó sai trái vì cảm nhận như cách chúng tôi cảm thấy.
- Chúng tôi bị "ra lệnh" để cảm nhận khác đi với những câu như:
 - "Hãy vui lên".

- “Hãy vượt qua chuyện đó đi”.
- “Hãy đối mặt với chuyện đó đi”.
- “Hãy để yên chuyện đó đi”.
- “Hãy thôi than vãn đi”.
- Cảm nhận và cảm xúc của chúng tôi sẽ bị giảm thiểu bởi những ý kiến sau:
 - “Nó chẳng thể tệ đến thế”.
 - “Những người khác đã phải trải qua nhiều điều còn tồi tệ hơn bạn”.
 - “Thời gian sẽ làm lành mọi vết thương”.
 - “Trong cái rủi có cái may”.
 - “Mọi thứ diễn ra đều vì một lý do nào đó”.
 - “Bạn chỉ đang trải qua một giai đoạn thôi”.
- Cảm nhận của chúng tôi bị phán xét bởi những lời bình luận sau:
 - “Bạn là một đứa trẻ hay kêu ca”.
 - “Bạn quá nhạy cảm hoặc dễ tự ái”.
 - “Bạn cường điệu hóa quá mức”.
 - “Bạn luôn thổi phồng những chuyện nhỏ nhặt”.

Các nhà nghiên cứu đã thấy mối tương quan chặt chẽ giữa những cảm xúc tiêu cực được giữ kín và hành động bạo lực ở trường học. Ví dụ, một nghiên cứu được thực hiện bởi Trung tâm Đánh giá Mối đe dọa Quốc gia (một bộ phận của Cơ quan Mật vụ Hoa Kỳ) và Bộ Giáo dục Mỹ đã báo cáo rằng, trong nhiều vụ xả súng ở trường học được điều tra từ năm 1974 đến năm 2000, kẻ tấn công cảm thấy “bị ngược đãi, bắt nạt, đe dọa, tấn công hay bị tổn thương” (Vossekuil và các cộng sự, 2002, trang 20). Khi học sinh phát triển những cảm nhận và cảm xúc tiêu cực, đồng thời không thể bộc lộ những cảm nhận đó hay không được bạn bè cùng người lớn công nhận, các em có thể có khuynh hướng thể hiện cảm xúc theo những cách không phù hợp và đôi khi gây nguy hiểm.

Bắt nạt

Có nhiều mối đe dọa về an toàn cảm xúc, nhưng trong số đó, mối đe dọa mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu rộng hơn cả chính là hành vi bắt nạt (bullying) và quấy rối (harassment).

Những kẻ hay bắt nạt và hành vi bắt nạt

Bạn có nhớ bất cứ ai hay bắt nạt ở trường bạn không? Có thể bạn đã từng bị bắt nạt một lần nào đó, hay có lẽ bạn đã chứng kiến một vài học sinh lập hội để bắt nạt một học sinh khác. Có thể bạn đã từng là một kẻ hay bắt nạt...

- Làm thế nào để bạn nhận ra hành vi bắt nạt nếu bạn thấy ở hành lang hay trên sân trường nơi bạn đang dạy?
- Điều gì khiến một người trở thành kẻ hay bắt nạt? Người đó có những đặc điểm gì?
- Có những loại hành vi bắt nạt khác nhau nào? Khi nào trêu chọc trở thành bắt nạt? Việc tung tin đồn có phải là bắt nạt không?

Dan Olweus (2011), một chuyên gia về vấn đề bắt nạt và là người phát triển Chương trình Phòng chống Bắt nạt Olweus, cho rằng bắt nạt (bullying) diễn ra khi có hành vi lặp đi lặp lại của một hay nhiều người đối với người khác theo hướng tiêu cực khiến cho người đó khó có thể bảo vệ bản thân.

Thế mạnh mà những kẻ hay bắt nạt sử dụng để hăm dọa người khác có thể đến từ địa vị xã hội và/hoặc kinh tế, tuổi tác hay sức mạnh thể lực. Một số cá nhân có được thế mạnh để trở thành kẻ hay bắt nạt nhờ hội nhóm - chỉ đơn giản là chơi cùng với những người có

HỘP KIẾN TẠO

8.3

bắt nạt (bullying) Hành vi lặp đi lặp lại của một hay nhiều người đối với người khác theo hướng tiêu cực khiến cho người đó khó có thể bảo vệ bản thân.

Một môi trường học tập an toàn Linda L. Eisinger



Được sự cho phép của Linda Eisinger

Học sinh có khả năng đạt được tiềm năng cao nhất của mình trong một môi trường lớp học an toàn và tổ chức tốt. Điều quan trọng là gia đình và cộng đồng cần phải trông đợi, đòi hỏi một lớp học an toàn cũng như một trường học an toàn.

Hầu hết mọi người thường đánh đồng một ngôi trường an toàn và lớp học an toàn với sự an toàn về cơ sở vật chất. Mặc dù tôi đồng ý rằng điều đó cũng rất quan trọng, nhưng khi tôi nói rằng *ngôi trường an toàn và lớp học an toàn*, thì tôi đang nghĩ tới một môi trường nơi mà trẻ em biết rằng các em có thể mạo hiểm trong học tập và không phải cảm thấy xấu hổ với bạn bè hay một người giáo viên vô cảm. Giáo viên phải mang lại môi trường học tập an toàn, nơi học sinh được chuẩn bị và mạo hiểm để chứng tỏ những kỹ năng cũng như kiến thức một cách thành công.

Tôi bắt đầu sự nghiệp như một giáo viên giáo dục đặc biệt ở trường trung học cơ sở. Học sinh phải rời lớp học để tham gia lớp phụ đạo toán. Tôi vẫn còn nhớ hình ảnh học sinh vào phòng của tôi rất buồn với hai hàng nước mắt bởi giáo viên đã làm các em xấu hổ trước mặt bạn bè vì nói rằng các em không thông minh. Ngay lập tức, tôi hình thành suy nghĩ rằng mỗi học sinh trong lớp của tôi sẽ luôn có những trải nghiệm thành công.

Charlie đến với tôi trong ngày Valentine. Mẹ cậu bé đưa đến trường tay không. Hôm đó, chúng tôi đang tổ chức tiệc mừng lễ Valentine và cậu bé đến mà không có thiệp để chia sẻ cùng với mọi người. Tôi nhanh chóng chuẩn bị một ít giấy thủ công và chúng tôi cắt dán thiệp trong cả ngày cùng sự giúp đỡ của một số học sinh khác để giúp cậu bé hoàn thành.

Sau khi nhìn cách Charlie xoay sở ngày hôm đó, cậu bé đã chiếm một chỗ đặc biệt trong tim tôi. Tôi biết rằng cậu đã thất vọng nhiều lần trong cuộc sống và không mong chờ bất cứ điều gì. Thật buồn làm sao đối với một đứa trẻ tám tuổi mà không cho phép bản thân hứng khởi vì bất cứ điều gì bởi nó biết những điều đó sẽ không bao giờ trở thành hiện thực.

Tôi đã gặp phải khó khăn khi muốn Charlie mạo hiểm trong việc học. Cậu bé hiếm khi giơ tay trả lời câu hỏi và nếu có cậu bé luôn rào trước bằng một câu là: "Em biết câu trả lời này sai...". Một ngày kia, tôi đang dạy môn khoa học và chuẩn bị chiếu một đoạn video, nhưng điều khiến từ xa không hoạt động. Tôi bắt đầu làm những việc khác trong khi Charlie lên tiếng và nói với tôi rằng cậu sẽ sửa nó. Cậu bé nghịch với chiếc điều khiển trong vòng một phút và nó trở lại hoạt động bình thường. Cả lớp bắt đầu vỗ tay, reo hò và Charlie tươi cười một cách rạng rỡ. Tôi biết rằng tôi có thể sử dụng trải nghiệm này để giúp lòng tự trọng của cậu bé.

Ngày hôm sau, trước giờ khoa học, tôi đứng lên trước lớp và hỏi bọn trẻ liệu chúng có nhớ Charlie đã sửa chiếc điều khiển từ xa

như thế nào không. Chúng lại hò reo. Tôi nói với chúng rằng tôi phát hiện ra Charlie đã biến chiếc điều khiển từ xa thành một thiết bị diệu kỳ. Tôi đã thu hút được sự chú ý của Charlie! Sau đó, tôi đưa ra một mệnh đề: "Môi trường sống là một môi trường..." và tôi chỉ chiếc điều khiển từ xa về phía học sinh rồi nói: "Tua về và phát lại nào". Cả lớp ngay lập tức hiểu ra và nhắc lại mệnh đề. Charlie rất thích thú và chúng tôi thường sử dụng "Chiếc điều khiển từ xa diệu kỳ của Charlie" để ôn lại bài kiểm tra và bài học.

Charlie ở lại lớp tôi cho đến cuối năm. Cậu bé đến trường học hè năm đó và tôi thường thấy cậu bé giúp đỡ những bạn học chậm hơn bằng cách nhắc lại những từ, cụm từ mà tôi đã sử dụng với cậu.

Charlie chuyển đi sau học hè và tôi thực sự rất nhớ cậu bé trong năm học sau đó. Cậu bé đã cảm thấy thoải mái trong trường của chúng tôi và tôi tưởng tượng ra rằng, cậu sẽ phải bắt đầu lại từ đầu ở ngôi trường mới cho đến khi cảm thấy an toàn và an tâm với việc học của mình. Tôi hy vọng những điều tốt đẹp nhất sẽ đến với cậu bé và mong một ngày nào đó có thể gặp lại cậu.

Giáo viên phải làm tất cả mọi điều có thể để một năm học của học sinh trở nên an toàn và thành công. Tất cả học sinh đến trường ngày đầu tiên đều muốn học tập. Tôi chưa bao giờ thấy một năm học bắt đầu mà không có năng lượng và tiềm năng đó. Những giáo viên vô cảm và không hiệu quả đều cần bị loại bỏ. Họ không được phép làm ảnh hưởng tiêu cực đến học sinh.

Khi người thầy tạo ra một môi trường học tập an toàn, thì phần thưởng cho học sinh và người thầy đó là vô giá. Ở trong lớp học, tôi cảm thấy xúc động mỗi khi nhìn thấy một học sinh đọc một câu trọn vẹn mà không có lỗi trong lần đầu tiên. Niềm vui bộc lộ trên gương mặt của học sinh thật không thể diễn tả nổi. Lần khác, khi một học sinh vật lộn với phép tính nhân hàng tuần liền và cuối cùng nhìn vào bài của mình rồi nói: "Em hiểu rồi!", toàn bộ lớp học ngay lập tức vỗ tay chúc mừng. Có những thời khắc thú vị trong sự nghiệp, và tôi đã đóng góp bằng cách tạo ra một môi trường học tập thoải mái nơi học sinh có thể mạo hiểm trong việc học. Tôi không thể hình dung ra nhiệm vụ nào của người thầy quan trọng hơn việc tạo ra một lớp học an toàn cả về cảm xúc lẫn trí tuệ.

Linda L. Eisinger
Giáo viên của năm tại Missouri, 2004-2005
Trường Tiểu học West
Thành phố Jefferson, Missouri
© Cengage Learning 2014

một hoặc một vài thể mạnh này (Quiroz, Arnette và Stephens, 2006). Chính quyền liên bang đã công nhận bốn loại hành vi bắt nạt; bất cứ hành vi bắt nạt nào cũng có thể xếp vào trên một loại hình. Đó là:

1. Ngôn từ - chọc ghẹo, chửi bới.
2. Xã hội - sự loại trừ hoặc cô lập về mặt xã hội, tung tin đồn.
3. Thân thể - đánh, xô đẩy.
4. Trực tuyến - sử dụng công nghệ như mạng Internet và các thiết bị di động để gây hại cho người khác (StopBullying.gov).

Con trai thường có xu hướng tham gia vào hành vi bắt nạt thân thể trực tiếp. Con gái thường sử dụng những thủ thuật ngôn từ hoặc xã hội như loại trừ, chửi bới và tung tin đồn

(Quiroz, Arnette và Stephens, 2006). Cả con trai và con gái đều tham gia vào hành vi bắt nạt trực tuyến. Câu trả lời của bạn trong Hộp kiến tạo 8.3 có bao gồm những yếu tố này không?

Theo báo cáo *Dấu hiệu Phạm tội và An toàn trường học: 2010 (Indicators of School Crime and Safety)* (Robers, Zhang và Truman, 2010), học sinh thuộc độ tuổi từ 12 đến 18 cho biết những con số sau đây trong năm học 2007-2008:

- 10% cho hay đã nghe thấy những từ ngữ liên quan đến sự thù ghét nhằm thẳng vào các em.
- 35% đã thấy những hình vẽ bằng sơn trên tường liên quan đến sự thù ghét.
- 32% bị bắt nạt khi ở trường. Các hình thức bắt nạt gồm có:
 - Bắt nạt về ngôn từ - 21%
 - Là chủ đề của tin đồn - 18%
 - Bắt nạt về thân thể - 11%
 - Đe dọa nguy hiểm về thân thể - 6%
 - Bị loại trừ/cô lập về mặt xã hội - 5%
 - Bị ép làm những điều các em không muốn hoặc tài sản bị phá hủy một cách có chủ đích - 4%
- 5% cảm thấy sợ bị tấn công hoặc gây tổn hại.
- 3% tránh một hoạt động, và 6% tránh một nơi nào đó trong trường vì sợ bị tấn công hoặc gây tổn hại.

Một nghiên cứu gần đây cho thấy những học sinh thuộc nhóm thiểu số về giới tính (sexual minority) - đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng giới - bị bắt nạt nhiều hơn hai đến ba lần so với học sinh dị tính khác, đồng thời các em cũng ít tham gia vào các hành vi bắt nạt hơn (Bệnh viện Nhi Quốc gia, 2010). Trên thực tế, khả năng học sinh thuộc nhóm thiểu số về giới tính cho biết bị đe dọa, bị làm hại hay tấn công nhiều hơn 1,7 lần so với các bạn bè của mình, và khả năng phải nghỉ học cao gấp ba do sợ hãi (Friedman và các cộng sự, 2011).

Brewster và Railsback (2011) cho biết giáo viên gần như không nhận thức được mức độ phổ biến của hành vi bắt nạt, hoặc nếu biết, họ không hành động nghiêm túc để ngăn chặn. Hành vi bắt nạt khiến các nạn nhân chán nản, lo âu, chệnh mảng, có hành động phá phách, đánh nhau, trốn học và thậm chí tự tử. Trong nỗ lực hỗ trợ các biện pháp của liên bang, nâng cao nhận thức và đề xuất những chiến lược ngăn chặn hành vi bắt nạt, chính quyền liên bang đã bắt đầu tổ chức các Hội nghị Ngăn chặn Hành vi bắt nạt thường niên (Bộ Giáo dục Mỹ, 2011c).

Bắt nạt trên mạng

Bạn đã nghĩ về hành vi bắt nạt trên mạng chưa? **Bắt nạt trên mạng (Cyberbullying)** là hành động bắt nạt thông qua thư điện tử, tin nhắn văn bản, tin nhắn hình ảnh, trang web, bài viết trên mạng xã hội, chat room và điện thoại. Các tính chất của hành vi bắt nạt trực tiếp như những hành động tiêu cực, lặp đi lặp lại theo thời gian, và sự mất cân bằng về thể mạnh đều tồn tại ở hành vi bắt nạt trên mạng (Kowalski và các cộng sự, 2008). Mạng Internet đã trở thành bối cảnh cho hành vi này, còn gọi là bắt nạt ảo (virtual bullying).



SW Productions/Getty Images/Stockbyte

Hành vi bắt nạt hay quấy rối có thể tác động một cách bất lợi tới sự phát triển về mặt xã hội và cảm xúc của nạn nhân. Giáo viên có thể làm gì để ngăn chặn những hành vi bắt nạt như vậy với học sinh khác?

bắt nạt trên mạng (cyberbullying) Hành động bắt nạt thông qua thư điện tử, tin nhắn văn bản, tin nhắn hình ảnh, trang web, bài viết trên mạng xã hội, chat room và điện thoại.



LWA/Dann Taroff/Getty Images/Blend Images

Theo bạn những cô gái này đang cười về cái gì?

Học sinh đã tạo ra những trang web làm bạn cùng lớp xấu hổ và dùng tin nhắn tức thời cũng như chat room để quấy nhiễu người khác. Những hành vi này có thể không bị người lớn kiểm soát và thể hiện một mối quan ngại nghiêm trọng đối với nhân viên trong trường cũng như phụ huynh.

Các nghiên cứu cho thấy, vào năm 2010, khoảng 20% học sinh trong độ tuổi từ 11 đến 18 trở thành nạn nhân của hành vi bắt nạt trên mạng; cũng khoảng số phần trăm tương tự đã nhận mình là những kẻ bắt nạt trên mạng; và 10% nói rằng mình vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm (Lenhart và các cộng sự, 2011; Hinduja & Patchin, 2010a). Nạn nhân của hành vi bắt nạt trên mạng ít muốn đi học hơn, đạt điểm kém, có lòng tự trọng thấp hơn cũng như có những vấn đề về sức khỏe do hệ quả của hành vi bắt nạt. Sự việc tự tử vô cùng bi thảm và công khai của ba thanh thiếu niên, Megan Meier vào tháng 10/2006, Phoebe Prince vào tháng 1/2010 và Jamey Rodemeyer, một em đồng tính nam vào tháng 9/2011, đều liên quan đến hành vi bắt nạt trên mạng. Trên thực tế, một nghiên cứu bao gồm mẫu 2.000 học sinh trung học cơ sở được chọn ngẫu nhiên cho thấy rằng 20% học sinh là nạn nhân của hành vi bắt nạt trên mạng nghiêm trọng đến mức đã nghĩ đến việc tự tử. Ngoài ra, một con số thống kê đáng sợ hơn cho thấy 19% những học sinh tham gia vào cuộc khảo sát đã từng cố gắng tự tử (Hinduja & Patchin, 2010b). Vào năm 2010, Hiệp hội Giáo dục Quốc gia cảnh báo giáo viên rằng hành vi bắt nạt trên mạng sẽ là một trong những thách thức hàng đầu mà giáo viên phải đối mặt (Flannery, 2010).

Hành vi quấy rối

Quấy rối (harassment) có nghĩa là “gây phiền toái một cách dai dẳng, liên tục” (Merriam-Webster, 2012). Hành vi quấy rối có thể dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng quấy rối tình dục (sexual harassment) có lẽ là đáng lo lắng nhất. Những hình thức khác của hành vi quấy rối thường giống với các khía cạnh của hành vi bắt nạt.

Quấy rối tình dục là hành vi bất hợp pháp, cho dù đó là giữa học sinh với nhau hay người lớn với học sinh, cho dù hành vi đó liên quan đến những người cùng giới hay khác giới. Bộ Giáo dục Mỹ, Văn phòng Quyền công dân (2008) định nghĩa quấy rối tình dục là một hành vi có khuynh hướng về tình dục, không được mong đợi, và ảnh hưởng đến việc một học sinh tham gia hay hưởng lợi từ các cơ hội giáo dục mà trường học đem lại. Ví dụ bao gồm những đề nghị hay việc gây áp lực tình dục, hành vi đụng chạm học sinh không phù hợp, đụng chạm người khác hoặc làm những điều bộ hay âm thanh thô tục trước mặt mọi người, nói những chuyện đùa bậy bạ, bày ra những bài viết, hình ảnh, tranh vẽ, tài liệu in ấn hay hình vẽ trên tường có tính chất tình dục, tung tin đồn có liên quan đến các hoạt động và/hoặc khả năng tình dục của học sinh, phát tán hoặc cho xem các thư điện tử hoặc trang web có tính chất tình dục.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng trên một phần ba học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tham gia khảo sát đã bị quấy rối tình dục. Con trai cũng bị quấy rối thường xuyên như con gái, nhưng nhóm thiểu số về giới tính (đồng tính nam, đồng tính nữ, lưỡng giới và chuyển giới) bị quấy rối ở mức thường xuyên hơn (Gruber & Fineran, 2008). Cũng chính nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, mặc dù hành vi bắt nạt phổ biến hơn, nhưng quấy rối tình dục có ảnh hưởng bất lợi cho sức khỏe cảm xúc và thể chất của học sinh hơn hành vi bắt nạt. Và một lần nữa, nhóm thiểu số về giới tính bị quấy rối thường xuyên hơn các bạn bè dị tính khác của mình.

Quấy rối tình dục luôn sai trái, và học sinh nên được động viên để nói với người lớn nếu các em là nạn nhân. Người lớn và nhân viên trong nhà trường nên tiến hành các hành động cần thiết để ngăn chặn những hành vi quấy rối đó. Các học khu phải đưa ra những chính sách và biện pháp rõ ràng để giải quyết vấn đề quấy rối tình dục của cả học sinh và nhân viên, cho dù người gây ra hành vi quấy rối là học sinh hay nhân viên (Walsh, 1999). Trường học sẽ thực hiện những biện pháp này nếu cần thiết.

Các biện pháp ứng phó của trường học với vấn đề an toàn

Theo kinh nghiệm của bạn, trường học đã ứng phó như thế nào với các vấn đề an toàn? Có thể bạn đã học ở một trường luôn thận trọng trong việc ngăn chặn những mối đe dọa tới sự an toàn mà bạn vừa đọc, và bạn có thể đã nhìn thấy hoặc đọc trong bản tin về một số chính sách hay hành động mà trường học nên làm. Chúng ta hãy cùng xem xét một vài cách mà trường học cố gắng để đáp ứng kỳ vọng giữ an toàn cho học sinh.

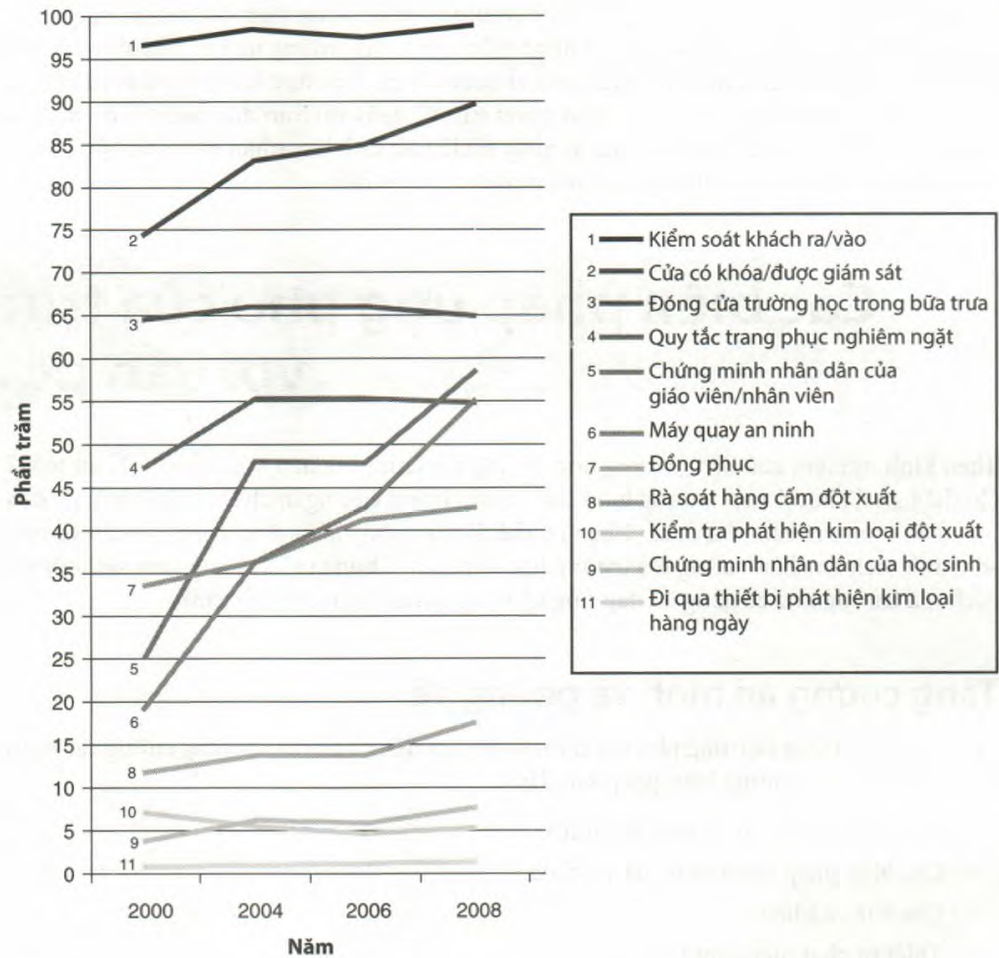
Tăng cường an ninh và phòng vệ

Một cách để trường học ứng phó với các mối đe dọa đến sự an toàn là tăng cường các hình thức an ninh như những biện pháp sau đây:

- Máy quay giám sát và máy ghi hình.
- Các biện pháp kiểm soát cửa và khóa.
- Các cửa có khóa.
- Thiết bị phát hiện kim loại.
- Cảnh sát trong khuôn viên trường.
- Chứng minh nhân thân.
- Thiết bị truyền thông.
- Ký hiệu cảnh báo.
- Chuông báo cưỡng chế.
- Máy ghi hình trên xe buýt của trường.
- Lập hồ sơ tiểu sử và xác định những học sinh có thể có nguy cơ cao hơn mức bình thường trong việc tham gia vào hành vi bạo lực và theo dõi hoạt động của các học sinh đó.
- Kiểm tra toàn bộ các túi đựng sách hoặc cấm mang túi đựng sách.
- Đồng phục hoặc quy tắc trang phục nghiêm ngặt.
- Cảnh sát cùng chó nghiệp vụ rà soát thuốc kích thích và vũ khí.
- Kiểm soát chứng minh nhân dân của khách ra/vào trường.

Danh sách mà bạn tổng hợp trong Hộp kiến tạo 8.3 có bao gồm những biện pháp trên không? Và có nên có không? Nhiều biện pháp trong số những biện pháp trên được thực thi để nắm rõ những học sinh có thể mang vũ khí hoặc hàng cấm đến trường.

Hình 8.3 thể hiện mức độ gia tăng các biện pháp nghiêm ngặt từ năm 2000 đến 2008.



Hình 8.3 ►

Phần trăm trường sử dụng các biện pháp an ninh, 2000-2008.

Nguồn: Lấy từ Cục điều tra dân số Mỹ, 2011b

© Cengage Learning 2014

chính sách không khoan nhượng (zero-tolerance policy) Chính sách yêu cầu các biện pháp kỷ luật nghiêm khắc và tức thời đối với học sinh hoặc nhân viên trong trường tham gia vào hành vi bạo lực, cá nhân mang hoặc sử dụng vũ khí trong trường học hay cá nhân mang hoặc sử dụng chất bị kiểm soát.

Chính sách không khoan nhượng

Nhiều trường học đưa các chính sách không khoan nhượng (zero-tolerance policy) vào thực thi nhằm yêu cầu các biện pháp kỷ luật nghiêm khắc và tức thời đối với học sinh hoặc nhân viên trong trường tham gia vào hành vi bạo lực như đánh nhau, cá nhân mang hoặc sử dụng vũ khí như súng cầm tay hoặc các đồ vật nguy hiểm khác tới trường học, hay cá nhân mang hoặc sử dụng những chất bị kiểm soát như đồ uống có cồn, thuốc lá hay các loại thuốc kích thích khác. Ước tính gần 75% trường học đã áp dụng chính sách không khoan nhượng (Borum và các cộng sự, 2010). Những chính sách này không chỉ áp dụng cho học sinh, mà còn cho cả giáo viên và những người lớn khác. Đối với học sinh, hậu quả của chính sách không khoan nhượng thay đổi tùy theo mức độ vi phạm, nhưng thường dẫn đến một số hình phạt như đình chỉ học, đuổi học hay có sự tham gia của cơ quan thi hành luật.

Không khoan nhượng hay hoàn toàn khoan nhượng?

Chính sách không khoan nhượng không tránh khỏi bị chỉ trích. Mặc dù khó có thể hình dung lý do chính đáng nào cho việc một học sinh hay cá nhân mang súng hoặc chất bị kiểm soát như đồ uống có cồn tới trường học, nhưng một số người lại chỉ trích cách lý giải nghiêm ngặt của chính sách này. Ví dụ, vào năm 2010, một nữ sinh năm cuối trường trung học phổ thông Bắc Carolina đạt thành tích xuất sắc trong học tập cũng như bóng đá đã bị đình chỉ học vì mang dao trong hộp cơm trưa của mình

(FoxNews, 2010). Con dao gọt đã được tìm thấy trong quá trình các nhân viên của trường kiểm tra để tìm thuốc kích thích trong đồ dùng cá nhân của học sinh. Học sinh này không nhận ra rằng con dao đã ở trong hộp cơm trưa của mình; thực tế, hộp cơm đó cũng không phải của em. Đó là hộp cơm trưa của bố cô bé và trong đó không chỉ có con dao mà còn có cả một quả táo, và đó chính là mục đích của con dao gọt này. Em học sinh và bố mình có hộp cơm giống hệt nhau, do đó em này đã cầm nhầm hộp cơm của bố. Bất chấp điều đó, nhân viên của trường đã nêu ra chính sách không khoan nhượng đối với vũ khí trong khuôn viên trường, và con dao gọt đó bị coi là một vũ khí. Em học sinh này đã lỡ mất phần còn lại của năm học cuối và bị kết án mức tội nhẹ. Có một vài trường hợp tương tự khắp đất nước đã diễn ra kể từ khi thực hiện chính sách không khoan nhượng. Một trong những thảm kịch tồi tệ nhất là trường hợp năm 2011 của Nick Stuban ở Trường trung học phổ thông Woodson, hạt Fairfax, Virginia (St. George, 2011). Nick là một vận động viên bóng bầu dục 15 tuổi tận tụy, mà có lẽ là do căng thẳng khi đối mặt với chứng bệnh xơ cứng teo cơ một bên đang tiến triển nhanh của mẹ mình, em đã mắc sai lầm khi mua lại từ một học sinh khác trong trường một viên thuốc có chứa loại chất sản sinh ra hiệu ứng tương tự cần sa. Mặc dù hợp chất tổng hợp này với tên gọi JWH-018 không hề phạm pháp, nhưng nó đã vi phạm chính sách không khoan nhượng của trường học. Khi Nick thú nhận đã mua viên thuốc đó, em bị đình chỉ học vài tuần, khiến em bỏ lỡ các hoạt động học tập và những hoạt động khác mà em tham gia trong trường. Mối quan hệ của em với bạn bè đã bị tác động do sự vắng mặt và những tin đồn bị lan đi. Mặc dù còn có nhiều thách thức khác góp phần vào tình huống này và vào sự khó khăn của Nick, nhưng hệ quả của hành động kỷ luật thực hiện bởi hệ thống trường học này đã liên quan tới quyết định tự vẫn của Nick vào tháng 1 năm 2011.

Như bạn đã thấy, nhiều trường học đã triển khai chính sách không khoan nhượng; nhưng nó hiệu quả như thế nào? Có khá ít bằng chứng dựa trên nghiên cứu cho thấy những chính sách này giúp giảm bạo lực học đường như dự định. Tuy nhiên, nghiên cứu chỉ ra rằng những nhóm thiểu số theo chủng tộc đã bị mô tả quá mức trong việc triển khai chính sách này; và rằng hệ quả của chính sách không khoan nhượng lại trái ngược với những nguyên tắc căn bản về sự phát triển khỏe mạnh ở trẻ em (Borum và các cộng sự, 2010).

Trường học an toàn đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm và những yêu cầu đặc biệt của tất cả học sinh. Schneider, Walker và Sprague (2000) đã chỉ ra rằng trường học quản lý được mức độ an toàn lâu dài cao thường tạo ra môi trường và bầu không khí tích cực, đảm bảo sự hòa nhập cho *tất cả* học sinh, đồng thời đạt hiệu quả về học tập. NEA (2003a) tin rằng trường học phải giải quyết vấn đề gốc rễ của bạo lực trong học sinh thông qua xây dựng và triển khai các chiến lược nhằm đạt được những mục tiêu sau đây:

- Giảm và loại bỏ hành vi bắt nạt cũng như quấy rối.
- Tăng cường tiếp cận tham vấn, quản lý nổi tức giận và hòa giải các bên.
- Đưa ra các cách thức giúp học sinh trao đổi với người lớn về tin đồn và những mối đe dọa.
- Xây dựng nội dung giảng dạy để truyền đạt về các giá trị như sự tôn trọng và trách nhiệm.

Các chương trình chống bắt nạt

Khi nhớ lại những số liệu thống kê bạn đã đọc về hành vi bắt nạt và bắt nạt trên mạng, thì có lẽ bạn sẽ không quá ngạc nhiên khi biết rằng 47 bang hiện đã có luật chống lại hành



Sử dụng công cụ tìm kiếm yêu thích của bạn để tra cứu xem liệu hệ thống trường học địa phương của bạn đã áp dụng chính sách không khoan nhượng chưa. Hãy truy cập trang web của Sở giáo dục bang nơi bạn cư trú để xem liệu bang của bạn đã có luật không khoan nhượng toàn bang chưa. Những chính sách và luật đó là gì? Hậu quả của việc vi phạm chúng là gì?


vi bắt nạt (Cơ quan Cảnh sát về Bắt nạt Mỹ, 2011). Nhiều trường học đã áp dụng chính sách chống bắt nạt, và một số trường đã triển khai các chương trình chống bắt nạt. Trong hầu hết trường hợp, các chính sách định nghĩa hành vi bắt nạt bao gồm cả khái niệm bắt nạt trên mạng và quấy rối, đồng thời xác định trách nhiệm của những người có liên quan đến chính sách như học sinh, giáo viên, bộ phận quản lý nhà trường, tham vấn viên, phụ huynh và các bên liên quan khác. Chính sách còn chỉ ra những hậu quả và mô tả thủ tục trình báo các hành vi bắt nạt.

Một vài hệ thống đã mua các chương trình được phát triển bởi chuyên gia để triển khai tại trường. Những chương trình này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc dạy cho học sinh không chỉ các vấn đề như định nghĩa hành vi bắt nạt, cách thức ngăn chặn và ứng phó với nó, mà còn về tầm quan trọng của việc lôi kéo sự tham gia của toàn trường và cộng đồng (Quiroz, 2006). Chương trình Phòng chống Bắt nạt Olweus khẳng định là

“Chương trình phòng chống hàng đầu thế giới”. Chương trình do Tiến sĩ Dan Olweus nghiên cứu và tạo ra (như phần trên bạn đã đọc, ông là chuyên gia hàng đầu về hành vi bắt nạt). Chương trình bao gồm tập hợp các tài liệu cho học sinh, giáo viên, bộ phận quản lý nhà trường và các bên liên quan để giúp họ ngăn chặn cũng như giải quyết vấn đề bắt nạt bằng cách giảng dạy các chiến lược phòng chống cho nạn nhân và nhân chứng. Trong nghiên cứu lớn nhất về vấn đề này (có đến 56.137 học sinh và hơn 2.400 giáo viên đến từ 107 trường học trong thời gian 2 năm), các nhà nghiên cứu đã đánh giá tính hiệu quả của Chương trình Olweus và ghi nhận số lượng báo cáo về hành vi bắt nạt đã giảm, đồng thời có được thái độ tích cực hơn của học sinh về vấn đề này (Schroeder cùng các cộng sự, 2011).

Bạn có thể hình dung ra rằng vấn đề bắt nạt trên mạng khó giải quyết hơn. Phụ huynh có thể không có kiến thức về công nghệ để hiểu con cái họ sử dụng máy tính và công nghệ nhằm quấy rối cũng như bắt nạt những người khác như thế nào. Hơn nữa, hành vi bắt nạt trên mạng thường diễn ra riêng tư và ẩn danh, khó có ai là nhân chứng cho những sự kiện này. Một lần nữa, giải quyết từng loại hành vi bắt nạt cụ thể đòi hỏi nỗ lực có sự phối hợp của một số bên: người lớn, các học sinh khác, cộng đồng, và trong trường hợp này, là cả các công ty về mạng xã hội (Hinduja & Patchin, 2010a).

Có khả năng là bạn sẽ được thực tập, dạy thử và/hoặc làm việc trong một ngôi trường có chính sách hoặc chương trình chống bắt nạt. Trách nhiệm của bạn không chỉ là làm quen với chính sách hay chương trình đó, mà còn phải thực thi và áp dụng chúng.



Xem TeachSource video mang tên: “Hành vi bắt nạt trên mạng” (Cyberbullying). Bắt nạt trên mạng đang ngày càng trở thành một vấn đề nghiêm trọng bởi hành vi bắt nạt truyền thống đã thâm nhập sang cả máy tính. Một số trang mạng xã hội đã cài đặt các chương trình bảo vệ để ngăn chặn hành vi bắt nạt trên mạng, và có những dịch vụ cho phép phụ huynh kiểm soát việc sử dụng mạng xã hội của con cái. Sau khi xem xong video, bạn hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Trường học có nên lên tiếng khi hành vi bắt nạt diễn ra bên ngoài khuôn viên trường không?
2. Trường học và giáo viên có thể làm cách nào để ngăn chặn hành vi bắt nạt trên mạng?
3. Việc hạn chế truy cập vào máy tính hay trang web cụ thể nào đó trong nỗ lực ngăn chặn bắt nạt trên mạng có thể ảnh hưởng đến công tác giảng dạy như thế nào?
4. Liệu những tác động lên giảng dạy của việc hạn chế trên có đáng để ngăn chặn các sự việc bắt nạt trên mạng đang tiềm tàng hay không?

GSA hay không GSA

Theo nghiên cứu, để tạo một không gian an toàn cho những người phải trải qua sự quấy rối và bắt nạt thường xuyên, một số trường thành lập cả Liên minh đồng - dị tính (Gay-Straight Alliances - GSA) trong các câu lạc bộ ngoại khóa của trường. Những tổ chức này thường gặp gỡ sau giờ học, trong khuôn viên trường và nhằm mục đích đưa những người đồng tính nam, đồng tính nữ, chuyển giới, hoài nghi giới tính và dị tính đến với nhau trong một bầu không khí tương hỗ. Năm 2008, hơn 4.000 tổ chức GSAs được đăng ký với Mạng lưới giáo dục đồng tính nam, đồng tính nữ và dị tính (Gay, Lesbian, and Straight Education Network - GLSEN, 2011). Không có gì bất ngờ khi những câu lạc bộ như vậy thường gặp phải tranh cãi. Ví dụ, trong một số trường hợp, học sinh muốn thành lập GSA, nhưng trường không cho phép tổ chức được thành lập. Như trường hợp ở trường trung học Flour Bluff, Texas vào năm 2011. Theo như nguồn tin từ một tờ báo địa phương (Curtis, 2011), một học sinh và một người lớn vận động cho việc thành lập GSA ở trường trung học này. Học khu quyết định dừng toàn bộ những câu lạc bộ ngoại khóa đến khi chúng có thể được xem xét để phê duyệt. Mặc dù dường như quyết định này là nhằm đáp lại đề xuất thành lập GSA, nhưng học khu đã cho ra một bản thông cáo báo chí nêu rõ rằng việc xem xét tính hợp lệ của tất cả câu lạc bộ là một phần trong những thông lệ và chính sách thông thường. Hành động của hội đồng giáo dục lại dẫn đến một phản ứng bất đồng từ phía học sinh và phụ huynh, những người ủng hộ GSA cũng như các câu lạc bộ ngoại khóa khác, đồng thời giám đốc của tổ chức Dự án Quyền công dân Texas cũng đe dọa sẽ có những hành động pháp lý.

Vào ngày 2 tháng 3 năm 2011, Liên minh Tự do Dân sự Mỹ (American Civil Liberties Union - ACLU) đã gửi một bức thư tới hội đồng giáo dục học khu yêu cầu họ cho phép thành lập GSA và tổ chức các cuộc họp (ACLU, 2011a). Một trang web miễn phí dành riêng cho việc khởi động, tham gia và ủng hộ những thay đổi xã hội, nơi mà ở đó bất cứ ai cũng có thể khởi tạo một kiến nghị về bất cứ chủ đề gì và người xem có thể "ký" về những gì mà họ đồng ý, kiến nghị này được tổ chức trên mạng và đã thu thập được 57.000 chữ ký để hỗ trợ việc công nhận tổ chức GSA tại trường trung học Flour Bluff. Vào ngày 9 tháng 3, ACLU báo cáo rằng học khu đã bỏ phiếu chấp thuận việc thành lập GSA vào đêm hôm trước (ACLU, 2011b).

Trong một trường hợp khác, trường cho phép GSA thành lập, nhưng lại bị cộng đồng phản đối. Một nhóm học sinh đề xuất thành lập một câu lạc bộ GSA ở trường trung học Bắc Carolina cho năm học 2005-2006. Hơn 700 thành viên cộng đồng, phụ huynh và học sinh đã tụ tập để phản đối. Cuối



Nguồn: Flickr

cùng, hội đồng giáo dục học khu đã chấp nhận chính sách cấm thành lập bất kỳ câu lạc bộ nào trong trường dựa trên vấn đề "giới tính" (Evans, 2006). GLSEN đã phản hồi sự việc này bằng cách nói rằng nếu gọi GSA là một "câu lạc bộ dựa trên giới tính" thì đó là một cách quy chụp trắng trợn (GLSEN, 2006). Những người ủng hộ đe dọa sẽ kiện Liên minh dựa vào Đạo luật Tiếp Cận Bình Đẳng của liên bang, tuyên bố rõ rằng những câu lạc bộ hoạt động theo chương trình và ngoại khóa đều có quyền tiếp cận bình đẳng đối với cơ sở vật chất của trường. Hội đồng chính sách gia đình tại Bắc Carolina, một tổ chức "bảo vệ những giá trị truyền thống của gia đình", cung cấp thông tin về những chính sách công ảnh hưởng đến gia đình, cho rằng "các câu lạc bộ GSA là vũ khí quan trọng trong phong trào tình dục đồng giới để lan truyền thông điệp của nó đến với giới trẻ" (Evans, 2006, trang 1). Hội đồng này tranh luận rằng thông điệp của GSA là "đồng tính là chuyện bình thường" và thông điệp đó đang đi ngược lại với việc dạy đạo đức, tôn giáo của phụ huynh cũng như nhà thờ.

BẠN NGHĨ GÌ?

Bạn có thể cảm thấy khó khăn khi tự hỏi bản thân rằng liệu bạn có tích cực tham gia hoặc thậm chí ủng hộ một câu lạc bộ GSA tại một trường trung học phổ thông hay học khu nơi mà bạn có thể sẽ làm việc trong tương lai. Hãy nhớ rằng điều đầu tiên mà bạn cần xem xét đó là tình trạng an lạc (well-being) của học sinh, bao gồm sự an toàn cả về thân thể và cảm xúc. Vậy liệu việc thành lập GSA trong trường học có giúp cho mục đích này không?



Hãy vào một trang web nơi bạn có thể đăng nhập và tham gia một kiến nghị về bất cứ chủ đề nào thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate.

Vai trò của giáo viên

Từ đầu chương đến giờ, những nỗ lực để đảm bảo sự an toàn của học sinh tại trường học phần lớn là các chính sách và thủ tục ở cấp độ trường học. Với tư cách giáo viên, bạn cũng có một vai trò lớn ngoài việc giảng dạy và đánh giá. Có ý kiến cho rằng giáo viên là người quan trọng nhất trong việc ứng phó với hành vi bắt nạt ở lớp học (Quiroz, 2006). Như đã trình bày ở trên, rõ ràng, giáo viên phải triển khai và thực thi các chính sách cùng chương trình chống bắt nạt. Nhưng cách mà giáo viên quản lý lớp học và triển khai việc dạy học có thể giúp ngăn chặn hành vi bắt nạt, theo đó có thể ngăn ngừa khả năng leo thang thành những vụ bạo lực và thảm kịch sau này.

Tất nhiên, trách nhiệm của bạn với tư cách giáo viên vượt xa việc đảm bảo an toàn cho học sinh. Bạn còn chịu trách nhiệm cho việc học tập của học sinh! Chúng ta hãy nhìn vào những điều học sinh kỳ vọng ở giáo viên.

HỘP KIẾN TẠO

8.4

Giúp học sinh cảm thấy an toàn

Hãy nghĩ về những nhu cầu sau đây của học sinh ở độ tuổi bạn dự định sẽ dạy:

- Nhu cầu an toàn và an tâm.
- Nhu cầu được yêu thương và cảm giác trực thuộc.
- Nhu cầu nhận thức.
- Nhu cầu tâm lý - xã hội.

Với mỗi loại nhu cầu trên, hãy liệt kê hai hoặc ba hành động *cụ thể* mà bạn có thể thực hiện, liên quan đến việc giảng dạy và không khí lớp học giúp thúc đẩy mối quan hệ của bạn với học sinh, đồng thời giúp các em đáp ứng những nhu cầu đó. (So sánh những hành động này với phẩm chất của một giáo viên ưu tú mà bạn đã xác định trong Chương 1, và những chiến lược giảng dạy bạn đã đề xuất ở Chương 3 và 4).

- Bớt danh sách của bạn còn bốn hoặc năm hành động quan trọng nhất mà giáo viên có thể thực hiện để xây dựng mối quan hệ tích cực và hỗ trợ với học sinh.
- Những hành động này có thể giúp đảm bảo cho sự an toàn của học sinh như thế nào?

Từ Hộp kiến tạo 8.4, bạn có thể thấy rằng, có nhiều điều giáo viên có thể làm được để giúp học sinh đáp ứng nhu cầu của các em, cũng như cảm thấy an toàn và thoải mái tại trường học.

Kỷ luật và quản lý lớp học

Là một giáo viên tương lai, một trong những mối quan ngại lớn nhất của bạn có lẽ là làm thế nào để quản lý hành vi của học sinh. Triển khai một kế hoạch quản lý lớp học công bằng và nhất quán là một trong những việc quan trọng nhất của giáo viên. Bước đầu tiên là thiết kế một kế hoạch quản lý lớp học nhằm tạo ra một môi trường lớp học có sự quan tâm. Việc đầu tiên để tạo dựng môi trường này là cần hiểu rõ về học sinh. Bạn đã đọc về điều này trong phần trước của chương. Tin tốt là hiểu được học sinh của bạn và để các em biết rằng bạn quan tâm đến các em cũng như việc học tập của các em sẽ hỗ trợ ngăn chặn khá nhiều hành vi cư xử không hợp lý. Tuy nhiên, học sinh thường cư xử không đúng bởi các em cảm thấy thiếu an toàn do không biết mình được mong đợi gì và đâu là ranh giới. Với tư cách là giáo viên, bạn có thể giúp học sinh thông qua việc đưa ra các cách thức tổ chức và nề nếp lớp học.

Bạn sẽ cần xây dựng các cách thức tổ chức, trình tự học tập, cùng nề nếp lớp học như một phần trong kế hoạch quản lý lớp học. Điều này có nghĩa là giúp lớp học hoạt động như một cộng đồng học tập mang tính hợp tác (cooperative) và cộng tác (collaborative), đồng thời ngăn ngừa những hành vi không đúng do học sinh cảm thấy không rõ mình được mong đợi điều gì. Các trình tự và thông lệ rõ ràng của lớp học sẽ giúp thỏa mãn những nhu cầu của học sinh về sự an toàn, an tâm và cảm giác trực thuộc. Đối với hầu hết học sinh, các trình tự và nề nếp lớp học đủ để đáp ứng những nhu cầu này; các em biết cần phải kỳ vọng gì cũng như được mong đợi làm gì.

Tuy nhiên, các học sinh khác có thể có những nhu cầu lớn hơn. Một số em có thể cảm thấy cần thêm khá nhiều sự quan tâm, cả từ bạn bè lẫn giáo viên. Các em có thể sẵn sàng nỗ lực đặc biệt - và theo những cách khác thường - để có được sự quan tâm này. Một số khác lại phản ứng với cảm giác bị kiểm soát, có thể cư xử chống lại những người có quyền hạn để cố giành được quyền lực. Hành vi do cố gắng thỏa mãn những nhu cầu đó có thể mang tính phá hoại và không được chấp nhận trong môi trường lớp học. Vì lý do đó, giáo viên cũng phải xây dựng cả những hậu quả cũng như quy tắc trong các kế hoạch quản lý lớp học.

Đôi khi học sinh nói về đời sống trong trường học như “đi tù”. Theo bạn, tại sao các em lại cảm thấy như vậy? Có lẽ bởi vì giống như trong tù, các em cảm thấy hành vi của mình đang bị kiểm soát chặt? Rõ ràng quy tắc và quy định là cần thiết ở trường học. Chúng ta cũng có điều đó ở xã hội nói chung, và chúng ta cần chúng ở trường học. Một phần là vì những yêu cầu của pháp luật (xem Chương 13), và một phần vì trường học phải có trật tự. Cơ cấu tổ chức là cần thiết trong môi trường học đường để cho phép các lớp học hoạt động suôn sẻ. Quy tắc, chính sách và trình tự là một phần của cuộc sống trong trường học, giúp học sinh biết được các em được mong đợi những gì và đâu là ranh giới.

Phương pháp giáo viên đảm bảo trật tự trong lớp học được gọi là *quản lý hành vi* (behavior management). Quản lý hành vi có hai mục đích cơ bản:

1. Để cho phép giáo viên dạy học.
2. Để đem lại cơ hội học tập tối đa cho mỗi học sinh.

Đáng tiếc, không có một kế hoạch kỳ diệu nào có thể đảm bảo hành vi như mong muốn (golden behavior) từ tất cả học sinh tại mọi thời điểm. Tuy nhiên, bạn có thể xem xét một số chiến lược và phương pháp, cũng như quan sát hệ thống quản lý hành vi trong lớp thực tập của bạn để có được cái nhìn sâu sắc về cách thức quản lý hành vi hiệu quả.

Kỷ luật trong lớp học

Bạn đã bao giờ ở trong một lớp học mà có vẻ như không có kỷ luật chưa?

- Lớp học đó như thế nào?
- Bạn cảm thấy thế nào về môi trường lớp học với tư cách là một học sinh?
- Bạn nghĩ gì về giáo viên?
- Việc thiếu kỷ luật này ảnh hưởng như thế nào đến thái độ của bạn đối với những nội dung bạn cần học?

Bạn đã bao giờ ở trong một lớp học mà kỷ luật vô cùng khắt khe đến nỗi không ai dám làm gì mà giáo viên có thể không thích hay chưa?

- Lớp học đó như thế nào?
- Bạn cảm thấy thế nào về môi trường lớp học với tư cách là một học sinh?
- Bạn nghĩ gì về giáo viên?
- Kỷ luật khắt khe này ảnh hưởng như thế nào đến thái độ của bạn đối với những nội dung bạn cần học?

HỘP KIẾN TẠO

8.5

Có rất nhiều cách để quản lý hành vi trong lớp học, và những điều này phụ thuộc vào bầu không khí lớp học mà từng giáo viên muốn duy trì. Để có ý tưởng về các loại hành vi bạn mong đợi trong lớp học, hãy thực hiện hoạt động trong Hộp kiến tạo 8.6.

HỘP KIẾN TẠO

8.6

Những kỳ vọng về hành vi trong lớp học

Mỗi giáo viên có những ý tưởng và kỳ vọng khác nhau về trật tự trong lớp học. Để hiểu về quan niệm cơ bản của bản thân, hãy thực hiện bài khảo sát dưới đây. Đánh dấu từng phát biểu theo thang sau đây:

4 = Luôn hoặc hầu như luôn đúng

3 = Đa phần là đúng

2 = Thường không đúng lắm

1 = Không hoặc gần như không bao giờ đúng

1. _____ Học sinh nên được xếp chỗ ngồi trong lớp học – thường theo thứ tự bảng chữ cái.
2. _____ Việc xếp chỗ ngồi trong lớp học nên được thảo luận giữa học sinh và giáo viên.
3. _____ Học sinh nên được trao cơ hội để đưa ra lựa chọn.
4. _____ Học sinh phải tuân theo hướng dẫn của giáo viên, cho dù có thích hay không.
5. _____ Học sinh nên giữ trật tự trong lớp học trừ khi giáo viên gọi lên để trả lời câu hỏi.
6. _____ Học sinh nên được cho phép nói chuyện với nhau, với điều kiện là thảo luận về một chủ đề đang học.
7. _____ “Sự hỗn loạn có kiểm soát” được chấp nhận trong lớp học.
8. _____ Cách tốt nhất để một lớp học ngang bằng phải trật tự là quát học sinh.
9. _____ Giáo viên đề ra các quy tắc lớp học, và học sinh nên tuân theo.
10. _____ Nếu học sinh ngủ gật trong lớp, giáo viên có thể đập cuốn sách xuống bàn để đánh thức học sinh đó dậy.
11. _____ Giáo viên không được thể hiện bất cứ điểm yếu nào để tránh việc hệ thống quản lý hành vi của họ sụp đổ.
12. _____ Trong một, hai tuần đầu tiên, giáo viên nên thỏa thuận để xây dựng mối quan hệ và sự tôn trọng lẫn nhau với học sinh.
13. _____ Giáo viên nên nuôi dưỡng sự sáng tạo và khả năng thể hiện bản thân của học sinh nhiều nhất có thể.
14. _____ Giáo viên tự cười bản thân mình trước cả lớp là chuyện bình thường.
15. _____ Khi một học sinh vi phạm quy tắc, giáo viên cần phạt học sinh đó một cách thích đáng và ngay lập tức.
16. _____ Khi một học sinh vi phạm quy tắc, giáo viên cần dọa học sinh bằng một hình phạt.
17. _____ Khi một học sinh vi phạm quy tắc, giáo viên nên bỏ qua hành vi đó vì thực sự giáo viên chẳng thể làm gì được.
18. _____ Nếu một học sinh không nộp bài tập về nhà đúng hạn, giáo viên nên cho điểm không.
19. _____ Giáo viên nên kêu gọi học sinh nộp bài tập về nhà, kể cả khi đã quá hạn.
20. _____ Mục tiêu của kỷ luật hiệu quả là sự nghe lời.

21. _____ Mục tiêu của kỷ luật hiệu quả là để học sinh trở nên có trách nhiệm.
22. _____ Những học sinh thật sự hư cần phải được đặt vào đúng chỗ.
23. _____ Giáo viên nên bỏ qua những hành vi tồi tệ của học sinh vì chẳng thể làm gì được.
24. _____ Học sinh nên có tự do để giải tỏa khúc mắc và thể hiện bản thân mình.
25. _____ Giáo viên phải luôn luôn đối xử học sinh với lòng tự trọng, bất kể hành vi của học sinh đó như thế nào.
26. _____ Học sinh có thể sẽ lờ đi các quy tắc trong lớp học.
27. _____ Học sinh không có quyền tức giận ở trường học.
28. _____ Luôn có một vài học sinh với những hành vi mà giáo viên không thể kiểm soát.
29. _____ Giáo viên nên đưa lên tường lớp học những giới hạn rõ ràng và kỳ vọng về hành vi, đồng thời làm cho chúng có hiệu lực.
30. _____ Giáo viên có thể kỳ vọng rằng học sinh sẽ biết cư xử trong lớp; xét cho cùng, học sinh đã được nuôi dạy để tôn trọng người có thẩm quyền, tôn trọng bạn bè và cư xử đúng đắn.
31. _____ Giáo viên cần phải giữ kỷ cương chặt chẽ với học sinh trong lớp học; phá vỡ quy tắc chỉ khuyến khích thêm những vụ vi phạm mà thôi.
32. _____ Nếu cả lớp quyết định không vâng lời, giáo viên chẳng thể làm gì với tình huống đó.
33. _____ Học sinh có thể ngắt lời giáo viên và của người khác nếu có ý kiến hợp lý.
34. _____ Giáo viên luôn đúng.
35. _____ Để học sinh thắng trong cuộc tranh luận nếu các em có ý hợp lý là một điều tốt.
36. _____ Học sinh không bao giờ tranh luận với giáo viên.
37. _____ Giáo viên nên khiển trách học sinh nếu thấy hành vi cáu giận, âm ỉ, trợn mắt, hay những hành vi phản đối tương tự.
38. _____ Có thể thực hiện những quy tắc lớp học trong vài ngày và bỏ qua trong một số ngày khác; xét cho cùng, giáo viên cũng là con người.
39. _____ Học sinh nên tự xây dựng các quy tắc lớp học; xét cho cùng, đó là lớp của các em.

Tính điểm: Điền số bạn đã đánh ở mỗi câu hỏi vào phần trống tương ứng dưới đây, và tính tổng của mỗi nhóm. Kết quả sẽ chỉ ra suy nghĩ hiện tại của bạn về việc quản lý hành vi trong trường học.

Nhóm III	Nhóm II	Nhóm I
_____ .8	_____ .2	_____ .1
_____ .10	_____ .3	_____ .4
_____ .13	_____ .6	_____ .5
_____ .16	_____ .7	_____ .9
_____ .17	_____ .12	_____ .11
_____ .23	_____ .14	_____ .18
_____ .26	_____ .15	_____ .20
_____ .28	_____ .19	_____ .22
_____ .30	_____ .21	_____ .27
_____ .32	_____ .24	_____ .31
_____ .33	_____ .25	_____ .34
_____ .38	_____ .29	_____ .36
_____ .39	_____ .35	_____ .37
_____	_____	_____

:Tổng

Lập biểu đồ cột cho số tổng sử dụng bảng mẫu như dưới đây:

	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
55			
50			
45			
40			
35			
30			
25			
20			
15			
10			
5			
0			

giáo viên độc đoán (autocratic teacher) Là giáo viên kiểm soát mọi thành phần của lớp học và hành vi của học sinh, không linh hoạt hoặc không tiếp nhận ý kiến của học sinh.

giáo viên cộng tác (collaborative teacher) Là giáo viên thu thập và sử dụng thông tin từ học sinh để xây dựng các quy tắc và thông lệ trong lớp học, đồng thời thể hiện sự tôn trọng đối với tất cả học sinh.


giáo viên dễ dãi (permissive teacher) Là giáo viên để mặc cho học sinh hành xử tự do trong lớp học, gây ra một môi trường lớp học hỗn loạn và căng thẳng.

Nhóm I gồm những phát biểu đại diện cho giáo viên độc đoán (autocratic teacher). Bạn sẽ mô tả phong cách quản lý của giáo viên độc đoán như thế nào?

Nhóm II gồm những phát biểu đại diện cho giáo viên cộng tác (collaborative teacher). Bạn sẽ mô tả phong cách quản lý của giáo viên cộng tác như thế nào?

Nhóm III gồm những phát biểu đại diện cho giáo viên dễ dãi (permissive teacher). Bạn sẽ mô tả phong cách quản lý của giáo viên dễ dãi như thế nào?

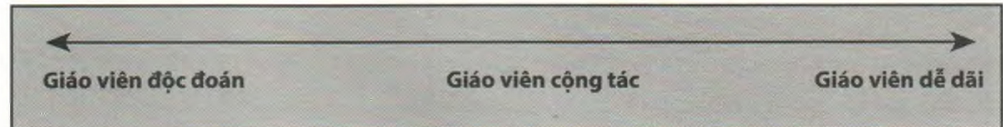
- Nhóm nào bạn đạt điểm cao nhất?
- Nhóm nào bạn đạt điểm thấp nhất?
- Có nhóm nào mà tổng điểm của bạn là 52 không (điểm cao nhất có thể)?
- Có nhóm nào mà tổng điểm của bạn là 13 không (điểm thấp nhất có thể)?

 Bạn có thể tìm thấy hoạt động này trên trang web Education CourseMate để in ra hay sử dụng dưới dạng điện tử.

Nguồn: Theo Wolfgang và Glickman, (1986).

Kỳ vọng của giáo viên về công tác quản lý hành vi trong lớp học có thể được xác định trên một chuỗi liên tục, từ mức độ độc đoán ở phía bên trái đến mức độ dễ dãi ở phía bên phải (xem Hình 8.4). Phần ở giữa thể hiện mối quan hệ cộng tác giữa học sinh và giáo viên. Dựa vào những dữ liệu bạn có được từ Hộp kiến tạo 8.6, bạn đặt bản thân mình vào đâu trong chuỗi liên tục này?

Hình 8.4 ►
Chuỗi liên tục về phong cách quản lý hành vi lớp học.
© Cengage Learning 2014



Phía ngoài cùng bên trái đại diện cho lớp học của giáo viên độc đoán. Giáo viên này đặt ra các quy định và kỳ vọng mà học sinh phải tuân theo. Học sinh không được phép tranh luận, phá bỏ quy tắc hay đàm phán với giáo viên, mà phải giữ trật tự trừ khi trả lời

câu hỏi của giáo viên. Không ai di chuyển xung quanh trừ khi giáo viên cho phép. Học sinh phải ngồi ở chỗ của mình đúng giờ và ở nguyên đó cho đến khi giáo viên cho nghỉ.

Phía ngoài cùng bên phải đại diện cho giáo viên dễ dãi mà học sinh có thể làm bất cứ gì mình muốn. Học sinh nói chuyện khi giáo viên cố gắng dạy, quấy nhiễu những học sinh khác, di chuyển quanh lớp tùy thích, làm những việc hoàn toàn không liên quan đến học tập. Giáo viên thường thử những thủ thuật như:

- Đưa ra các câu hỏi liên quan đến kỷ luật mà không có câu trả lời, ví dụ: “Tại sao em lại chạm vào bạn gái ấy?”, “Thầy/cô phải nói với em bao nhiêu lần rằng...?”, hoặc “Thầy/cô sẽ phải làm gì với em đây?”.
- Quát lên: “Dừng lại ngay lập tức!”.
- Nịnh bợ: “Nào - thầy/cô biết em có thể làm được hơn thế này mà”.
- Van xin: “Xin em, sao em không cố gắng trật tự hơn khi thầy/cô đang nói?”.
- Đàm phán: “Nếu em làm bài tập, em có thể có nửa tiếng để làm bất cứ gì mình muốn”.
- Đưa ra những lời đe dọa mà không thể thực hiện được: “Làm như thế một lần nữa thì em sẽ phải ở lại trường sau giờ học tất cả các ngày trong năm!”.

Không có hành động nào của giáo viên đem lại kết quả tích cực. Học sinh vẫn đang làm chủ lớp học.

Phần ở giữa là giáo viên biết dựa vào sự hợp tác giữa giáo viên-học sinh để phát triển và duy trì trật tự cũng như kỷ luật tốt trong lớp học. Những giáo viên này tôn trọng học sinh của mình - kể cả những học sinh kém nhất - và đối xử các em với sự tôn trọng (nhưng không dễ dãi). Những giáo viên này có một vài quy tắc về hành vi trong lớp học được xây dựng để tạo điều kiện cho giáo viên dạy học và học sinh học tập. Thông thường, những giáo viên này cố gắng có được ý kiến của học sinh khi xây dựng các biện pháp, quy tắc và hình thức thưởng phạt trong lớp học. Họ thực thi những quy tắc này một cách công bằng và nhất quán; khi một học sinh vi phạm nguyên tắc, giáo viên sẽ điều chỉnh hành vi đó phù hợp ngay tức thì. Những giáo viên này không bao giờ châm chọc, hay đưa ra những lời đe dọa nhưng không thực hiện, và không bao giờ làm học sinh bẽ mặt. Đó là những giáo viên trung thực và đáng tin cậy. Họ biết mình muốn gì, kỳ vọng gì, và đạt được điều đó. Đây là những giáo viên cộng tác.

Canter (1985) sử dụng từ *quyết đoán (assertive)* để mô tả những giáo viên thành công nhất trong việc quản lý hành vi lớp học. Ông nói rằng giáo viên quyết đoán giữ vững những quan điểm sau về quản lý lớp học:

1. Tôi sẽ không chấp nhận những vấn đề về hành vi trong lớp của mình. *Không có lý do nào của các em đủ chính đáng để khiến tôi ngừng giảng dạy. Tôi sẽ không chấp nhận việc các em ngăn tôi giảng dạy vì bất kỳ lý do nào. Các em có thể hành xử đúng cách và các em sẽ hành xử đúng cách trong lớp của tôi.*
2. Tôi sẽ không chấp nhận các em ngăn cản bất cứ ai học tập. Mọi học sinh trong lớp của tôi đều có cơ hội để học tập - mà không bị quấy rầy.
3. Không học sinh nào được tham gia vào những hành vi không có lợi cho bản thân hay những người khác. Các em sẽ không được phép đe dọa, bắt nạt hay tấn công những học sinh khác.

Bạn phải đặt ra chương trình kỷ luật riêng sao cho phù hợp với bản thân và học sinh trong lớp bạn. Tuy nhiên, kế hoạch kỷ luật cũng phải thích hợp với quy định về kỷ luật của

Trở thành một nhà quản lý lớp học Christie Daniels



Được sự cho phép của Christie Daniels

Từ ngày đầu tiên bước chân vào một lớp học trường công lập, khái niệm về quản lý lớp học đã thấm nhuần trong đầu tôi như là yếu tố quan trọng nhất để giúp giáo viên thành công trong lớp học. Sau chín năm giảng dạy những học sinh khó chịu nhất, tôi đã học được rằng quản lý lớp học không phải là vấn đề kỹ thuật. Đó không phải là vấn đề tổ chức, cũng không phải là vấn đề phương pháp. Quản lý lớp học hiệu quả chỉ đơn giản là quá trình tạo ra một môi trường mà trong đó học sinh muốn học. Kỹ năng quản lý lớp học của một giáo viên trực tiếp tỷ lệ thuận với mức độ họ sẵn sàng đầu tư công sức để thu hút cũng như duy trì sự chú ý của học sinh.

Khi là người hướng dẫn cho giáo viên mới vào trường năm đầu tiên, tôi được hỏi một câu như sau: "Tiến sĩ Daniel, đã bao giờ bà suy nghĩ rằng công việc của mình *thực sự* tạo nên sự khác biệt trong cuộc sống của học sinh không?". Tôi cười vì tôi vẫn còn nhớ rất nhiều lần khi tôi lái xe về nhà và tự hỏi bản thân mình: "Tại sao tôi lại muốn ra khỏi nhà ngày hôm nay?". Tôi không còn phải hỏi câu hỏi ấy nữa. Khi những nghi hoặc đó trở dậy, tôi chỉ đơn giản nhắm mắt lại trong một khoảnh khắc và suy nghĩ về Michael. Michael là một học sinh cũ, em đã giúp tôi nhận ra rằng cuối cùng, tôi cũng đã trở thành một nhà quản lý lớp học hiệu quả.

Tôi sẽ luôn nhớ ngày hôm đó - Thứ 6, 17 tháng 10 năm 2003. Tôi là cô giáo về thay đổi hành vi tại Picayune, Trung tâm Giáo dục Thay thế Mississippi. Học sinh của tôi được gửi đến lớp này do thể hiện vấn đề hành vi nghiêm trọng tại lớp học thông thường của các em. Đa số học sinh của tôi có rất ít (hoặc không có) trải nghiệm thành công tại trường học chính thức của các em.

Một ngày nọ, Michael - học sinh lớp 5 của tôi - không có mặt ở trường đúng giờ. Đây là một việc bất thường bởi vì cậu bé là

học sinh duy nhất ở trong lớp tôi mà không nghỉ bất cứ buổi học nào. Tôi đi vào phòng hiệu trưởng và hỏi liệu mẹ cậu bé có gọi điện xin nghỉ cho cậu không. Hiệu trưởng cho biết vừa xảy ra một vụ tai nạn. Tôi lập tức cảm thấy lo sợ, nhưng bà hiệu trưởng đã trấn an tôi rằng Michael không hề bị thương. Hiệu trưởng giải thích rằng xe buýt đang trên đường đón cậu bé thì bị tai nạn nhỏ, khi xe đến nơi thì đã không thấy cậu bé ở đó. Chúng tôi đều cho rằng mẹ cậu bé hẳn đã đi làm rồi và có thể cậu đã quyết định ở nhà hôm đó.

Vào lúc 9:45 phút sáng, khi các học sinh của tôi đã sẵn sàng để chụp ảnh của cả lớp, Michael bước vào mớ hỗn độn và thờ không ra hơi. Tôi nhìn cậu bé với ánh mắt hoài nghi và hỏi cậu rằng trời đang mưa à. Cậu bé nhìn tôi và nói: "Không ạ, em đi bộ". Michael đã đi bộ gần sáu dặm từ nhà đến trường. Tôi hỏi cậu bé: "Sao vậy em?", và cậu bé trả lời: "Em không muốn bỏ lỡ bất cứ buổi học nào của cô". Bà hiệu trưởng và tôi cùng khóc ngày hôm đấy, trái tim của chúng tôi tưởng như vỡ òa vì kiêu hãnh về sự tiến bộ của Michael cũng như cam kết của cậu bé với việc học. Vàng, ngày 17 tháng 10 năm 2003 đã là một ngày quan trọng trong cuộc đời tôi. Nó bắt đầu một thời kỳ mới cho tôi - thời kỳ mà tôi không còn đặt câu hỏi về cam kết của mình với nghề giảng dạy.

*Christina Ross Daniels
Giáo viên của năm 2005, Mississippi
Trung tâm giáo dục thay thế Picayune
Picayune, Mississippi*

© Cengage Learning 2014

trường. Bất kỳ kế hoạch kỷ luật nào mà bạn đặt ra cũng phải bao gồm toàn bộ các quy tắc chung của trường học. Ví dụ, giả sử bạn không quan tâm đến việc học sinh ăn kẹo cao su trong lớp, tuy nhiên trường lại quy định học sinh không được phép ăn kẹo cao su trong trường, thì kế hoạch kỷ luật của bạn phải bao gồm cả điều khoản "không ăn kẹo cao su".

Không có công thức quản lý lớp học duy nhất nào hiệu quả với tất cả mọi người. Tuy nhiên, giáo viên thành công nhất là những người hợp tác, quyết đoán, tôn trọng và nhất quán, đồng thời là những người có kỳ vọng cao về thành tích của học sinh.

Khi chuẩn bị bước vào lớp học, bạn hãy nghiên cứu những nhận định của Canter và tiếp thu đầy đủ ý nghĩa của nó. Hãy hành động để loại bỏ những lo lắng trong bạn nếu có về việc trẻ em sẽ cư xử không đúng trong lớp học. Nếu bạn có bất kỳ yêu cầu đặc cách ngầm định nào, hãy cố gắng loại bỏ chúng đi.

Bạn có thể thấy rằng, những niềm tin về quản lý lớp học phản ánh từng điểm trong chuỗi liên tục thông qua các phát biểu trong Hộp kiến tạo 8.6. Tuy nhiên, có lẽ bạn cũng thấy rằng những niềm tin của mình tập trung xung quanh một trong những điểm đó.

Có một câu nói rằng: “Nếu không đánh bại được chúng, hãy chấp nhận chúng”. Ngày nay, học sinh ở hầu hết cấp lớp đều có thiết bị điện tử, và nhiều học sinh mang chúng đến trường trước sự kinh ngạc của giáo viên, những người coi thiết bị điện tử như vật làm việc học tập nghiêm túc bị mất tập trung. Theo tờ *Washington Times* (tạm dịch, *Thời báo Washington*), tỷ lệ sử dụng điện thoại di động để truy cập Internet đã nhảy vọt lên con số 46% người Mỹ gốc Phi và 51% người Mỹ gốc Latin so với 30% người da trắng (Washington, 2011). Mặc dù nhiều gia đình không có máy tính truy cập Internet tốc độ cao tại nhà, nhưng hầu hết trẻ em đều có điện thoại thông minh để truy cập Internet.

Như chúng tôi đề cập trước đó, một trong những thách thức trong giáo dục là sử dụng công nghệ một cách hiệu quả để trở thành thói quen cho học sinh. Việc này không chỉ giúp học sinh cảm thấy thoải mái vì các em đang được học với những thứ gắn gũi với mình, mà còn mở rộng danh mục tài nguyên giảng dạy cho giáo viên. Tuy vậy, như bạn có thể đoán, việc sử dụng công nghệ trong trường không bị hạn chế trong việc dạy và học. Bạn đã đọc về vấn đề bắt nạt trên mạng. Việc công nghệ được sử dụng trong trường và lớp học ảnh hưởng như thế nào đến tình trạng bắt nạt trên mạng? Và những thiết bị điện tử mới nhất - điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy nghe nhạc đa phương tiện như Ipod, máy đọc sách điện tử, máy tính xách tay và những thiết bị điện tử cầm tay khác mà học sinh mang đến trường có ảnh hưởng như thế nào? Thật dễ dàng để thấy những thiết bị này có thể được sử dụng với mục đích thiếu chính đáng. Vậy làm thế nào để sử dụng chúng để mở rộng danh mục tài nguyên giảng dạy cho giáo viên?

Do học sinh thường mang theo điện thoại thông minh và có thể mang một số thiết bị ít hơn như máy tính bảng, máy đọc sách điện tử, vở ghi chép và máy tính xách tay, hãy tập trung vào việc sử dụng các thiết bị này cho mục đích giáo dục. Tại thời điểm viết phần này, đã có hơn 200.000 ứng dụng trên Apple iPad và hơn nửa triệu ứng dụng trên iPhone. Hãy xem xét một số ứng dụng với những cách mà chúng có thể giúp mở rộng tài nguyên cho giáo viên:

- *Ứng dụng ghi chép (note-taking apps)* giúp học sinh tạo và sửa nội dung ghi lại. Học sinh có thể sử dụng ứng dụng này trong việc ghi chép bài giảng và sửa lại sau đó.
- *Ứng dụng tính toán (calculator apps)* từ loại đơn giản cho đến phức tạp, học sinh có thể sử dụng chúng để đảm bảo tính toán chính xác và giải những bài tập khó.
- *Ứng dụng chuyển giọng nói sang chữ viết (voice-to-text*

apps) giúp học sinh ra lệnh bằng giọng nói sau đó thông tin sẽ được chuyển thành chữ viết.

- *Ứng dụng chuyển chữ viết sang giọng nói (text-to-voice apps)* giúp đọc văn bản và cung cấp cho giáo viên lựa chọn để giúp học sinh có khả năng đọc kém cũng như người học bị khiếm thị.
- *Danh sách việc cần làm (to-do lists)* giúp học sinh sắp xếp công việc và ứng dụng sẽ nhắc nhở họ việc nào cần làm, cũng như khi nào cần làm.
- *Ứng dụng hướng nội dung (content-oriented apps)* có thể đóng vai trò như tài nguyên và nguồn tham khảo. Ví dụ, có những ứng dụng về thiên văn học giúp học sinh nghiên cứu về bầu trời đêm khi đang quan sát cảnh thực và ảo của bầu trời vào những thời điểm khác nhau trong năm. Những ứng dụng nội dung khác giúp học sinh làm những việc như học tiếng Tây Ban Nha, thực hành số học, xem bản đồ thế giới, ôn lại từ mới và nhiều hơn thế nữa.
- *Ứng dụng tin tức (news apps)* đều có ở hầu hết tờ báo cũng như đài truyền thanh, truyền hình. Ngoài chuyên mục thể thao và công thức làm món ăn, họ còn có chuyên mục tin tức hàng ngày và bình luận của chuyên gia.
- *Ứng dụng tham khảo (reference apps)* cung cấp cho học sinh một cách tiếp cận nhanh và dễ dàng đối với các tài nguyên như từ điển, bách khoa toàn thư, thống kê về dân số thế giới và Hoa Kỳ, bản đồ, trích dẫn, ngôn ngữ ký hiệu và nhiều thứ khác.

Đây chỉ là một vài ứng dụng hỗ trợ học tập. Bạn có thể thấy rằng chúng ta chưa liệt kê các ứng dụng âm nhạc, phim, chương trình truyền hình hay trò chơi; đây là những ứng dụng chủ yếu phục vụ giải trí chứ không phải học tập. Nếu học sinh của bạn cần một ứng dụng mà các em không thể tìm được trên mạng Internet, tại sao lại không thử thách các em tự viết những ứng dụng này? Các em có thể sử dụng phần mềm miễn phí từ mạng Internet để viết.

Ngoài các ứng dụng, ngày càng có nhiều sách, báo và tạp chí có thể truy cập thông qua điện thoại thông minh, máy tính bảng hay máy đọc sách. Trên thực tế, các nhà xuất bản đang tiến hành tạo ra những phiên bản sách giáo khoa điện tử để học sinh có thể truy cập các tài liệu này trên máy tính bảng hay máy đọc sách (xem Brezicki, 2010/2011) mà không phải mang theo sách. Đồng thời, chính phủ liên bang đã giới thiệu một kế hoạch trong đó trường học sẽ chuyển từ sách giáo khoa bản in sang bản điện tử vào năm 2017 (Tomassini, 2012).

Và đừng quên các trang mạng xã hội. Có lẽ, suy nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu bạn sẽ là học sinh có thể sử dụng các trang này để bắt nạt hay quấy rối những học sinh khác. Nhưng liệu chúng có thể được sử dụng để hỗ trợ giáo viên không? Một số cách mà các giáo viên kinh nghiệm đã sử dụng mạng xã hội trong lớp của mình như phân công nhiệm vụ trong khóa học và các việc khác liên quan đến chương trình, ôn tập trước khi kiểm tra, tích hợp các ứng dụng thực tế vào giảng dạy, học tập cộng tác, học từ xa, giao tiếp giao văn hóa (cross-cultural

communication), học ngoại ngữ, phát triển chuyên môn, giao lưu với những đồng nghiệp khắp nơi trên thế giới, giao tiếp với phụ huynh và tiếp cận cộng đồng (Stansbury, 2011).

Những ứng dụng công nghệ dành cho học sinh đang ngày càng trở nên phát triển. Là một người mong muốn trở thành giáo viên, bạn nên bắt kịp những tiến bộ này để khi bước vào lớp học, bạn cũng nắm được như học sinh của mình, đồng thời, bạn *cùng với học sinh* sẽ nhận thức được cách sử dụng chúng vì mục đích học tập thay vì những mục đích bất lợi khác.

Chúng tôi không muốn khẳng định rằng chỉ có một cách tiếp cận đúng đối với quản lý hành vi, còn những cái khác là sai. Có những thời điểm mà bạn sẽ muốn sử dụng phương pháp khác thay cho phương pháp yêu thích của mình. Ví dụ, cách tiếp cận chung của bạn là hợp tác, nhưng đôi khi lại muốn độc đoán và lúc khác lại muốn dễ dãi. Hãy sử dụng phương pháp quản lý lớp học hiệu quả nhất với bạn. Tiêu chí duy nhất là bạn có thể dạy và học sinh có thể học mà không bị quấy rầy.

Cuối cùng, hãy để chúng tôi đề cập đến phương pháp chuyển học sinh có hành vi không đúng tới hiệu trưởng. Như bạn biết, một trong những nhiệm vụ của bộ phận quản lý nhà trường là xử lý những học sinh thể hiện hành vi không được chấp nhận. Nhưng giáo viên có thể và nên xử lý hầu hết những vấn đề về kỷ luật trong lớp học. Hãy chỉ yêu cầu sự can thiệp của hiệu trưởng cho những trường hợp nghiêm trọng nhất - các trường hợp có khả năng nguy hại đến học sinh đó, đến những học sinh khác hoặc bạn. Bạn muốn được biết đến trong trường như một giáo viên có thể tự quản lý kỷ luật trong lớp. Vì vậy, khi bạn chuyển một học sinh lên bộ phận quản lý nhà trường, hiệu trưởng sẽ biết rằng học sinh đấy có một vấn đề nghiêm trọng nào đó.

■ TỔNG KẾT CHƯƠNG

- Trường học là một hệ thống phức tạp được thiết kế để thúc đẩy việc học tập của học sinh một cách tối đa. Để học tập, học sinh phải trở thành một phần không tách rời của hệ thống đó. Những nhu cầu cơ bản của học sinh phải được nhà trường đáp ứng, và học sinh có thể tự do thể hiện bản thân trong phạm vi ranh giới quy định; đồng thời, học sinh phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn về an toàn và hành vi được nhà trường và giáo viên thiết lập.
- Những vấn đề cần lưu ý về an toàn bao gồm an toàn thân thể, an toàn trí tuệ và an toàn cảm xúc.
- Nhà trường, với sự hỗ trợ của học sinh và các cơ quan bên ngoài, có thể mang lại đảm bảo bảo vệ về an toàn thân thể cho học sinh. Trường học thường tăng cường các biện pháp về an ninh trong nỗ lực phòng tránh những mối nguy đối với an toàn thân thể. Một vài biện pháp bao gồm lắp đặt máy quay an ninh và thiết bị phát hiện kim loại, yêu cầu học sinh, nhân viên cùng khách đến thăm mang theo chứng minh nhân thân và kiểm tra hàng trái phép đột xuất. Một số trường còn áp dụng chính sách không khoan nhượng, tuy nhiên hiệu quả của những chính sách này chưa được chứng minh rõ ràng. Trong thực tế, chính sách này hiện vẫn đang gây tranh cãi bởi

đôi khi những diễn giải (cách hiểu) nghiêm ngặt từ chính sách đó không cho phép giảm nhẹ hình phạt.

- An toàn trí tuệ và cảm xúc có được từ sự tương tác qua lại tích cực giữa học sinh và giáo viên. An toàn cảm xúc được thúc đẩy thông qua mối quan hệ tương tác tích cực giữa giáo viên-học sinh và thông qua việc giảm thiểu hoặc xóa bỏ hành vi bắt nạt cũng như quấy rối.
- Hành vi bắt nạt, bao gồm cả bắt nạt trên mạng và quấy rối, có mối liên hệ với tình trạng bạo lực học đường, trong đó có cả bắn súng tại trường học và các vụ tự tử của học sinh. Hầu hết các bang đã có luật chống hành vi bắt nạt, và các trường học đã áp dụng những chương trình cũng như chính sách chống hành vi bắt nạt. Để những chính sách và chương trình này hiệu quả, nó phải thu hút được sự tham gia của không chỉ học sinh, giáo viên và bộ phận quản lý nhà trường, mà cả nhân viên trong trường, phụ huynh cùng cộng đồng. Một số chương trình chống hành vi bắt nạt trên phạm vi rộng có thể được các trường học và hệ thống trường học mua, đồng thời đã cho thấy chúng hoạt động hiệu quả.
- Giáo viên có trách nhiệm trong việc đóng góp vào sự an toàn của trường học và có thể thực hiện điều đó thông qua việc triển khai kế hoạch quản lý lớp học hiệu quả. Bước đầu tiên trong việc tạo ra một kế hoạch quản lý lớp học hiệu quả là thiết lập một môi trường lớp học an toàn, quan tâm, trong đó giáo viên và học sinh đối xử với nhau với lòng tự trọng cũng như có sự tôn trọng lẫn nhau. Bước thứ hai trong việc tạo ra một kế hoạch quản lý lớp học là thiết kế một kế hoạch kỷ luật giúp quản lý hành vi của học sinh.

Khi hệ thống nhân sự-học sinh của trường đáp ứng cho học sinh các nhu cầu về sự an toàn và an tâm, nhận thức và tâm lý - xã hội; kiên quyết yêu cầu những hành vi cho phép giáo viên dạy học và học sinh học tập; đồng thời triển khai những thử thách học tập giúp tất cả học sinh tham gia, khi đó học sinh có thể mong ước đạt được thành tích cao nhất của mình.

Thuật ngữ và khái niệm trọng yếu

Bắt nạt	Bullying
Bắt nạt trên mạng	Cyberbullying
Chính sách không khoan nhượng	Zero-tolerance policies
Giáo viên cộng tác	Collaborative teacher
Giáo viên dễ dãi	Permissive teacher
Giáo viên độc đoán	Autocratic teacher

Xây dựng và Áp dụng

1. Chỉ ra mối liên hệ giữa các giai đoạn phát triển tâm lý - xã hội theo Erikson với nhu cầu của học sinh về tính cá nhân và việc được chấp nhận. Làm thế nào để trường học không chỉ thừa nhận mà còn bảo vệ sự thể hiện cá nhân của học sinh? Làm thế nào để bạn, với tư cách một giáo viên, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh này?
2. Tưởng tượng bạn được phân công vào một nhóm tranh biện về một trong những vấn đề để được thảo luận trong chương này. Chọn quan điểm tán thành hoặc phản đối và viết một đoạn văn ủng hộ cho lựa chọn của bạn. Sau đây là một số gợi ý:

- a. Thiết bị dò kim loại, kiểm tra, cảnh sát trong khuôn viên trường...
 - b. Chính sách không khoan nhượng.
 - c. Thành lập Liên minh đồng-dị tính (GSA) trong trường.
3. Giải thích vì sao quá nhiều cũng như quá ít hình thức kỷ luật trong lớp học lại không hiệu quả trong việc tạo ra một môi trường thúc đẩy học tập.
 4. Có một câu nói thường được gửi đến các giáo viên mới về vấn đề quản lý hành vi trong lớp học là: "Don't smile before Christmas" (tạm dịch, Ba mươi chưa phải là Tết). Đây có phải là một lời khuyên tốt không? Vì sao?
 5. Bạn hiện đang là một sinh viên đại học. Cách bạn thích được dạy nhất là gì? Hãy suy nghĩ cẩn thận. Có phải phương pháp bạn cho rằng mình thích là bởi bạn học tốt nhất theo cách đó? Hay đó là vì nó giúp bạn đạt được kết quả tốt trong các bài kiểm tra truyền thống? Hay cả hai? Hãy giải thích.
 6. Trường học có kỳ vọng và trách nhiệm gì với học sinh? Học sinh có kỳ vọng và trách nhiệm gì đối với trường học?

■ Tái thiết lập tiêu chuẩn

1. Hãy nhớ lại Tiêu chuẩn InTASC liên quan đến mục tiêu chương:

InTASC Tiêu chuẩn số 3: "Giáo viên kết hợp với các thành viên khác để tạo ra môi trường hỗ trợ việc học tập của mỗi cá nhân và mang tính cộng tác, đồng thời khuyến khích các tương tác xã hội tích cực, sự tham gia chủ động của học sinh vào quá trình học tập cũng như tự tạo động lực".

- a. Phần nào trong các tiêu chuẩn trên được đề cập ở chương này?
 - b. Với tư cách là một giáo viên, những khái niệm trong chương này giúp bạn ứng dụng các tiêu chuẩn trên ra sao?
2. Hãy sử dụng công cụ tìm kiếm ưa thích của bạn để tìm các tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang nơi bạn cư trú. Khi bạn tìm thấy, hãy đánh dấu địa chỉ. Bạn sẽ thường xuyên tham khảo địa chỉ này trong suốt khóa học.
 - a. Các kết luận của bạn về kỳ vọng và trách nhiệm của nhà trường cũng như học sinh được phản ánh ra sao trong các tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang?
 - b. Hãy so sánh các tiêu chuẩn InTASC với tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang?
 - c. Bạn có cho rằng mức độ đề cập đến kỳ vọng và trách nhiệm của trường học cũng như học sinh phù hợp với các tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang không?

■ Hồ sơ của bạn

1. Bổ sung bản sao nội dung thông tin được cấp cho học sinh và phụ huynh liên quan đến chính sách, quy tắc của trường học, và một bản sao về các quy tắc lớp học nơi bạn đang thực tập. Hãy viết lại suy nghĩ của bản thân về sự cần thiết của những quy tắc này đối với sự an toàn của học sinh và nhân viên ở trường. Liên hệ những suy nghĩ của bạn với việc đáp ứng nhu cầu của học sinh về an toàn và cảm giác trực thuộc.
2. Bổ sung các nguồn tài nguyên có được từ cộng đồng của bạn trong việc giúp học sinh xây dựng tính cách, ví dụ Câu lạc bộ Nam sinh, Câu lạc bộ Nữ sinh, YMCA hay YWCA, Nhóm hướng đạo sinh nam, Nhóm hướng đạo sinh nữ, chương trình tình nguyện và các hoạt động tương tự. Bổ sung một danh sách những nguồn tài nguyên này trong hồ sơ của bạn.
3. Hãy bắt đầu thiết kế kế hoạch quản lý lớp học của riêng mình, bao gồm tổ chức, sắp xếp phòng, nề nếp lớp học và trình tự, cùng các quy tắc trong lớp học. Bổ sung bản

kế hoạch này trong hồ sơ của bạn để thể hiện ý thức của bạn về một môi trường học tập được quản lý hiệu quả là như thế nào.

Tài liệu tham khảo trên Education Coursemate

Hãy truy cập trang web của Education CourseMate (tại www.cengagebrain.com) hoặc trang books.fpt.edu.vn để biết thêm thông tin về sự an toàn của học sinh và trách nhiệm của trường học. Bạn sẽ tìm thấy các TeachSource video, thông tin hướng dẫn thực hành trải nghiệm thực tế, thẻ từ vựng, các hoạt động, câu hỏi, đường dẫn trực tiếp tới những trang web được nhắc đến trong chương này và nhiều thông tin khác nữa.



CHƯƠNG

9

Nhà trường và giáo viên: Kỳ vọng và trách nhiệm

TRONG CHƯƠNG 8, bạn đã tìm hiểu về vai trò của học sinh trong mối quan hệ phức tạp giữa nhà trường, giáo viên và học sinh. Bạn đã thấy rằng, học sinh có thể mong đợi nhận được nhiều thứ từ trường học, trong đó có việc đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cơ hội học tập. Bạn cũng thấy rằng, học sinh được kỳ vọng sẽ đáp lại nhà trường về một số khía cạnh như giúp đảm bảo an toàn, tuân thủ những quy tắc cũng như quy định của trường, và tôn trọng hệ thống quản lý lớp học của từng giáo viên. Trường học có trách nhiệm với học sinh, và học sinh cũng có trách nhiệm đối với nhà trường.

Tương tự như vậy, nhà trường có những kỳ vọng và trách nhiệm với giáo viên, đồng thời giáo viên cũng có những kỳ vọng và trách nhiệm đối với nhà trường.

Trong chương này, bạn sẽ tìm hiểu mối quan hệ giữa nhà trường và giáo viên. Bạn cũng sẽ thấy rằng trách nhiệm chính của giáo viên là giảng dạy. Bạn đã tìm hiểu về trách nhiệm giảng dạy của giáo viên trong cuốn sách này, nhưng giáo viên cũng có những trách nhiệm khác nữa, một vài trong số đó bạn đã xác định ở phần trước. Bạn sẽ tập trung vào hai câu hỏi cơ bản sau:

1. Nhà trường kỳ vọng gì ở giáo viên?
2. Giáo viên kỳ vọng gì ở nhà trường?

Mục tiêu chương

Sau khi kết thúc chương này, bạn có thể:

1. Mô tả các kỳ vọng của nhà trường với giáo viên, trong đó có những nhiệm vụ giảng dạy và ngoài giảng dạy, chứng chỉ cũng như nâng cao tay nghề.
inTASC Tiêu chuẩn số 7: Lập kế hoạch giảng dạy; Tiêu chuẩn số 9: Nâng cao tay nghề và thực hành đạo đức nghề nghiệp
2. Mô tả các kỳ vọng của giáo viên đối với nhà trường, trong đó có quản lý lương, đảm bảo về công việc, điều kiện làm việc, tài liệu cũng như tài nguyên có sẵn và hỗ trợ giáo viên.
inTASC Tiêu chuẩn số 7: Lập kế hoạch giảng dạy; Tiêu chuẩn số 9: Nâng cao tay nghề và thực hành đạo đức nghề nghiệp



Những kỳ vọng của nhà trường đối với giáo viên

Đầu tiên hãy nhìn vào cuộc sống nghề nghiệp của một giáo viên. Giáo viên được mong đợi sẽ thực hiện những công việc gì? Rõ ràng, giáo viên sẽ dạy lớp của họ. Nhưng ngoài ra, họ còn làm gì nữa?

Cuộc sống của giáo viên ở trường

HỘP KIẾN TẠO

9.1

Hãy nghĩ về những năm đầu tiên của bạn khi đi học – từ thời mẫu giáo hoặc nhà trẻ nếu có thể. Bạn nhớ xem thấy, cô giáo bạn đã làm gì? Nghĩ về những gì giáo viên làm trong một ngày ở trường và xuyên suốt năm học. Những hoạt động nào diễn ra hàng ngày? Những hoạt động nào diễn ra định kỳ hoặc trong một khoảng thời gian? Hoạt động nào chỉ diễn ra một hoặc hai lần? Tương tự, hãy nhớ lại xem thấy, cô giáo của bạn đã làm gì trong các lớp tiểu học mức dưới, các lớp tiểu học mức trên, ở trường trung học cơ sở hoặc trung học đệ nhất cấp, và trung học phổ thông? Dùng bảng dưới đây để liệt kê những hoạt động này.

	Nhà trẻ hoặc trường mẫu giáo	Các lớp tiểu học mức dưới	Các lớp tiểu học mức trên	Trung học đệ nhất cấp hoặc trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Hoạt động hàng ngày					
Hoạt động định kỳ					
Hoạt động hiếm khi diễn ra					

Bạn nhận thấy đặc điểm chung trong các hoạt động của giáo viên có xu hướng gì khi bạn học lên lớp cao hơn? Có phải giáo viên của những học sinh nhỏ tuổi dành nhiều thời gian đáp ứng các nhu cầu cá nhân của học sinh, trong khi giáo viên của những học sinh lớn hơn tập trung nhiều hơn vào nội dung môn học không?

Các nhiệm vụ của giáo viên

Bạn đã cố gắng nhớ lại những hoạt động của thầy, cô giáo từng dạy mình ở trường, bạn cũng đã và đang quan sát các hoạt động của giáo viên cộng tác với mình trong thời kỳ thực tập. Giờ là lúc hiểu cụ thể hơn về những gì giáo viên được mong đợi sẽ làm hàng ngày.

Lập một danh sách các nhiệm vụ và hoạt động một giáo viên dạy tại cấp lớp mà bạn quan tâm phải làm trong một ngày 24 giờ thông thường. Phân loại từng nhiệm vụ theo tính chất trách nhiệm giảng dạy và trách nhiệm ngoài giảng dạy.

Sau đó, hãy ước tính khoảng phần trăm thời gian của một giáo viên ở trường dành cho trách nhiệm giảng dạy (instructional duty) và khoảng phần trăm thời gian dành cho trách nhiệm ngoài giảng dạy (noninstructional duty). Khoảng thời gian mà giáo viên dành cho trách nhiệm ngoài giảng dạy có hợp lý không?

trách nhiệm giảng dạy (instructional duty) Trách nhiệm của giáo viên liên quan trực tiếp tới việc lập kế hoạch, giảng dạy và đánh giá.

trách nhiệm ngoài giảng dạy (noninstructional duty) Trách nhiệm của giáo viên không liên quan trực tiếp đến việc giảng dạy học sinh.



Những trách nhiệm cụ thể của giáo viên được thiết lập bởi bang, học khu và nhà trường. Hãy sử dụng công cụ tìm kiếm yêu thích của bạn để tra cứu thông tin về các trách nhiệm của giáo viên tại khu vực bạn sống. Bạn có thể phải tìm kiếm các công cụ đánh giá giáo viên trên toàn bang và suy ra những trách nhiệm từ các bảng rubric sử dụng để đánh giá hiệu quả làm việc của giáo viên.

Dựa trên trải nghiệm của bản thân, theo bạn, thông tin bạn tìm được có phản ánh chính xác những gì giáo viên làm không?

Trong Hộp kiến tạo 9.2, bạn đã đối mặt với một số khó khăn trong việc tách riêng các hoạt động giảng dạy với ngoài giảng dạy, nguyên nhân là do những hoạt động này thường có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Ví dụ, họp phụ huynh - thường được coi là một trách nhiệm ngoài giảng dạy và đánh giá bài làm của học sinh - một trách nhiệm giảng dạy, lại hỗ trợ lẫn nhau. Là cố vấn hay huấn luyện viên của một câu lạc bộ, một đội hoặc một số hoạt động ngoại khóa nào đó là trách nhiệm ngoài giảng dạy nếu so sánh với khối lượng công việc giảng dạy hàng ngày. Nhưng đó có thể là một hoạt động giảng dạy nếu coi nó như một phần trong việc học tập chung của học sinh.

Trách nhiệm giảng dạy

Trước hết, nhà trường mong muốn giáo viên thực hiện công việc giảng dạy. Đầu đó trong cuốn sách này, bạn đã tìm hiểu về một số nhiệm vụ của giảng dạy - lập kế hoạch, chuẩn bị các bài học thú vị đáp ứng nhu cầu của *tất cả* học sinh, tiến hành giảng dạy theo phương pháp có thể thu hút sự tham gia của học sinh một cách ý nghĩa, đánh giá sự tiến bộ của học sinh theo thời gian và các công việc khác. Tùy vào cấp lớp, giáo viên có thể chịu trách nhiệm giảng dạy tất cả các môn học, hoặc chỉ một hoặc hai môn. Giáo viên có thể dạy trung bình 30 học sinh hoặc hơn trong trường tiểu học công lập, hoặc có thể dạy trung bình ít nhất 130 học sinh trong trường trung học công lập (Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2010a).

Công tác giảng dạy thực sự chiếm gần như toàn bộ cả ngày làm việc của giáo viên. Nhưng có nhiều nhiệm vụ dẫn đến cũng như tiếp nối việc giảng dạy. Có lẽ bạn đã nghĩ về một số nhiệm vụ trong Hộp kiến tạo mà bạn vừa hoàn thành. Giáo viên phải tổ chức, sắp xếp các mục tiêu và bài học cho cả ngày, cả tuần, thời gian chấm điểm, hay cho cả năm học. Giáo viên phải thiết

kế các bài kiểm tra phù hợp với giảng dạy. Rất ít người ngoài giảng dạy biết được lượng thời gian dành cho việc lập kế hoạch và chấm bài.

Danh sách các trách nhiệm giảng dạy của giáo viên mà bạn lập ra có bao gồm cả những việc làm ở nhà không? Để hoạt động giảng dạy hiệu quả, giáo viên phải làm khá nhiều việc lên kế hoạch, chuẩn bị bài và chấm bài trong suốt buổi tối, cuối tuần và kỳ nghỉ. Họ mang việc về nhà bởi vì thời gian ở trường đã kín các nhiệm vụ liên quan đến học sinh và không còn đủ thời gian cho việc hoàn thành lên kế hoạch cũng như chấm bài



Được sự cho phép của Bill Lisenby

Công tác giảng dạy không chỉ bao gồm thời gian giảng dạy trên lớp, mà còn cả thời gian dành cho việc lên kế hoạch bài giảng và đánh giá kết quả học tập của học sinh. Những giáo viên cùng giảng dạy này đang lên kế hoạch bài giảng cho lớp tiểu học của mình.

nữa. Cụ thể, giáo viên tiểu học thường gặp rất nhiều thách thức bởi họ thường không có khoảng thời gian lên kế hoạch ổn định – đôi khi họ có những khoảng thời gian rỗi khi học sinh tới các lớp học nghệ thuật, âm nhạc, giáo dục thể chất hay những lớp học đặc biệt khác, nhưng kể cả khi đó thì họ vẫn chịu trách nhiệm dẫn học sinh tới các lớp học đặc biệt. Giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông thường có một hoặc hai tiết học được đưa vào lịch để dành cho việc lên kế hoạch, chấm bài và viết báo cáo. Tuy nhiên, do các cuộc họp, họp phụ huynh, công việc giấy tờ và những nhiệm vụ khác đòi hỏi sự tham gia, nên giáo viên thường không thể sử dụng thời gian đã lên kế hoạch trước của họ cho mục tiêu dự định dành cho việc lên kế hoạch bài giảng và chấm bài.

Nhu cầu mang việc về nhà đặc biệt cấp thiết đối với giáo viên mới khi họ đang xây dựng và hoàn chỉnh các công việc thường ngày một cách hiệu quả. Khi dần có kinh nghiệm, bạn sẽ tìm ra các cách hiệu quả để hoàn thành những nhiệm vụ của giáo viên sao cho có thể đem lại trải nghiệm giáo dục đáng giá cho học sinh trong khi vẫn có thời gian cho bản thân. Nhưng có lẽ bạn sẽ không bao giờ có thể làm được tất cả mọi thứ trong giờ làm việc ở trường. Sẽ luôn có những việc cần làm khi học sinh không ở xung quanh, và những việc này sẽ phải hoàn thành sau giờ làm việc hoặc ở nhà.

Trách nhiệm ngoài giảng dạy

Bên cạnh việc giảng dạy, nhà trường kỳ vọng giáo viên thực hiện những trách nhiệm ngoài giảng dạy khác. Đây là những trách nhiệm không liên quan trực tiếp tới việc giảng dạy và giám sát học sinh. Bạn đã liệt kê một vài ví dụ ở trên. Những trách nhiệm ngoài giảng dạy được giao cho giáo viên khác nhau đáng kể giữa các bang có công đoàn giáo viên hoạt động mạnh với bang có ít hay không có ảnh hưởng nào của công đoàn giáo viên. Công đoàn giáo viên có nhiệm vụ giữ cho những trách nhiệm giám sát ngoài giảng dạy của giáo viên ở mức tối thiểu. Các bang có công đoàn giáo viên đòi hỏi hợp đồng của giáo viên phải ghi rõ những trách nhiệm nào được giao cho giáo viên và yêu cầu học khu trả thêm tiền cho những nhiệm vụ không được quy định trong hợp đồng chung.

Ở một số trường, những trách nhiệm ngoài giảng dạy không mong muốn thường được giao cho các giáo viên mới. Tuy nhiên, theo một số quyền hạn pháp lý, hội đồng giáo dục, công đoàn và hiệp hội giáo viên đã có những chính sách bằng văn bản quy định rằng đa phần những trách nhiệm này *không* nên giao cho giáo viên mới bởi những giáo viên này cần dành tất cả thời gian có được cho việc lên kế hoạch, thảo luận với giáo viên giàu kinh nghiệm, và nâng cao tay nghề. Thông thường, công đoàn và hiệp hội giáo viên sẽ tác động tới hội đồng giáo dục học khu để xây dựng những chính sách liên quan đến các trách nhiệm ngoài giảng dạy. Ví dụ, chính sách của Hội đồng Giáo dục Hạt New Hanover, Bắc Carolina chỉ ra rằng:

Hiệu trưởng nên giảm thiểu những trách nhiệm ngoài giảng dạy giao cho tất cả giáo viên xuống mức những nhiệm vụ thiết yếu cho việc vận hành một trường học an toàn và trật tự. Trong quá trình đó, đặc biệt hạn chế giao việc ngoài giảng dạy cho giáo viên mới và các giáo viên có trên 27 năm kinh nghiệm. Việc đảm bảo cho giáo viên mới có nhiều thời gian nhất có thể để phát triển các kỹ năng giảng dạy và tương tác với giáo



Nguồn: Wikipedia

Giáo viên này hỗ trợ cho câu lạc bộ cờ vua của trường. Giáo viên có những lựa chọn nào khác để tham gia vào các hoạt động ngoại khóa?

viên giàu kinh nghiệm vì mục đích nâng cao tay nghề là một nhu cầu chính đáng. (Hội đồng Giáo dục Hạt New Hanover, Bắc Carolina, 2011)

Bảng 9.1 chỉ ra một số trách nhiệm ngoài giảng dạy thường được giao cho giáo viên cấp tiểu học và trung học. Còn có những trách nhiệm ngoài giảng dạy nào khác mà bạn đã nhìn thấy giáo viên thực hiện có thể bổ sung vào danh sách này?

Nhiều người tin rằng những trách nhiệm giám sát ngoài giảng dạy, mặc dù cần thiết để đảm bảo an toàn và trật tự, có thể do những nhân viên không chịu trách nhiệm giảng dạy thực hiện, họ được trả mức lương thấp hơn. Một số trường học đang dần đi theo hướng

BẢNG 9.1 Một số trách nhiệm ngoài giảng dạy thường giao cho giáo viên

	Trường tiểu học	Trường trung học cơ sở	Trường trung học
Bên ngoài lớp học	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát những người lái xe trong thời gian học sinh được đưa đến lớp vào buổi sáng và đón vào buổi chiều. Trách nhiệm liên quan đến xe buýt. Trách nhiệm liên quan đến giờ ăn trưa. Hỗ trợ câu lạc bộ. Làm giám khảo trong hội chợ khoa học. Trách nhiệm liên quan đến việc đình chỉ học tại trường. Đi kèm trong các sự kiện ở trường. Làm tình nguyện viên tại các hội chợ của trường, các quầy giảm giá... Phục vụ tại ủy ban. 	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát những người lái xe trong thời gian học sinh được đưa đến lớp vào buổi sáng và đón vào buổi chiều. Trách nhiệm liên quan đến xe buýt. Trách nhiệm liên quan đến giờ ăn trưa. Hỗ trợ câu lạc bộ. Hỗ trợ tập san thường niên, tờ báo của trường. Làm giám khảo trong hội chợ khoa học. Trách nhiệm liên quan đến việc đình chỉ học tại trường. Đi kèm trong các sự kiện ở trường. Làm tình nguyện viên tại các hội chợ của trường, các quầy giảm giá... Phục vụ tại ủy ban. Thay thế đột xuất cho một giáo viên khác trong tiết học đã được lên kế hoạch. Trách nhiệm quản lý học sinh sau giờ học. 	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát những người lái xe trong thời gian học sinh được đưa đến lớp vào buổi sáng và đón vào buổi chiều. Giám sát khu vực để xe của học sinh. Trách nhiệm liên quan đến xe buýt. Trách nhiệm liên quan đến giờ ăn trưa. Hỗ trợ câu lạc bộ. Hỗ trợ tập san thường niên, tờ báo của trường. Làm giám khảo trong hội chợ khoa học. Trách nhiệm liên quan đến việc đình chỉ học tại trường. Đi kèm trong các sự kiện ở trường. Làm tình nguyện viên tại các hội chợ của trường, các quầy giảm giá... Phục vụ tại ủy ban. Thay thế đột xuất cho một giáo viên khác trong tiết học đã được lên kế hoạch. Làm chủ nhiệm lớp 9, 10, 11 hoặc 12. Trách nhiệm quản lý học sinh sau giờ học.
Bên trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> Điểm danh. Quản lý giấy tờ như đơn xin phép, hồ sơ của học sinh... Đi cùng học sinh khi di chuyển từ lớp học sang phòng tập, các lớp khác, lớp đặc biệt, khu vực ăn trưa... Họp phụ huynh. 	<ul style="list-style-type: none"> Điểm danh. Quản lý giấy tờ như đơn xin phép, hồ sơ của học sinh... Đi cùng học sinh khi di chuyển từ lớp học sang phòng tập, các lớp khác, lớp đặc biệt, khu vực ăn trưa... Họp phụ huynh. Khuyến bảo học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> Điểm danh. Quản lý giấy tờ như đơn xin phép, hồ sơ của học sinh... Họp phụ huynh. Khuyến bảo học sinh.

này bằng cách yêu cầu các trợ giảng đảm trách khá nhiều nhiệm vụ như vậy; sử dụng những nhân sự phi chuyên môn khác, ví dụ tài xế xe buýt, trong việc kiểm soát số lượng; và thuê nhân sự riêng cho những nhiệm vụ này.

Bên cạnh những trách nhiệm ngoài giảng dạy, giáo viên cũng thường được yêu cầu thực hiện nhiều chức năng ngoài giảng dạy khác, trong đó có họp phụ huynh. Làm thế nào để bạn phân loại việc họp phụ huynh là một trách nhiệm giảng dạy hay ngoài giảng dạy? Với cách phân loại nào thì cũng đều có những lý do hợp lý. Họp phụ huynh hay gặp mặt gia đình khá phổ biến ở trường tiểu học, trung học cơ sở, và cũng thường diễn ra ở trường trung học phổ thông. Đây là dịp để trao đổi thông tin về học sinh giữa gia đình và giáo viên. Họp phụ huynh được coi như một hoạt động bổ sung cần thiết để thêm vào báo cáo về học sinh. Chuẩn bị và tổ chức các buổi họp phụ huynh trong lớp tốn khá nhiều thời gian. Nhưng những buổi họp này thường mang lại giá trị lớn đến mức giáo viên sẵn sàng dành thời gian và nỗ lực cần thiết để chuẩn bị cũng như tổ chức chúng. Nói đúng ra thì họp phụ huynh là một trách nhiệm ngoài giảng dạy. Nhưng tòa án đã nhất quán phán quyết rằng họp phụ huynh là một phần của hoạt động thông thường trong trường học và việc mong muốn giáo viên tổ chức buổi họp đó là một yêu cầu hợp lý (Vụ *Fox kiện Hội đồng Giáo dục*, 1977).

Nếu bạn dự định giảng dạy ở trường trung học cơ sở hay trung học phổ thông, chắc chắn bạn sẽ được giao trách nhiệm quản lý học sinh sau giờ học (detention duty). Thành viên trong bộ phận quản lý nhà trường thường giữ học sinh ở lại sau giờ học như một hình phạt khi vi phạm một số quy tắc nào đó. Ở một số trường, hình thức quản lý học sinh sau giờ học là thời gian học sinh phải giữ im lặng sau khi học xong; ở trường khác, thời gian này được sử dụng để giúp học sinh làm bài tập về nhà và hỗ trợ dạy thêm. Đình chỉ học tại trường (in-school suspension) là một hình thức phạt diễn ra trong một phòng nào đó trong giờ học. Những học sinh bị đình chỉ học tại trường phải rời lớp học thông thường của mình như một hình phạt, nhưng lại nhận được sự hỗ trợ cần thiết để hoàn thành các bài tập được giao trong thời gian chịu phạt đó¹. Một số trường còn giao việc này cho cán bộ giảng dạy toàn thời gian; những trường khác yêu cầu giáo viên dành bớt từ khoảng thời gian lên kế hoạch để phụ trách phòng phạt đó.

Tham gia vào hoạt động nâng cao tay nghề hay đào tạo liên tục, trở thành những người thực hành phản tỉnh (reflective practitioner), triển khai những quy tắc, chính sách và quy định của hệ thống trường học hay của sở giáo dục bang cũng có thể được coi là một phần trong trách nhiệm ngoài giảng dạy của giáo viên.

Hãy xem lại danh sách các hoạt động bạn đã đưa ra trong Hộp kiến tạo 9.2. Bạn có phân loại lại hoạt động nào là giảng dạy (liên quan đến việc lên kế hoạch, giảng dạy và đánh giá học sinh) hay ngoài giảng dạy (không liên quan trực tiếp đến việc giảng dạy học sinh) không?

Bạn đã đề xuất những cơ hội tham gia vào các hoạt động ngoại khóa nào? Giáo viên có thể huấn luyện đội tuyển thể thao hoặc thu vé ở các trận đấu, buổi hòa nhạc hay buổi diễn



Được sự cho phép của Bill Lisemby

Trách nhiệm liên quan đến xe buýt là một trách nhiệm ngoài giảng dạy của giáo viên. Tại sao việc giáo viên hay một nhân viên nào đó có mặt khi xe buýt đến và đi lại quan trọng?

¹ Ví dụ, bộ phận quản lý trường Trung học phổ thông Rockville ở Vernon, Connecticut, một ngôi trường với học sinh đa dạng, đã chỉ ra rằng đình chỉ học tại trường (in-school suspension - ISS) được học sinh coi trọng hơn đình chỉ học ở nhà (out-of-school suspension - OSS), và rằng ISS giúp học sinh tăng thời gian học tập bởi học sinh dành thời gian bị đình chỉ học ngay trong trường chứ không phải bên ngoài trường. Chương trình được bố trí một điều phối viên toàn thời gian và một trợ giảng bán thời gian để huấn luyện học sinh làm các bài tập trên lớp cũng như điều chỉnh hành vi của các em (Damon, 2011). Các trường ở thành phố Baltimore đã chỉ ra rằng tỷ lệ tốt nghiệp ở các nam sinh người Mỹ gốc Phi đã tăng từ dưới 50% đến hơn 67% trong sáu năm triển khai ISS (Sundius & Dove, 2011).

Các hoạt động ngoại khóa

Hãy nghĩ về những ngày bạn còn là học sinh - ở trường tiểu học, trung học cơ sở hoặc trung học đệ nhất cấp, hay trung học phổ thông. Có những hoạt động ngoại khóa nào bạn có thể tham gia? Có những hoạt động nào trong giờ học ở trường? Những hoạt động nào chỉ diễn ra sau giờ học? Bạn đã tham gia vào hoạt động ngoại khóa nào?

Giờ hãy xem giáo viên làm thế nào để tham gia vào những hoạt động ngoại khóa này? Bạn nghĩ rằng giáo viên có nên được yêu cầu tham gia vào những hoạt động đó không? Họ có nên tình nguyện cho những trách nhiệm đó không? Hay họ có nên được trả tiền cho những trách nhiệm ngoại khóa không?

kich. Họ có thể hỗ trợ các câu lạc bộ hay đi kèm các buổi thực địa hoặc khiêu vũ của trường. Hầu hết các hoạt động ngoại khóa diễn ra trước hoặc sau giờ học chính thức và không ảnh hưởng đến việc giảng dạy thông thường cho học sinh, nhưng một số lại có thể diễn ra ngay trong ngày đi học. Giáo viên thường được trả một khoản thù lao cho việc hỗ trợ một số hoạt động ngoại khóa nào đó như huấn luyện đội tuyển thể thao. Tuy nhiên, với các loại hoạt động khác, giáo viên lại thường được kỳ vọng sẽ làm tình nguyện viên. Như chúng ta đã nói, hầu hết các chính sách của học khu hạn chế số hoạt động ngoại khóa mà giáo viên mới có thể tham gia; tuy nhiên, trong trường hợp có nhu cầu cấp thiết, ví dụ thiếu nhân sự phù hợp để thực hiện các cam kết của trường, bộ phận quản lý nhà trường có thể yêu cầu giáo viên, trong đó có cả giáo viên mới, đảm nhận những trách nhiệm ngoại khóa.

Bạn muốn tham gia vào hoạt động ngoại khóa nào ở trường tương lai của mình? Để gây ấn tượng tích cực trong buổi phỏng vấn, hãy để hiệu trưởng hay giám đốc nhân sự biết rằng bạn sẵn sàng làm việc cùng học sinh và hỗ trợ các em ngoài giờ học. Trong tuyển dụng, bộ phận quản lý nhà trường thường tìm kiếm những người đủ trình độ không chỉ dạy tốt mà còn có thể tổ chức các hoạt động cho học sinh.

Nhà trường thường mong đợi giáo viên giảng dạy và chịu trách nhiệm cho việc học tập của sinh viên. Họ cũng kỳ vọng giáo viên sẽ thực hiện các trách nhiệm ngoài giảng dạy cũng như tham gia vào các hoạt động ngoại khóa. Giáo viên phải là những cá nhân được đào tạo tốt, có trình độ cao để xứng đáng với những kỳ vọng này.

Cấp chứng chỉ hành nghề

Nhà trường thường mong muốn giáo viên của mình đã có chứng nhận đủ tiêu chuẩn. Các học sinh trong trường cũng xứng đáng có được những giáo viên đủ trình độ giống như khi các em được phục vụ bởi những bác sĩ hay nha sĩ giỏi. **Cấp chứng chỉ hành nghề sư phạm (teacher certification)** là việc công nhận chính thức của bang rằng một người nào đó đã đáp ứng các yêu cầu để trở thành giáo viên chuyên nghiệp của bang đó. Mỗi bang sẽ đưa ra những yêu cầu riêng về chứng chỉ hành nghề sư phạm, và những yêu cầu đó cũng khác nhau khá nhiều giữa các bang. Tuy nhiên, hầu hết bang đều có những yêu cầu tối thiểu sau:

- Ít nhất phải có bằng cử nhân đại học; một số bang yêu cầu bằng thạc sĩ.
- Hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên đã được phê chuẩn và kiểm định.
- Chuyên ngành chính hoặc chuyên ngành phụ về giáo dục đối với giáo dục tiểu học.
- Chuyên ngành chính ở các môn học mà giáo viên dự định giảng dạy đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông.
- Vượt qua các bài thi cấp phép của bang.



Trang web của Education CourseMate có đường dẫn trực tiếp tới một trang web tương tác mà bạn có thể sử dụng để tìm kiếm các yêu cầu chứng chỉ cụ thể và phương pháp để lấy

Cấp chứng chỉ hành nghề sư phạm (teacher certification) Việc công nhận chính thức của bang rằng một người nào đó đã đáp ứng các yêu cầu để trở thành giáo viên chuyên nghiệp của bang đó.

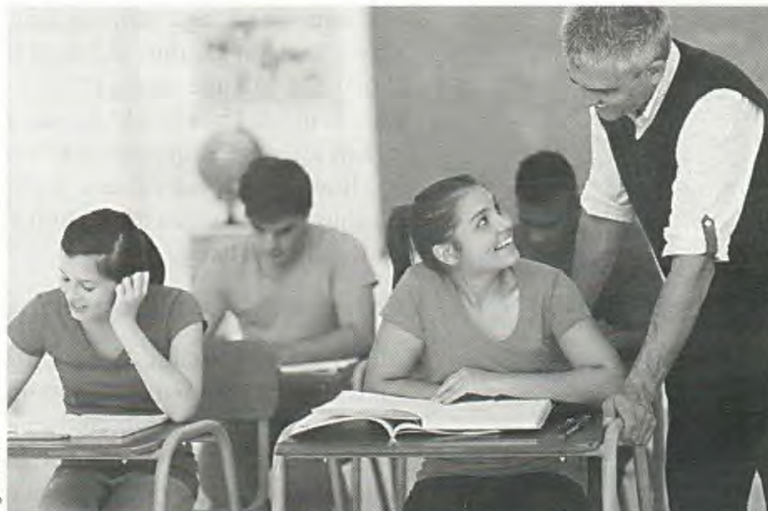
được chứng chỉ ở từng bang. Trang web được duy trì bởi Trường Đại học Nam California.

Có một số con đường để lấy được chứng chỉ hành nghề sư phạm, tùy vào quy định của bang nơi bạn cư trú. Nhiều người lựa chọn con đường học khóa dự bị đại học; một số trường đại học cho phép tham gia các khóa học trực tuyến một phần hoặc toàn phần. Tuy nhiên, cũng có những con đường khác để lấy được chứng chỉ: Học chương trình bổ sung kèm bằng cử nhân ngoài ngành sư phạm (postbaccalaureate), học thạc sĩ, và một vài con đường khác đặc biệt hấp dẫn đối với những người muốn thay đổi nghề nghiệp. Dù bạn theo con đường nào, thì điều quan trọng là ứng viên cuối cùng cũng phải được xác nhận bởi cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề sư phạm của Sở giáo dục bang, để từ đó có đủ tiêu chuẩn nhận được chứng chỉ hành nghề sư phạm của bang.

Cho dù con đường có được chứng chỉ của bạn là gì, bạn vẫn phải xây dựng một nền tảng và hiểu biết vững chắc về nghề giáo. Nội dung trong cuốn sách này và những gì bạn xây dựng được trong quá trình tìm hiểu, chúng rất cần thiết với bất kỳ giáo viên chuẩn bị vào nghề nào.

Con đường lấy chứng chỉ qua đại học

Con đường lấy chứng chỉ hành nghề sư phạm thông qua đại học thường bao gồm chương trình học bốn năm để có được bằng cử nhân (xem Chương 1). Chương trình bao gồm các khóa trọng yếu theo yêu cầu của trường đại học, và nội dung cũng như các khóa về giáo dục nghề nghiệp được quy định bởi trường đại học, trường học và cơ quan cung cấp chuyên ngành của bạn. Mặc dù từ trước đến nay, các chương trình này được tổ chức tại các trường đại học, nhưng một số cơ sở giáo dục bậc cao cũng tổ chức cả các khóa trực tuyến.²



Nguồn: Flickr

Con đường lấy chứng chỉ đại học bao gồm các khóa đào tạo nghề nghiệp theo quy định của trường đại học, cơ quan hay trường học cung cấp chuyên ngành giáo dục.

Chương trình chuẩn bị làm giáo viên của tôi

Nếu bạn chưa làm gì, hãy liên hệ với cố vấn của bạn hoặc trung tâm tư vấn ở trường đại học hay cơ quan đào tạo, và lấy tờ hướng dẫn tư vấn cho chuyên ngành của mình. Những môn học (toán, khoa học, ngữ văn, xã hội) và các khóa chuyên nghiệp (giáo dục sư phạm) nào là cần thiết? Bạn cần những kinh nghiệm thực tế nào? Chúng sẽ mất bao nhiêu thời gian? Những khóa đó sẽ diễn ra vào thời điểm nào trong chương trình của bạn?

Bạn có thể sử dụng tờ hướng dẫn này để làm cơ sở vạch ra toàn bộ khóa học của mình.

HỘP KIẾN TẠO

9.4

Con đường lấy chứng chỉ kèm bằng cử nhân ngoài ngành sư phạm

Con đường lấy chứng chỉ hành nghề sư phạm sau đại học này được thiết kế để cho phép những sinh viên đã có bằng cử nhân lấy được chứng chỉ hành nghề sư phạm tại bậc đại học. Nếu bạn có bằng cử nhân trong một lĩnh vực cụ thể như toán, khoa học (sinh học,

² Khi xem xét các chương trình dự bị sư phạm trực tuyến, hãy chắc chắn rằng toàn bộ những chương trình đó được kiểm định đầy đủ bởi một cơ quan kiểm định quốc gia đã mô tả trong Chương 1, và rằng chương trình đem lại một chứng chỉ rõ ràng, có thể giá hạn được ở bang nơi bạn muốn giảng dạy.

hóa học, vật lý), nghệ văn, hay lịch sử, thì khi đó chỉ cần các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm và tham gia thực tập là có thể nhận được chứng chỉ dạy cho cấp trung học phổ thông. Để có được chứng chỉ dạy các cấp tiểu học hoặc trung học cơ sở, bạn cần phải học thêm các khóa học khác, và thậm chí nhiều hơn nếu bằng cử nhân của bạn về một ngành không liên quan như kế toán, y tá, truyền thông, tâm lý học hoặc kinh tế. Một số chương trình sau đại học thường dẫn đến bằng cử nhân thứ hai bổ sung vào trình độ chuyên môn để có được chứng chỉ của bang. Một số chương trình khác chỉ dẫn đến chứng chỉ của bang.

Con đường lấy chứng chỉ qua cao học

Một số bang và tổ chức đã xây dựng những chương trình sau đại học mà từ đó có thể dẫn tới chứng chỉ đầu tiên ở bậc cao học. Trong những chương trình này, một cá nhân đã có bằng cử nhân nhưng chưa có chứng chỉ hành nghề sư phạm có thể lấy chứng chỉ này cùng với bằng cao học. Những sinh viên đi theo con đường này sẽ thấy mình phải dành khá nhiều thời gian cho việc thực tập trong suốt chương trình, và khó có thể làm một công việc ở bên ngoài (ngoại trừ trường hợp mà công việc thực tập có thể được kết hợp với kinh nghiệm vừa học vừa làm). Vì lý do này, các khóa học giáo dục nghề nghiệp và công việc thực tập có thể được dồn vào hai học kỳ, đôi khi thêm kỳ học hè, kết quả là các bài tập trên lớp khá dồn dập và công việc thực tập căng thẳng hơn so với con đường lấy chứng chỉ đại học hay lấy chứng chỉ sau đại học. Do vậy, học viên có thể không đủ thời gian để tự xây dựng những khái niệm của riêng mình.

Con đường lấy chứng chỉ thay thế

Đề ứng phó với sự thiếu hụt giáo viên, khá nhiều chương trình đào tạo giáo viên thay thế xuất hiện trong thập kỷ vừa qua. Mặc dù con đường lấy chứng chỉ sau đại học và cao học chính là những hình thức đào tạo giáo viên thay thế, nhưng khái niệm *chứng chỉ thay thế* (*alternative certification*) thường chỉ những chương trình chứng chỉ hành nghề sư phạm gói gọn, trong đó học sinh theo học những khóa đào tạo ngắn và tập trung, sau đó hoàn thành chương trình thực tập giảng dạy có giám sát, thường trong năm giảng dạy chuyên nghiệp đầu tiên.

Các con đường thay thế này đem lại cơ hội cho những người với nền tảng giáo dục rất đa dạng và muốn trở thành giáo viên, thông thường đi chuyên sâu vào môn học hoặc lĩnh vực họ đã được đào tạo và có kinh nghiệm trước kia. Năm 2010, tất cả các bang ngoại trừ Alaska, Oregon và Quận Columbia đều đã có những con đường lấy chứng chỉ hành nghề sư phạm thay thế (National Center for Alternative Certification - Trung tâm Quốc gia về Chứng chỉ thay thế, 2010). Mỗi bang lại có phiên bản riêng của những chương trình này. Những người phê phán các chương trình chứng chỉ thay thế cho rằng giáo viên đã hoàn thành các chương trình này có thể vẫn thiếu các kỹ năng sư phạm thích hợp; trong khi đó, những người ủng hộ lại chỉ ra những kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu liên quan đến môn học mà các giáo viên này có thể mang đến cho lớp học (Otuya, 1992). Trong một nghiên cứu cấp quốc gia gần đây về chương trình đào tạo giáo viên thay thế, Humphrey và Wechsler (2005) đã nhận thấy rằng, để chuẩn bị một cách đầy đủ cho giáo viên, các chương trình thay thế cần phải tập trung vào việc tăng cường cố vấn, thiết lập các hệ thống để hỗ trợ những thành viên gặp khó khăn, và kết nối các khóa học với những chương trình đào tạo vừa học vừa làm (on-the-job training) mà học viên nhận được. Có khá ít nghiên cứu thực tế về mức độ thành công của những học sinh được các giáo viên theo con đường lấy chứng chỉ thay thế giảng dạy bởi vì những con đường này cực kỳ đa dạng. Tuy nhiên, một nghiên cứu hoàn thành vào năm 2005 của Hiệp hội Nghiên cứu Giáo dục Hoa Kỳ (American Educational Research Association) đã chỉ ra rằng, có rất ít sự khác biệt giữa những giáo viên theo chương trình đào tạo giáo viên thay thế và truyền thống (Feistritzer và Haar, 2008).

Từ quân đội tới trường học

Từ Quân đội tới Trường học (Troops to Teachers) là một sáng kiến của chính phủ liên bang giúp những người đủ tiêu chuẩn, đã từng làm việc trong quân đội trở thành giáo viên được chứng nhận. Trọng tâm chính của chương trình là tuyển dụng giáo viên cho những trường học phục vụ các gia đình thu nhập thấp, đặc biệt là trong những lĩnh vực có nhu cầu cao như khoa học, toán học và giáo dục đặc biệt. Từ Quân đội tới Trường học không phải là một chương trình đào tạo giáo viên; mà thực ra, nó đem lại hỗ trợ tài chính, hỗ trợ hậu cần, tư vấn và dịch vụ việc làm cho những người tham gia. Người tham gia có thể được cấp chứng chỉ hành nghề sư phạm thông qua một trong những chương trình đào tạo giáo viên đã được thiết lập ở bang của họ.

Bạn có thể truy cập trang web Từ Quân đội tới Trường học (Troops to Teachers) thông qua đường dẫn trực tiếp có trên trang web Education CourseMate.



Giảng dạy vì nước Mỹ

Giảng dạy vì nước Mỹ (Teach for America) là một tổ chức tư nhân, phi lợi nhuận tuyển dụng những sinh viên mới tốt nghiệp để dạy hai năm ở các trường thuộc vùng đô thị hoặc nông thôn trên toàn nước Mỹ. Những thành viên mới của tổ chức tham gia một cơ sở đào tạo tiến giảng dạy khá nghiêm ngặt, được huấn luyện và bồi dưỡng tay nghề liên tục trong suốt hai năm cam kết, đồng thời được truy cập vào các tài nguyên trên mạng để giúp họ trở thành những giáo viên hiệu quả. Các thành viên của tổ chức có thể nhận được chứng chỉ ở bang nơi họ giảng dạy, và chương trình đào tạo được coi như một con đường lấy chứng chỉ thay thế. Do việc học dồn ép các môn về nghiệp vụ sư phạm và các trải nghiệm trước khi vào nghề, tỷ lệ thôi việc ở tổ chức Giảng dạy vì nước Mỹ khá cao, nhiều thành viên rời đi sau ba năm đầu tiên (Hopkins, 2008). Tuy nhiên, một nghiên cứu thực hiện bởi Donaldson và Johnson (2011) chỉ ra rằng có một số lượng thành viên đáng kể vẫn duy trì công việc giảng dạy, và nhiều người vẫn ở lại những trường thu nhập thấp sau hai năm cam kết.

Bạn có thể truy cập trang chủ của tổ chức Giảng dạy vì nước Mỹ (Teach for America) thông qua đường dẫn trực tiếp có trên trang web Education CourseMate.



Chứng chỉ Tạm thời, Không chính thức và Khẩn cấp

Một số bang cấp chứng chỉ giảng dạy tạm thời, không chính thức và khẩn cấp, cho phép mọi người có được vị trí giảng dạy chuyên nghiệp với điều kiện là họ phải theo đuổi chứng chỉ chính thức tại một chương trình đào tạo giáo viên được kiểm định. Những chứng chỉ này thường được cấp để giảng dạy các môn học có nhu cầu cao như toán học, khoa học, hoặc giáo dục đặc biệt, và để giảng dạy ở những khu vực địa lý có nhu cầu cao như trường ở thành thị, trường cho trẻ em nghèo, hay các trường ở vùng nông thôn hẻo lánh. Quy định đằng sau các chứng chỉ tạm thời và khẩn cấp này thay đổi tùy theo từng bang, và giá trị hiệu lực của những chứng chỉ này cũng bị giới hạn theo khoảng thời gian. Tùy vào khu vực, có thể khá khó để hoàn thành một chương trình giáo dục sư phạm được kiểm định trong khi bạn đang giảng dạy toàn thời gian. Nếu bạn đang cân nhắc lấy một chứng chỉ không chính thức, hãy đảm bảo rằng có những lựa chọn và cơ hội hợp lý để hoàn thành những yêu cầu cấp chứng chỉ chính thức này.

Bài kiểm tra chứng chỉ hành nghề sư phạm

Bên cạnh việc hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên được công nhận, những ứng viên cho chứng nhận giảng dạy phải vượt qua các bài kiểm tra để cấp chứng chỉ hành nghề sư phạm của bang mà họ đang muốn nhận chứng chỉ. Nhiều bang yêu cầu những bài kiểm tra Praxis tương thích, nhưng ngày càng có nhiều bang tự xây dựng bài kiểm tra riêng. Các bài kiểm tra bao gồm kiểm tra kỹ năng cơ bản nào đó tùy thuộc vào lĩnh vực cấp chứng chỉ, và ít nhất một bài kiểm tra năng lực về nội dung kiến thức môn học. Bài kiểm

tra Praxis được xây dựng và đánh giá bởi Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ (Educational Testing Services – ETS). ETS cung cấp bài kiểm tra Praxis I, một bài kiểm tra kỹ năng cơ bản trước khi vào nghề, và nhiều bài kiểm tra về nội dung môn học. Trang web của ETS đăng tải những yêu cầu của bang và ấn phẩm *Test at a Glance (Tổng quan về bài kiểm tra)* cung cấp những mục tiêu cùng chủ đề trong bài kiểm tra.



Bạn có thể truy cập trang web của ETS thông qua đường dẫn trực tiếp có trên trang web Education CourseMate. Trang web ETS mô tả các bài kiểm tra chứng chỉ hành nghề sư phạm ETS theo yêu cầu của bang.

Thỏa thuận công nhận lẫn nhau

Hầu hết các bang đều có những thỏa thuận công nhận lẫn nhau về chứng chỉ hành nghề sư phạm với các bang khác. Theo như thỏa thuận công nhận lẫn nhau này, một người đã được cấp chứng chỉ hành nghề sư phạm ở một bang cũng có thể được chấp thuận cho một chứng chỉ tương tự ở bang khác, với điều kiện họ đáp ứng một số yêu cầu bổ sung nhất định. Những yêu cầu này thường bao gồm việc vượt qua bài kiểm tra chứng chỉ hành nghề sư phạm của bang mới và tham gia những khóa bồi dưỡng đặc biệt. Để tìm những thỏa thuận này và yêu cầu của mỗi bang, hãy tìm gặp cán bộ phụ trách chứng chỉ hành nghề sư phạm ở tổ chức của bạn hoặc truy cập vào trang web của Hiệp hội Quốc gia Giám đốc bang về Đào tạo và Cấp Chứng chỉ hành nghề Sư phạm (National Association of State Directors of Teacher Education and Certification).



Bạn có thể truy cập trang web của Hiệp hội Quốc gia Giám đốc bang về Đào tạo và Cấp chứng chỉ hành nghề Sư phạm và trang web thỏa thuận công nhận lẫn nhau về chứng chỉ hành nghề sư phạm (Certification reciprocity) thông qua đường dẫn trực tiếp có trên trang web Education CourseMate.

Nâng cao tay nghề

Giáo viên được kỳ vọng sẽ luôn cập nhật những bước tiến mới nhất trong giáo dục, như các bác sỹ luôn phải cập nhật những tiến bộ mới nhất về y học. Bạn sẽ không muốn một bác sỹ điều trị cho mình dựa trên các phương thức y học của những năm 1970, và bạn cũng sẽ không muốn con cái của mình được giảng dạy dựa trên chương trình, phương pháp và chiến lược đánh giá của những năm 1970.

Trường học ngày nay khác trường học thời xưa trên nhiều khía cạnh. Chương trình đã được cập nhật để phản ánh những tri thức mới, phương pháp cũng được cập nhật để thúc đẩy học sinh tự kiến tạo và làm chủ kiến thức thay vì học thuộc lòng thông tin do giáo viên cung cấp. Giáo dục đương đại chú trọng nhiều hơn vào sự phát triển tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề của học sinh. Việc đánh giá bao gồm các phần trả lời do học sinh tự xây dựng và kết quả của các hoạt động lấy học sinh làm trọng tâm, đặc biệt được áp dụng *trong suốt quá trình* giảng dạy để xem tiến triển của học sinh, thay vì những bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan và dựa trên thông tin có sẵn được thực hiện vào cuối môn học. Công nghệ được sử dụng để hỗ trợ giảng dạy và giúp giáo viên thực hiện các công việc quản lý, hành chính.

Do sự thay đổi thường xuyên và nhanh chóng trong giáo dục, các bang yêu cầu giáo viên thực hiện một số việc giúp nâng cao tay nghề chính thức nhất định để duy trì chứng chỉ hành nghề sư phạm. Việc này có thể bao gồm tham gia các khóa ở đại học, các chương trình tại chức do học khu cung cấp, hay hoàn thành những chương trình khác được bang công nhận. Một vài trong số những chương trình này có thể dẫn đến chứng chỉ gắn thêm (certification add-ons), và số khác có thể mang lại những bằng cấp cao hơn. Nhưng tất cả đều giúp bạn cập nhật những bước tiến mới nhất trong giáo dục.

Bên cạnh những cách chính thức, giáo viên có khá nhiều lựa chọn không chính thức để đảm bảo mình luôn cập nhật. Trường học, học khu, trường đại học, cơ quan tư nhân và nhà

chứng chỉ gắn thêm (certification add-ons) Một phần bổ sung của chứng chỉ, thông thường được gắn thêm vào phần chứng chỉ hiện có bởi cá nhân đã hoàn thành yêu cầu của chứng chỉ về lĩnh vực đó.

Lần thực tập đầu tiên Steven Webb

Tôi vẫn nghe thấy tiếng nói của thầy: "Hãy là chính mình, sáng tạo, tìm hiểu (về) học sinh của mình, và rồi học sinh sẽ dẫn học được những tiêu chuẩn". Ngày tiếp theo đó sẽ là khởi đầu những trải nghiệm với tư cách một giáo viên thực tập đầu tiên của tôi. Tôi đã lo sợ, như bất kỳ thanh niên trẻ tuổi nào, khi chuẩn bị bước vào một vị trí mà lần đầu tiên tôi sẽ phải chịu trách nhiệm cho sự nghiệp học hành của một lớp học với những em nhỏ mỏng manh. Tôi khá tự tin về khả năng của mình nhờ vào quá trình đào tạo và hướng dẫn tuyệt vời nhận được từ phần lớn giáo sư của mình để chuẩn bị cho những công việc sắp tới. Và lời khuyên đó từ một trong những giáo sư rất tích cực là sự tổng hợp của những chỉ dạy giúp tôi có được sự tự tin này. Những từ ngữ đơn giản ấy thực sự sẽ chứng minh được sự vô giá của nó trong vòng 24 tiếng kể từ thời điểm đó và trong những tuần hay tháng tiếp theo.

Tôi đã kỳ vọng rằng những ngày đầu tiên của trải nghiệm thực tập sẽ bao gồm việc quan sát và ghi chép lại công việc của giáo viên cố vấn. Kỳ vọng đó của tôi đã nhầm. Thực tế, tôi đã ngồi, quan sát và ghi chép trong toàn bộ một tiết học của một lớp. Đến cuối, giáo viên cố vấn quay ra nói với tôi rằng tôi được phép dạy lớp thứ hai bài học mà cô vừa dạy lớp đầu tiên này. Mười phút sau, tôi đã được trải nghiệm một loạt cảm xúc khác lạ mà từ trước đến nay chưa bao giờ có khi đứng trước một lớp 20 học sinh không hề biết tôi. Người tôi cứng đờ trong ít giây khi tôi đang tìm lời để mở đầu. Một cậu bé ngồi ở hàng ghế đầu gờ tay và đặt câu hỏi: "Thầy có thích ăn bánh không ạ?", tôi không nói được thành lời; sau đó tôi mỉm cười. Tôi trả lời một cách đơn giản: "Chắc chắn rồi", và nhanh chóng bắt đầu ứng khẩu cũng như kết nối câu hỏi của học sinh về bánh với mục tiêu bài học trong ngày, liên quan đến việc sử dụng biểu đồ hình tròn (pie chart - biểu đồ hình tròn, trong tiếng Anh, pie còn có nghĩa là bánh) để thể hiện xác suất. Và cứ thế tôi bắt đầu làm việc. Rõ ràng, đây không phải là cách tôi tưởng tượng mình sẽ bắt đầu lớp học đầu tiên, nhưng học sinh đã giúp phá vỡ sự im lặng ban đầu và đến lượt tôi cần tạo ra sự liên kết cũng như từng bước học cách tiếp cận học sinh thông qua suy nghĩ của các em. Khi dẫn trải qua thời kỳ thực tập, tôi thường dựa vào trải nghiệm đầu tiên để chỉ dẫn cho mình bất cứ khi nào tôi xem xét bước tiếp theo cần làm gì. Trong quá trình thực tập này, giáo viên cố vấn của tôi đã phải nghỉ khá nhiều buổi vì lý do gia đình, và tôi đã được trông cậy để dạy học mà không có sự chỉ bảo cũng như dẫn dắt toàn thời gian của cô. Sự bất tiện này lại trở thành niềm hạnh phúc của tôi vì tôi sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm cho lớp học, và tình huống khiến tôi phải "tự bơi hoặc chết chìm".

Tôi đã bơi, và kinh nghiệm tôi có được đã và luôn sẽ là một giai thoại vô giá từ chương trình huấn luyện sư phạm của tôi. Đây chính là trải nghiệm học tập tích cực giúp gia tăng sức mạnh niềm tin của tôi rằng, đầu tiên thực sự của bất cứ chương trình giáo dục nào là sự hiệu quả có được khi đặt sinh viên vào những tình huống thực tế. Sự thành thạo trong việc lãnh đạo lớp học và hiệu quả giảng dạy của

bất kỳ giáo viên tương lai nào cũng chỉ có thể tăng lên nhờ tăng cường tiếp cận với những chương trình đào tạo vừa học vừa làm như tình huống trên. Nó chính là nhân tố quyết định của những chương trình thành công.

Khi nói về trải nghiệm trong chương trình giáo dục, tôi cho rằng mình là một trong những người may mắn. Nghĩa là tôi thấy mình hạnh phúc khi đã hoàn thành việc học tập trong một chương trình không chỉ tập trung vào việc tạo ra những robot được đào tạo đơn giản để dạy các chuẩn kiến thức và học liệu theo một cách xác định mà mất đi sự linh hoạt hay sáng tạo. Chương trình cũng như những giáo sư của tôi đã truyền dẫn cho chúng tôi nghệ thuật vận dụng sự sáng tạo và cá tính của mình theo cách giống như dạy từng học sinh những chuẩn kiến thức và nội dung mà vẫn tiếp cận mỗi em ở cấp độ nhân văn và cá nhân nhất.

Như vậy, chương trình giáo dục của tôi có vẻ rất hoàn thiện phải không? Không! Mà còn xa mới đạt được điều đó. Có một giáo sư cứ khẳng định dạy những bài giảng tẻ nhạt ngày này qua ngày khác mà không có chút sáng tạo hay chỉ một từ truyền cảm hứng nào. Rồi có những cố vấn thực tập rất thiếu tổ chức và cấu toàn. Tôi vẫn có thể cảm thấy cơn thịnh nộ giận dữ trong tôi khi cô bỏ đi sau lần đầu tiên quan sát một lớp học của tôi. Tôi biết từ lúc đó, với những nhận xét ác ý của cô, chẳng ai hay bất cứ sinh viên thực tập nào của cô có thể đạt được kỳ vọng mà cô đặt ra. Tôi quyết định rằng mình sẽ thậm chí chẳng cố nữa - tôi thà cố để hiệu quả còn hơn để đạt được sự hoàn hảo của cô. Không may, trong nhiều chương trình giáo dục ngày nay, vẫn có những khi câu nói *Đừng để những người tiêu cực làm mình nản chí (illegitimi non carborundum)* xuất hiện trong đầu và những người theo chuyên ngành sư phạm phải tập trung vào những điểm tốt của chương trình để tránh bị đẩy ra xa bởi những người không sẵn lòng chấp nhận các phương pháp giáo dục hiệu quả.

Tôi coi bản thân mình là một trong những người may mắn bởi tôi đã đẩy những gì tiêu cực nhất của chương trình giáo dục ở trường ra sau và cho phép những gì tích cực được tỏa sáng. Mỗi lần tôi bước vào một lớp học, tôi lại sử dụng những sự tích cực này và cách giảng dạy mà tôi học được để kết nối với học sinh, để các em có được cảm giác về trách nhiệm với bản thân mình trong việc học những nội dung cần thiết - tất cả chỉ đơn giản bằng cách là chính mình, sáng tạo, và học hỏi về những học sinh của tôi, rồi sau đó các em sẽ thành công trong việc học các chuẩn mực kiến thức, nội dung và nhiều thứ khác.

Steven Webb
Sinh viên năm cuối Đại học Công nghệ Tennessee, Cookeville, Tennessee
Chuyên ngành sư phạm với chuyên ngành hẹp trung học cơ sở từ lớp 4 đến lớp 8

© Cengage Learning 2014



Được sự cho phép của Steven Webb

TeachSource Video

Xem tình huống trong TeachSource video: “Cố vấn cho giáo viên năm đầu tiên: Chìa khóa đi đến thành công về nghề nghiệp” (Mentoring First-Year Teachers: Keys to Professional Success). Trong video này, bạn sẽ gặp gỡ một giáo viên mới, Dania Diaz và giáo viên cố vấn của cô, Abdi Ali. Xuyên suốt video, Abdi quan sát Dania khi cô tương tác với học sinh và đồng nghiệp của mình, sau đó phản ánh về phương pháp giảng dạy của cô. Hãy xem thêm hai video kèm theo để biết thêm chi tiết.

Sau khi xem xong những video này, hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Người giáo viên cố vấn làm gì?
2. Vì sao công tác cố vấn lại quan trọng đối với giáo viên mới?
3. Nhật ký phản ánh (reflective journal) là gì và giá trị của nó đối với giáo viên mới như thế nào?

cố vấn (mentor) Người hướng dẫn có kinh nghiệm và đáng tin cậy về chuyên môn.

nước cũng như các tổ chức nghề nghiệp thường tổ chức hội thảo từ một hoặc hai tiếng cho đến một hoặc hai tuần. Nhưng việc nâng cao tay nghề này không nhất thiết phải liên quan đến các buổi hội thảo, học viện hay những chương trình tương tự. Nieto (2009) đề xuất rằng giáo viên có thể thiết lập mối quan hệ hợp tác với các giáo viên và nhóm khác có cùng mối quan tâm để học hỏi lẫn nhau. Có một vài phương tiện để thực hiện việc này, bao gồm mạng xã hội, trang web cá nhân, blog và wiki.

Trường học có những tạp chí chuyên ngành dành cho giáo viên. Bên cạnh đó, cũng có những tổ chức nghề nghiệp trong tất cả mọi lĩnh vực của giáo dục, và họ xuất bản tạp chí, tờ báo chuyên ngành riêng. Giáo viên có thể cập nhật những bước tiến mới nhất cùng phương pháp tốt nhất trong mọi lĩnh vực giáo dục thông qua việc nghiên cứu các tạp chí này.

Nghiên cứu chỉ ra rằng cho đến nay, cách nâng cao tay nghề ý nghĩa nhất đối với giáo viên mới là có một người cố vấn (mentor). Người cố vấn chỉ cho giáo viên mới cách thức làm việc, hỗ trợ việc soạn bài, giúp tìm tài liệu, chia sẻ thành công, đưa ra phê bình, đề xuất và gợi ý cho việc quản lý hành vi, thời gian, cũng như tất cả những việc mà một giảng viên mới cần đến sự giúp đỡ khi thực hiện. Công việc cố vấn là vô cùng *quan trọng*. Khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến nhận định của giáo viên về việc nâng cao tay nghề, Gabriel, Day và Arlington (2011) nhận thấy rằng có ba yếu tố chính dẫn đến việc giáo viên cảm thấy được hỗ trợ, tin tưởng và coi trọng như một người chuyên nghiệp là:

1. Tham gia vào những chương trình nâng cao tay nghề - khóa học, hội thảo, hội nghị chuyên đề hay tương tự.
2. Người cố vấn hoặc sự hỗ trợ hợp tác của đồng nghiệp giúp giáo viên chia sẻ ý tưởng và thể hiện suy nghĩ.
3. “Tự chủ có hỗ trợ” (Engaged autonomy), khi mà bộ phận quản lý nhà trường cho giáo viên sự tự do nhưng không để họ tự ý hoàn toàn.

Luôn cập nhật nghề nghiệp là điều cần thiết. Bạn đang khởi đầu khóa học này rất tốt, và bạn cần phát huy như vậy trong suốt sự nghiệp giảng dạy của mình. Như một giám đốc học khu từng nói: “Có hai kiểu giáo viên đang làm trong ngành suốt 20 năm qua: Một số có 20 năm kinh nghiệm, và số khác có 20 lần của một năm kinh nghiệm”. Bạn muốn mình trở thành ai?



Nguồn: Flickr

Những ví dụ về hoạt động nâng cao tay nghề bao gồm tham dự những hội thảo do trường tài trợ, thảo luận nhóm cũng như học thêm tín chỉ đại học để lấy được bằng cấp cao hơn.

Phẩm chất chuyên nghiệp

Bạn kỳ vọng những hành vi chuyên nghiệp nào ở giáo viên? Hãy chọn câu trả lời đúng nhất cho những câu hỏi dưới đây (có thể có nhiều hơn một câu trả lời “đúng”). Chúng ta sẽ bắt đầu với một vài câu hỏi về kỳ vọng hành vi chuyên nghiệp ở nơi thực tập của bạn.

- Miễn là tôi chỉ làm công việc quan sát trong lớp học ở nơi thực tập, tôi có thể:
 - Ăn mặc như khi tôi đến một trong những lớp học ở đại học của mình.
 - Yên lặng ôn tập cho một bài kiểm tra.
 - Ngồi yên lặng và kín đáo ở cuối phòng học.
 - Ăn đồ ăn vặt một cách yên lặng nếu đó là thời gian bữa trưa thông thường của tôi.
- Trong thời kỳ thực tập của mình, đây là một việc phù hợp để tôi làm:
 - Bắt đầu tham gia bằng cách hỏi giáo viên cùng hợp tác liệu tôi có thể giúp như thế nào.
 - Đề nghị có được cơ hội để tự dạy một lớp học.
 - Chỉnh sửa giáo viên phối hợp trước mặt học sinh nếu tôi biết họ đã đưa thông tin sai lệch.
 - Chỉnh sửa giáo viên cùng hợp tác một cách kín đáo nếu tôi biết họ đã đưa thông tin sai lệch.
- Nếu giáo viên cùng hợp tác với tôi có một chiếc máy tính trong lớp học, tôi có thể:
 - Tìm thông tin liên quan đến bài học hiện tại trên mạng Internet.
 - Vào điểm cho học sinh.
 - Kiểm tra hòm thư điện tử của giáo viên cùng hợp tác để xóa thư rác.
 - Không sử dụng trừ khi được giáo viên cùng hợp tác cho phép.
- Nếu tôi thất vọng với tình huống thực tập của mình, lựa chọn tốt nhất của tôi là:
 - Đến gặp hiệu trưởng.
 - Thảo luận về việc sắp xếp công việc của tôi với người khác trong lớp đại học.
 - Nói chuyện với giảng viên lớp đại học của tôi.
 - Chuyển sang một giáo viên khác trong trường, giáo viên này phụ trách lớp học tốt hơn.
- Nếu tôi nghi ngờ một học sinh trong lớp thực tập của tôi bị lạm dụng, lựa chọn tốt nhất cho tôi là:
 - Báo cáo vấn đề tôi nghi ngờ lên tham vấn viên của trường.
 - Báo cáo vấn đề tôi nghi ngờ với giảng viên lớp đại học của tôi.
 - Báo cáo vấn đề tôi nghi ngờ với giáo viên cùng hợp tác.
 - Không làm gì cả vì tôi không có thẩm quyền trong vấn đề này.
- Nếu tôi thấy giáo viên cùng hợp tác cư xử không phù hợp với một học sinh, tôi nên:
 - Báo cáo sự việc lên hiệu trưởng.
 - Báo cáo sự việc tới giảng viên lớp đại học của tôi.
 - Hỏi các sinh viên khác trong lớp của tôi xem các bạn sẽ làm gì.
 - Không làm gì cả vì tôi không có thẩm quyền trong vấn đề này.
- Khi tới trường thực tập của mình, tôi nên đỗ xe ô tô:
 - Ở chỗ dành cho cán bộ giảng dạy.
 - Ở chỗ dành cho khách đến thăm quan.
 - Ở bất kỳ chỗ trống nào.
 - Ở một chỗ trống mà có khả năng sẽ không ai khác sử dụng khi đến trường.

8. Nếu giáo viên cùng hợp tác không đem lại cho tôi cơ hội mà tôi tin rằng mình cần có nhất trong trải nghiệm thực tập, tôi nên:
 - a. Cho giáo viên cùng hợp tác xem bản đánh giá hiệu quả thực tập hoặc để cương môn học và hỏi xin lời khuyên làm thế nào để tôi có thể thể hiện những thành tích đạt được.
 - b. Thảo luận vấn đề này với giảng viên lớp đại học.
 - c. Xin sắp xếp công việc mới.
 - d. Tìm hiểu xem những sinh viên khác ở lớp tôi sẽ làm gì trong tình huống này.
9. Trang phục đi dạy chuyên nghiệp dành cho phụ nữ là:
 - a. Quần lửng và áo dạng yếm.
 - b. Chân váy và áo choàng dài tay.
 - c. Chân váy và áo len bó dài tay.
 - d. Quần bò và áo phông.
10. Trang phục đi dạy chuyên nghiệp dành cho nam giới là:
 - a. Áo sơ mi, cà vạt và áo khoác.
 - b. Quần lửng và áo phông.
 - c. Quần bò và áo phông.
 - d. Trang phục thể thao chạy bộ.
11. Khi một học sinh không đồng tình với tôi, tôi nên:
 - a. Nói với em học sinh: "Im đi!".
 - b. Đe dọa học sinh này.
 - c. Yêu cầu em nói rõ thêm.
 - d. Lờ em học sinh đó đi.
12. Khi một học sinh gây rối, tôi nên:
 - a. Nói chuyện với học sinh đó.
 - b. Báo cáo học sinh đó lên hiệu trưởng.
 - c. Nói với những giáo viên khác trong phòng chờ của giáo viên.
 - d. Nói với hàng xóm cạnh nhà tôi.
13. Khi một học sinh làm điều gì đó vui nhộn, nhưng không phù hợp với lớp của tôi, tôi nên:
 - a. Giữ im lặng về việc đó.
 - b. Liên hệ sự việc đó với người bạn của tôi khi đang xếp hàng tính tiền ở cửa hàng tạp hóa.
 - c. Cười về chuyện đó trong phòng chờ của giáo viên.
 - d. Chia sẻ với những sinh viên khác.
14. Nếu tôi quyết định đi họp đêm với bạn của mình vào một buổi tối, tôi nên chọn câu lạc bộ:
 - a. Gần trường.
 - b. Gần nhà.
 - c. Trong thị trấn.
 - d. Ở một học khu khác.
15. Nếu tôi quyết định đi uống đồ uống có cồn ở một nhà hàng và phụ huynh của một học sinh mà tôi dạy dừng lại để chào, tôi nên:
 - a. Đẩy đồ uống ra xa.
 - b. Giấu đồ uống đi.
 - c. Hành xử bình thường.
 - d. Nói rằng nhân viên bồi bàn đã mang nhầm đồ.


16. Nếu trường học bắt đầu lúc 8:05 sáng, tôi nên có mặt ở trường lúc:
- 8:05 sáng.
 - 7:30 sáng.
 - 8:30 sáng, miễn là tôi đã báo sẽ đến trễ.
 - 6:00 sáng.
17. Nếu tôi tham dự một buổi tiệc muộn vào tối Chủ nhật và cảm thấy không ổn vào sáng thứ Hai, tôi nên:
- Vấn tới trường.
 - Gọi để báo ốm.
 - Đến trường muộn.
 - Không phải những lựa chọn trên; tôi không nên tham dự những bữa tiệc muộn vào các buổi tối ở trường.
18. Khi tôi bực mình với một học sinh, tôi nên:
- Phản nản về học sinh này ở phòng chờ của giáo viên.
 - Phản nản với bạn thân nhất của tôi.
 - Hỏi xin giáo viên khác lời khuyên một cách bí mật.
 - Giữ im lặng về tình huống này.
19. Khi một phụ huynh hỏi tôi trong cửa hàng tạp hóa rằng con của cô ấy như thế nào trong lớp, tôi nên:
- Nói cho cô ấy.
 - Đề xuất cô ấy sắp xếp một buổi họp phụ huynh.
 - Bảo cô ấy gặp hiệu trưởng.
 - Nói rằng: "Tôi không biết gì cả!"
20. Khi tôi không đồng tình với một chính sách của trường, tôi nên:
- Thảo luận mối quan ngại của tôi với hiệu trưởng.
 - Phản nản về chính sách này trong phòng chờ của giáo viên.
 - Nói về mối quan ngại của tôi trong cuộc họp của Hiệp hội giáo viên-phụ huynh (parent-teacher association - PTA).
 - Nói về mối quan ngại của tôi trong buổi họp với hội đồng giáo dục.
21. Khi một học sinh mẫu giáo đến bên một giáo viên nam và ôm lấy đầu gối của thầy, giáo viên đó nên:
- Ôm em đó.
 - Nhẹ nhàng gỡ em ra.
 - Nói với em nhỏ đó *không bao giờ* được chạm vào người lớn!
 - Không gì cả - thầy giáo nên bắt tay em nhỏ *trước khi* em có cơ hội ôm thầy.
22. Khi một học sinh lớp một bày tỏ tình cảm với tôi ở nơi công cộng, tôi nên:
- Đáp lại tình cảm của em đó.
 - Nhìn nhận cách hành xử của em đó theo hình thức xã giao.
 - Quay đi.
 - Giả vờ như không biết em đó.
23. Khi tôi chịu trách nhiệm thu tiền ăn trưa và tôi cần đi vệ sinh trong khi cả lớp đang học môn nghệ thuật, tôi nên làm gì với số tiền đó?
- Bỏ vào túi áo và mang theo mình.
 - Bỏ vào ví và để lại trong phòng của mình khi tôi đi ra.
 - Giấu ở trong ngăn kéo bàn làm việc.
 - Nộp vào văn phòng trên đường đi vào nhà vệ sinh.

24. Khi một giáo viên trung học phổ thông được yêu cầu dạy kèm một học sinh đúng môn mà cô ấy đang dạy, cô ấy nên đòi phí bao nhiêu?
- Không đòi tiền.
 - Mức phí dạy kèm hiện hành.
 - Nửa mức phí dạy kèm hiện hành.
 - Không chọn phương án nào ở trên – cô ấy *không* nên dạy kèm riêng một học sinh.
25. Khi một giáo viên trung học phổ thông được yêu cầu dạy kèm một học sinh về môn học không phải môn thầy ấy đang dạy, thầy ấy nên đòi phí bao nhiêu?
- Không đòi tiền.
 - Mức phí dạy kèm hiện hành.
 - Nửa mức phí dạy kèm hiện hành.
 - Không chọn phương án nào ở trên – thầy ấy *không* nên dạy kèm riêng một học sinh.
26. Địa chỉ hòm thư điện tử của tôi là usexythang@internet.net. Khi tôi bắt đầu khóa thực tập của mình, tôi nên:
- Giữ địa chỉ đó để liên lạc với giáo viên cùng hợp tác với mình vì tôi đã dùng địa chỉ đó nhiều năm.
 - Dùng địa chỉ thư điện tử sinh viên chính thức của tôi, mặc dù tôi không kiểm tra hòm thư này thường xuyên.
 - Dùng địa chỉ thư điện tử sinh viên chính thức của tôi, kiểm tra thường xuyên, và giữ địa chỉ hòm thư cũ cho những người bạn của tôi sử dụng.
 - Dùng địa chỉ thư điện tử sinh viên chính thức của tôi, kiểm tra thường xuyên và bỏ hoặc thay đổi hòm thư cũ của tôi.
27. Khi một học sinh của tôi nói gì đó cực kỳ thông minh, tôi nên:
- Đáp lại một cách phù hợp trong lớp, nhưng bảo vệ sự riêng tư của em học sinh bên ngoài lớp học bằng cách không chia sẻ về câu nói đó.
 - Chắc chắn sẽ đăng lên mạng xã hội với ảnh của học sinh đó để công nhận câu nói của em.
 - Đăng câu nói đó lên mạng xã hội, nhưng chỉ viết rằng “một học sinh của tôi” đã nói vậy.
 - Đăng lên mạng xã hội, nhưng đảm bảo không “kết bạn” trên trang đó với em học sinh này.
28. Tôi có thể đăng ảnh trong bữa tiệc sinh nhật điên cuồng của mình lên mạng xã hội bởi vì:
- Tôi đã trên 21 tuổi và tôi có thể làm gì tôi muốn.
 - Không có bức ảnh nào thực sự cho thấy TÔI đang làm gì đó có vấn đề.
 - Tôi không kết bạn với bất cứ học sinh hay phụ huynh nào của tôi trên mạng xã hội, bởi vậy không có cách nào mà họ có thể xem được bức hình đó.
 - Có lẽ không phải là ý hay để tôi đăng ảnh trong bữa tiệc sinh nhật điên cuồng của mình lên mạng xã hội.
29. Nếu tôi nhận được tin nhắn khi đang dự giờ trong lớp học, tôi nên:
- Bỏ qua, thậm chí không bỏ điện thoại ra để xem tin nhắn của ai, cho đến khi tôi ra khỏi lớp, cách xa học sinh.
 - Nhanh chóng kiểm tra để biết được liệu tôi có nên đi ra khỏi lớp để đọc và trả lời tin nhắn không.
 - Thông báo với giáo viên từ trước rằng tôi sẽ để điện thoại ở chế độ im lặng, nhưng nhiều khả năng tôi sẽ kiểm tra tin nhắn và đi ra khỏi phòng để đọc tin nhắn.
 - Cứ đi ra ngoài lớp học để kiểm tra tin nhắn.

30. Điều nào sau đây bị coi là hình thức đạo văn sử dụng mạng Internet?
- Sử dụng mạng Internet để tìm kiếm ý tưởng về việc lên kế hoạch cho một bài giảng.
 - Sao chép một đoạn văn trên mạng Internet và dùng như phần của mình trong một bài đang viết.
 - Sao chép một bài kiểm tra từ trang web trên Internet của cuốn sách bạn đang dùng.
 - Sao chép lại nội dung một blog tìm được trên mạng Internet và đính vào một báo cáo bạn đang phải viết.

Thảo luận các tình huống này cũng như câu trả lời của bạn với những người khác trong lớp. Sau đó đề xuất câu trả lời “tốt nhất”.

Có thể xảy ra bất đồng về câu trả lời giữa các sinh viên. Hãy sử dụng những ý kiến bất đồng đó như cơ hội để thảo luận.

 Hoạt động này có thể được tìm thấy trên trang web Education CourseMate để bạn có thể in ra hoặc trả lời dưới dạng điện tử.

1. c; 2. a & b; 3. d; 4. c; 5. c; 6. b; 7. d; 8. a & b; 9. b; 10. a; 11. c; 12. a; 13. a; 14. d; 15. c; 16. b; 17. d; 18. c; 19. b; 20. a; 21. b; 22. b; 23. d; 24. d; 25. d; 26. d; 27. a; 28. d; 29. a; 30. b.

© Cengage Learning 2014

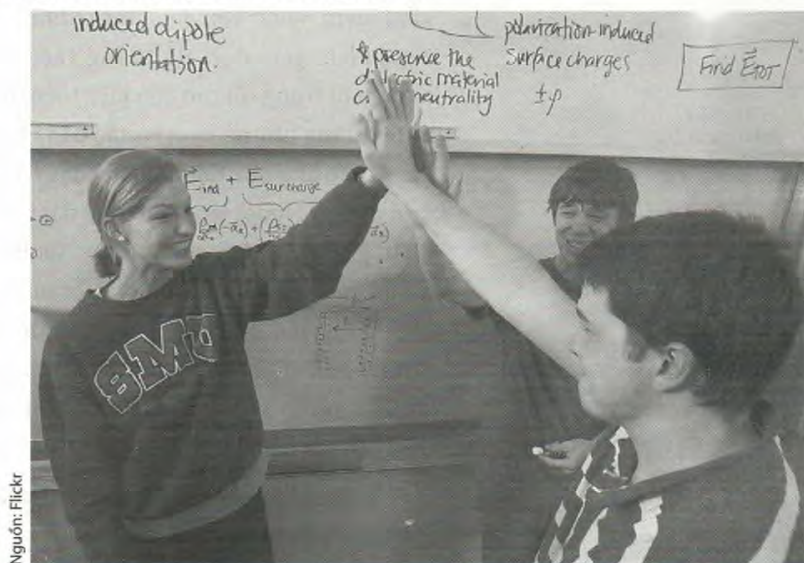
Như bạn đã thấy ở Hộp kiến tạo 9.5, **phẩm chất chuyên nghiệp (professionalism)** có thể đề cập nhiều khía cạnh khác nhau. Là một người chuyên nghiệp, bạn được mong đợi sẽ làm gương những hành vi tốt cho học sinh và thể hiện hành vi chuyên nghiệp cao tại mọi thời điểm. Trong Chương 13, bạn sẽ thấy rằng Tòa án Tối cao Mỹ và các tòa án cấp dưới đã nhất quán khẳng định rằng, do ảnh hưởng tới những người trẻ tuổi, giáo viên có thể và nên được đặt ở mức độ tiêu chuẩn về hành vi cao hơn những người lớn khác.

Bạn có thể bắt đầu thể hiện những tiêu chuẩn hành vi chuyên nghiệp cao ở chính nơi thực tập hiện thời của bạn. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi hay sự không chắc chắn nào về phẩm chất chuyên nghiệp ở nơi bạn thực tập, bạn nên thảo luận điều này với giáo sư hoặc người hướng dẫn ở trường đại học của bạn. Thông thường, sẽ *không* phù hợp để thảo luận các vấn đề về phẩm chất chuyên nghiệp với giáo viên cùng hợp tác, và *không bao giờ* thích hợp để thảo luận với những giáo viên khác trong trường. Danh sách dưới đây liệt kê các hành vi chuyên nghiệp bạn sẽ đặc biệt cần lưu ý trong thời kỳ thực tập, lấy từ những công cụ được sử dụng để đánh giá các giáo viên trước khi vào nghề và giáo viên đang giảng dạy.

Để thể hiện hành vi chuyên nghiệp, bạn cần:

- Thể hiện khả năng lãnh đạo và sự chủ động.
- Thể hiện sự linh hoạt.

phẩm chất chuyên nghiệp (professionalism) Những hành vi tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của giáo viên.



Là một giáo viên, bạn có thể thiết lập và duy trì mối quan hệ ý nghĩa với học sinh của mình mà không vượt quá giới hạn của phẩm chất chuyên nghiệp.

- Tham gia vào các mối quan hệ tương tác tích cực với học sinh, bạn bè, phụ huynh và bộ phận quản lý nhà trường.
- Ăn mặc phù hợp.
- Tuân thủ quy tắc, thủ tục, quy định đạo đức và pháp luật của trường học.
- Tôn trọng tính bảo mật của các cuộc trao đổi và hồ sơ thông tin liên quan đến học sinh, giáo viên, phụ huynh và bộ phận quản lý nhà trường.
- Giao tiếp một cách hiệu quả.
- Sẵn sàng cộng tác và hợp tác với người khác.
- Chấp nhận và phản hồi tích cực với những phê bình mang tính xây dựng.
- Chịu trách nhiệm cho những việc đã làm hay không làm.
- Tham gia đúng giờ và quy củ.
- Đúng tiến độ.
- Thể hiện sự sẵn sàng trở thành người học tập suốt đời.
- Thể hiện sự tôn trọng với các giá trị gia đình, cộng đồng và văn hóa.

Hầu hết nghề nghiệp đều có bộ quy tắc đạo đức để chỉ dẫn những hành vi chuyên nghiệp, và giáo dục cũng không phải là ngoại lệ. Hiệp hội Giáo dục Quốc gia (National Education Association – NEA) đã phát hành *Bộ quy tắc Đạo đức dành cho Nghề giáo (Code of Ethics of the Education Profession)* để quản lý vấn đề đạo đức giáo viên trên phạm vi toàn quốc (Hiệp hội Giáo dục Quốc gia, 1975). Theo Hiệp hội Giáo dục Quốc gia, nghề giáo dục bao gồm một lực lượng lao động làm giáo dục phục vụ nhu cầu của tất cả học sinh, và khái niệm *người làm giáo dục (educator)* gồm cả những người làm nghề hỗ trợ giáo dục. Người làm giáo dục, tin tưởng vào giá trị và phẩm chất của mỗi con người, công nhận tầm quan trọng tối cao của việc theo đuổi sự trung thực, cống hiến cho chất lượng cao, và nuôi dưỡng những nguyên tắc dân chủ. Điều cốt yếu của những mục tiêu này là việc bảo vệ tự do trong học tập và giảng dạy cũng như đảm bảo cơ hội học tập công bằng với tất cả mọi người. Người làm giáo dục đảm nhận trách nhiệm tôn trọng tiêu chuẩn đạo đức cao nhất, ghi nhận tầm quan trọng của trách nhiệm gắn liền với quá trình giảng dạy. Mong muốn có được sự tôn trọng và tin tưởng của đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh cũng như các thành viên trong cộng đồng sẽ đem lại động lực giúp người làm giáo dục đạt được và duy trì mức độ hành vi đạo đức cao nhất có thể. Bộ quy tắc Đạo đức dành cho Nghề giáo chỉ rõ nguyện vọng của tất cả những người làm giáo dục và nêu ra các tiêu chuẩn để từ đó đánh giá hành vi.

Bộ quy tắc được chia ra làm hai phần:

Phần I: Đạo đức liên quan đến cam kết của giáo viên đối với học sinh. Người làm giáo dục phấn đấu để hỗ trợ từng học sinh nhận ra khả năng của mình như một thành viên có giá trị và hiệu quả trong xã hội. Do đó, người làm giáo dục làm việc để khuyến khích tinh thần học hỏi, tiếp thu kiến thức và hiểu biết, cũng như hình thành những mục tiêu giá trị một cách thận trọng. Để hoàn thành những bốn phận với học sinh, người làm giáo dục:

1. Không cản trở học sinh một cách phi lý khỏi những hành động độc lập để theo đuổi việc học tập.

2. Không từ chối một cách phi lý sự tiếp cận của học sinh tới nhiều quan điểm khác nhau.
3. Không cố tình ngăn cản hay bóp méo những vấn đề liên quan đến sự tiến bộ của học sinh.
4. Nỗ lực một cách hợp lý để bảo vệ học sinh khỏi những điều kiện có hại đến việc học tập hay với sức khỏe và sự an toàn.
5. Không cố tình làm cho học sinh cảm thấy bối rối hay mất thể diện.
6. Không dựa vào những vấn đề về chủng tộc, màu da, tín ngưỡng, giới tính, quốc tịch, tình trạng hôn nhân, niềm tin chính trị hay tôn giáo, gia đình, nền tảng xã hội hay văn hóa, hoặc khuynh hướng tính dục để đối xử bất công bằng trong việc:
 - a. Loại trừ học sinh không được tham gia vào bất kỳ chương trình nào.
 - b. Từ chối những quyền lợi của học sinh.
 - c. Dành lợi thế cho bất kỳ học sinh nào.
7. Không sử dụng mối quan hệ nghề nghiệp với học sinh vì lợi ích cá nhân.
8. Không tiết lộ thông tin về học sinh có được trong quá trình giảng dạy trừ khi việc tiết lộ phục vụ cho một mục đích nghề nghiệp thuyết phục hay do luật pháp yêu cầu.

Phần II: Đạo đức liên quan đến cam kết của giáo viên đối với nghề nghiệp. Nghề giáo dục được công chúng đặt niềm tin và trách nhiệm với yêu cầu về lý tưởng cao nhất của một dịch vụ chuyên nghiệp. Với niềm tin rằng chất lượng của dịch vụ nghề nghiệp giáo dục ảnh hưởng trực tiếp đến quốc gia và các công dân, người làm giáo dục cần cố gắng mọi nỗ lực để nâng cao tiêu chuẩn chuyên môn, thúc đẩy một môi trường khuyến khích việc thực hành những ý kiến nhận xét về chuyên môn, thu hút những người đáng tin cậy đến với nghề giáo dục, và hỗ trợ phòng tránh những người không đủ năng lực thực hiện nghề nghiệp này. Để hoàn thành những bốn phạm vi nghề nghiệp, người làm giáo dục:

1. Không chủ đích tuyên bố sai hoặc không cung cấp được tài liệu, thông tin chứng minh năng lực và trình độ khi đi xin việc.
2. Không diễn giải sai lệch khả năng chuyên môn của mình.
3. Không hỗ trợ một người không đủ điều kiện về phẩm chất, nền tảng giáo dục hay những đặc điểm khác bước vào ngành này.
4. Không đưa ra lời tuyên bố sai lệch về khả năng chuyên môn của một ứng viên cho một vị trí chuyên môn.
5. Không hỗ trợ một người không làm giáo dục thực hiện công tác giảng dạy mà họ không được phép.
6. Không tiết lộ thông tin về đồng nghiệp có được trong quá trình làm việc trừ khi việc tiết lộ phục vụ cho một mục đích nghề nghiệp thuyết phục hay do luật pháp yêu cầu.
7. Không cố tình đưa ra những tuyên bố sai lệch hoặc ác ý về đồng nghiệp.
8. Không nhận tiền, quà hay bất cứ tặng phẩm nào có thể làm hư hại hay có vẻ ảnh hưởng đến quyết định hoặc hành động nghề nghiệp.

Mỗi bang lại có bộ quy tắc đạo đức riêng cho giáo viên. Bạn nên làm quen với cả bộ quy tắc của NEA và của bang nơi bạn cư trú. *Bộ quy tắc đạo đức* hoàn chỉnh của NEA vẫn chưa được chỉnh sửa lại từ phiên bản gốc phê chuẩn vào năm 1975.

Yêu cầu pháp lý

Giáo viên phải tuân theo những yêu cầu pháp lý nhất định, và *phải* làm quen với những yêu cầu đó. Bạn sẽ tìm hiểu vấn đề này trong Chương 13, nhưng bạn cần nắm được hai yêu cầu rất quan trọng trong số đó, bao gồm:

Nghi vấn lạm dụng trẻ em. Bạn *phải* trình báo với cơ quan có thẩm quyền tại trường bất kỳ trường hợp nghi vấn lạm dụng trẻ em nào. Sự nghi ngờ có thể đến từ một học sinh nói với bạn về việc lạm dụng, từ những vết thâm có thể nhận ra nhưng không giải thích được, từ những học sinh khác kể với bạn, hay tương tự. Điều này không có nghĩa là bạn phải tìm kiếm bằng chứng về lạm dụng trẻ em ở tất cả học sinh bạn thấy. Nhưng nếu bạn có lý do để nghi vấn rằng một học sinh là nạn nhân của tình trạng lạm dụng trẻ em, bạn phải trình báo nghi ngờ của mình. Ở hầu hết bang, không làm điều đó còn bị coi là một tội hình sự có thể bị phạt theo quy định tương ứng của bang, và giáo viên có thể và đã bị truy tố nếu cố gắng bảo vệ học sinh hay tôn trọng bí mật riêng của các em. Bạn sẽ tìm thấy những ví dụ này một cách dễ dàng.

Chất gây nghiện, đồ uống có cồn và súng. Bạn phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền tại trường về bất kỳ học sinh nào mang chất gây nghiện, đồ uống có cồn và súng tới trường. Giáo viên bắt buộc phải trình báo học sinh mang những thứ này tới trường, và bạn phải tuân thủ pháp luật bất kể cảm nhận cá nhân của mình như thế nào.

Trường học thường có quy trình báo cáo những sự việc này và các vi phạm khác, cũng như yêu cầu bạn nộp những báo cáo đó dưới dạng văn bản. Hãy nhớ lưu lại một bản của bất kỳ văn bản hay thư tín nào để sau này nếu cần thiết, bạn có thể trình bày rằng bạn đã tuân thủ theo chính sách của trường và pháp luật.

Những kỳ vọng của giáo viên đối với nhà trường

Bạn đã tìm hiểu về những gì nhà trường kỳ vọng ở giáo viên. Tiếp theo, chúng ta sẽ nghiên cứu những kỳ vọng của giáo viên đối với nhà trường.

HỢP KIẾN TẠO

9.6

Kỳ vọng của giáo viên

Tại sao bạn lại nghĩ về việc trở thành giáo viên? Chúng tôi cho rằng không phải vì tiền, mặc dù người làm giáo dục có thể kiếm được một mức lương hợp lý, đặc biệt khi họ có kinh nghiệm. Có những lợi thế khác khi trở thành giáo viên, và khá hợp lý để kỳ vọng rằng ngôi trường bạn làm việc sẽ đem lại những điều đó.

Bạn kỳ vọng gì ở nhà trường? Hãy suy nghĩ để trả lời cho câu hỏi này và chia sẻ với những người khác trong lớp bạn.

Tiền lương của giáo viên

Người ta cho rằng giáo viên bị trả lương thấp và làm việc quá sức. Thật chính xác! Đúng là chúng ta kỳ vọng được trả lương cho sức lao động đã bỏ ra. Chúng ta có thể mong đợi được trả bao nhiêu? Con số này so với những ngành nghề khác như thế nào? Việc tăng lương được quản lý ra sao? Cũng giống như yêu cầu về chứng chỉ và chương trình đào tạo, mức lương cho giáo viên cùng việc quản lý lương cũng là chức năng của bang, đồng thời khác nhau khá nhiều giữa các bang.

Thông thường, giáo viên được trả lương dựa trên bằng cấp và kinh nghiệm trước đây. Mỗi học khu sẽ thiết lập một thang lương thực tế cho khu vực đó; thang lương này được công khai và có thể xem trên mạng Internet hoặc tại văn phòng trung tâm của học khu. Thang lương là một bảng ghi mức lương thực nhận theo từng năm phục vụ trong các cột ghi cấp độ đào tạo. Trong một bang, mức lương theo học khu cũng khác nhau khá nhiều. Bang trả một mức lương cơ bản nhất định, và học khu sẽ bổ sung thêm trên mức cơ bản đó. Mỗi học khu xác định số tiền trả thêm một cách độc lập và số tiền này được chu cấp từ thuế tài sản thu tại địa phương, trong một số trường hợp, là thuế tiêu thụ (xem Chương 11). Học khu trong những khu thu nhập thấp hơn thường thêm được ít tiền hơn những học khu giàu có. Theo bạn, lý do là gì?

Thang lương của trường học

Hãy lựa chọn một số học khu bạn muốn dạy. Hoặc, nếu như bạn chưa có lựa chọn nào tại thời điểm hiện tại, thì hãy chọn một học khu mà bạn đã thực tập. Lấy một bảng lương của cơ quan này từ văn phòng học khu hoặc trên mạng Internet; mức lương của giáo viên là thông tin công khai. Hãy tạo thói quen luôn cập nhật thông tin này hàng năm.

- Mức lương cho giáo viên mới đi làm chỉ có bằng cử nhân và chưa có kinh nghiệm là bao nhiêu?
- Mức lương cho giáo viên mới đi làm có bằng cao học và chưa có kinh nghiệm là bao nhiêu?
- Mức tăng lương cho mỗi năm kinh nghiệm hay mỗi năm làm việc là bao nhiêu?
- Có mức lương tối đa không? Mức đó là bao nhiêu? Những yêu cầu cần thiết để đạt được mức lương này là gì?
- Theo bạn, mức lương nào là phù hợp với bạn sau khi đã có một chút kinh nghiệm?
- Mất bao lâu để bạn đạt được mức lương này trong học khu mà bạn đang tìm hiểu?

HỘP KIẾN TẠO

9.7

Phương pháp truyền thống để quản lý mức lương giáo viên ở Mỹ là sử dụng thang lương giống như bạn vừa tìm hiểu ở trên. Một giáo viên mới đi làm chưa có kinh nghiệm có thể kỳ vọng kiếm được mức lương tương xứng với bằng cấp ở mức thang lương mà số năm kinh nghiệm bằng không. Với mỗi năm kinh nghiệm, lương tăng một mức nào đó theo từng bậc – thường là cùng một con số cho mỗi năm. Toàn bộ thang lương có thể hoặc không thể tăng để theo kịp lạm phát cũng như mang lại các khoản ưu đãi về lương. Thông thường, mức tăng mà giáo viên nhận được phụ thuộc vào tình trạng kinh tế của bang. Do đó, mặc dù giáo viên có thể kỳ vọng rằng mỗi năm tiền lương của họ sẽ tăng lên bậc tiếp theo trong thang lương, nhưng không phải lúc nào họ cũng có được mức sống và các mức khác tăng cùng, trừ khi bang hoặc hội đồng giáo dục tăng thang lương lên.

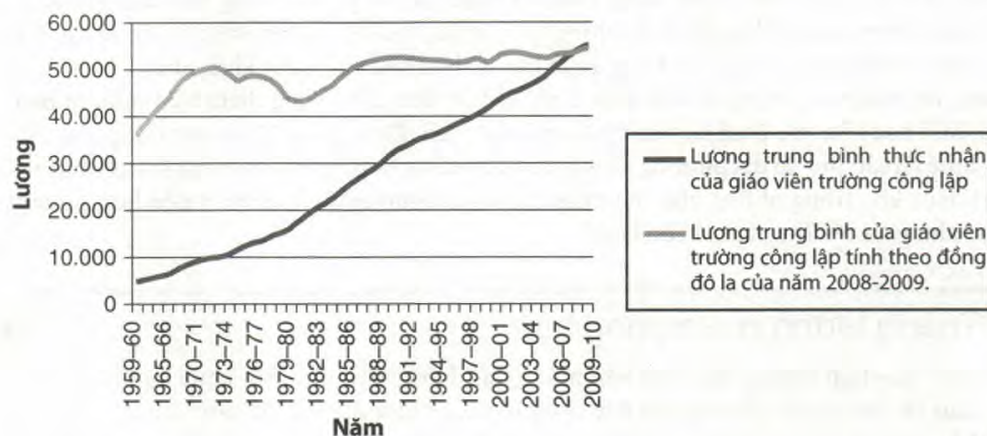
Kinh nghiệm của một ứng viên được đưa ra thảo luận khi học khu tuyển dụng giáo viên lần đầu; và khi đã thống nhất, kinh nghiệm này sẽ thiết lập bậc lương khởi điểm. Do đó, một người với bằng cử nhân và đã dạy rất thành công trong ba năm ở một trường học có thể kỳ vọng mức lương ở bậc thứ tư tại mức cử nhân ở một trường khác trong cùng học khu. Tuy nhiên, học khu thường xét đến các kinh nghiệm khác khi quyết định về mức lương đưa ra – ví dụ kinh nghiệm quản sự, kinh nghiệm trợ giảng trong lớp học, kinh nghiệm làm về kinh doanh, hay những kinh nghiệm khác có thể giúp nâng cao hiệu quả làm việc của giáo viên. Hơn nữa, các khoản phụ cấp theo ký kết có thể được dành cho ứng viên giảng dạy ở những học khu nghèo hay trường thành tích thấp hoặc dạy những môn có nhu cầu cao như toán học, khoa học và giáo dục đặc biệt.

Hình 9.1 ►

Mức lương trung bình ước tính của giáo viên các trường tiểu học và trung học công lập, 1959-2010 theo đồng đô la hiện hành và đồng đô la của năm 2008-2009.

Nguồn: Trung tâm Thống kê Giáo dục Quốc gia, 2010b.

© Cengage Learning 2014



Hiện lương giáo viên đã cao hơn trước kia. Mức lương khởi điểm trung bình cho người mới tốt nghiệp chuyên ngành về giáo dục vào năm 2011 là 37.830 USD, trong khoảng từ 31.495 USD đến 42.980 USD; tăng 2,1% so với mức lương khởi điểm trung bình của năm 2010 (National Association of Colleges and Employers - Hiệp hội Đại học và Nhà tuyển dụng Quốc gia, 2012). Mức lương giáo viên trung bình trên toàn nước Mỹ cho năm học 2009-2010 là 55.202 USD, trong khoảng từ 38.837 USD đến 71.633 USD; tăng 1,6% (Hiệp hội Giáo dục Quốc gia, 2011). Tuy nhiên, mặc dù mức lương đã tăng, nhưng lạm phát cũng tăng theo. Biểu đồ trong Hình 9.1 mô tả mức lương giáo viên trung bình từ năm 1959-60 đến 2009-10, cùng với mức lương giáo viên trung bình của năm 2008-2009 đã điều chỉnh theo lạm phát. Đường thể hiện đồng USD hiện hành cho thấy mức tăng trong số tiền giáo viên thực sự được trả. Bạn có thể thấy rằng con số này tăng một cách ổn định. Tuy nhiên, chúng ta phải tính đến lạm phát, có nghĩa là sức mua của đồng đô la trong năm 2010 đã giảm so với năm 1959. Khi xét đến yếu tố lạm phát, chúng ta sẽ có đường mang tên “tính theo đồng đô la của năm 2008-09”.

Để thêm thú vị, hãy so sánh mức lương trong Hình 9.1 với mức đưa ra bởi Trường District 1 Old Center ở Burlington, Vermont vào năm 1813. Giáo viên trong trường này được trả từ 6 đến 9 USD một tuần, và vào năm 1910, gần một thế kỷ sau, họ được trả 11 đến 15 USD một tuần (Miller, 1999). Kết quả so sánh mức lương này với mức lương tháng trung bình của giáo viên ở một số bang vào năm 1847 được thể hiện trong Bảng 9.2.

Như bạn đã thấy, có sự khác nhau đáng kể giữa mức cơ bản của bang và thang lương của học khu. Khi bạn tìm kiếm công việc giảng dạy đầu tiên, hãy nhớ rằng các học khu khác nhau đưa ra những thang lương khác nhau. Nhiều nguồn có thông tin so sánh lương giáo viên giữa các bang. Để biết được bang của bạn nằm ở đâu trên toàn quốc, hãy xem một trong số các bản điều tra công bố trên mạng Internet.

BẢNG 9.2 Lương tháng trung bình (bao gồm cả Hội đồng) của giáo viên vào năm 1847

Bang	Nam (USD)	Nữ (USD)
Connecticut	16,00	6,50
Indiana	12,00	6,00
Massachusetts	25,44	11,38
Michigan	12,71	5,36
New Hampshire	13,50	5,65
New York	14,96	6,69
Ohio	15,42	8,73
Pennsylvania	17,02	10,09
Vermont	12,00	4,75

Nguồn: Eakin, 2000.

Tăng lương

Thông thường, thang lương sẽ được điều chỉnh lại hàng năm để phản ánh lạm phát và mức tăng lương cơ bản cho giáo viên. Hầu hết các học khu đều tuân theo chính sách tăng lương hàng năm cho cá nhân để chuyển họ sang bậc lương tiếp theo trên thang lương được điều chỉnh, hay còn gọi là hệ thống “bậc và làn” (steps and lanes). Do đó, mỗi năm, giáo viên lại nhận được mức lương tăng, giúp họ được chuyển lên bậc tiếp theo của thang lương. Điều này diễn ra mà không cần quan tâm đến chất lượng hiệu quả làm việc. Quy trình quản lý lương giáo viên theo cách truyền thống này hoàn toàn khách quan về mặt bản chất, trả lương dựa trên số năm đã giảng dạy (bậc), bằng cấp có được, các khóa sau đại học đã tham gia, và những kinh nghiệm chuyên môn khác đã có (làn). Ở nhiều học khu, các mức thưởng khích lệ (incentive) được đưa ra nếu lấy được chứng chỉ Ủy ban Quốc gia về Tiêu chuẩn Giảng dạy Chuyên nghiệp (National Board for Professional Teaching Standards), và nhiều mức thưởng khích lệ khác để tuyển và/hoặc giữ chân giáo viên ở những nơi thiếu giáo viên.

Tuy vậy, trong thập niên qua, nhiều học khu đã chuyển từ hệ thống bậc lương sang hình thức tăng lương theo hiệu quả làm việc (merit-based increase). Trong hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc (merit pay system), giáo viên nhận được những mức tăng lương khác nhau phụ thuộc vào kết quả đánh giá của bộ phận quản lý nhà trường về hiệu quả làm việc của mỗi người. (Xem thêm Chương 1). Hệ thống này tương tự như hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc đã được sử dụng bởi doanh nghiệp và ngành công nghiệp trong nhiều năm, đồng thời gắn chặt với điều khoản trách nhiệm giải trình của Đạo luật No Child Left Behind.

Mặc dù chi tiết của việc quản lý lương trả theo hiệu quả làm việc thay đổi tùy theo từng học khu, nhưng đều nhằm khuyến khích giáo viên đạt được những mục tiêu đã đề ra. Ví dụ, đầu những năm 2000, một học khu trường công của thành phố Denver, Colorado đã thử nghiệm hệ thống lương trả cho giáo viên khi giúp học sinh tiến bộ và thưởng cho những giáo viên chứng tỏ được khả năng khi đảm nhận những nhiệm vụ giảng dạy khó nhất (Gratz, 2005). Trong hệ thống này, bản thân giáo viên tự thiết lập mục tiêu hiệu quả công việc của mình.

Có khá nhiều tranh cãi liên quan đến hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc cho giáo viên. Những người ủng hộ hệ thống này thấy rằng giáo viên xuất sắc nên được khen thưởng cho nỗ lực, sự cống hiến và thành công của họ. Họ tin rằng việc trả lương theo hiệu quả làm việc giúp tăng tính hiệu quả của giáo viên và cuối cùng là loại bỏ những người kém hiệu quả. Những người phản đối hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc lại

chỉ trích các mục tiêu mang tính thiên vị, không thực tế và không đo lường được, cùng những đánh giá có nhiều khả năng sai lệch về hiệu quả làm việc của giáo viên. Những người phản đối thấy rằng về cơ bản, tất cả giáo viên đều làm việc như nhau và nên được trả lương dựa trên một cơ sở khách quan, chứ không phải chủ quan.

Biên chế

Giống như nhiều lao động khác, giáo viên cũng muốn có sự đảm bảo về công việc. Giáo viên có thể đạt được sự đảm bảo này thông qua hình thức biên chế (tenure). Biên chế thể hiện tình trạng mà một giáo viên được coi là nhân viên vĩnh viễn của bộ môn trong học khu. Biên chế được quy định bởi luật pháp của bang, các loại hình và mức độ đảm bảo này cũng tùy thuộc vào từng bang. Hình thức biên chế được Hội đồng giáo dục quyết định cấp cho các cá nhân dựa vào việc hoàn thành xuất sắc thời gian thử thách (khi chưa phải là biên chế), thường là hai hoặc ba năm. Mục tiêu cơ bản của hình thức biên chế là mang lại cho giáo viên sự bảo đảm công việc thông qua việc cho phép họ yêu cầu điều trần với hội đồng giáo dục nếu ban giám hiệu chưa gia hạn hợp đồng cho họ. Giáo viên biên chế có thể được luân chuyển trong cùng học khu; học khu chứ không phải từng trường quyết định ai sẽ được lên biên chế. Nếu giáo viên chuyển sang một học khu khác, thì để trở thành giáo viên biên chế, họ sẽ phải làm lại từ đầu, mặc dù có thể sẽ mất ít thời gian hơn. Nhiều người có ấn tượng rằng giáo viên biên chế sẽ không bị sa thải. Điều này là không chính xác. Học khu có thể cho một giáo viên biên chế không đủ năng lực nghỉ việc, nhưng thường họ sẽ phải trải qua một quy trình xét xử và kháng cáo kéo dài, đồng thời kết quả có thể không được thừa nhận ở tòa án. Bộ phận nhân sự ở học khu thường do dự khi phải trải qua quy trình tốn kém, kéo dài này, và về cơ bản chỉ làm thế khi bằng chứng rõ ràng, có thể mong đợi ra quyết định nhanh chóng. Do đó, chúng ta thường giả định rằng một khi đã là giáo viên biên chế, thì giáo viên đó có thể giữ công việc của mình ở học khu cho đến khi về hưu, bất kể chất lượng làm việc như thế nào.

Thực tế, rất khó để sa thải một giáo viên biên chế không đủ năng lực ở Thành phố New York, nên đã có những căn phòng đặc biệt được gán cái tên “phòng cao su” để dành cho những giáo viên này và họ sẽ được nhận đủ lương dù không làm gì cả trong giờ dạy thông thường ở trường học. Họ sẽ ở đây trong khi vụ việc của họ được chuẩn bị xét xử, hoặc đến khi cảm thấy mệt mỏi vì không làm việc gì và tự động xin nghỉ việc. Vào mùa hè 2010, khoảng 700 giáo viên và thành viên trong bộ phận quản lý nhà trường ở Thành phố New York bị chuyển sang những “trung tâm thuyên chuyển”, khiến thành phố tốn 30 triệu USD một năm. Tới mùa thu 2010, những trung tâm này không đạt hiệu quả, và giáo viên thiếu năng lực đã được chuyển sang làm các công việc hành chính hoặc những trách nhiệm khác ngoài lớp học (Medina, 2010).

Những giáo viên biên chế có lợi thế được hưởng toàn bộ quy trình tố tụng hợp pháp (due process) nếu hợp đồng của họ không được gia hạn. Điều này sẽ không được áp dụng nếu đó không phải là giáo viên biên chế. Một học khu có thể quyết định không gia hạn hợp đồng thêm một năm cho giáo viên không thuộc biên chế, mà không cần đưa ra bất kỳ lý do cụ thể nào. Giáo viên không thuộc biên chế không có quyền để được điều trần và kháng cáo trước hội đồng giáo dục (mặc dù họ luôn có thể bày tỏ sự bất bình thông qua các kênh pháp lý).

Tại thời điểm giữa những năm 1990, tất cả các bang đều có một số hình thức biên chế nhất định. Tuy nhiên, cơ chế bảo đảm cho giáo viên này đã bị suy yếu dần. Bang Nebraska và Bắc Dakota không có hình thức biên chế. Bang Idaho đã xóa bỏ hoàn toàn hình thức biên chế vào năm 2011, và thêm 17 bang nữa đã thay đổi luật về biên chế để hình thức này khó đạt được hoặc xét biên chế dựa trên hiệu quả làm việc (Cavanagh, 2011a)³. Những bang khác cũng xem xét xóa bỏ hoặc điều

³ Các bang đã điều chỉnh luật về biên chế năm 2011 là Alabama, Connecticut, Florida, Idaho, Illinois, Indiana, Maine, Michigan, Minnesota, Missouri, Nevada, New Hampshire, Bắc Carolina, Ohio, Oklahoma, Tennessee, Wisconsin và Wyoming.

biên chế (tenure) Tình trạng mà một giáo viên được coi là nhân viên vĩnh viễn của bộ môn trong học khu.



Xem TeachSource video mang tên: “Trả lương khuyến khích cho giáo viên: Trả theo hiệu quả làm việc” (Teacher Incentive Pay: Pay for Performance). Việc trả lương khuyến khích cho giáo viên có giúp cho thành tích học sinh tốt hơn không? Trường Tiểu học Sulphur Spring bị đánh giá mức “F” theo hệ thống tính điểm trường học của bang Florida. Trường đã phản ứng bằng cách thay 29 trên 43 giáo viên và triển khai hình thức trả lương theo hiệu quả làm việc.

Sau khi xem xong video, bạn hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Ưu điểm chính của cách tiếp cận trả lương theo hiệu quả làm việc trong việc quản lý tiền lương là gì?
2. Nhược điểm chính của cách tiếp cận trả lương theo hiệu quả làm việc trong việc quản lý tiền lương là gì?

Trả lương theo hiệu quả làm việc

Các chuyên gia giáo dục đồng ý rằng một trong những yếu tố quan trọng nhất trong sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ của quốc gia là chất lượng giáo viên, và nhiều chuyên gia cũng tin rằng cách tốt nhất để thu hút cũng như giữ chân giáo viên chất lượng cao là trả thêm lương cho họ. Những quan điểm này đã dẫn đến đề xuất thưởng cho giáo viên giỏi và phạt giáo viên kém. Đề xuất này có tên trả lương theo hiệu quả làm việc (merit pay, đôi khi còn được gọi là pay for performance).

Nhưng cũng có những khó khăn liên quan đến hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc và từ đó dẫn đến một trong những vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất trong nghề giảng dạy.

Đầu tiên, hãy nhìn vào một số ưu, nhược điểm của hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc. Những lý lẽ ủng hộ hệ thống này có thể liệt kê như sau:

- Người Mỹ thường cho những việc khó khăn.
- Với hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc, giáo viên sẽ làm việc chăm chỉ hơn và đạt kết quả tốt hơn.
- Các chương trình trả lương theo hiệu quả làm việc sẽ giúp tuyển dụng được những người có trí tuệ giỏi vào ngành giảng dạy và giữ chân họ.
- Trả lương theo hiệu quả làm việc sẽ truyền cảm hứng cho mọi người để trở thành giáo viên.
- Vì nền giáo dục ở Mỹ đang khủng hoảng, chúng ta nên thử bất cứ cái gì mới với hy vọng tạo ra những thay đổi tích cực trong giáo dục.

Những lý lẽ phản đối trả lương theo hiệu quả làm việc cho giáo viên gồm:

- Thiết kế và triển khai hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc sẽ gây ra tình trạng quan liêu.
- Những ý định tốt đẹp của giáo viên sẽ bị thỏa hiệp.
- Việc xác định và đo lường thành công là rất khó – nếu không nói là bất khả thi.
- Giải pháp tốt hơn cho việc trả lương thấp cho giáo viên là trả thêm cho tất cả giáo viên.
- Hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc sẽ khuyến khích sự không trung thực và tham nhũng (từ About.com Elementary Education, 2012).

Trong nhiều năm, hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc là cơ sở cho nhiều ngành nghề khác nhau: Công nhân nhà máy, nhân viên kinh doanh, luật sư, vận động viên chuyên nghiệp và những nghề tương tự. Vậy tại sao khái niệm này lại gây nhiều tranh cãi đến vậy trong nghề dạy học? Hãy để chúng ta xem xét một vài vấn đề liên quan:

1. Giáo viên không kiểm soát về việc học sinh nào được phân vào lớp họ. Tất cả mọi người đều biết rằng giáo viên trở thành giáo viên tốt hơn khi họ có những

lớp "tốt" thay vì những lớp "đầy thách thức". Bởi vậy, thường giáo viên với những lớp tốt sẽ được nhìn nhận là xuất sắc hơn những giáo viên với những lớp đầy thách thức.

2. Tính khách quan là điều cần thiết để một hệ thống quản lý trả lương theo hiệu quả làm việc đạt được hiệu quả. Điều này có nghĩa rằng phải đo lường cùng một thứ theo cùng một cách với tất cả giáo viên. Nhưng cái gì cần phải đo lường? Hầu hết các đề xuất cho hệ thống tăng lương theo hiệu quả làm việc dựa vào kết quả các bài thi tiêu chuẩn hóa của học sinh. Nhưng như bạn đã biết, có rất nhiều vấn đề liên quan đến các bài thi tiêu chuẩn hóa.
3. Nếu giáo viên làm việc để được tăng lương theo hiệu quả làm việc, họ biết rằng mình sẽ được thưởng dựa trên hiệu quả cao của một tiêu chí nào đó, và khi đó lẽ tự nhiên họ sẽ tập trung vào những mảng có ảnh hưởng lớn nhất đến tiêu chí đó. Điều này có nghĩa rằng những việc khác liên quan đến dạy giỏi lại không được thực hiện.
4. Kiểm tra chỉ là một thước đo hiệu quả giáo viên; vì thế cần phát triển một bảng tiêu chí đo lường bao gồm những yếu tố khác nữa. Nhưng bảng tiêu chí đó sẽ cực kỳ phức tạp nếu nó muốn tính đến và đặt các trọng số khác nhau cho rất nhiều yếu tố này (Gonzalez, 2012).
5. Hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc có thể làm giảm đạo đức và do đó thúc đẩy ý thức cạnh tranh không lành mạnh giữa các giáo viên trong trường, mà hệ quả là sự xói mòn và phá hoại ý thức về một cộng đồng toàn trường vốn coi trọng chất lượng.

Bạn đã thấy rằng hệ thống trường học ở Denver, Colorado đã triển khai một chương trình thí điểm quản trị trả lương theo hiệu quả làm việc, được phát triển phần lớn dựa vào đóng góp từ chính giáo viên của học khu. Các giáo viên gần như đồng lòng ủng hộ hệ thống này, và làm việc chăm chỉ để đảm bảo hệ thống hoạt động thành công. Nhưng nghiên cứu thực hiện sau chương trình thí điểm hoàn thành đã chỉ ra rằng những chiến lược hiệu quả nhất theo tiêu chí đo lường lại hạ thấp những phương pháp thực hành giáo dục tốt. Bởi vậy, mặc dù Denver có một kế hoạch thí điểm tốt, nhưng kết quả lại chỉ ra rằng hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc dựa trên dữ liệu bài kiểm tra là không hiệu quả (Gratz, 2005). Thành phố New York đã triển khai một chương trình thí điểm vào giữa những năm 2000, trong đó thành phố đã thực hiện thưởng theo hiệu quả làm việc. Nhưng chương trình đã bị dừng sau ba năm khi nó chỉ ra rằng việc thưởng theo hiệu quả làm việc không có ảnh hưởng gì lên điểm bài kiểm tra cũng như điểm số của học sinh (Otterman, 2011).

Những chương trình trên và nhiều chương trình khác đã cho thấy rằng các hệ thống quản lý trả lương theo hiệu quả làm việc không hiệu quả. Tuy vậy, chính sách giáo dục của chính phủ liên bang lại thúc đẩy ý tưởng trả lương theo hiệu quả làm việc, và chiến dịch Race to the Top cũng như các chương trình miễn trừ theo Đạo luật No Child Left Behind đòi hỏi các bang đưa ra những đề xuất để liên kết việc đánh giá và trả lương cho giáo viên với thành tích học tập của học sinh.

Có thể làm gì?

Thay mặt Hiệp hội Các thống đốc Toàn quốc (National Governors Association), Koebler (2012) cho rằng, để hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc đạt được kết quả tốt, cần thực hiện những điều sau:

1. Xây dựng những hệ thống đánh giá giáo viên công bằng dựa trên kết quả đo lường sự tiến bộ trong học tập qua việc đánh giá học sinh, và tạo ra các hệ thống dữ liệu có khả năng liên kết kết quả của học sinh với từng giáo viên.
2. Không phụ thuộc hoàn toàn vào các bài kiểm tra (như thế là không công bằng).
3. Tạo sự phối hợp chặt chẽ trong đó giáo viên xuất hiện trong mọi bước của quá trình xây dựng và triển khai.

Milanowski (2012) viết rằng có ba yếu tố cần thiết trong hệ thống đánh giá công bằng:

1. Dự giờ đánh giá giáo viên một cách chính thức.
2. Đánh giá các mẫu sản phẩm công việc của giáo viên.
3. Đi ngang qua lớp học.

Những nhà phê bình hệ thống trả lương theo hiệu quả hiện tại cho rằng hệ thống này không công bằng bởi nó đang trở nên tẩm thường vì thưởng cho giáo viên xuất sắc và kém hiệu quả như nhau. Tuy nhiên, những người ủng hộ hệ thống hiện tại lại chỉ ra rằng hiệu quả làm việc của giáo viên

phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, và không thể tách ra để xác định ai là người thực sự xuất sắc, còn ai không.

Những nhà phê bình hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc lo sợ rằng khó có thể xây dựng một hệ thống đánh giá thực sự khách quan và được mọi người đồng tình. Những người ủng hộ lý luận rằng việc trả lương theo hiệu quả làm việc khuyến khích cả giáo viên xuất sắc và hiệu quả thấp trở thành những giáo viên tốt hơn, kết quả là học sinh sẽ hưởng lợi từ việc học được nhiều hơn.

Có thể vào một ngày nào đó, một hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc công bằng với tất cả giáo viên và thực sự phân biệt được chất lượng hiệu quả làm việc của giáo viên sẽ xuất hiện.

Hầu hết mọi người đều đồng ý rằng hệ thống hiện tại, mặc dù vẫn còn nhiều khiếm khuyết, nhưng vẫn đảm bảo tính khách quan mà một hệ thống quản lý lương có thể đạt được. Tuy nhiên, không có sự phân biệt giữa giáo viên xuất sắc và giáo viên thực sự cần đi tìm một nghề khác.

BẠN NGHĨ GÌ?

1. Dựa vào những gì đã đọc và trải nghiệm, bạn cho rằng hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc cho giáo viên là một ý tưởng tốt hay tồi?
2. Nếu hệ thống trả lương theo hiệu quả làm việc được triển khai ở trường bạn đang dạy, bạn sẽ làm gì để nỗ lực có được phần thưởng bằng tiền cao hơn?
3. Điểm thành tích của học sinh nên được xem là một yếu tố để trả lương theo hiệu quả làm việc ở mức độ nào? Làm thế nào để bạn đưa ra con số trả lương theo hiệu quả làm việc cho giáo viên các môn âm nhạc, nghệ thuật và giáo dục thể chất khi mà những môn này không có bài thi tiêu chuẩn hóa?
4. Theo bạn, lương giáo viên nên dựa vào những yếu tố nào?

trả lương theo hiệu quả làm việc (merit pay hoặc pay for performance) Lương giáo viên dựa trên chất lượng hiệu quả làm việc của giáo viên.

chính luật về biên chế. Lý do chủ yếu là để giảm đi khó khăn trong quá trình sa thải những giáo viên không đủ năng lực. Do luật pháp đưa ra định nghĩa về khái niệm năng lực trong giảng dạy khá mơ hồ, không rõ ràng và có thể hiểu theo nhiều cách, nên việc xóa bỏ hình thức đảm bảo bằng biên chế giúp cho các học khu sa thải giáo viên không đủ năng lực một cách dễ dàng hơn, và nhờ đó, tăng chất lượng giáo viên giảng dạy học sinh trong học khu của họ. Bạn sẽ tìm hiểu về hình thức biên chế một cách đầy đủ hơn theo góc nhìn pháp luật trong Chương 13.

Bạn có thể truy cập biểu đồ thể hiện hình thức biên chế và/hoặc những luật về hợp đồng tiếp theo của từng bang thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate.

Điều kiện làm việc

Trong Hộp kiến tạo 9.6, bạn đã liệt kê những yếu tố nào góp phần tạo nên điều kiện làm việc tích cực? Bạn định nghĩa thế nào là các điều kiện làm việc tích cực? Bạn cảm thấy trường của mình nên đem lại những điều kiện làm việc gì?

Đi vào cụ thể: Bạn cần cái gì?

Cuốn sách này đã chú trọng nhiều vào việc làm thế nào để giáo viên và trường học có thể đáp ứng những nhu cầu của học sinh. Nhưng với tư cách là giáo viên, nhu cầu của bạn là gì? Nếu trường học và xã hội mong chờ rằng bạn sẽ chịu trách nhiệm cho việc học tập của học sinh, bạn sẽ cần có những gì để có thể đáp ứng những kỳ vọng đó. Hãy xem xét những yếu tố như quy mô lớp, học sinh, những giáo viên khác, nhân sự hỗ trợ, bộ phận quản lý nhà trường, cơ sở hạ tầng và vật chất, thiết bị, học liệu và đồ dùng học tập, cũng như thời gian làm việc.

- Những mục nào trong danh sách của bạn liên quan tới cấp lớp?
- Những mục nào trong danh sách của bạn liên quan tới nội dung giảng dạy?

Tài liệu giảng dạy và tài nguyên hỗ trợ

Có lẽ bạn đã chỉ ra rằng, bạn sẽ cần đến một tòa nhà được thông gió tốt với những lớp học có diện tích hợp lý, hành lang dễ dàng đi lại, quán café, phòng tập thể dục, phòng âm nhạc và nghệ thuật, sân chơi, khu điển kinh và những yếu tố về cơ sở vật chất khác. Có lẽ bạn cũng đã nói rằng bạn sẽ cần đến sách giáo khoa với phiên bản dành cho giáo viên; sách bài tập cho học sinh; các học liệu nói chung; máy tính, các thiết bị và dụng cụ công nghệ khác; đồ dùng học tập như giấy, bút chì, kẹp giấy, bút đánh dấu và các văn phòng phẩm khác. Bạn đã tìm hiểu về một số nhu cầu về dụng cụ này trong Chương 7. Tuy nhiên, có thể bạn cảm thấy rằng cần nhiều học liệu hơn số được cung cấp thông thường. Xét cho cùng, mặc dù vẫn có thể trở thành một giáo viên hiệu quả với số lượng học liệu ít ỏi, nhưng sẽ dễ dàng để giảng dạy hơn rất nhiều nếu như bạn có những gì mình cần. Có rất nhiều đồ dùng cần thiết với giáo viên. Trên thực tế, một số người cảm thấy rằng một trong những lợi thế của việc trở thành giáo viên là bạn có nhiều đồ dùng để làm việc cùng như sách, văn phòng phẩm, tấm poster, bút đánh dấu và bút bi, các đồ dùng cho môn toán và khoa học, bản đồ, biểu đồ và quả cầu – cùng nhiều đồ dùng khác.

Trường học sẽ đáp ứng hầu hết nhu cầu của bạn về giấy, bản sao các tài liệu và những văn phòng phẩm khác. Tuy nhiên, thông thường giáo viên cũng đầu tư tiền của riêng mình vào những dụng cụ mà họ tin rằng cần cho bản thân và học sinh trong khi trường không cung cấp. Họ mua các dụng cụ cho những hoạt động theo mùa, đồ dùng cho các hoạt động của môn khoa học và xã hội, các dụng cụ sử dụng để làm mô phỏng toán học, phần mềm cho các hoạt động liên quan đến máy tính, cùng dụng cụ cho các hoạt động khác. Hiệp hội Đồ dùng và Thiết bị Trường học Quốc gia (National School Supply and Equipment Association) báo cáo rằng, trong năm học 2009-2010, giáo viên đã chi trung bình 356 USD tiền cá nhân cho các đồ dùng trường học và dụng cụ giảng dạy (Nagel, 2010).

Giáo viên có thể tối giản số tiền tự chi cho dụng cụ phục vụ trường học. Trong kỳ mùa xuân, các trường thường đề nghị giáo viên liệt kê danh sách các thiết bị, tài liệu và đồ dùng họ cần cho năm học tiếp theo, đồng thời cố gắng đáp ứng nhu cầu của tất cả mọi người một cách công bằng trong ngân sách đã định. Nếu vẫn còn nhu cầu (thường là vậy, đặc biệt khi có các sự kiện ngoài dự tính), giáo viên có thể đề xuất kêu gọi sự đóng góp của Hội phụ huynh-giáo viên, yêu cầu phụ huynh học sinh đóng góp học liệu (không phải tiền), xây dựng những “danh sách mong muốn” cho dịp lễ để chia sẻ với phụ huynh trong thư thông báo của lớp, tận dụng những dụng cụ giáo dục miễn phí của giáo viên, và viết các đề xuất xin tài trợ. Có nhiều khoản tài trợ nhỏ dành cho giáo viên để mua thiết bị và dụng cụ phục vụ các dự án của lớp học. Một số khoản tài trợ còn trả tiền cho giáo viên để tham dự vào những hoạt động nâng cao tay nghề.

Gợi ý về viết đề xuất xin các khoản tài trợ nhỏ cho giáo dục được giới thiệu trên trang web Education CourseMate.



Là một giáo viên, chúng tôi hi vọng rằng bạn có thể tiếp cận với những thiết bị giảng dạy hiện đại – máy tính, bảng tương tác, máy chiếu, máy tính xách tay, máy tính bảng, và nhiều công nghệ vượt trội khác. Bạn đã đọc được rất nhiều lần trong cuốn sách này hay ở đâu đó rằng giáo viên cần sử dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy chứ không phải để thay thế việc giảng dạy. Hãy cùng tham khảo một số phát minh công nghệ hữu ích cho công việc giảng dạy của bạn. Chúng tôi sẽ chỉ nhắc tới một số ví dụ điển hình, bởi có lẽ bạn đã biết tới, và thậm chí đã từng sử dụng nhiều công nghệ khác:

- “**Hệ thống Clicker**” (còn gọi là **hệ thống phản hồi lớp học – classroom response systems, CRS**) cũng tương tự như những thiết bị bạn thường thấy trong các chương trình truyền hình khi toàn bộ khán giả tại trường quay được yêu cầu trả lời câu hỏi. Bạn có thể cài đặt phần mềm để xuất hiện câu hỏi và các lựa chọn cho câu trả lời trên màn hình. Học sinh sẽ lựa chọn câu trả lời mà các em thấy đúng nhất, và kết quả tổng hợp sẽ được chiếu lên màn hình. Hệ thống này có một số mục đích, bao gồm thu được phản hồi nhanh chóng giúp giáo viên ngay lập tức nhận biết được phần nào học sinh đã hiểu và chưa hiểu. Thiết bị này còn có thể được cài đặt và hiển thị ai đã chọn đáp án nào, giúp bạn tiếp cận cũng như hướng dẫn cho từng cá nhân. Hệ thống này có thể được áp dụng tại lớp học với cả quy mô lớn và nhỏ.
- **Bảng tương tác (Interactive whiteboard)** được kết nối với một chiếc máy tính và có màn hình cảm ứng. Mọi hình ảnh trên máy tính đều được chiếu trên bảng để cả lớp cùng xem. Sử dụng một chiếc “bút” cảm ứng đi cùng với bảng hay thậm chí ngón tay của mình, bạn có thể viết lên màn hình bảng bằng mực điện tử. Loại mực này có thể được xóa bằng tẩy điện tử. Chạm vào màn hình bảng cũng giống như nhấp chuột máy tính. Bạn có thể chọn và di chuyển nội dung trên bảng bằng ngón tay, cũng giống như khi bạn sử dụng chuột máy tính vậy. Giáo viên có thể sử dụng kế hoạch bài giảng kèm với bảng tương tác có sẵn, hoặc xây dựng bài giảng sử dụng các phần mềm trợ giúp. Giáo viên còn có thể ghi các ý chính trên bảng và lưu bản sao trong phần cứng máy tính hoặc in bản sao đó.
- **Máy tính bảng (Tablet computer)** có rất nhiều tiện ích, đặc biệt là các ứng dụng đa dạng (xem Chương 8). Máy tính bảng ngày càng trở nên phổ biến, thậm chí một số trường học sử dụng máy tính bảng thay bút và giấy cho các hoạt động trên lớp, và đôi khi thay thế cả sách giáo khoa. Giáo viên tại các trường tiểu học trong một học khu thuộc bang Connecticut, Mỹ đã sử dụng iPad để lưu lại những hành vi của học sinh khi di chuyển trong lớp. Phương pháp này cung cấp nhiều thông tin một cách nhanh chóng, rất hữu ích cho giáo viên trong việc hướng dẫn từng cá nhân học sinh (Ash, 2012).
- Các nhà xuất bản giáo trình đang sản xuất phiên bản điện tử cho sách giáo khoa. Học sinh có thể sử dụng

máy tính bảng, máy tính hay điện thoại thông minh để tiếp cận và đọc phiên bản dạng điện tử hoặc trực tuyến. Một học khu tại Indiana, do không tìm được sách giáo khoa đạt yêu cầu của học khu, đã lựa chọn sách điện tử với phần mềm “Curriculum Loft” giúp giáo viên đăng các kế hoạch bài giảng hiệu quả và nhiều tài liệu khác nhằm đảm bảo nội dung giảng dạy được cập nhật. Học sinh nhận thấy các môn học trở nên gần gũi và phù hợp hơn với thời đại ngày nay (Nelson, Arthur, Jensen và Van Horn, 2011). Thông qua việc điện tử hóa tài liệu giảng dạy, các nhà xuất bản có thể cập nhật nội dung thường xuyên hơn, nhận sản xuất học liệu theo yêu cầu, và có những cải tiến giúp tài liệu cơ bản trở nên phong phú hơn.

- Các phòng thí nghiệm khoa học cũng đang dần được điện tử hóa. Sử dụng các thí nghiệm và giải phẫu mô phỏng, học sinh giờ đây đã có thể làm những nghiên cứu mà cách đây vài năm không thể thực hiện được trong trường học. Các em đã có thể thao tác với các biến số và tiến hành nghiên cứu lặp lại nhiều lần mà không phải bận tâm tới những vấn đề về an toàn thân thể hay không còn vật liệu thí nghiệm.

Sau đây là một vài ví dụ về phần cứng và ứng dụng công nghệ mới được sử dụng tại các trường học. Ngoài ra, còn có vô số các ứng dụng khác giúp bạn điều chỉnh và cập nhật thông tin nhằm cung cấp cho các em những bài giảng phù hợp, hấp dẫn:

- Video và các dạng hình động ngày nay rất phổ biến trên mạng và thường miễn phí. Một số trang web dành riêng cho giáo viên còn cung cấp kế hoạch bài giảng, thông tin nền tảng, gợi ý về phương thức đánh giá học sinh...
- Công nghệ ba chiều như trò chơi điện tử 3D, hình ảnh động vật 3D và các hoạt động giao tiếp 3D không lời đang được dùng giúp các em nhỏ mắc chứng tự kỷ tập đọc cũng như học hỏi các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng xã hội (Alelo, 2012).
- Các hội chợ khoa học từng được tổ chức trong các lớp tiểu học hoặc phòng thể dục tại trường trung học phổ thông nay đã được tổ chức trên mạng. Học sinh ở bất cứ nơi đâu trên thế giới, từ 13 tới 18 tuổi, đều có thể tham gia hội chợ khoa học toàn quốc của Google hàng năm (National Science Teachers Association - Hiệp hội Giáo viên Khoa học Toàn quốc, 2012).

Như bạn đã thấy, có rất nhiều công nghệ phục vụ giảng dạy. Tất cả vẫn luôn thay đổi và luôn cải tiến. Bạn cần làm quen với những công nghệ sẵn có, đặc biệt là cách thức những công nghệ trong giảng dạy có thể giúp mọi học sinh học tập. Hãy tự tạo cho mình một cuốn sổ điện tử và lưu lại danh sách những công nghệ sẵn có, địa chỉ có thể tìm thấy chúng, cách thức sử dụng, và nhiều thông tin hữu ích khác.



Bạn có thể truy cập các trang web được nhắc đến ở trên thông qua đường dẫn trực tiếp trên trang web Education CourseMate.

Hỗ trợ

Danh sách những nhu cầu của bạn có bao gồm sự hỗ trợ không? Nhiều giáo viên sẽ nói với bạn rằng họ thành công với những học liệu mình có miễn là nhận được sự hợp tác, cộng tác và hỗ trợ từ các đồng nghiệp cũng như bộ phận quản lý nhà trường. Tất nhiên, một phần trong sự hỗ trợ này là cung cấp đồ dùng và những nguồn nhân lực cần thiết. Tuy nhiên, giảng dạy là một công việc khó khăn và chúng ta cũng cần đến những sự hỗ trợ khác nữa.

Hãy nhớ lại rằng, là giáo viên, bạn chịu trách nhiệm cho sự an toàn của học sinh – về thân thể, trí tuệ và cảm xúc. Với tư cách giáo viên, bạn cũng có quyền kỳ vọng sự đảm bảo an toàn về thân thể, trí tuệ và cảm xúc của bản thân. Trường học áp dụng các chính sách và chiến lược để đảm bảo an toàn thân thể cho học sinh; và những chính sách này cũng được áp dụng cho giáo viên. Theo bạn, an toàn về trí tuệ và cảm xúc cho giáo viên bao gồm những gì?

Giảng dạy là một hoạt động trí tuệ. Giáo viên dành khá nhiều thời gian và năng lượng trí tuệ của mình để xây dựng bài giảng được thiết kế nhằm thu hút và lôi cuốn học sinh. Trong những chương trước, bạn đã tìm hiểu nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau. Một số phương pháp trong số đó khác với truyền thống và có thể khiến cho giáo viên thực thi những phương pháp đó bị nhìn với ánh mắt lạ lùng hoặc nhận những ý kiến phê bình từ các giáo viên khác hoặc phụ huynh. Không giáo viên nào nên cảm thấy áp lực hay bị đe dọa bởi những lời chỉ trích từ người khác, miễn là thấy cô đó biết, và có thể chỉ ra rằng học sinh đang học tập. Giảng dạy là một quá trình trí tuệ, và sản phẩm của nó nên được bảo vệ. Trường học mang lại sự an toàn về trí tuệ cho các giáo viên của mình thông qua những phương tiện như giải thưởng Giáo viên của năm (Teacher of the Year – TOTY), mời gọi giáo viên chia sẻ những chiến lược mới và thành công trong cuộc họp đội ngũ giáo viên, và các hoạt động tương tự. Trường học có thể đem lại sự an toàn trí tuệ cho giáo viên theo các cách nào khác nữa?

Giảng dạy không chỉ là một quá trình trí tuệ, mà còn là một quá trình cảm xúc. Như việc giáo viên kỳ vọng rằng phương pháp luận, những cải tiến về chương trình và phương pháp đánh giá của họ được người khác trong trường tôn trọng, họ có quyền để mong đợi rằng họ sẽ được tôn trọng với tư cách một người chuyên nghiệp. Giáo viên kỳ vọng và cần đến sự hỗ trợ từ đồng nghiệp, những người sẽ tôn trọng cảm xúc họ mang đến và có được từ lớp học. Với học sinh, sự an toàn cảm xúc của giáo viên có thể bị đe dọa khi những cảm xúc đó bị chối bỏ. Nhà trường mang lại sự an toàn cảm xúc cho giáo viên thông qua những phương tiện như phát triển văn hóa học đường về sự trân trọng những ý tưởng mới và thành công, khuyến khích nghiên cứu lớp học, tôn trọng sự riêng tư, đồng thời giúp đỡ giáo viên tìm ra hướng để triển khai những ý tưởng mới của họ. Trường học có thể đem lại sự an toàn cảm xúc cho giáo viên theo các cách nào khác nữa?

Tương tác với học sinh có thể tạo ra những cảm xúc phấn khích, thất vọng, hy vọng và giận dữ. Nỗi lo sợ lớn nhất của một giáo viên là đối mặt với một lớp học không thể quản lý được, nơi mà học sinh xúc phạm và cư xử quá tệ khiến cho giáo viên (đôi khi đứng nghĩa đen) phải bật khóc. Bạn có thể ngăn chặn điều này thông qua những kỹ thuật quản lý lớp học hiệu quả, như những gì bạn đã tìm hiểu trong Chương 8. Bộ phận quản lý nhà trường và các giáo viên khác sẽ hỗ trợ bạn. Bạn kỳ vọng sự hỗ trợ này từ trường học; và cần thiết để đảm bảo sự an toàn về cảm xúc của bạn. Hãy nhớ rằng, bạn đang tìm kiếm sự tôn trọng từ học sinh, chứ không phải sự miễn cưỡng. Khi có được sự tôn trọng, thì sự an toàn cảm xúc của bạn đối với học sinh sẽ được đảm bảo.

Thông thường, giáo viên cũng cần chia sẻ những cảm xúc của mình một cách an toàn. Đôi khi giáo viên chia sẻ cảm xúc của mình với bánh lái ô tô trên đường đi xe về nhà. Có đôi lúc họ chống hoặc một người bạn trở thành điểm tựa tốt. Lại có khi, người để chia sẻ tốt nhất là giáo viên khác – một ai đó thực sự hiểu, hay chỉ là ai đó có một thời sơ cớ la.

Có lẽ sự hỗ trợ quan trọng nhất mà một giáo viên có thể có trong khuôn viên trường đến từ bộ phận quản lý nhà trường. Giáo viên đưa ra hàng trăm quyết định mỗi ngày. Họ cần biết rằng họ có được niềm tin và sự ủng hộ của bộ phận quản lý nhà trường trong những quyết định này không và họ có quyền để mong chờ sự ủng hộ đó.



Được sự cho phép của Bill Lisenby

Học tập là một hoạt động mang tính xã hội, và vì thế giảng dạy cũng vậy. Hãy nói chuyện về công việc giảng dạy với những người khác; chia sẻ những sự phấn khích và thất vọng của bạn; học hỏi từ những trải nghiệm của bạn cũng như của những người trong nghề khác.

Niềm vui giảng dạy

Một trong những lợi thế của việc trở thành giáo viên là khả năng đạt được mức độ cao nhất của sự phát triển cá nhân. Hãy nhớ lại tháp nhu cầu của Maslow trong Chương 3. Hẳn là bạn đã đáp ứng được nhu cầu sinh lý khi đi làm. Nhu cầu về an toàn và an tâm, nhu cầu tình cảm và cảm giác trực thuộc, nhu cầu về tôn trọng đã được đáp ứng ở trường thông qua những tương tác của bạn với học sinh và người lớn. Bạn cũng đang

Giáo viên chịu trách nhiệm hỗ trợ và bồi dưỡng học sinh tại trường. Làm thế nào để nhà trường có thể hỗ trợ và bồi dưỡng cho giáo viên? Những nhu cầu cảm xúc của giáo viên được đáp ứng như thế nào?

đáp ứng nhu cầu hiểu biết thông qua chương trình đào tạo giáo viên của mình, và bạn tiếp tục đạt được nhu cầu này thông qua việc triển khai những phương pháp giảng dạy tốt nhất ở trường, tiếp tục quá trình nâng cao tay nghề, cùng sự nhìn nhận từ cá nhân và đồng nghiệp về công việc giảng dạy của bạn. Bạn có cơ hội để thỏa mãn nhu cầu về thẩm mỹ trong lớp học của chính bạn, nơi mà bạn sẽ trang trí, sắp xếp và để lại dấu ấn cá nhân của mình. Đó chính là nhu cầu tự hiện thực hóa bản thân mà giáo viên hướng đến. Như bạn đã thấy, trách nhiệm của giáo viên là điều phối việc học tập của học sinh. Để làm được điều này một cách thành công cần đến khả năng tự hiện thực hóa bản thân. Không ai có thể giảng dạy thay bạn. Khi bạn cảm thấy sự hòa hợp về mặt trí tuệ với học sinh của mình thì đó là một ngày cực kỳ thỏa mãn, nó diễn ra nhờ có bạn – một giáo viên, và cho thấy rằng việc triển khai phương pháp giảng dạy của bạn đạt được hiệu quả.

Giáo viên làm việc hướng đến sự chuyển dịch giữa giai đoạn tạo lập và đỉnh trệ trong lý thuyết về phát triển tâm lý - xã hội của Erickson. Nếu bạn đỉnh trệ, thì việc trở thành một giáo viên hiệu quả là gần như không thể. Công việc giảng dạy khá thú vị, và vì vậy, nó đòi hỏi sự độc đáo, trí tưởng tượng và sự sáng tạo để đạt được thành công. Do đó, giáo viên ở vị trí lý tưởng để nuôi dưỡng khía cạnh sáng tạo, độc đáo của mình.

Nhà trường đem lại sự an toàn về thân thể, trí tuệ và cảm xúc cho giáo viên thông qua các quy trình, sự tôn trọng và hỗ trợ. Thêm vào đó, nhà trường là nơi lý tưởng để giáo viên đạt tới mức cao nhất trong sự phát triển cá nhân, và vì vậy đạt được mức độ thỏa mãn cá nhân cao nhất.

Ryan (1986) chỉ ra bốn giai đoạn trong giảng dạy:

1. **Tưởng tượng (Fantasy):** Là giai đoạn khi giáo viên tin rằng tất cả những gì họ cần làm để thành công là tạo dựng quan hệ và trở thành người bạn của học sinh.
2. **Tồn tại (Survival):** Là giai đoạn khi giáo viên làm bất cứ điều gì cần thiết để tồn tại qua ngày.
3. **Thành thạo (Mastery):** Là giai đoạn khi giáo viên biết làm thế nào để có được sự thành công của học sinh thông qua việc áp dụng những phương pháp hiệu quả.
4. **Ảnh hưởng (Impact):** Là giai đoạn khi giáo viên biết cách để tạo ra ảnh hưởng với học sinh thông qua việc áp dụng những phương pháp tốt nhất.

Trong năm đầu tiên hoặc năm thứ hai khi đi dạy, bạn sẽ phát triển được một danh mục những chiến lược quản lý, bài giảng và phương pháp giảng dạy. Khi có được kinh nghiệm, sự tự tin, và trường học đáp ứng kỳ vọng của bạn về sự hỗ trợ, bạn sẽ đạt được các giai đoạn tiếp theo như Ryan đã chỉ ra; đồng thời, bạn cũng sẽ đáp ứng được sự kỳ vọng của nhà trường đối với bạn.

TỔNG KẾT CHƯƠNG

- Trường học có các kỳ vọng về giáo viên, và giáo viên cũng có những kỳ vọng về nhà trường.
- Những kỳ vọng của nhà trường đối với giáo viên bao gồm hoạt động giảng dạy và ngoài giảng dạy, chứng chỉ, nâng cao tay nghề, thành thạo các công nghệ giáo dục, cũng như hành vi chuyên nghiệp và có đạo đức.
- Những trách nhiệm ngoài giảng dạy thay đổi tùy vào từng trường và từng bang; một số được trả thù lao và số khác thì không. Trong cả hai trường hợp, những trách nhiệm ngoài giảng dạy là một phần của việc dạy học.
- Một khi giáo viên đã có chứng chỉ, thầy cô được kỳ vọng sẽ phát triển một cách chuyên nghiệp thông qua các hoạt động nâng cao tay nghề. Những hoạt động này được cung cấp bởi nhiều bên và dành cho tất cả giáo viên tại những địa điểm gần đó.
- Các kỳ vọng của giáo viên đối với trường học bao gồm mức lương hợp lý; sự đảm bảo về công việc; điều kiện làm việc tốt; sự hỗ trợ về học liệu; an toàn về thân thể, trí tuệ và cảm xúc.

Giáo viên thường bận rộn, được đặt kỳ vọng cao, và chịu trách nhiệm về việc học tập của học sinh. Bản thân họ cũng là những người học tập suốt đời. Những giáo viên hiệu quả có thể đạt được các mục tiêu cao đó, và bạn cũng có thể đạt được. Đầu tiên, hãy hoàn thành cuốn sách cũng như khóa học mà tại đó bạn đang sử dụng cuốn sách này. Sau đó, hãy hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên của bạn. Những bài tập và kinh nghiệm thực tế sẽ giúp bạn có được kiến thức cũng như kỹ năng để thể hiện trên lớp học. Mặc dù giảng dạy có lẽ là một trong số ít những nghề nghiệp mà bạn được kỳ vọng sẽ có được tất cả kiến thức và kỹ năng ngay trong ngày đầu tiên, nhưng càng có nhiều kinh nghiệm, bạn càng có thể kỳ vọng sẽ thu được lợi ích từ nghề dạy học cao quý này.

Thuật ngữ và khái niệm trọng yếu

Biên chế	Tenure
Cấp chứng chỉ hành nghề sư phạm	Teacher certification
Chứng chỉ gắn thêm	Certification add-ons
Cố vấn	Mentor
Phẩm chất chuyên nghiệp	Professionalism
Trả lương theo hiệu quả làm việc	Merit pay hoặc Pay for performance
Trách nhiệm giảng dạy	Instructional duties
Trách nhiệm ngoài giảng dạy	Noninstructional duties

Xây dựng và Áp dụng

1. Hãy suy ngẫm về “ranh giới” giữa trách nhiệm giảng dạy và trách nhiệm ngoài giảng dạy. Những việc gì giáo viên làm có thể là trách nhiệm giảng dạy nhưng không nhất thiết phải diễn ra với sự có mặt của học sinh? So sánh trách nhiệm giảng dạy và trách nhiệm ngoài giảng dạy của giáo viên trong buổi diễn tập và đêm mở màn của một vở kịch.
2. So sánh những con đường khác nhau để có được chứng chỉ hành nghề sư phạm. Ưu, nhược điểm của mỗi cách là gì?
3. Vì sao việc giáo viên luôn bắt kịp thời đại lại quan trọng? Hãy mô tả một lớp học mà giáo viên “vẫn ở thời kỳ tăm tối”.
4. Hãy nhận xét về lương giáo viên. Xem xét trường hợp giáo viên được trả 9 đến 10 tháng làm việc. Số tiền hàng tháng trước thuế là bao nhiêu? Mức lương tháng khởi điểm của giáo viên trong hệ thống trường tại địa phương của bạn là bao nhiêu nếu chia đều 12 tháng? So sánh mức lương hàng năm của giáo viên với các nghề nghiệp khác.



- Ưu, nhược điểm của chính sách biên chế là gì? Hình thức biên chế có nên được duy trì ở các trường học ngày nay không? Vì sao?
- Hãy nhớ lại những nhu cầu cơ bản và nhu cầu học tập của học sinh mà giáo viên cùng nhà trường cần phải đáp ứng. Những nhu cầu cơ bản và nhu cầu học tập của giáo viên là gì? Nhà trường cần đáp ứng những nhu cầu này như thế nào?

■ Tái thiết lập tiêu chuẩn

- Hãy nhớ lại Tiêu chuẩn InTASC liên quan đến mục tiêu chương:

InTASC Tiêu chuẩn số 7: “Giáo viên lên kế hoạch giảng dạy nhằm hỗ trợ từng học sinh đạt được những mục tiêu học tập nghiêm ngặt dựa trên kiến thức chuyên môn, chương trình học, những kỹ năng liên ngành, sự phạm cũng như kiến thức của người học và bối cảnh cộng đồng”.

InTASC Tiêu chuẩn số 9: “Giáo viên không ngừng học hỏi, nâng cao tay nghề và sử dụng chứng cứ để tiếp tục đánh giá phương pháp giảng dạy của mình, đặc biệt là ảnh hưởng của các lựa chọn và hành vi của giáo viên đối với người khác (người học, gia đình, chuyên gia khác và cộng đồng), đồng thời điều chỉnh công tác giảng dạy để đáp ứng nhu cầu của mỗi người học”.

- Phần nào trong các tiêu chuẩn trên được đề cập ở chương này?
 - Với tư cách là một giáo viên, các khái niệm trong chương này giúp bạn ứng dụng các tiêu chuẩn trên ra sao?
- Hãy sử dụng công cụ tìm kiếm ưa thích của bạn để tìm các tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang nơi bạn cư trú. Khi bạn tìm thấy, hãy đánh dấu địa chỉ. Bạn sẽ thường xuyên tham khảo địa chỉ này trong suốt khóa học.
 - Các kết luận của bạn về triết lý giáo dục được phản ánh ra sao trong các tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang?
 - Hãy so sánh các tiêu chuẩn InTASC với tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang về nội dung triết lý giáo dục.
 - Bạn có cho rằng các tiêu chuẩn cấp chứng chỉ của bang đã đề cập đầy đủ nội dung về triết lý giáo dục hay chưa? Tại sao?

■ Hồ sơ của bạn

- Bổ sung một bản sao *Bộ quy tắc Đạo đức dành cho Nghề giáo* của NEA và Bộ quy tắc đạo đức cho giáo viên của bang nơi bạn cư trú vào hồ sơ của bạn để tham khảo thường xuyên.
- Thu thập những thông tin bạn có được trong chương này về những cơ hội nâng cao tay nghề và tài nguyên cho giáo viên. Bổ sung vào vị trí hợp lý trong hồ sơ của bạn.
- Tận dụng công nghệ bất cứ khi nào và bất cứ nơi đâu thích hợp để hoàn thành các bài tập và hoạt động cũng như để trình bày cho các bạn cùng lớp và giảng viên của bạn. Đưa cả những bằng chứng về kiến thức và kỹ năng liên quan đến công nghệ vào trong hồ sơ và suy nghĩ xem bạn sẽ sử dụng như thế nào với tư cách là giáo viên trong việc quản lý công việc cũng như khi giảng dạy cho học sinh.
- Thể hiện nỗ lực đặc biệt để thu thập bằng chứng về hành vi chuyên nghiệp trong quá trình bạn học chương trình này.

📖 Tài liệu tham khảo trên Education Coursemate

Hãy truy cập trang web của Education CourseMate (tại www.cengagebrain.com) hoặc trang books.fpt.edu.vn để biết thêm thông tin về nghề giảng dạy. Bạn sẽ tìm thấy các TeachSource video, thông tin hướng dẫn thực hành trải nghiệm thực tế, thẻ từ vựng, các hoạt động, câu hỏi, đường dẫn trực tiếp tới những trang web được nhắc đến trong chương này và nhiều thông tin khác nữa.